VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

hai mươi năm văn học hải ngoại

đặng phùng quân hoàng lộc nhu chi lê thị thấm vân

thực và hư trong văn chương

trần hữu thục salman rushdie

tứ thơ

trần văn tích

trao đổi với nhà văn mai kim ngọc

nguyễn văn trung

phòng triển lãm

thơ thơ

hà nội phố

trần ngọc tuấn

truyện

hoàng nga nguyễn quí đức kinh dương vương

nguyễn trung hối lập phương phùng nguyễn

thơ

hồng khắc kim mai trần mộng tú

nguyễn xuân thiệp luân hoán trần hồng châu

hoài ziang duy vạn giả huỳnh liễu ngạn hoàng bích đào

nguyễn hàn thu nguyễn đức thanh lâm chương

SỐ 124 ● THÁNG 8 NĂM 1996

VănHọc

Số 124 • Tháng 8, 1996

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
TRẦN HỮU THỤC	3	thực và hư trong văn chương
SALMAN RUSHDIE	11	lại biện hộ cho tiểu thuyết
THẠCH HÃN dịch		
HỒNG KHẮC KIM MAI	20	*em cho ta tình thơ*
TRẦN VĂN TÍCH	21	tứ thơ
TRẦN MỘNG TÚ	41	*điểm tâm*
ĐẶNG PHÙNG QUÂN	42	tự truyện
HOÀNG LỘC	51	trả lời phỏng vấn, thơ
NHƯ CHI	54	trả lời phỏng vấn, thơ
LÊ THỊ THẤM VÂN	58	trả lời phỏng vấn, thơ
NGUYỄN VĂN TRUNG	60	trao đổi với nhà văn M.K.N.
NGUYỄN XUÂN THIỆP	72	*đi trong sương mù Cựu Kim Sơn*
THƠ THƠ	74	phòng triển lãm
LUÂN HOÁN	83	*mưa. vẫn mưa, ngày cũ*
HOÀNG NGA	84	tào khê nước chảy
TRẦN HỒNG CHÂU	92	*chiếc hồn già trên ruộng lạc...*
NGUYỄN QUÍ ĐỨC	94	mẹ
HOÀI ZIANG DUY	97	*tự tình khúc*
KINH DƯƠNG VƯƠNG	98	bố về ăn sau
VẠN GIẢ	101	*đêm lưu vong*
HUỲNH LIỄU NGẠN	101	*vĩnh quyết*
NGUYỄN TRUNG HỐI	102	vọng ngôn II
HOÀNG BÍCH ĐÀO	108	*thu sau...*
TRẦN NGỌC TUẤN	109	hà nội phố
NGUYỄN HÀN THƯ	114	*thanh xuân thuở nọ*
LẬP PHƯƠNG	116	rèn luyện
PHÙNG NGUYỄN	120	suối trong rừng
NGUYỄN ĐỨC THANH	128	*quê hương*
NGUYỄN HUY THẠCH	129	schopenhauer nói về bút pháp
LÂM CHƯƠNG	134	*đời ta cũng rất tầm thường*
QUỲNH GIAO	136	bùi vĩnh phúc, sự nghiêm túc...
NGUYỄN HUY THẠCH	140	ghi chép
VĂN HỌC	151	hộp thư, giới thiệu sách mới

Thư Tòa soạn

Văn Học số này có thể gọi là một tuyển tập văn chương phong phú về tất cả các thể loại sáng tác cũng như nhận định mà Ban Biên tập vui mừng gửi tới quí bạn đọc.

Về sáng tác, ngoài đóng góp của những nhà văn quen biết từng được quí bạn yêu mến lâu nay, trên số này chúng tôi hân hạnh giới thiệu hai truyện ngắn đặc sắc của hai nhà văn nữ: *Tào Khê Nước Chảy* của Hoàng Nga và *Phòng Triển Lãm* của Thơ Thơ. Nếu Hoàng Nga có biệt tài trong cách dùng ngôn ngữ nói thì Thơ Thơ có biệt tài về ngôn ngữ viết, và điều đó chứng tỏ tiếng Việt trong cộng đồng lưu vong chúng ta chẳng những không mai một mà càng ngày càng tinh tế sinh động.

Một điểm đặc biệt nữa trong Văn Học số này là đóng góp của hai cây bút gốc Miền Bắc hiện sống ở hải ngoại: anh Trần Ngọc Tuấn ở Đức, và anh Lập Phương ở Mỹ. Văn học hải ngoại lâu nay vẫn thiếu tiếng nói của những đồng bào ra đi từ Miền Bắc. Hy vọng sau Trần Ngọc Tuấn và Lập Phương, từ các nước Đông Âu cũng như từ Bắc Mỹ, sẽ có nhiều nhà văn hoặc nhà nghiên cứu gốc Miền Bắc mạnh dạn gửi bài cho Văn Học.

Về biên khảo, chủ đề do nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng đưa ra đã có nhiều người cầm bút hăng hái góp ý, lần này là ý kiến của Trần Hữu Thục (tức nhà văn Trần Doãn Nho). Bài viết của Salman Rushdie trên New Yorker do Thạch Hãn dịch cũng làm sáng tỏ thêm vấn đề hư thực trong văn chương nói chung, nhất là tương lai của thể loại tiểu thuyết. Trần văn Tích tiếp tục loạt bài biên khảo công phu về thơ, và Giáo sư Nguyễn văn Trung trao đổi ý kiến với nhà văn Mai Kim Ngọc về những thắc mắc do Mai Kim Ngọc đưa ra sau khi đọc bài "Văn Chương Hải Ngoại" của giáo sư đăng trên Văn Học số 112.

Phần Tác giả và Tác phẩm 20 năm Văn học Hải ngoại số này giới thiệu Đặng Phùng Quân, Hoàng Lộc, Như Chi và Lê thị Thấm Vân.

Văn Học.

Thực và Hư trong Văn chương

Trần Hữu Thục

Trong một bài viết về *Nỗi Buồn Chiến Tranh* của Bảo Ninh (1), Trần Hoài Thư nêu lên nhiều chi tiết Bảo Ninh dùng để mô tả người lính thám báo VNCH là không đúng với sự thật, cả về tác phong lẫn hành vi, nhiệm vụ. Theo Trần Hoài Thư, Bảo Ninh đã "dối trá", "vu khống", "phóng đại". Anh còn phát hiện thêm một điểm nữa là ở Ban Mê Thuột không hề có một nữ cảnh sát viên nào như trong truyện của Bảo Ninh đã nêu ra.

Trên tờ Hợp Lưu số 28, một độc giả phê bình truyện *Ngọn Núi Khuất Hình* của Trần Vũ có nhiều chi tiết sai trật trầm trọng: một trung đội trưởng BĐQ đi đóng đồn, nhiều từ ngữ không đúng với thời đó... Theo vị độc giả "dù là truyện hư cấu nhưng chất liệu không thể đi quá xa sự thật."

Trong lúc đó, trong lời kết của bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động*, Nguyễn Mộng Giác lại phải cải chính một số dư luận cho rằng một số nhân vật của ông là có thực. Ông quả quyết rằng tất cả đều là hư cấu.

Vậy thì, trong tiểu thuyết, truyện ngắn, đâu là giới hạn của cái thực, đâu là giới hạn của cái hư? Chi tiết nào đòi hỏi phải chính xác, chi tiết nào không cần phải chính xác?

Văn chương là sản phẩm của trí tưởng tượng. Nó là hư cấu, dĩ nhiên. Xét trên toàn thể, nó hoàn toàn bịa đặt, từ kết cấu, nhân vật, và các chi tiết... Phải hư cấu nó mới thành truyện. Bởi nếu không, nó sẽ chỉ là một bài phóng sự, một bài tường thuật. Đây không phải chỉ nói về người viết, người sáng tác. Về phía người đọc, cũng có một sự phân biệt như thế. Thái độ khi đọc một tác phẩm văn chương khác hẳn khi đọc một bài phóng sự. Có một sự đồng cảm có-tính-con-người giữa người viết và người đọc: yêu thích sự bịa đặt. Không chỉ là yêu thích, mà là một nhu cầu. Bịa đặt làm người ta khoái cảm hơn sự thực. Nó kích thích một số cảm giác vốn ít có hoặc không hề có khi đứng trước những sự kiện có thật.

Có một dạo, trước năm 1975, tôi viết một truyện ngắn. Câu chuyện hoàn toàn lấy chất liệu từ kinh nghiệm cá nhân. Đó là một chuyện tình:

rất lãng mạn, rất lạ, rất tiểu thuyết. Nhiều chi tiết tôi được trải qua kinh nghiệm sống thực mà như bịa. Lấy cảm hứng từ đó, tôi cố gắng viết y như nó đã xảy ra. Tôi ghi gần như đúng hoàn toàn những cử chỉ, những chi tiết, những câu nói, cũng như đoạn đầu và kết thúc của câu chuyện, với hy vọng đây là một chuyện tình hay, vì nó sống động, "có thật". Thế mà, khi gửi truyện cho một tờ báo nọ, người đọc truyện bảo rằng truyện đọc sao nó lủng củng, gượng gạo và... không hay, đồng thời đề nghị tôi nên dựa trên những chi tiết đó mà viết lại. Tôi giận thầm và tất nhiên, chẳng thèm viết lại. Mãi một thời gian sau, khi câu chuyện không còn ám ảnh nữa, tôi lấy truyện ra đọc lại, và phát hiện ra rằng người thư ký tòa soạn nhận xét hoàn toàn đúng. Truyện ăm ắp chi tiết, nhưng nó "kỳ kỳ," giả giả, lấn cấn làm sao ấy. Đã thế, nó lại có vẻ "bịa đặt" nữa.

Ấy thế mà, những Kim Dung, Ngô Thừa Ân..., sư tổ về chuyện bịa, truyện của họ lại y như thực. So với những tác phẩm hiện đại được sáng tác căn cứ trên đời sống thực tế quanh ta, những *Tây Du Ký, Anh Hùng Xạ Điêu, Lộc Đỉnh Ký*... chứa đầy tính cách hoang đường, xa rời thực tế. Những nhân vật, tính cách, biến cố trong tác phẩm này tuy dựa vào lịch sử, nhưng vượt ngoài tầm nhận thức thông thường. Chúng mang tính siêu nhiên, thần thoại. Các tác giả đã đẩy tính hư cấu lên đến mức tột cùng. Họ xào nấu lịch sử, biến tính con người, tạo ra một thế giới khác hẳn thế giới chúng ta "...thông qua tài năng sáng tạo, dựa vào tưởng tượng hư cấu, nhà văn Hương Cảng thường tạo được cho người đọc cảm giác của sự thật, thường dẫn dắt được độc giả đến chỗ công nhận những điều mình mô tả là hợp lý. Sự thành công của cây bút viết truyện chưởng nằm ở điểm đó. Kim Dung thấy hết quyền hạn và tin tưởng vào khả năng hư cấu của mình. Để khi cần thì thêm thắt, cải biến. Bởi truyện chưởng đâu phải chỉ thuần là cóp nhặt tư liệu lịch sử, tổng hợp dữ kiện quá khứ, hệ thống hóa tri thức thư tịch." (2)

Mặt khác, Ngô Thừa Ân, Kim Dung đẩy những nhân vật của mình ra ngoài cuộc sống bình thường, nâng chúng lên thành khái niệm và hình tượng. Tính cách của nhiều nhân vật Kim Dung chỉ có thể tìm thấy trong các định nghĩa. Tình yêu lý tưởng kiểu Đoàn Dự hoặc Du Thản Chi chẳng hạn: yêu một người là làm mọi cách cho người mình yêu được hạnh phúc, không cần được đáp lại. Đời sống và tính cách "cổ quái", "bất thường" của vô số nhân vật trong Kim Dung, thực ra là những hình ảnh được "khái niệm" - vốn chỉ dùng trong các suy tư triết lý - mang hình hài con người, "xuống núi" và sống chung đụng với chúng ta. Thật là thú vị khi đọc đến đoạn Hồng Thất Công và Âu Dương Phong ôm nhau chết sau một trận đánh cuối cùng bất phân thắng bại. Nó gợi cho ta cái quan điểm "phi thiện

phi ác", "phi chính phi tà", "bất nhị"... Rất nhiều tình tiết và nhân vật rõ ràng là phản ảnh những phạm trù triết lý của Phật giáo hay Lão Trang.

Trong *Tam Quốc Chí*, tác giả hư cấu trên những sự kiện lịch sử. Đây là một loại tiểu thuyết lịch sử, trong đó thực và hư pha trộn một cách tài tình đến nỗi rất khó phân biệt đâu là sự thực lịch sử, đâu là chi tiết tiểu thuyết. Những nhân vật rất "đời thường", rất "lịch sử". Những chi tiết cũng như cách bố cục được hư cấu để diễn tả một số quan điểm chính trị, nhân sinh. Nhiều nhân vật lịch sử mà cá tính của họ được điển hình hóa, khuôn mẫu hóa: lòng nhân từ của Lưu Bị, chất gian hùng của Tào Tháo, trí thông minh của Khổng Minh. Nhiều biến cố lịch sử được dựng lại một cách sinh động, bằng cách thêm thắt những chi tiết tiểu thuyết, tạo nên những đoạn văn khi thì thơ mộng, khi thì hùng vĩ, khi thì dữ dội, gây nên những ấn tượng đặc biệt đến nỗi dù có đọc đi đọc lại nhiều lần, ấn tượng đó vẫn đậm nét. Như đoạn mô tả về cái chết của Khổng Minh. Tôi đã đọc *Tam Quốc Chí* hàng chục lần, mà lần nào đến đoạn này, tôi cũng vẫn cứ xúc động y như mới đọc lần đầu. Ngụy Diên vô ý làm tắt đèn, Khổng Minh bố trí cách để giữ tướng tinh khỏi sa sau khi chết được "bịa" một cách tuyệt vời. Biến cố có ý nghĩa nhất của thời Tam Quốc là cuộc hội ngộ Khổng Minh - Lưu Bị được mô tả bằng những hình ảnh, sự kiện tiểu thuyết nối tiếp nhau, vừa thơ mộng vừa huyền bí vừa "thật". Đọc xong chỉ có ngậm mà nghe!

Hiện thực hơn trong kho tàng tiểu thuyết cổ điển Trung quốc như *Hồng Lâu Mộng* hay *Nho lâm Ngoại Sử*, cách hư cấu rất gần gũi với tiểu thuyết hiện đại. Chúng mô tả chuyện đời thường, trong đó ta có thể tìm thấy hình ảnh của chính mình, gia đình mình, bạn bè mình. *Nho Lâm Ngoại Sử* sống động, cụ thể như một phóng sự. Các nhân vật là những người bình thường, thậm chí rất tầm thường. Họ ăn, ngủ, chơi, nhậu, đi, đứng... như... chúng ta. Chẳng có biến cố nào ghê gớm ngoài những biến cố cá nhân, đôi khi vốn chỉ là những điều vặt vãnh, vô nghĩa. Cái thực và cái hư rất chung chung. Thực là những điều ta thấy, ta nghe, ta cảm giác. Hư là cách sắp xếp các chi tiết ấy thành truyện.

Cũng như thơ ca, đặt ra một câu chuyện và kể lại một câu chuyện là một cách giải trí có tính cộng đồng. Có người đặt chuyện, có người kể chuyện và có người ngồi nghe. Nói khác đi, có tác giả và có thính giả (hay độc giả). Một câu chuyện chỉ có thể thành hình, tiên quyết, phải có những dữ kiện lấy từ thực tế. Lúc đầu, người ta chỉ kể lại những gì người ta nghe, thấy, sờ mó. Nhưng nếu chỉ có thế thì câu chuyện không thành chuyện, hoặc thành chuyện nhưng không hay. Vì đó chỉ là những nhận xét chắp vá, hoặc chỉ là một số câu nói cụt ngủn. Một câu chuyện, trước hết phải có

nhiều chi tiết, tình tiết được sắp xếp theo một trình tự nào đó. Có như thế thì người nghe mới hiểu. Hiểu không chưa đủ. Phải xúc động, cảm thông, nghĩa là có sự biểu lộ tình cảm đối với câu chuyện. Điều này đòi hỏi câu chuyện phải lôi cuốn, hấp dẫn. Đây chính là bước khởi đầu của hư cấu. Từ những gì xảy ra trong thực tế, người ta xây dựng một câu chuyện có đầu có đuôi, thêm mắm dặm muối, cường điệu điểm này, bỏ qua điểm kia, thay đổi một số chi tiết, thêm vào một số chi tiết mới...

Như thế, một câu chuyện tự nó đã mang tính cách hư cấu. Thậm chí, ngay cả một phóng sự - mô tả sự kiện - cũng bao hàm đặc tính hư cấu hiểu theo nghĩa nó phải được đẽo gọt, thêm thắt, chọn từ, sắp xếp thứ tự, mô tả ngoại cảnh. Bởi vì, cho dù cố giữ thái độ khách quan đến đâu, khó mà tác giả không bị điều kiện hóa bởi tâm thức của mình. Một câu chuyện, xét cho cùng, là hình ảnh của tâm thức người sáng tạo về một biến cố ngoại giới nào đó. Nói một cách khác, tâm thức liên kết những chi tiết rời rạc, vô nghĩa của sự vật vào trong một tổng hợp gọi là biến cố và do đó mang cho sự vật một ý nghĩa.

Hư cấu là một quá trình đi từ các chi tiết "hỗn độn" (thực tế) đến sự hình thành một kết cấu hoàn chỉnh, trải qua nhiều bước khác nhau. Các bước này thay đổi thứ tự tùy theo tác giả hay tình huống của sự kiện, có thể được mô tả theo một lược đồ như sau:

chi tiết hỗn độn –> sắp xếp trình tự (không gian, thời gian) –>
nhận thức tiên khởi (tư tưởng, tình cảm) –> thêm thắt các chi tiết mới
–> chọn ý tưởng chủ đạo –> tưởng tượng, cảm hứng –> câu truyện

Bao trùm lên trên là vấn đề kỹ thuật.

Có thể nói đây là một quá trình "tâm thức hóa" thực tại. Theo quá trình này thì rõ ràng câu chuyện vừa kể không thể cắt đứt khỏi các chi tiết căn bản (thực tại), vừa không giống hay khác hẳn các chi tiết căn bản. Sau khi được nhật nhạnh từ ngoại giới (bằng giác quan), các chi tiết được tinh chế, gạn lọc, đẽo gọt trong bộ máy tâm thức. Quá trình này, trong nhiều trường hợp, hầu như là một quá trình động và khép kín. Không những nó hoạt động căn cứ trên những chi tiết vừa có, mà còn nối kết với những chi tiết được tích lũy sẵn từ trước và những chi tiết do tưởng tượng tạo ra. Cần nhấn mạnh là các chi tiết tưởng tượng không hề được hình thành từ hư vô. Chúng cũng được xây dựng trên thực tại nhưng vì cách kết hợp các chi tiết trong một kiến trúc phong phú, nên trông như chúng chẳng hề dính dáng đến thực tại. Chẳng hạn hình ảnh một thiên thần có cánh bay có thể là một kiến trúc tâm lý gồm có:

người + trời + cánh chim + bay + (mơ ước được) bay như chim

Chính cách kết hợp các chi tiết quyết định bản của câu chuyện:

- hiện thực: nối kết các chi tiết có tương quan gần gũi nhau, ít có sự can thiệp của các chi tiết tưởng tượng.

- siêu thực: nối kết các chi tiết ít có liên quan với nhau hoặc cách nhau quá xa, hoặc không dính dáng gì với nhau, ít ra là trên bề mặt.

- hoang đường, thần thoại: nối kết các chi tiết tưởng tượng và phóng đại.

Cũng chính cách kết hợp - tức là hư cấu - quyết định mức độ hư cấu. Nhưng người ta không thể hư cấu hoàn toàn được. Thứ nhất là vì chất liệu để hư cấu không thể lấy từ hư vô. Thứ hai là, một hư cấu hoàn toàn sẽ mất tính sống động, hấp dẫn của câu chuyện. Nhận xét này dẫn ta đến một hệ quả khác: nếu ít hư cấu quá, tức là cách kết hợp các chi tiết đơn giản quá, câu chuyện sẽ sần sùi, thô, nhạt nhẽo, đôi khi vô nghĩa; nếu hư cấu nhiều quá, câu chuyện sẽ xa rời thực tại, đi đến chỗ lỏng lẻo, vô duyên.

Ta thử lấy một ví dụ. Ta có các chi tiết sau: vua, Quang Trung, Ngọc Hân, nói tục, chững chạc, dịu dàng, đàn ông, đàn bà, nông dân, công chúa. Có nhiều cách kết hợp:

1. Quang Trung + nông dân + đàn ông + chững chạc...
2. Quang Trung + đàn ông + nói tục...
3. Ngọc Hân + đàn bà + công chúa + dịu dàng...
4. Ngọc Hân + đàn ông + nói tục...

Hư cấu 1 và 3 là bình thường. Hư cấu 2 đặc biệt. Hư cấu 4 phi lý. Nguyễn Huy Thiệp chọn hư cấu 2 (trong *Kiếm Sắc*). Vua Quang Trung, trong thực tế, có thể không hề nói tục trước quần thần, nhưng kiểu hư cấu này có lý, chấp nhận được và hay. Còn hư cấu 4, Ngọc Hân kết hợp với nói tục có thể được (nhưng không hay), nhưng nếu kết hợp với đàn ông thì vô lý; tuy nhiên, giả sử ta thêm vài chi tiết khác như: giả dạng, đi trốn... chẳng hạn, thì tính hư cấu biến chuyển và trở nên có lý, có thể chấp nhận được. Sự phong phú, sáng tạo nằm ở chỗ chọn chi tiết và sắp xếp chi tiết. Một tác phẩm văn chương ra đời cũng như sự ra đời của một đứa bé vậy: các yếu tố di truyền khác nhau hội tụ lại để tạo nên đứa bé, một thực thể hoàn toàn mới, nhưng không hề cắt đứt với nguồn gốc: nét giống mẹ, nét giống cha, nét giống ông nội, nét tựa bà dì... Ta bảo một đứa bé hao hao giống ai đó. Tác phẩm văn chương mang đặc tính "hao hao" như vậy.

Nhưng nhà văn lấy các chi tiết từ đâu? Tâm thức con người như một thùng chứa các chi tiết. Qua các giác quan, chi tiết đi vào tâm thức: hình ảnh, màu sắc, âm thanh, xúc cảm... và biến thành tài sản của tâm thức. Theo các nhà phân tâm học, tất cả các chi tiết đã lọt vào tâm thức không hề biến mất. Chúng tồn tại mãi dưới dạng những biểu tượng, hình ảnh. Chúng có thể nằm rất sâu dưới đáy, không hề xuất hiện (hiện tượng quên),

hoặc chập chờn đâu đó (lúc nhớ lúc quên), hoặc cứ xuất hiện trở đi trở lại (ám ảnh)... Chúng đi vào tâm thức ta do ta nghe thấy, cảm giác tại chỗ hoặc do kể lại, do đọc sách, do học hành, do tưởng tượng. Chúng cũng có thể hình thành do sự suy đoán dựa trên nguyên tắc tương tự trong bản chất con người (thất tình lục dục). Chính nhờ thế, mà nhà văn có đầy đủ chất liệu để nối kết, lắp ghép. Nhà văn có thể tả những nơi họ chưa hề đến, những người họ chưa hề gặp, đào sâu trong quá khứ (tiểu thuyết lịch sử), phóng vút vào tương lai (khoa học giả tưởng), hay tạo ra những hình tượng, những biến cố không thể có trên cõi trần này (thần thoại, kiếm hiệp). Tất nhiên, những gì ta bắt gặp, cảm giác tại chỗ thì phong phú hơn, đa dạng hơn, đặc thù hơn, "thật" hơn là chỉ ngồi một chỗ mà tưởng tượng và suy đoán bằng một ít kinh nghiệm hời hợt.

Tuy nhiên, không phải lúc nào và ai cũng bắt gặp được những chi tiết độc đáo, đặc thù của sự vật. Phải nhạy bén, phải có kinh nghiệm - và tất nhiên, óc tưởng tượng - thì chúng mới lộ ra với ta. Sự vật thì trần trụi, nhưng ẩn chứa vô vàn ý nghĩa. Không phải luôn luôn chúng ta thấy được, nắm bắt được. Phải ở một góc độ nào đó, thời điểm nào đó, nó mới hiển lộ. Mặt khác, cũng phải có nỗ lực đào xới, lục lọi. Để hình thành tác phẩm vĩ đại *Chiến Tranh và Hòa Bình*, Tolstoi đã phải để ra cả chục năm sưu khảo tài liệu, ghi chép tại chỗ các chứng tích, quan sát cuộc sống, ghi nhận các tính cách cá tính. Nói theo ngôn ngữ hiện đại, ông phải tập trung, "store", "save" một lượng thông tin, "data" lớn để từ đó mới có cơ sở để lắp ghép, kết hợp và... bịa đặt, nghĩa là hư cấu.

Thành thử, một nhà văn có tài đúng nghĩa phải biết hư cấu từ cái có thật chứ không phải là hư cấu từ cái... không. Một nhà văn đi nhiều, sống nhiều, nghiên cứu nhiều thì đề tài thường mới lạ, cốt truyện đa dạng, chi tiết sâu và sống. Một nhà văn chỉ sống quanh quẩn đâu đó, lại lười đọc, ưa cóp nhặt linh tinh thường chỉ đẻ ra được loại tác phẩm "trong nhà ngoài phố". Chi tiết nhiều nhưng sắp xếp vụng về sẽ đưa đến lủng củng. Chi tiết ít, nhưng có chọn lọc, truyện trở thành phong phú.

Nếu hiểu hư cấu như vừa phân tích thì rõ ràng câu hỏi "nên hư cấu đến đâu?" sẽ phải là: "nên hư cấu như thế nào?"

Tạ Triệu Chiết đời Minh cho rằng "Phàm vi tiểu thuyết cập tạp kịch hí văn, tu thị hư thực tương bán" (viết tiểu thuyết, kịch, hý văn nên thực một nửa hư một nửa). *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* được cho là có "bảy phần sự thực, ba phần hư cấu" (3). Trừ nhà sử học, đứng về mặt độc giả nói chung, thật khó mà xác định thế nào là "thực hư tương bán", hay "thực thất hư tam". Vả lại, khi thưởng thức một tác phẩm văn chương, thực tế

cũng chẳng mấy ai lưu tâm tìm hiểu vấn đề thực hư. Không phải hễ thực nhiều hơn là tác phẩm có giá trị hơn. Hư được như *Liêu Trai Chí Dị, Tây Du Ký* thì thú vị biết mấy lần thật. Tôn Hành Giả "đằng vân" là bịa, nhưng Tôn Hành Giả đau đớn, buồn bã lúc bị Tam Tạng đuổi đi là thật quá chừng đi chứ. Đó không phải là sự thực lịch sử, nhưng là sự thật tâm lý, sự thật đời sống. Cũng thế, ở Nguyễn Huy Thiệp, vua Quang Trung nói tục có thể không thật về phương diện lịch sử, nhưng vẫn thật trên phương diện đời sống. Một vị vua, một vị anh hùng vẫn có quyền nói tục chứ! Hơn nữa, những sự kiện trong tác phẩm văn chương gắn bó nhau như một toàn thể. Ta không thể tách rời sự kiện này khỏi sự kiện khác để đối chiếu xem nó thật hay hư được. Cũng không thể vin vào đó để đánh giá một tác phẩm. Mỗi tác phẩm có đời sống riêng của nó, có không khí riêng của nó, có lịch sử riêng của nó. Các nhân vật được tạo dựng nên là thuộc tính của tác phẩm đó. Nó hoàn thành số phận của nó trong và chỉ trong tác phẩm đó mà thôi. Nếu ta có ý muốn kéo nhân vật ra sống chung đụng với ta, hoặc bắt nhân vật bước ra khỏi môi trường của tác phẩm, thì cũng như bắt cá ra khỏi nước. Bởi thế, không thể đem nhân vật của tác phẩm này đối chiếu với nhân vật của tác phẩm khác. Và lại càng không nên đem nhân vật của một tác phẩm ra đối chiếu với "người thật, việc thật" để phân tích đúng sai.

Cho dù một tác phẩm phản ảnh những sự kiện trong lịch sử, trong đời sống đến đâu chăng nữa, một tác phẩm văn chương không thể xem như là một bản báo cáo, một bản tường trình về những gì đã và đang xảy ra. Dù gì đi nữa, đó cũng là một công trình hư cấu bằng sự kết hợp một cách sáng tạo của nhà văn dựa trên những chi tiết sống thực của cuộc sống. Bạn có thể giận hờn, tức tối, yêu thương những nhân vật trong đó, thậm chí bạn có thể khóc, cười, đập phá hay bắt chước, kết án một nhân vật, tác phẩm, tự nó - xét như một toàn thể - vẫn tồn tại như một phi lý. Nó không hề có thực. Nó là hư cấu.

Thực tế, trên cương vị một độc giả, khi đọc một tác phẩm, không ai tránh khỏi bực mình khi thấy tác giả mô tả sai, không chính xác một người, một nơi chốn, một sự kiện nào đó, nhất là khi những chi tiết đó dính dáng đến những nhân vật hay biến cố lớn trong lịch sử hoặc dính dáng đến người trong cuộc. Điều này không thuộc kỹ thuật hư cấu, mà thuộc sự tiếp nhận, nắm bắt chi tiết. Thông thường đó là do sai sót hoặc thiếu kiến thức - điều này khó tránh khỏi, nhất là các tác phẩm về lịch sử. Ngay cả một khuôn mặt lớn như Kim Dung, thông kim bác cổ, vẫn có vô số những sai sót về mặt lịch sử (như tác giả Trần Văn Tích đã chỉ ra) (4).

Có trường hợp, tác giả "cố tình" sai sót nhằm mục đích xây dựng không khí đặc thù riêng của tác phẩm. Ở đây, tác gia sử dụng sai sót đó như một chất liệu để hư cấu. Nhưng, trong hầu hết trường hợp, những sai sót là... sai sót. Và sai sót này thường thì không ảnh hưởng gì nhiều đến kết cấu của câu chuyện, vốn là cái hồn của tác phẩm. Chúng được đưa vào như cái nền. Đôi khi, lỡ có lộn cũng... không sao.

Nói thế, có lẽ là một cách chạy tội cho tác giả. Xét cho cùng, có những sai sót có thể tha thứ, và có những sai sót không thể tha thứ được. Điều này lệ thuộc vào cung cách làm việc của nhà văn: cẩn thận hay cẩu thả, có nghiên cứu tài liệu hay không... Điều này đồng thời cũng cho thấy, không phải hễ cứ muốn làm nhà văn là ở nhà, đóng cửa, ngồi trước bàn viết, tha hồ tưởng tượng, tha hồ... hư... cấu. Để hư cấu được, để óc tưởng tượng phong phú, anh phải làm việc cần cù, nhẫn nại. Anh phải đi, phải đọc, phải phê phán, chắt lọc. Phải biết tra vấn từng cảm giác, hạch sách từng nỗi xúc động, nghiên cứu mỗi câu cười, tiếng khóc.

Là nhà văn, không ai cấm anh kéo ông Đoàn Dự đi chơi cùng vua Lý Thái Tổ, leo lên tòa nhà chọc trời 102 tầng ở New York. Anh không thể viết được (chưa nói chuyện viết hay), nếu anh không đọc kỹ Kim Dung, Trần Văn Tích, lịch sử Việt Nam và ít nhất cũng chịu khó leo lên Empire State Building một lần (!). Bằng không thì cũng hỏi ai hay tra cứu sách gì cho rõ ngọn nguồn. Có thế mới dễ... bịa, dễ hư cấu chứ.

Còn bịa như thế nào, hư cấu thế nào cho hay, cho... đoạt được giải Nobel, thì người viết không có ý kiến.

(1) *Saigon Times*, ngày 1-3-96
(2) Trần Văn Tích, *Văn Sử Y Dược Trong Truyện Chưởng Kim Dung*, Thanh Văn, 1996, trang 168
(3) dẫn theo Trần Văn Tích, *Văn Sử...*, trang 203 và 208
(4) Trần Văn Tích, *Văn Sử...*, rải rác nhiều trang

Lại Biện Hộ Cho Tiểu Thuyết

Salman Rushdie

Nhà văn Anh gốc Ấn độ Salman Rushdie là một tên tuổi quen thuộc trên văn đàn thế giới. Ngoài tài năng chứng minh bằng các tác phẩm đoạt nhiều giải thưởng cao quý, Salman Rushdie còn nổi tiếng nhờ bản án tử hình của Khomeini vì ông đã xuất bản cuốn The Satanic Verses. *Gần đây, ông lại gây thêm sóng gió khi xuất bản cuốn tiểu thuyết mới nhất,* The Last Moor's Sigh. *Sau nhiều năm lẩn tránh nguy cơ có thể bị giết bất cứ lúc nào, Salman đã lần hồi xuất hiện trước công chúng, tham dự những cuộc tham luận văn học, hay nhận lời phỏng vấn của giới truyền thông, báo chí.v.v. Bài viết sau đây đăng trên tạp chí* The New Yorker, *Số ra ngày 6/24 - 7/1, 1996, bàn về hiện tình tiểu thuyết. Văn Học giới thiệu đến bạn đọc thêm một cái nhìn khác về* hiện thực và tưởng tượng *trong tiểu thuyết, bổ túc thêm những ý kiến nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng nêu lên từ Văn Học số 121, cũng như những hồi đáp của văn hữu và bạn đọc về đề tài này. Bản dịch Việt ngữ của Thạch Hãn.*

Tại hội nghị lần thứ một trăm của Hiệp hội các nhà xuất bản Anh, Giáo sư George Steiner đã lắm lời về tiểu thuyết:

Càng ngày chúng ta càng mệt mỏi với tiểu thuyết... Thể loại này thăng, thể loại khác trầm, trường thi, bi kịch thi, tất cả đều có những thời cao điểm, rồi lại thoái trào. Người ta vẫn còn viết tiểu thuyết một thời gian lâu dài nữa, nhưng càng ngày người ta càng gia tăng nỗ lực tìm kiếm một thể loại lai giống, mà ta tạm gọi là thể loại hiện thực/tưởng tượng...Có cuốn tiểu thuyết nào ngày nay có thể ganh đua được với những thiên phóng sự hay nhất, hay những bài tường thuật gần gũi với hiện thực nhất không?...

Pindar là người đầu tiên từng cao hứng bảo rằng "bài thơ này sẽ còn được người đời ngâm nga mãi ngay cả sau khi chính cái đô thị đặt mua bài thơ đó tan biến khỏi mặt đất". Thật khoác lác vô cùng khi cho rằng

văn chương chống được cái chết. Ngay cả một đại thi hào thời nay cũng thấy bẽn lẽn khi nói như thế. Tôi tin chắc như vậy.

Cái huyênh hoang lớn lao xưa nay (một thứ huyênh hoang đáng yêu) của văn chương là cho "Văn chương mạnh hơn cái chết. Ta có thể bàn đến cái chết ở trong thi ca, trong kịch, trong tiểu thuyết, bởi vì ta vượt lên trên cái chết, bởi vì ta gần như là vĩnh hằng..." Cái huyênh hoang đó bây giờ không còn nữa.

Một lần nữa tôi lại đem chuyện cũ rích đó ra bàn, gói ghém trong những lời văn hoa mỹ: Ý tôi là bàn chuyện Cái Chết của Tiểu thuyết. GS. Steiner còn nói thêm khá dài dòng đến Cái Chết của Người Đọc, (hay, ít ra, nếu không chết thì cũng đã biến thể toàn diện để trở thành một kẻ đam mê máy điện toán) và Cái Chết của Cuốn Sách (hay là biến thể thành một hình thái điện tử). Cái Chết của Tác giả thì lại được loan báo từ nhiều năm trước ở Pháp, (còn Cái Chết của Bi Kịch cũng đã do chính tay Giáo Sư Steiner khai tử trước đây), tất cả đều để lại hiện trường la liệt xác chết, thây ma ngổn ngang hơn cả hồi kết cuộc của vở bi kịch Hamlet.

Nhưng giữa cảnh ngổn ngang những thây ma đó, vẫn còn một kẻ đứng sừng sững, cô đơn, mà tất cả chúng ta, người viết của những tác phẩm không tác giả, người đọc thời điện toán, công nghệ xuất bản (thứ công nghệ vốn có sẵn nhiều thối tha) và ngay cả chính những cuốn sách cũng phải khép nép cúi đầu: đó là Nhà Phê bình.

Một nhà văn lớn, cách đây mấy tuần cũng loan báo sự phá sản của chính thể loại đã làm cho ông ta nổi danh. V.S Naipaul lên tiếng là chẳng những ông ngưng viết tiểu thuyết, mà ngay cả từ "tiểu thuyết" không thôi cũng đủ làm ông phát đau. Giống như GS. Steiner, tác giả của *A House for Mr. Biswas* cho rằng tiểu thuyết đã sống hết số phần của nó, nó không còn làm trọn được một vai trò hữu ích nào nữa, và sẽ bị thay thế bằng những sáng tác sát với hiện thực hơn. Vì thế chẳng có gì ngạc nhiên khi nói Sir Vidia Naipaul đang làm lịch sử khi ông tìm cách tạo dựng nền văn chương hậu giả tưởng (postfictional) này.

Một nhà văn lớn khác của Anh đã nói: *"Không cần phải chỉ rõ thì ai cũng biết là uy tín của tiểu thuyết ngày nay xuống thấp cùng cực, thấp đến nỗi những lời như* "tôi không hề đọc tiểu thuyết", *chừng mươi năm trước thường được nói bằng một giọng phân bua, nhưng bây giờ người ta lại luôn luôn nói bằng một giọng kiêu hãnh....Nếu những bộ óc sáng giá nhất của văn chương không quay lại với tiểu thuyết thì thể loại này sẽ dở sống dở chết dưới một hình thái hèn kém hơn, rẻ rúng và thoái hoá hơn, như những tấm mộ bia thời nay hay trò múa rối Punch và Judy ngày trước"*.

Đó là lời của nhà văn George Orwell, viết năm 1936.

Như thế thì hình như văn chương chẳng bao giờ có được tương lai, và chính GS. Steiner cũng đã thừa nhận như vậy. (Ngay cả các đại thi phẩm như *Illiad* và *Odyssey* lúc đầu cũng đã bị chê bai.) Xưa nay, ngay cả những tuyệt phẩm cũng đã bị chính những nhà văn có tài công kích.. Chỉ nhìn sơ qua lịch sử văn học cũng đủ thấy là không một đại tác phẩm nào thoát khỏi búa rìu khi vừa mới xuất bản, không một nhà văn uy tín nào không bị người đương thời công kích: Aristophanes gọi Euripides là "một kẻ tuyển truyện theo khuôn sáo,... tạo ra những hình nộm nhếch nhác"; Samuel Pepys thì cho rằng *A Midsummer Night Dream* là "khô khan và khôi hài"; Charlotte Bronte chê những tác phẩm của Jane Austen; Zola khinh miệt *Les Fleurs du Mal;* Henry James coi rẻ *Middlemarch* và *Our Mutual Friend.* Ai cũng cười mũi *Moby Dick.* Lúc *Madame Bovary* được xuất bản, *Le Figaro* viết: "Ông Flaubert không phải là một nhà văn." Virginia Woolf lại cho *Ulysses* là "đẻ non"; còn nhà phê bình của tờ *Courier* thì viết *Anna Karenina* "là một thứ truyện tình rẻ tiền...Có trang sách nào chứa được một ý tưởng gì đâu."

Vì thế nên ngày nay, khi các nhà phê bình Đức công kích Gunter Grass, khi mà toàn văn giới Ý phải "ngạc nhiên" trước sự nổi danh trên văn đàn quốc tế của Italio Calvino và Leonardo Sciascia, như lời của tiểu thuyết gia và phê bình gia Guy Spartella của Pháp đã nói, khi mà những quy luật về việc xử lý sao cho hợp thời hợp cảnh của người Mỹ quay mũi dùi tấn công Saul Bellow, khi Anthony Burgess coi rẻ Graham Greene chỉ một thời gian rất ngắn sau khi nhà văn này qua đời, và khi GS. Steiner - lúc nào cũng đầy tham vọng - không chỉ công kích một vài nhà văn riêng lẻ mà lại chê bai toàn bộ công trình văn học Âu châu thời hậu chiến, tất cả đều đã vướng phải một cơn bệnh truyền nhiễm: lòng tôn thờ một thời đại vàng son, lòng hoài niệm bất diệt về một quá khứ văn học mà ngay cả vào thời của nó cũng chẳng khá hơn gì tình trạng văn học thời nay.

GS. Steiner nói, "Hầu như là một định đề khi nói rằng ngày nay, các đại tác phẩm đều xuất phát những những vùng đất ngoại biên, từ Ấn độ, từ vùng đảo Caribbean, từ Châu Mỹ La Tinh," và có người sẽ ngạc nhiên khi thấy tôi đặt vấn đề với cái nhìn về một trung tâm đã cạn kiệt và một ngoại biên đầy sức sống đó của GS. Steiner. Tôi có đặt vấn đề cũng chỉ vì quan niệm đó quá chú tâm vào Âu châu mà thôi. Chỉ có người trí thức Tây Âu mới than vãn như thế, mới khóc than toàn bộ một hình thái nghệ thuật chỉ vì các nền văn học của Pháp, Anh, Ý, Đức, Tây Ban Nha không còn là những nền văn học đáng được chú ý nhất trên quả địa cầu. Tôi không rõ GS. Steiner đặt Hoa Kỳ nằm ở đâu, ngay chính trung tâm hay ở ngoại

biên; vì chính cái địa lý văn học mặt bằng này cũng còn khó tin. Nhưng từ nơi chỗ tôi ngồi thì văn học Hoa Kỳ hiện rất sung mãn.

Tiểu thuyết từ đâu đến thì có quan hệ gì, miễn là chúng vẫn tiếp tục xuất hiện? Cái quả đất mặt bằng mà GS. Steiner đang sống trên đó có hình thù như thế nào? Ở ngay chính trung tâm là những người La Mã ngọc ngà, còn ở ngoại biên thì lại thấp thoáng những bộ tộc tài ba khiến ta phải sửng sốt chăng? Cái tấm bản đồ trong đầu GS. Steiner là một thứ bản đồ đế quốc, mà đế quốc Âu châu thì lại tan rã từ lâu. Nửa thế kỷ văn học mà Steiner và Naipaul dùng làm bằng chứng cho sự suy thoái của tiểu thuyết cũng là tiền bán thế kỷ của thời hậu thuộc địa. Có thể nào nói một cách giản dị là khi một cuốn tiểu thuyết mới đang hình thành - tiểu thuyết hậu thuộc địa, một thứ tiểu thuyết ly tâm, liên quốc, liên ngữ, đa văn hoá - và trong thứ trật tự - hay thiếu trật tự - thế giới mới này, chúng ta tìm được một lời giải thích khác hợp lý hơn về tình trạng của tiểu thuyết ngày nay, khác với cái nhìn mang tính biện chứng của GS. Steiner cho rằng sở dĩ có sức sáng tạo sung mãn ở các vùng "ngoại biên" vì "các vùng đó đang ở trong những giai đoạn tiên khởi tiến đến một nền văn hoá tư sản", vì "các vùng đó hiện đang ở trong những hình thái tiên khởi, thô kệch và cam go" chăng?

Xét cho cùng thì cũng do chính sách áp chế trong suốt hàng chục năm của chế độ Franco đối với văn chương Tây Ban Nha mà ta đã chuyển hướng chú ý đến các nhà văn tài ba ở Châu Mỹ La Tinh. Do đó, Sự Bùng Nở của Châu Mỹ La Tinh một phần là hậu quả của sự rữa nát của thế giới tư sản ngày trước, một phần do khả năng sáng tạo còn nguyên thủy của tân thế giới. Còn những lời nhận định cho rằng nền văn hoá lâu đời và đa dạng của Ấn Độ ngày trước hiện hữu "trong một dạng thức thô kệch hơn, non nớt hơn" những nền văn hoá phương Tây thì hoàn toàn không chính xác. Ấn Độ, với những giai cấp thương buôn, với những guồng máy hành chánh ở khắp mọi ngõ ngách, với một nền kinh tế đang bừng nở, lại là nơi đã có những nền văn hoá tư sản lớn lao và năng động nhất trên thế giới, và những nền văn hoá đó cũng đã lâu đời không kém những nền văn hoá Tây phương. Ấn Độ không xa lạ gì với những nền văn chương lớn lao và những người biết thưởng lãm văn chương. Có mới chăng là sự xuất hiện của một thế hệ nhà văn có tài *sáng tác bằng Anh ngữ*. Điều mới là ở chỗ "trung tâm" buộc lòng phải ghi nhận "ngoại biên" bởi vì "ngoại biên" đã bắt đầu cất tiếng qua vô vàn hình thái của một thứ ngôn ngữ mà Tây phương có thể hiểu được một cách dễ dàng.

Ngay cả cái nhìn của GS. Steiner về một Âu châu tới hồi cạn kiệt, theo ý tôi, cũng là một cái nhìn sai lầm. Năm mươi năm qua để lại cho

chúng ta những tác phẩm của - tôi chỉ kể một số ít thôi - Albert Camus, Graham Greene, Doris Lessing, Samuel Beckett, Italo Calvino, Elsa Morante, Vladimir Nabokov, Gunter Grass, Aleksandr Solzhenitsyn, Milan Kundera, Danilo Kis, Thoams Bernhard và Marguerite Yourcenar. Ai trong chúng ta cũng có thể ghi ra được một danh sách cả. Nếu kể luôn các nhà văn nằm bên ngoài biên cương của Âu châu, ta sẽ thấy ngay là thế giới hiếm khi có được một số lượng phong phú các tiểu thuyết gia tài ba, sống và sáng tác trong cùng một thời gian. Và chúng ta cũng thấy ngay là cái nhìn bi quan của Steiner và Naipaul không những làm chùn lòng mà còn vô căn cứ. Nếu như V. S. Naipaul không còn muốn hay không thể viết tiểu thuyết được nữa thì đó là một mất mát cho chúng ta. Nhưng không phải vì vậy mà tiểu thuyết đi đến chỗ chết.

Theo tôi, nghệ thuật tiểu thuyết chẳng có gì khủng hoảng. Tiểu thuyết đích thị là thứ "thể loại lai giống" mà GS. Steiner tìm kiếm: tiểu thuyết bao gồm một phần tìm hiểu xã hội, một phần giả tưởng, một phần tự thú; nó vượt qua biên giới của kiến thức và biên giới địa hình. Tuy nhiên, giáo sư đã nói đúng khi ông cho rằng *tiểu thuyết gia có tài là người xoá mờ được biên giới giữa hiện thực và tưởng tượng*. Cuốn tiểu thuyết vĩ đại của Ryszark Kapuscinsski có nhan *Vị Hoàng đế* viết về vua Haile Selassie là một trong những thí dụ về khả năng xoá mờ biên giới giữa hư và thực đó. Trường phái Tân Báo Chí ở Mỹ do Tom Wolfe và những người khác khởi xướng và phát huy cũng là một nỗ lực mượn chiếc áo của tiểu thuyết, và trong trường hợp tác phẩm của chính Wolfe có nhan *Radical Chic and Mau-Mauing the Flak-Catcher*, hay *The Right Stuff*, thì nỗ lực đó lại rõ ràng và thành công hơn hết. Loại "du ký" cũng phát triển để chứa đựng luôn những suy nghiệm sâu xa về văn hoá như trường hợp *Danube* của Claudio Magris hay *Black Sea* của Neal Ascheson. Hay như trường hợp của Roberto Calasso với tác phẩm *The Marriage of Cadmus and Harmony*, trong đó mọi sự tái thẩm định thần thoại Hy Lạp cũng đã gây cho người đọc nhiều căng thẳng và kích thích trí tuệ không kém một cuốn tiểu thuyết xuất sắc nào. Thế thì chúng ta chỉ còn việc nghênh đón sự xuất hiện của một thể viết mới: vừa tiểu luận, vừa có tính tưởng tượng. Hay nói đúng hơn, đây chính là sự quay trở lại với lối đùa giỡn có tính bác học của Diderot hay Montaigne mà thôi. Tiểu thuyết vẫn có thể đón nhận những thể loại mới như thế này mà không hề cảm thấy bị đe dọa. Vẫn còn rộng chỗ đủ cho mọi người, mọi thể.

Cách đây vài năm, nhà văn Anh Will Self cho xuất bản một truyện ngắn khá ngộ nghĩnh, có nhan là *Lý Thuyết Đại Lượng về Điên Rồ*, gợi ý là tổng số tình trạng tâm trí bình thường dành cho loài người là một hằng số,

vì thế mà mọi cố gắng chạy chữa bệnh điên nơi con người đều hoài công. Lý do là khi người này lấy lại được sự quân bình tâm trí cho mình thì người kia phải mất đi sự quân bình tâm trí. Chúng ta có thể ví tình trạng đó như cảnh mọi người đắp chung một chiếc chăn: khi người này kéo chăn lên che đầu thì người kia phải lòi chân. Ý nghĩ đó quả thật ngộ nghĩnh, và cũng ý nghĩ đó lại xuất hiện trong cái lý lẽ kỳ cục GS. Steiner đưa ra một cách ngay tình: ông cho rằng ở bất cứ thời điểm nào, luôn luôn có một tổng lượng tài năng sáng tác cần có, và hiện thời, sự thu hút của phim ảnh, của truyền hình, và ngay cả các bài viết dùng trong quảng cáo thương mại, tất cả đều kéo chiếc chăn ra khỏi tiểu thuyết, khiến cho tiểu thuyết bị hụt chăn, trơ ra bộ đồ ngủ trên người nằm run rẩy trong cái giá lạnh cực độ của mùa đông văn hoá.

Cái sai của lý thuyết này là ở chỗ nó giả định mọi tài năng sáng tác đều cùng một loại. Đem ý nghĩ này áp dụng vào lãnh vực thể dục điền kinh thì ta sẽ thấy ngay điểm vô lý của nó. Số người tham dự các cuộc đua đường trường (marathon) không bao giờ giảm sút chỉ vì người ta thích những cuộc chạy đua nước rút hơn. Thành quả của người nhảy cao hoàn toàn không liên hệ gì đến những tranh đua của cuộc thi nhảy sào.

Sự xuất hiện của một thể loại sáng tác mới lại thu hút được những nhóm người mới nhập cuộc. Tôi chỉ biết có một số rất ít nhà làm phim tài ba có khả năng trở thành tiểu thuyết gia tài ba: Satyajit Ray, Ingmar Bergman, Woody Allen, Jean Renoir, và chỉ có bấy nhiêu đó thôi. Bạn sẽ đọc được mấy trang khô khan về Quentin Tarentino, hay chuyện bọn băng đảng rủ nhau đi ăn Bic Mac ở Paris như thế nào, nếu không có Samuel L. Jackson hay John Travolta nói hộ cho bạn? Những nhà làm phim đã nổi tiếng chỉ vì khi làm phim, họ nghĩ đến việc làm phim chứ không phải viết tiểu thuyết.

Nói vắn gọn, tôi không lo âu nhiều như GS. Steiner đã lo âu về mối đe dọa tiểu thuyết của các hình thái nghệ thuật mới có tính kỹ thuật cấp cao này. Mà có lẽ cũng chính ở chỗ viết tiểu thuyết thuộc vào kỹ thuật cấp thấp mà tiểu thuyết không bị đe dọa. Các phương tiện diễn đạt nghệ thuật đòi hỏi một số tiền lớn và kỹ thuật tân kỳ - làm phim, diễn kịch, thâu đĩa - sẽ dễ bị kiểm duyệt và kiểm soát do chính sự lệ thuộc quá nhiều vào các phương tiện đó. Nhưng những gì một nhà văn viết ra trong một căn phòng vắng vẻ thì chẳng có thứ quyền lực nào kiểm soát hủy diệt được.

GS. Steiner còn tung hô tính sáng tạo của khoa học hiện đại: "Bây giờ, đó là niềm vui, đó là hy vọng, đó là năng lực, cái khả năng tột bực khai mở hết thế giới này đến thế giới khác". Tôi hết sức tán đồng ý kiến này. Nó phản bác ngay cái lý thuyết "tổng lượng tài năng sáng tạo" như

trên của GS. Steiner.

Ý nghĩ cho rằng tiềm lực những tiểu thuyết gia tài ba lần hồi bị các ngành nghiên cứu vật lý nguyên tử hay "lỗ đen" chiếm đoạt không những không đáng tin cậy mà còn ngược lại nữa là khác. Những nhà văn tài ba nhất trong lịch sử như Jane Austen hay James Joyce chẳng hạn, nếu muốn, họ đã có thể trở thành những Newton hay Einstein của thời họ. Khi đặt nghi vấn về phẩm chất của tính sáng tạo trong tiểu thuyết hiện đại, GS. Steiner đã chỉ đường sai. Nếu quả có một sự khủng hoảng trong văn chương hiện nay, thì sự khủng hoảng đó phải mang một tính chất nào khác kia.

Mới đây, tiểu thuyết gia Paul Auster nói với tôi rằng tất cả các nhà văn Mỹ đều phải chấp nhận việc họ đang làm chỉ thu hút được một thiểu số, lấy ví dụ như bóng đá chỉ thu hút được một số rất ít người Mỹ. Nhận xét này trùng hợp với than phiền của Milan Kundera trong *Testaments Betrayed*, tuyển tập tiểu luận mới nhất của ông, khi ông viết: "Âu châu đánh mất khả năng biện hộ và giải thích (giải thích cho chính mình và cho người một cách kiên nhẫn) hình thái nghệ thuật tiêu biểu nhất của Âu châu, đó là nghệ thuật tiểu thuyết; nói một cách khác, Âu châu đánh mất khả năng giải thích và biện hộ nền văn hóa của mình" Kundera luận luận "Chính 'những đứa con của tiểu thuyết' đã từ bỏ hình thái nghệ thuật đã tạo ra chúng. Âu châu, xã hội của tiểu thuyết, đã lột bỏ bản ngã của mình."

Auster muốn nói đến việc độc giả ngày nay không còn quan tâm đọc tiểu thuyết; Kundera lại nói Âu châu đánh mất ý niệm liên hệ văn hóa với những sản phẩm văn hoá thuộc thể loại tiểu thuyết. Cộng thêm vào đó là hình ảnh con người ngày mai, không chuộng văn học mà chỉ đam mê chiếc máy vi tính. Chúng ta thấy ngay là đang bàn đến Cái Chết của Việc Đọc Văn.

Nhưng cũng có thể không phải vậy. Bởi vì *văn chương - văn chương có phẩm chất cao - thì bao giờ cũng chỉ là mối quan tâm của thiểu số.* Tầm quan trọng về mặt văn hoá của văn chương không nằm ở nơi các bảng sắp xếp thứ hạng mà là ở chỗ nó có nói được gì về chúng ta cho chúng ta hay không, có nói được những gì mà ta không thể tìm thấy ở nơi khác. Và thiểu số này - nhóm thiểu số sẵn sàng đọc sách và mua sách hay - trên thực tế chưa bao giờ lớn lao hơn lúc này. Vấn đề của chúng ta là phải đạt được sự quan tâm của họ.

Vấn đề hiện có không phải là không có người đọc, mà là nỗi hoang mang của họ.

Năm ngoái, ở Hoa Kỳ có đến năm ngàn cuốn tiểu thuyết được xuất

bản. Năm ngàn cuốn! Nếu chỉ có được 500 cuốn tiểu thuyết đáng xuất bản được tung ra trong một năm thôi cũng đã là một phép lạ. Có được 50 cuốn trong số đó là tiểu thuyết hay lại là một điều ngoại hạng. Tìm ra được 5 cuốn - hay chỉ một cuốn - là đại tác phẩm thì cũng đủ lý do để toàn thế giới ăn mừng.

Các nhà xuất bản tung sách ra ồ ạt như thế chỉ vì những nhà biên tập có tài thì hoặc đã bị các nhà xuất bản lần lượt cho nghỉ việc, hoặc không điền khuyết, và vì quá lo âu về công ăn việc làm, họ đã không còn khả năng phân biệt sách hay sách dở. Có rất nhiều nhà xuất bản quan niệm hãy để cho thị trường quyết định giá trị của cuốn sách. Hãy tung sách ra thị trường. Thế nào rồi cũng có cuốn bán được. Và vì thế, sách ào ạt tràn vào các tiệm sách: năm ngàn cuốn sách đi vào thung lũng tử thần, trong khi bộ máy quảng cáo lại không đủ sức bao che. Lối xuất bản sách như thế này chỉ đưa đến sự tự hủy. Như Orwell đã từng nói năm 1936 (bạn lại thấy rằng chẳng có gì lạ dưới ánh mặt trời), "tiểu thuyết đang bị la ó xua đuổi đến chỗ chết." Người đọc lạc lối trong khu rừng tràn lan sách truyện nhảm nhí, lại còn bị những lời lẽ cường điệu rẻ tiền, viết bằng một thứ ngôn ngữ hạ cấp quàng lên mỗi cuốn sách, khiến họ càng cảm thấy ngán ngao hơn, nên họ đành bó tay bỏ cuộc. Mỗi năm họ mua chừng đôi cuốn sách của những tác giả đoạt giải, một vài cuốn của những tên tuổi mà họ thấy quen, thế là xong. Xuất bản sách ồ ạt, rồi lại xưng tụng bừa bãi như thế chỉ làm cho người ta càng ít đọc sách hơn. Đây không phải là trường hợp một số lượng sách lớn lao săn bắt một số người đọc nhỏ nhoi, mà chính là vì số lượng sách quá lớn lao đó đã xua đuổi người đọc. Nếu việc xuất bản một tác phẩm đầu tay, như lời của GS. Steiner, là "một canh bạc đánh với thực tế," thì phần lớn là do ở việc xuất bản sách vở thiếu chọn lọc và vung vãi như thế này. Thời này chúng ta thường nghe nói đến những cách kinh doanh mới khá tàn nhẫn về phương diện tài chánh của ngành xuất bản. Điều chúng ta cần là có một chủ trương biên tập chọn lọc một cách tàn nhẫn hơn. Chúng ta cần phải dùng đến óc phán đoán.

Còn có một mối hiểm nguy khác đe dọa văn chương mà GS. Steiner đã không nói đến: những đe dọa nhằm chống lại sự tự do tư duy. *Không có tự do tư duy, không có văn chương*. Mối hiểm nguy này cũng không phải là mới. Một lần nữa, George Orwell - lần này ông viết vào năm 1945 - có những nhận xét quả hợp thời:

Ở thời đại của chúng ta, tự do tư duy bị tấn công từ hai phía. Một mặt là những kẻ thù lý thuyết, đó là những kẻ bảo vệ những chế độ toàn trị [thời này người ta có thể gọi họ là những kẻ cuồng tín], và ở mặt kia là

những kẻ thù có tính thực tế: nạn độc quyền, guồng máy thư lại....

Trong quá khứ...ý niệm phản động và ý niệm tự do tư duy thường lẫn vào nhau. Một kẻ tà giáo - về phương diện chính trị, xã hội, đạo đức hay mỹ học - chính là người đã không chịu làm trái với lương tâm mình...

[Vào thời này]....lại còn có ý niệm cho rằng tự do tư duy là một thứ tự do không ai chấp nhận, và lương thiện trí thức chỉ là một hình thức vị kỷ, phản xã hội.

Những kẻ thù của tự do tư duy thường lấy kỷ luật làm lý do biện hộ cho vị thế của họ, chống lại cái mà họ gọi là cá nhân chủ nghĩa....Một nhà văn từ chối việc bẻ cong ngòi bút của mình thường bị gán cho cái nhãn tự kỷ. Hắn lại còn bị cáo buộc hoặc khép kín trong tháp ngà, hoặc muốn dương oai diễu võ để phô bày cá tính của mình, hoặc cố tình đi ngược dòng lịch sử, cố bám víu vào một vài đặc quyền đặc lợi mà hắn không được phép hưởng.

[Nhưng] muốn viết được những dòng văn bằng một thứ ngôn ngữ trong sáng, vững chải, nhà văn phải suy nghĩ mà chẳng phải sợ hãi điều gì, và một khi được suy nghĩ mà không sợ hãi như vậy, nhà văn đó chẳng thể nào là một con người chịu ép mình vào khuôn phép chính trị.

Sức ép của nạn độc quyền và guồng máy thư lại, của chủ trương thành lập đại công ty, óc bảo thủ, chỉ giới hạn và thu hẹp số lượng và phẩm chất của những tác phẩm có thể xuất bản được. Bất cứ một nhà văn nào sống bằng ngòi bút cũng hiểu rõ điều đó. Riêng về sức ép của sự bất dung và chính sách kiểm duyệt, trong mấy năm qua cá nhân tôi đã có quá nhiều kinh nghiệm.

Trên thế giới hiện nay tranh chấp đang xảy ra ở nhiều nơi: Algerie, Trung hoa, Iran, Thổ Nhĩ Kỳ, Ai Cập, Nigeria, nhà văn bị kiểm duyệt, sách nhiễu, cầm tù, có khi còn bị mưu sát. Cái chết của tiểu thuyết thì có lẽ còn lâu mới đến, nhưng cái chết của nhà văn thời nay thì lại rất gần kề. Ngay cả ở Âu châu và Hoa Kỳ, đạo binh của một vài nhóm chống đối vẫn tìm cách giới hạn tự do ngôn luận. Chưa bao giờ việc bảo vệ những giá trị đã khiến cho sinh hoạt văn chương hiện hữu lại quan trọng bằng lúc này.

Dù khó khăn như thế, tôi vẫn không tin là nhà văn phải quay lưng với hậu thế. Cái mà GS. Steiner đã nói một cách hoa mỹ "cái huyênh hoang đáng yêu" của văn chương vẫn thôi thúc chúng ta, cho dù như ông đã gợi ý, chúng ta vẫn thấy bẽn lẽn khi nói lên một cách công khai. Nhà thơ Ovid đã viết những dòng thơ đầy tự tin ở cuối bài "Metamorphoses":

Nhưng, với những gì tinh hoa nhất của tôi, tôi sẽ đạt
tới những nơi còn cao hơn các vì sao; tên tôi,
vĩnh hằng, bất biến, sẽ lưu danh.

Em cho ta tình thơ

HỒNG KHẮC KIM MAI

Ô cô thủy nữ
Sóng soài trên nước biếc rêu xanh nghìn thu
Da vảy cá tươi ngon ròng ròng mật ứa
Dưới hoàng hôn trời chướng khí
Ta bồng em
Nghe chuối sứ chín nẫu giọt khôn cùng

Ta là thi nhân
Đi trong lòng em trăng sao
Như xuân xanh đi trong băng trinh
Như lam ngọc chui tình diệp thất
Như phù du rung rinh trong u mơ
Như cung đàn
Ê, dây đàn nhẹ tơn nhẹ rơn rơn
Khảy vành tai em lịm gió
Lịm sững rừng tràm quanh co
Thu sương

Em nếm thơ ta trên môi nồng Aristotle
Đọt sóng rượu non champagne sùi sùi linh diệu
Tơ lơ mơ say hồn lãng tử
Em phiêu bồng chuyện gió chuyện mây mưa hương lửa
Em cần chi biết
Ta vẫn là ta
Tên thi nhân yêu cuồng
Neo thuyền sục sạo
Cắm sào sâu bắt chân thủy nữ
Vục mặt trong nước nôi em dại khờ
Ư ư ta thương em ta thương em
Vương phi vương phi ơi!

Tôi tin chắc tham vọng đó vẫn ở mãi trong lòng mỗi nhà văn, muốn được người đời nhớ đến như Rilke đã từng nhớ đến Orpheus:

Hắn là một trong những sứ giả còn ở lại
chết lâu rồi mà tay vẫn còn bưng mâm
đầy hoa trái xứng đáng ngợi ca. ❐

Tứ Thơ

Trần văn Tích

Chữ tứ 思 để chỉ tứ thơ ngày xưa chữ Hán viết khác. *Khang Hi tự điển* đan cử bốn tự dạng cổ mà chữ nào cũng có phần trên là chữ *tấn* tức là thóp, mỏ ác. Đặc biệt chữ *tứ* theo cách viết thời trước 悤 với *tấn* trên, *tâm* dưới khơi gợi mối liên hệ giữa não bộ và tâm tư trong quá trình hình thành hứng thú, cảm xúc thơ hoặc ý nghĩa, hình ảnh thơ (1).

Không giống với cảm xúc sinh hoạt thực dụng hằng ngày, cảm xúc thơ là cảm xúc thẩm mỹ thi vị. Làm thơ phải bắt đầu từ cảm xúc thơ, tức là *thi tứ*. *Tìm tứ* là xác định cảm xúc và hình ảnh thơ; *cấu tứ* là tạo được hình tượng có khả năng khêu gợi nên cảm xúc thơ, tức cảm xúc nhân văn của hồn người. Đó là một quá trình kết hợp giữa hình ảnh sống động và ý nghĩa thi ca, đưa đến kết quả là tinh lực của hình ảnh càng triển khai, càng khơi sâu thêm ý nghĩa bài thơ.

Thi sĩ khoác dáng dấp siêu nhân. Nếu người trần gạt bỏ, tránh né, đề phòng các cú sốc của ngoại giới vì chúng khiến anh ta mất khả năng tập trung nhằm mục tiêu duy lý và thực dụng thì hồn thơ - hồn thủy tinh (*âme de cristal*) theo cách nói của Victor Hugo - lại sẵn sàng cộng hưởng cùng mọi tiếng vang của vũ trụ. Tiếng những thanh củi rơi xuống sân khi có người dỡ hàng trên xe bò đối với một người không là nhà thơ là một tiếng động khó chịu khiến anh ta không làm việc được; đối với một Baudelaire thì đó lại là khởi điểm cho cảm xúc khắc khoải đông về, thời gian qua, cái chết đến, sự hủy diệt tinh thần do vật chất mòn mỏi v.v... và thế là *Bài ca mùa thu* (Chant d'automne) nảy ra. Mưa rơi trên thành phố Brest: người ngoài đường sẽ nghĩ đến cảnh sắc u buồn sắp tới của đất trời Bretagne, nhưng Prévert thì lại liên hội đến một thiếu nữ trẻ đứng dưới mưa gặp lại người thương để rồi mất người thương trong chinh chiến (*Barbara*, trong *Paroles*). Rặng núi chỉ là một cấu trúc địa lý đối với kẻ vô tâm nhưng người thiếu nữ trữ tình của ca dao thì lại gọi cái đối tượng vốn không phải là người ấy như một con người bằng xương bằng thịt và tâm tình, trò

chuyện với nó:

Núi cao chi lắm núi ơi,

Núi che mặt trời chẳng thấy người thương!

Cho nên *vốn người đồng điệu* (2) thì rất mẫn cảm và nhạy bén ghi nhận mọi rung chuyển của nhân tình thế thái, như một địa chấn kế tinh vi.

Alfred de Vigny sử dụng biểu tượng để làm thơ triết lý, trình bày tâm trạng con người cô đơn trong kiêu kỳ, bất chấp cả thần minh, số mệnh; chủ trương im lặng khắc kỷ (*silence stoique*), chịu đựng để làm tròn bổn phận. Trong tập thơ *Những số mệnh* (Les Destinées) có những bài rất nổi tiếng, chẳng hạn bài *Cái chết của con sói* (La mort du loup). Nhà thơ kể lại một buổi đi săn đêm, bắn và đâm chết con sói, nhưng nó không hề kêu một tiếng khi lìa đời.

Ý tứ thơ tập trung rất rõ rệt vào đoạn cuối bài thơ tám mươi tám câu; minh thị bài học đạo lý do con sói dạy qua những câu thơ ngập tràn khí phách, xác định một thái độ đối trước tử thần nhưng cũng là đối trước cả cuộc sống. Cái chết cao thượng của sói biến con mồi săn bắn thành mẫu mực phẩm cách, khiến kẻ đi săn bẽ bàng, hổ thẹn, nhục nhã. Niềm tự hào khắc kỷ *(stoique fierté)* trở thành lý tưởng sống trong dòng đời khổ đau *(ses maux)*. Đức tính khắc kỷ, vốn là bản tính của loài vật, đã vì nền văn minh nhân loại mà biến thái, thoái hóa. Để khôi phục lại, con người phải biết trầm tư *(pensive)* và có ý lực *(studieuse)*. Khắc kỷ trong cuộc đời là làm tròn phận sự *(tâche)*, một phận sự dài lâu *(longue)* và nặng nề *(lourde)*. Phận sự đó do số phần *(sort)* an bài; như thế, nó không mang tính tất yếu hay thiên chức; nhưng dẫu vậy, nếu chúng ta có ý thức thì chúng ta vẫn có thể mang ý nghĩa lại cho đời, ngay cả khi chúng ta sống một cảnh đời không có gì là siêu việt. Rồi khi nhắm mắt lìa trần, con người phải tránh sự hèn nhát nó chỉ làm ô danh *(gémir, pleurer, prier, est également lâche)* và phải giữ trạng thái im hơi lặng tiếng *(Seul le silence est grand; tout le reste est faiblesse* và *Puis, après, comme moi, souffre et meurs sans parler)*. Chịu đựng âm thầm, an mệnh trầm mặc, nhẫn khí thôn thanh trước sự chi phối không tránh khỏi của tử vong; đó là thái độ con người khi từ chối tự hạ mình và tìm sự yểm trợ từ bên ngoài, một thân một mình trực diện cơn thử thách lâm chung:

Hélas! ai-je pensé, malgré ce grand nom d'Hommes,
Que j'ai honte de nous, débiles que nous sommes!
Comment on doit quitter la vie et tous ses maux,
C'est vous qui le savez, sublimes animaux.
Avoir ce que l'on fut sur terre et ce qu'on laisse,

Seul le silence est grand; tout le reste est faiblesse.
- Ah! je t'ai bien compris, sauvage voyageur,
Et ton dernier regard m'est allé jusqu'au coeur.
Il disait: "Si tu peux, fais que ton âme arrive,
A force de rester studieuse et pensive,
Jusqu'à ce haut degré de stoique fierté
Où, naissant dans les bois, j'ai tout d'abord monté.
Gémir, pleurer, prier, est également lâche.
Dans la voie où le sort a voulu t'appeler,
Puis, après, comme moi, souffre et meurs sans parler."

Lãng Nhân dịch thơ:

Trót mang tiếng giống Người cao cả,
Bạc nhược thay, nghĩ hổ cho mình.
Lạc vào tục lụy phù sinh,
Chết sao cho đáng: sói rành hơn ta!
Trong kiếp sống ti toe được mấy,
Đậy ván thiên, để lại chừng bao?
Nín thinh, còn khá tự hào,
Hé răng than vãn, tránh sao yếu mềm?
Hỡi dã thú, cùng trên cõi tạm,
Ngươi nhìn ta, ta cảm thông rồi.
Mắt nhìn như nhắn đôi lời:
"Siêng năng, suy ngẫm, sống đời hiên ngang!
Như ta đây sinh trong rừng tía,
Chịu âm thầm luyện chí cho bền.
Van lơn, rên khóc, đều hèn,
Đường xa, gánh nặng, phải nên tự cường.
Theo định mệnh, trọn đường duyên nghiệp
Rồi nghe ta, đành kiếp thương đau,
Lìa đời, chẳng nói một câu..."

Cũng cùng một ý thơ về hoàn cảnh cô độc, nhưng Đỗ Phủ trong bài *Cô nhạn* lại biểu hiện tình huống lẻ loi, lạc loài của chim nhạn theo cách khác. Không có những nét hạt nhân lý tính, không đi sâu vào những suy tưởng triết học, chỉ có tứ thơ chảy tràn trên dòng cảm xúc:

Cô nhạn bất ẩm trác,
Phi ô thanh niệm quần.
Thùy liên nhất phiến ảnh,
Tương thất vạn trùng vân.
Vọng tận tự do kiến,

Ai đa như canh văn,
Dã nha vô ý tự,
Ô táo diệc phân phân.
(Nhạn lạc không ăn không uống,
Vừa bay vừa kêu tiếng nhớ đàn.
Ai là người thương chiếc bóng,
Mất hút giữa ngàn mây.
Nhìn theo còn thấy vết,
Quặn đau như nghe tiếng.
Quạ hoang đâu hiểu được,
Chỉ biết kêu quàng quạc.)

Rewi Alley dịch sang tiếng Anh:

Too sad to drink or eat
The lone wild goose broods,
Giving a mournful cry
In his search for the flock
Now lost in distant cloud;
It strains its eyes looking
Into the distance, thinking
It can see the others,
Replying to cries that are but
Echoes of its own; the sound
Waking other birds from
Their sleep, confusing them
With its sadness.

Nhà thơ trình bày tứ thơ bay kêu nhớ đàn của con chim nhạn lạc bầy: vì lạc bầy cho nên thương nhớ, không còn thiết gì uống với ăn; vì thương nhớ nên cứ bay, vừa bay vừa kêu ai oán; vời trông đã mất hút mà cứ vẫn bay mãi, tựa hồ vẫn còn thấy đàn mà bay theo; vì đau xót nên kêu thương không ngớt, tựa hồ trông thấy đàn mà gọi vọng theo, nhưng thật ra chỉ có tiếng kêu của chính mình vang dội lại; khiến các loài chim chóc khác giật mình tỉnh giấc, buông tiếng bàng hoàng. Tứ thơ biểu hiện được tình cảnh cô quạnh đáng thương của kẻ sẩy đàn tan nghé.

Trên đèo Ngang, bà huyện Thanh Quan lập tứ tạo vần:

Dừng chân đứng lại: trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.

Tứ thơ nẩy sinh từ nỗi niềm cô đơn của nữ sĩ trước vũ trụ bao la, từ hoàn cảnh thi nhân không thể cùng ai san sẻ tâm sự thương nhớ của mình. Người thơ cô quạnh về thể chất và cũng cô quạnh về tinh thần.

Tâm trạng cô quạnh về thể chất thường do một cảnh trí vắng vẻ quạnh hiu, hẻo lánh u tịch gây nên. Nhưng đó đồng thời cũng là một cảnh trí đẹp đẽ hoang dã mà tĩnh lặng yên ổn, im lìm trầm mặc mà kín đáo bí mật; đó còn là một cảnh trí nhiều khi bao la mênh mông, lắm khi hoang phế đổ nát:

Ninh công cố lũy lư hà ngoại,
Đối thử kim nhân dục đoạn hồn.
(Nguyễn Khuyến. *Quá Hoành sơn*)
(Ngoài lũy cũ Ninh công chỉ có lau lách,
Cảnh ấy người nay nhìn mà tan nát lòng)

Trong cảnh trí ấy không có bóng người và chính sự vắng mặt của con người là yếu tố nâng cao uy thế ngoại cảnh: nhà thơ, do đó, cảm nhận rõ ràng vẻ uy nghiêm nghiền ép, nét oai nghi đè nén của tạo vật, của phi nhân:

Thu phong tiêu sắt gia âm liễu,
Hoạn hải thê lương thế lộ nan.
(Đoàn Nguyễn Tuấn. *Quá Hoành sơn*)
(Gió thu hiu hắt tin nhà mờ mịt,
Bể hoạn thê lương đường đời khó khăn)
Đình thụ bất tri nhân khứ tận,
Xuân lai hoàn phát cựu thời hoa.
(Sầm Tham. *Sơn phòng xuân sự*)
(Cây trước sân không biết rằng người đã đi hết,
Mùa xuân về còn trổ những bông hoa ngày xưa)

Thời gian và không gian vật lý không chấp nhận hiện tượng sinh học giới thực vật hôm nay lại trổ được những bông hoa ngày xưa. Nhưng cây của Sầm Tham nở hoa trong thời gian và không gian tâm lý. Sự kiện nhất định một mực cứ chỉ nở những bông hoa quá khứ vào thời điểm hiện tại của cây trước sân nói lên cái tứ khăng khăng phủ nhận thực tại trước mắt. Thực ra *đình thụ* không hề *bất tri*, cây trước sân biết rõ không còn người cũ nữa nên mang tâm trạng cô đơn, do đó vẫn cứ nở những đóa hoa mà người cũ đã từng chiêm ngưỡng.

Tâm trạng cô quạnh về tinh thần thường có nguyên ủy là chứng ưu sầu, là niềm đau thế kỷ, là trạng huống không được nhân thế cảm thông khiến kẻ nảy tứ thơ như muốn trốn chạy thế tục, xa lánh xã hội vì nhân quần, cộng đồng có vẻ muốn xua đuổi, gạt bỏ đương sự:

Ngã hữu thốn tâm vô dữ ngữ,
Hồng sơn sơn hạ Quế giang thâm.
(Nguyễn Du. *My trung mạn hứng*)

(Ta có một chút tâm sự không biết tỏ cùng ai,
Dưới chân núi Hồng dòng Quế giang sâu thẳm)
Nhẫn để sinh sự phù vân khinh,
Bình sinh vô xứ tả can phủ.
(Nguyễn Thông. *Phụng họa Vân lộc...*)
(Việc trên đời trong đáy mắt coi như mây nổi,
Suốt đời chẳng có nơi để tả nỗi lòng)

Hai nhà thơ họ Nguyễn của chúng ta không biết về đâu trên cõi thế, còn Saint-Amant thì tìm về những *"vùng sa mạc thân thương, nơi sự hồn nhiên lưu trú"* (3).

Cũng có khi nỗi đau khổ hay chuyện tử vong là nguồn gốc tinh thần cô quạnh: nhân vật Katow trong *Phận người* (La condition humaine) của André Malraux, nhân vật Antigone trong *Hoa tim* (Antigone) của Jean Anouilh.

Những giờ phút cô đơn như thế có giá trị của chúng: mang lại cho tâm hồn sự cân bằng để suy tưởng về mình, về người, để biết mình hơn, để rõ người hơn; đồng thời cũng để xa lánh đam mê, để sáng tạo mỹ học, để khai hoa tư tưởng. Trên đèo Ngang, bà huyện Thanh Quan bồi hồi cấu tứ như Rousseau miên man tìm ý (Les rêveries du promeneur solitaire: *Những mộng tưởng của khách du cô đơn*), như Chateaubriand khắc khoải (René: *Rơ-né*), như Lamartine "thiền định" (Isolement: *Cô độc*), như Vigny nhờ Moise hỏi trời (Moise trong Poèmes antiques et modernes: *Môisê* trong *Thi ca cổ điển và hiện đại* hoặc Le mont des oliviers trong Les destinées: *Núi ô-liu* trong *Những số mệnh*), như các nhân vật Thérèse Desqueyroux của Mauriac, Adrienne Mesurat của Green, như Garcia Marquez qua *Trăm năm cô đơn* (Cien anos de soledad)...

Thông báo của tứ thơ mang tính phi thời gian và phi không gian. Thơ là để cho loài người. Khi bà huyện Thanh Quan mô tả *một mảnh tình riêng ta với ta* thì đây không phải là mảnh tình riêng của nữ sĩ vào thời điểm đứng ở nơi đã chứng kiến cảnh huynh đệ tương tàn. Mỗi người đọc sẽ hiểu tứ thơ liên hệ theo từng hoàn cảnh riêng tây và sẽ thấy có những nỗi niềm mà mình đành chôn chặt tận đáy lòng không làm sao nói được. Như Nguyễn Du, như Nguyễn Thông, như Saint-Amant:

J'écoute...
Le bruit des ailes du silence
Qui vole dans l'obscurité.
(La solitude. *Cô đơn*)
(Tôi lắng nghe...
Tiếng đập cánh của sự im lặng

Đang bay trong bóng tối)

Cái ma lực của tứ thơ là ở chỗ chính chúng ta có lúc cũng muốn nói như vậy trong một canh trường quạnh hiu. Tứ thơ được chúng ta nội cảm hóa ngay lập tức khi đọc đoạn thơ ngoại ngữ đến mức nó cấp thời trở thành của chính mình. Thi nhân chỉ khác thường nhân ở chỗ có tứ thơ mới lạ về nội dung tư tưởng và tạo nên được những liên hệ tư duy bất ngờ, do cách dùng chữ mang tính thi vị, nên thơ.

Thi sĩ từ cái chết của một con mồi tìm ra được tứ thơ triết học; từ tình huống lạc lõng của một cánh chim suy ra tâm trạng ly quần bi thương. Đối cảnh sinh tình. Cung cách mô tả quen thuộc: nêu ra cảnh vật, sự việc trước; bộc lộ tâm tư, tình cảm sau. Tứ thơ thường rất ưa mượn con đường một chiều đó:

Trên trời có đám mây xanh,
Ở giữa mây trắng, chung quanh mây vàng.
Ước gì anh lấy được nàng,
Để anh mua gạch Bát tràng về xây...

Bao giờ cũng vậy, tứ thơ nẩy sinh trong một mối liên tưởng, giữa *cảnh* và *tình* có mối ràng buộc nhất định. Cho nên chữ Hán có khái niệm *ý cảnh*. Đứng trước một cảnh sắc, một trò đời, nhà thơ bị một xung năng nội tại thúc bách, khiến ý thơ, tứ thơ trào ra ngọn bút. Tứ và cảnh hài hòa thống nhất sẽ là bào cung cưu mang ý cảnh. Tư tưởng tình cảm, cảm thụ chủ quan của thi nhân là tứ thơ; đối tượng được miêu tả, tức sự vật khách quan là cảnh thơ. Tình và cảnh chan hòa với nhau, cảm thụ chủ quan và đối tượng khách quan xâm thực vào nhau thì sẽ tạo thành ý cảnh. Cảnh do tứ thẩm thấu vào mà khoác một ánh màu độc đáo, tứ từ cảnh hiện ra, hóa thân thành cái cụ thể có thể cảm thụ được. Vương Thế Trinh, trong *Nghệ uyển chi ngôn*, cho rằng tao, phú, cổ tuyển, nhạc phủ, ca hành, thiên biến vạn hóa, nhưng không thể ra ngoài cảnh giới đó, tức ý cảnh (*tao phú cổ tuyển nhạc phủ ca hành, thiên biến vạn hóa, bất năng xuất kỳ cảnh giới*).

Lý Bạch, Đỗ Phủ cùng sống một thời đại và cùng đứng bên bờ Dương tử giang, cùng lên cao và cùng nhìn ra xa. Nhưng do cảnh ngộ hai người khác nhau, dĩ vãng đào luyện khác nhau, cá tính bản chất khác nhau cho nên ý cảnh hai bài thơ do Lý Đỗ sáng tác cũng khác nhau:

Cố nhân Tây từ Hoàng hạc lâu,
Yên hoa tam nguyệt hạ Dương châu.
Cô phàm viễn ảnh bích không tận,
Duy kiến Trường giang thiên tế lưu.

(Lý Bạch. *Hoàng hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng lăng*)

(Bạn cũ rời khỏi lầu Hoàng hạc ở phía Tây,

Xuôi xuống Dương châu giữa tháng ba mùa hoa khói.
Bóng cánh buồm lẻ loi xa lẫn trong khoảng không xanh biếc,
Chỉ thấy Trường giang chảy miết bên trời)

Ngô Tất Tố dịch thơ:

Bạn từ lầu Hạc lên đường,
Giữa mùa hoa khói, châu Dương xuôi dòng.
Bóng buồm đã khuất bầu không,
Trông theo chỉ thấy dòng sông bên trời.

Tứ thơ có nỗi buồn chia ly vời vợi mà vẫn sảng khoái, trong sáng; hướng về tương lai, như còn hẹn một ngày tái ngộ. Nhưng với Đỗ Phủ thì tứ thơ lại sầu muộn thâm trầm, ảo não lắng đọng; có vẻ chỉ sống cùng ngày cũ không bao giờ trở lại:

Phong cấp thiên cao viên khiếu ai,
Chử thanh sa bạch điểu phi hồi.
Vô biên lạc mộc tiêu tiêu há,
Bất tận Trường giang cổn cổn lai...
(Đăng cao)

(Gió thổi, trời cao, tiếng vượn kêu rầu rĩ,
Bến nước trong, làn cát trắng, chim bay liệng vòng.
Ngàn cây bát ngát lá rụng xào xạc,
Dòng sông dằng dặc, nước cuồn cuộn trôi)

Trần Trọng Kim dịch thơ:

Trời cao, gió mạnh, vượn kêu,
Bãi quang, cát trắng, chim chiều bay quanh.
Miên man lá rụng điêu linh,
Nước sông cuồn cuộn, mông mênh chảy dào.

Ngày trước, có những tứ thơ rất quen thuộc với giới sáng tác.

Về thời gian, trước cảnh chiều tà, tự dưng bừng dậy những tình cảm xúc động vì bóng xế trôi chầm chậm, vì buồn nhớ quê nhà, vì oán trách chia cách, vì lữ thứ cô đơn...

Bước tới đèo Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa (...)
Dừng chân đứng lại: trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng, ta với ta.

(Bà Huyện Thanh quan. *Qua Đèo Ngang*)

Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,
Tiếng ốc xa đưa vẳng trống đồn (...)
Kẻ chốn Chương đài, người lữ thứ,
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn.

(Bà Huyện Thanh quan. *Chiều hôm nhớ nhà*)

(...) Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương (...)
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ,
Cảnh đấy, người đây luống đoạn trường.

(Bà Huyện Thanh quan. *Thăng long thành hoài cổ*)

Những cảnh chiều trong đời Thúy Kiều thường là những cảnh nhuốm màu thê lương ảm đạm, ngay cả khi buổi chiều thuộc vào một ngày xuân hội hè đình đám, rộn rịp náo nhiệt. Đó là khi tạo hóa bắt đầu im lìm chìm đắm vào bóng tối, khi tâm hồn lặng lẽ vẩn vơ linh cảm thấy một nỗi buồn nhè nhẹ, vô cớ:

51 *(*) Tà tà bóng ngả về Tây,*
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.

Đó là buổi chiều chia ly cùng người mới gặp chưa hề quen biết:

167 *Bóng tà như giục cơn buồn,*
Khách đà lên ngựa người còn ghé theo.
Dưới dòng nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.

Đó là buổi chiều khắc khoải suy tư về duyên kiếp, về tương lai tuy rằng bên ngoài cảnh vật thật là đẹp đẽ lộng lẫy:

171 *Kiều từ trở gót trướng hoa,*
Mặt trời gác núi chiêng đà thu không.
Gương nga chênh chếch dòm song,
Vàng gieo ngấn nước cây lồng bóng sân.

Đó cũng là buổi chiều nổi tiếng trên lầu Ngưng bích:

1047 *Buồn trông cửa bể chiều hôm,*
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.

Ngay chàng Kim cũng sống những buổi chiều u tịch tiêu điều, chẳng hạn khi lần đầu tiên đến Vườn Thúy:

263 *Gió chiều như giục cơn sầu,*
Vi lô hiu hắt như màu khơi trêu.

Từ thơ quen thuộc đó - chia ly, hoài niệm, cô đơn - cũng thường xuất hiện khi thi nhân đời Đường hạ bút viết các định ngữ văn học *tịch dương, nhật mộ, tà huy v.v...*

Xuân triều đới vũ, vãn lai cấp,
Dã độ vô nhân, chu tự hoành.

(Vi Ứng Vật. *Trừ châu tây giản*)

(Thủy triều mùa xuân đem theo mưa, trời sập tối;
Đò đông quạnh vắng, con thuyền tự quay ngang)

Nhật mộ hương quan hà xứ thị,
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.
(Thôi Hiệu. *Hoàng hạc lâu*)
(Trời tối rồi, đâu là quê hương mình,
Trên sông khói tỏa, sóng gợn, khiến người sinh buồn)
Bạch nhật hành dục mộ,
Thương ba diểu nan kỳ.
(Lý Bạch. *Tống Trương xá nhân chi Giang đông*)
(Ngày trắng trôi qua, trời sắp tối,
Sóng lạnh thăm thẳm khó hẹn ngày gặp)
Nhật sắc dục tận hoa hàm yên,
Nguyệt minh như tố sầu bất miên.
(Lý Bạch. *Trường tương tư*)
(Mặt trời sắp lặn, hoa ngậm khói,
Trăng sáng như lụa trắng, buồn không ngủ)
Phong nguyệt tự thanh dạ,
Giang sơn phi cố viên.
(Đỗ Phủ. *Nhật mộ*)
(Đêm thanh tĩnh đầy thú gió trăng,
Sông núi khác xa nơi quê cũ)
Tịch dương y cựu lũy,
Hàn thanh mãn không lâm.
(Lưu Trường Khanh. *Thu nhật đăng Ngô công đài thượng tư viễn điểu*)
(Chiều tà đứng tựa lũy xưa,
Tiếng gió lạnh reo khắp rừng)
Bình sa nhật vị một,
Ẩm ẩm kiến Lâm thao.
(Vương Xương Linh. *Tái hạ khúc*)
(Trên bãi cát phẳng, mặt trời chưa lặn,
Mờ mờ còn thấy được Lâm thao)
Tịch dương vô hạn hảo,
Chỉ thị cận hoàng hôn.
(Lý Thương ẩn. *Đăng Lạc Du nguyên*)
(Cảnh chiều đẹp vô hạn,
Chỉ phải đã tối rồi)
Thành thượng tà dương họa giác ai,
Thẩm viên phi phục cựu trì đài.
Thương tâm kiều hạ xuân ba lục,

Tằng hữu kinh hồng chiếu ảnh lai.

(Lục Du. *Thẩm viên*)

(Trên thành chiều xế nghe tiếng tù và buồn thảm,
Vườn thẩm nay không còn cảnh ao đài ngày cũ.
Đau lòng nhìn lớp sóng xuân xanh biếc dưới cầu,
Nơi con chim hồng sợ hãi từng soi hình bóng)

Các tác giả Việt Nam, khi sáng tác theo thể Đường luật, cũng không đi ra ngoài thông lệ nầy:

Nhật mộ độc trầm ngâm,
Tam vãng vọng thành bắc.

(Cao Bá Quát. *Đắc gia thư thị nhật tác*)

(Trời đã tối một mình trầm ngâm,
Ba lần trở ra, nhìn về phía bắc thành).

Triều môn ngư tống tịch dương thuyền,
Mang mang viễn thủy tam xuân thụ,
Lạc lạc nhân gia lưỡng ngạn yên.
Cực mục hương quan tại hà xứ?

(Nguyễn Du. *Thanh quyết giang vãn điếu*)

(Lúc chiều tà, nhà chài đưa thuyền ra khi triều dâng.
Phía xa, nước sông mờ mịt lẫn bóng cây mùa xuân,
Khói bay lên từ mấy nóc nhà lác đác hai bên bờ sông.
Cố rán mắt nhìn xem quê hương mình ở chỗ nào)

Trường đồ nhật mộ tân du thiểu,
Nhất thất xuân hàn cựu bệnh đa.

(Nguyễn Du. *U cư*)

(Đường dài, trời về chiều, không có bạn mới,
Một nhà xuân lạnh, bệnh cũ lại nhiều)

Ba ba bạch phát hồng trần lộ,
Nhật mộ đăng cao bi mạc bi.

(Nguyễn Du. *Tổ sơn đạo trung*)

(Giữa đám bụi hồng làn tóc trắng phau,
Chiều rồi leo núi không gì buồn bằng).

Trong con mắt các nhà thơ, dường như vào lúc mặt trời khuất núi, tất cả đều tựa hồ sắp tiêu tan biến mất, ngày mai có vẻ không còn thuộc về họ nữa. Ngay người thiếu nữ của ca dao lấy chồng xa ngái cũng thương nhớ mẹ già vào một buổi chiều:

Chiều chiều ra đứng ngõ sau,
Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều.

Tư duy hình tượng trong sáng tác mỹ học luôn luôn kết hợp thế giới

tinh thần của nhà thơ với sự vật ngoại giới. Trong giây phút cảm hứng xúc động, trí tưởng tượng như được chắp cánh bay tới nơi vạn dặm. Nhà thơ khi ngẩu hứng ngâm nga, bên tai dường như nghe tiếng vàng tiếng ngọc lảnh lót; hoặc khi mắt nhìn chăm chú, tưởng như trông thấy cả cảnh gió mây biến ảo khôn lường. Đó là những hiện tượng tâm sinh lý của quá trình cấu tứ nghệ thuật. Lưu Hiệp trong *Văn tâm điêu long*, thiên *Thần tứ*, cho rằng *cố tứ lý vi diệu, thần dữ vật du* (cấu tứ văn học thật là kỳ diệu, thần và vật cùng chu du). Cái *thần* bài thơ hòa đồng cùng cảnh vật tự nhiên.

Cho nên xét trong **không gian**, mới có tứ thơ quen thuộc đặt đối lập tính hữu hạn của đời người với cảnh thiên nhiên vĩnh cửu. Rất nhiều bài thơ, bài từ chọn lối cấu tứ này; chúng thực hiện sự chuyển hóa những quan hệ mà giác quan ghi nhận và tư duy suy diễn. Chúng ta đã có dịp đề cập đến Lục Du với *Thẩm viên*. Còn có thể kể lắm ví dụ khác:

Một Lý Dục trong bài từ điệu *Lãng đào sa*:

Độc tự mạc bằng lan!
Vô hạn giang san,
Biệt thì dung dị kiến thì nan.
Lưu thủy lạc hoa xuân khứ giả,
Thiên thượng nhân gian!
(Một mình không đành tựa chấn song!
Núi sông trải khắp,
Chia ly vốn dễ, tái hồi khó quá.
Nước chảy, hoa trôi, xuân qua mất,
Trên trời và trong lòng!)

Một Trần Tử Ngang trong *Đăng U Châu đài ca*:

Niệm thiên địa chi du du,
Độc thương nhiên nhi thế hạ.
(Nghĩ trời đất mênh mông vô cùng,
Riêng một mình sa nước mắt)

Một Ngô Vĩ Nghiệp trong *Viên Viên khúc*;

Hoán vũ di cung vạn lý sầu,
Châu ca thúy vũ cổ Lương châu.
Vị quân biệt xướng Ngô cung khúc,
Hán thủy đông nam nhật dạ lưu.
(Đổi bậc thay ngôi nghĩ lại buồn muôn dặm,
Điệu nhạc tiêu vong nhớ khúc Lương châu cũ.
Tiếng hát khúc cung Ngô còn chưa tắt,
Ngày đêm sông Hán chảy xuôi dòng)

Một Lý Bạch trong *Tô đài lãm cổ:*
Chỉ kim duy hữu Tây giang nguyệt,
Tằng chiếu Ngô vương cung lý nhân.
(Hiện nay chỉ có vầng trăng trên Tây giang,
Đã từng chiếu người trong cung vua Ngô thuở trước)

Một Tô Đông Pha trong bài từ điệu *Giang thành tử:*
Tùng sử tương phùng ưng bất thức,
Trần mãn diện,
Mấn như sương.
Liệu đắc niên niên trường đoạn xứ,
Minh nguyệt dạ,
Đoản tùng cương.
(Dù có gặp nhau cũng chẳng nhận ra nhau,
Gương mặt đầy cát bụi,
Tóc mai đà bạc trắng như sương.
Tưởng chừng năm năm đứt ruột,
Mỗi lúc đêm trăng sáng,
Trên đồi ngả bóng thông)

và cả một Lamartine nơi phương trời Tây trong *Le lac* vô cùng quen thuộc:
O lac! l'année a peine a fini sa carrière,
Et près des flots chéris qu'elle devait revoir,
Regarde! Je viens seul m'asseoir sur cette pierre
Où tu la vis s'asseoir!

Lãng Nhân dịch thơ:
Hồ hỡi hồ, năm trường vừa lụi
Thạch bàn đây, ta lại ra ngồi
Một mình cô quạnh bời hồi
Nhớ xưa, này chốn lứa đôi tâm tình
Ai những ước cùng mình trở lại
Nhìn sóng yêu mà giãi lòng nhau.

Có một điều đặc biệt, chưa chắc đã là ngẫu nhiên: tứ của những bài thơ bài từ loại nầy thường nằm ở câu chót hay đoạn chót; dường như tất cả tinh lực của thi sĩ đổ vào đấy.

Lối cấu tứ xoay quanh những ý tưởng chỉ đạo như thế có kết quả là sự vay mượn ý thơ, tứ thơ từ người đời trước mà không một chút mặc cảm. Tứ thơ của Lý Thương ẩn trong bài *Vô đề*: *Xuân tàm đáo tử ti phương tận* đã được Nguyễn Du chuyển thành *Con tằm đến thác hãy còn vương tơ* trong *Truyện Kiều*, câu 1976. Lời thơ Thôi Hiệu kết thúc bài *Hoàng hạc lâu*:

Yên ba giang thượng sử nhân sầu giống câu thơ chấm dứt thi phẩm Nguyễn Trung Ngạn đời Trần truy điệu Trần Quốc Toại *Yên ba vạn khoảnh sử nhân sầu* như hai giọt nước. Hai câu thơ cuối bài ngũ ngôn tuyệt cú của Vương Kiến đời Đường trong *Cố hành cung:*

Bạch đầu cung nữ tại
Nhàn tọa thuyết Huyền Tông
(Các cung nữ bạc đầu còn lại
Ngồi rỗi kể chuyện đời Huyền Tông)

rất có thể đã được chất xám đại não của vua Trần Nhân Tông nước ta ghi nhận trước khi Hoàng thượng tức cảnh nơi Chiêu lăng

Bạch đầu quân sĩ tại
Vãng vãng thuyết Nguyên Phong
(Người lính già đầu bạc còn đến ngày nay
Thường kể lể chuyện đời Nguyên Phong)

Để diễn tả ý: quân công được ghi nhận khi người chiến sĩ ca khúc khải hoàn, *Chinh phụ ngâm* viết *Tên ghi gác khói, tượng truyền đài lân* (câu 388) còn *Truyện Phan Trần* thì *Công ghi gác phượng, danh truyền đài lân* (câu 922). Lời thơ *Tỳ bà hành* của Bạch Cư Dị *Thương nhân trọng lợi khinh biệt ly* sắp xếp lại, đổi ít chữ là thành câu thơ bản *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn *Hành quân trọng pháp khinh ly biệt*. Vả lại, toàn bản *Chinh phụ ngâm* của nhà nho làng Nhân mục là đại biểu cho lối sáng tác theo cách tập cổ: phần lớn các câu thơ trong đó nếu không lấy nguyên ý hay dùng nguyên lời thì cũng phỏng theo các câu thơ cổ trong nhạc phủ, Đường thi của Trung văn rồi bố trí lại, bổ sung thêm. Đọc *Khách chí* (Khách đến) của Đỗ Phủ

Bàn sôn thị siễm vô kiêm vị,
Tôn tửu gia bần chỉ cựu phôi. (4)

tự nhiên cứ thấy nhớ đến hai nhà thơ họ Nguyễn của Việt Nam:

Túi đã không tiền khôn chác rượu,
Vườn tuy có cúc chửa đâm hoa.
(Nguyễn Trãi. *Về Côn sơn ngẫu tác ngày trùng cửu*)
Đã bấy lâu nay bác tới nhà,
Trẻ thời đi vắng chợ thời xa.
(Nguyễn Khuyến. *Bạn đến chơi nhà).*

Hai con người, hai cảnh ngộ, nhưng ít nhiều cũng cùng một chút tâm sự, nên Nguyễn Du và Cao Bá Quát có cùng một tứ thơ:

Danh lợi doanh trường lụy tiếu tần.
(Nguyễn Du. *Xuân tiêu lữ thứ*)
(Trên đường danh lợi buồn hay vui cũng không được tự nhiên)

Duyệt thế phương tri kiệm tiểu tần.

(Cao Bá Quát. *Tặng Dị Xuân*)

(Từng trải đời người mới biết dè dặt khi vui hay buồn).

Cho nên William D. Borrowes - và nhiều người khác - mới nhận xét rằng: "Các nhà thơ lớn nhất đời Đường như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Cao Thích và Bạch Cư Dị (...) không bao giờ ngần ngại sử dụng và tái dụng một đề tài cũ và thi ca Trung văn xưa chấp nhận sự tái hiện thường xuyên của cùng những tứ thơ và hình tượng, nhất là thi ca thời đại cổ điển". (5)

Mỗi bài thơ là một đơn vị cấu trúc đồng thời cũng là một đơn vị chức năng hoàn chỉnh, giống như một tế bào trong cơ thể sống. Và nếu tiếp tục so sánh với tế bào, thì tứ thơ là nhân. Có lẽ có thể đi xa hơn: tứ thơ là DNA chứa đựng mật mã di truyền của sự sống, là ATP tích lũy và cung cấp năng lượng cho mọi hoạt động sống. Làm thơ thường thiên về những diễn biến nội tâm. Câu thơ có thể mang vỏ ngôn ngữ bình thường mà nhiều lúc chứa đựng nhân tâm lý rất sâu làm bàng hoàng kinh ngạc người đọc. Câu thơ đó nói lên cái tứ của bài thơ. Nhưng cũng có khi thơ tả cảnh: trong trường hợp nầy, tứ thơ thường qui chiếu vào từ; từ chính xác, độc đáo sẽ cho tứ lạc phách, *kinh nhân* (6). Sức sống nội tâm dồn nén khiến Cao Bá Quát nhìn dòng sông Hương mà thấy *Trường giang như kiếm lập thanh thiên* (Sông dài như lưỡi kiếm dựng trời xanh) (7); còn một bông hoa dại mọc trong vườn thì trở thành một nguồn năng lượng nhiệt học *Chu hoa dục nhiên hạm* (Màu hoa đỏ chói như muốn đốt cháy lan can) (8). Tô Đông Pha lên lầu Vọng hồ ở Hàng châu vào một ngày mưa. Nhà thơ nhìn toàn cảnh mây nước nẩy ra tứ thơ *mực* từ mây đổ xuống và những giọt mưa *nhảy nhót* trên khoang thuyền:

Hắc vân phiên mặc vị già sơn,
Bạch vũ khiêu châu loạn nhập thuyền.
(*Lục nguyệt nhị thập thất nhật Vọng hồ lâu túy thư*)
(Mây đen vẩy mực vẫn chưa che kín núi,
Mưa trăng gieo ngọc châu tơi tả vào thuyền).

Bản dịch thơ của Nam Trân

Mây đen trút mực chưa nhòa núi,
Mưa trắng gieo châu nhảy rộn thuyền.

và của Trần Trọng San

Mây vẩy mực đen chưa lấp núi,
Mưa vung ngọc trắng ngập thuyền ai.

Chỉ với mấy nét bút nhanh khỏe mà tinh tế, nhà thơ đã lột được cái thần của một cơn dông trên Tây hồ. Bởi thế Paul Demiéville mới đánh giá: bút pháp duyên dáng, lỗi lạc và lãng mạn (9) rồi dịch là

Les noirs nuages versent leur encre, mais sans boucher encor les monts;

La blanche pluie, en perles sautillantes, inonde notre barque.

Vị tổ thứ hai của dòng thiền Trúc Lâm, Pháp Loa, vì "công tác" nên phải rời chùa xuống núi. Nhà thơ nhập thế trong tâm trạng của kẻ xuất thế, nhập gia với tấc nôi của kẻ xuất gia. Tình cảm có giằng xé, suy nghĩ có đối kháng nhưng không đến nỗi quá trầm trọng để đưa đến bế tắc, khủng hoảng. Trên triền non, xúc động đó đưa đến tứ thơ *quyến luyến núi xanh* của kẻ hạ sơn. Nhưng thi nhân tinh tế không nói trắng ra mà chỉ mô tả con đường đi ngày một xuống thấp dần và quay đầu lại thì núi cao chót vót, gầy sương khói và đẹp rực rỡ trong ánh chiều thu cơ hồ đà khuất dạng qua tầm nhìn trong khi con đường trước mặt (đường núi? đường đời?) chưa biết sẽ dẫn mình đến đâu:

Sơ cấu cùng thu thủy,
Sàm nhan lạc chiếu trung.
Ngang đầu khan bất tận,
Lai lộ hựu trùng trùng.
(Nhập tục luyến thanh sơn)
(Rặng núi gầy mảnh in bóng xuống đáy nước mùa thu,
Đỉnh núi chót vót dưới ánh mặt trời.
Ngẩng đầu lên nhìn thấy không cùng,
Con đường đi tới lại càng lắm ngả).

Rõ ràng là tâm sự một người dấn thân nhập cuộc nhưng vẫn cứ dùng dằng, phân vân.

Văn học vận động và tiến hóa theo từng thời kỳ, theo từng kỷ lịch sử của mỗi dân tộc hay mỗi vùng văn hóa cũng như trong toàn bộ lịch sử loài người và trên khắp mặt quả đất. Những nguyên tắc nhận thức con người và thế giới, những tư tưởng về hình thức nghệ thuật, đến một thời điểm nào đó, tự dưng trở thành già cỗi và lạc hậu. Giới sáng tác liền chịu một động lực thúc đẩy đưa đến những phương pháp biểu hiện cảm xúc mới mẻ, những hình thức ghi chép hiện thực cách tân, những tư tưởng mỹ học thay đổi. Chẳng hạn trong lĩnh vực sáng tác tác phẩm tự sự Pháp ngữ, chúng ta chứng kiến, cách đây đôi ba thập niên, sự ra đời của trường phái tiểu thuyết mới (*nouveau roman*) và kế đó, trường phái tiểu thuyết mới mới (nouveau nouveau roman) (10).

Với thi ca cũng vậy. Apollinaire cho rằng: *"thi sĩ muốn chế ngự sự tiên tri"* (11). Chủ ý của nhà thơ Pháp là đặt vấn đề: những tiến triển của khoa học mang lại cho con người một cái nhìn mới về ngoại giới, như vậy

nghệ sĩ sáng tác cũng phải thay đổi nhãn quan thi ca. Trong quá khứ, Victor Hugo thành công qua *Truyền thuyết các thời đại* (La légende des siècles) vì tập hùng ca nầy miêu tả những chặng đường lịch sử của nhân loại và phác họa tương lai vĩ đại của loài người, ca tụng sự tiến bộ vào một thời điểm con người bắt đầu đặt niềm tin vào phát minh khoa học và thể chế dân chủ. Vậy hôm nay, có thể nào chấp nhận Nàng Thơ cứ tiếp tục sử dụng những hình tượng thi ca về bầu trời do vũ trụ nguyên thủy luận của thời thượng cổ cung cấp, trong khi tầm nhìn cõi càn khôn hiện đại là của Einstein, của các phi hành gia vũ trụ? Phải chăng thi nhân hôm nay có phận sự phát hiện một hệ hình tượng phô diễn được tính mẫn cảm của hồn thơ đối trước các kích thước hoàn vũ mới mẻ? Jean-Claude Renard đã thử đi bước đó: trong *Thánh thi Phục sinh* (Psaume de Pâques), nhà thơ du nhập hình tượng máy bay vào nghệ thuật vần điệu ngôn từ. Hàng ngàn năm rồi, từ đông sang tây, thi ca đặt đối lập tính mong manh của con người (hay của đời người) với tính vĩnh cửu (hay tính biến dịch) của tạo vật. Một chủ đề như vậy liệu còn có ý nghĩa không khi mà con người có đủ phương tiện để hủy diệt mọi mầm mống sinh vật, động vật hay thực vật, trên một quốc gia, trên một phần địa cầu, bằng bom nguyên tử? Chỉ có phi tần mới nghĩ rằng

89 *Quyền họa phúc trời tranh mất cả,*
Chút tiện nghi chẳng trả phần ai.
(Cung oán)

chứ một nhà thơ nữ sắp bước vào một thiên kỷ mới lẽ nào lại chịu *nhún mình đến thế!*

Trong những điều kiện tân thời, quyền năng con người lớn hơn quyền năng hóa công, thiên địa trở thành dễ tổn thương hơn nhân loại. Nhiều tiểu thuyết gia hiện đại đã nhận thức rằng các phương tiện giao thông liên lạc siêu tốc ngày nay bắt buộc phải chi phối tầm nhìn vũ trụ của ngòi bút dựng truyện, khiến tác gia tự sự phải vận dụng một kỹ thuật mới. *Hệ thống hàng không* (Réseau aérien) của Saint-Exupéry, *Di động* (Mobile) của Michel Butor là những mẫu mực sáng tác theo đường hướng nầy. Khi sinh học đi vào lĩnh vực gen, khi y khoa nghiên cứu chất sống ở mức độ nguyên tử, phân tử thì ít nhất cũng phải có một Apollinaire trong *Đồi* (Collines) làm thơ viễn kiến về phân tâm học:

Profondeurs de la conscience
On vous explorera demain
Et qui sait quels être vivants
Seront tirés de ces abimes
Avec des univers entiers!

(Ngày mai con người sẽ thám hiểm
Những vực sâu của ý thức
Và ai biết được là sẽ có những sinh vật nào
Được trục ra từ những vực thẳm đó
Cùng với những vũ trụ trọn vẹn!)

Đi sát cuộc đời hơn, thể hiện được những cách nhìn nghệ thuật lạ, phản ảnh được các khía cạnh mới của cuộc sống, tứ thơ chưa biết rồi đây sẽ còn cất cánh bay bổng đến những khung trời cao xa nào.

CHÚ THÍCH:

(*) Số thứ tự câu thơ theo *Truyện Kiều* bản chuẩn với 3254 câu. Đối với các truyện Nôm khác cũng vậy.

(1) Chữ này 囟 *Hán Việt từ điển* Đào Duy Anh phiên âm là *tấn*, *Hán Việt tự điển* Thiều Chửu phiên âm là *tín*, *Từ điển Hán Việt hiện đại* do Nguyễn Kim Thản chủ biên phiên âm là *tấn*.

(2) Chu Mạnh Trinh. *Bài tựa Truyện Kiều*.

(3) agréables déserts, séjours de l'innocence (Ode à la solitude: *Tình thi cô liêu*)

(4) Chữ 飧 Trần Trọng Kim phiên âm là *sôn*, Trần Trọng San phiên âm là *xan*; Thiều Chửu phiên âm là *sôn*, nhưng ghi thêm: cũng đọc là chữ *tôn*, chữ *san*. Hai câu thơ này nghĩa là: Vì chợ xa nên mâm cơm không có đủ vị / Bởi nhà nghèo nên trong chén chỉ có rượu cặn cũ.

(5) The greatest of the Tang poets, such as Li Po, Tu Fu, Kao Shih and Po Chu-I, (...) never hesitated to take and rework an old theme, and the constant reoccurence of the same ideas and symbols was completed accepted in ancient Chinese poetry, particularly that of the classical period. (William D. Borrowes. *Chinh phu ngam or Lament of a warrior's wife. Asiatische Studien* (Etudes asiatiques), Santa Barbara and Paris. 1955, p. 72-94)

(6) Đỗ Phủ từng bảo *Vi nhân tính tích đam giai cú / Ngữ bất kinh nhân tử bất hưu* trong bài thơ *Giang thượng trị thủy như hải thế liêu đoản thuật*, nghĩa là: Con người có tính kỳ cục là đam mê câu hay / Cho nên nếu lời thơ của ta không kinh động người đọc thì tới chết ta vẫn chưa thôi sửa chữa

(7) *Hiểu quá Hương giang* (Buổi sáng qua sông Hương)

(8) *Viên trung thảo* (Cỏ trong vườn)

(9) pòete gracieux, généreux et romantique. (Paul Demiéville. *Anthologie de la poésie chinoise classique*. Gallimard. Paris. 1978. p. 346)

(10) Khoảng năm 1958, khái niệm *trường phái tiểu thuyết mới* được dùng ở Pháp để chỉ một nhóm tiểu thuyết gia mà những cố gắng, thoạt tiên cá thể và rời rạc, có vẻ như càng về sau càng nhằm giải đáp một số vấn đề làm bận trí giới sáng tác. Thuật ngữ ước lệ này *(le nouveau roman)* chỉ tác phẩm của những cây bút Samuel Beckett, Nathalie Sarraute, Claude Simon, Marguerite Duras, Michel Butor,

Alain Robbe-Grillet, Robert Pinget, Louis-René des Forêts, Jean Lagrolet, Claude Ollier, Claude Mauriac, Daniel Boulanger, Jean Thibaudeau, Marc Saporta, Jean Ricardou v.v... Họ chủ trương tạo ra một kiểu cách trần thuật không có cốt truyện và không có nhân vật vì họ cho rằng kỹ thuật tiểu thuyết truyền thống đã cạn kiệt; họ quan niệm bản thân khái niệm cá nhân như văn học tự sự quá khứ mô tả và lý giải đã trở nên cổ lỗ; họ phấn đấu giấu diếm tối đa tính chủ quan là đặc tính có vẻ đồng thể trong nghệ thuật của họ. Cho nên nhân vật *tiểu thuyết mới* có lý lịch cá nhân rất sơ sài, ngoại hình và tư cách chỉ được vẽ phác chấm phá, các dữ kiện về thời gian và nơi chốn được trình bày cực mơ hồ. Trái lại các biến cố được tường thuật với rất nhiều chi tiết, và lắm chi tiết tỏ ra không cần thiết cho kỹ thuật tự sự. Sở dĩ như vậy là vì *tiểu thuyết mới* muốn rằng cả độc giả lẫn nhân vật đều không phải chịu sự chi phối của đặc quyền tác giả; các sự kiện trần thuật tự bản thân chúng mang ý nghĩa cần thiết và người đọc phải tự mình khám phá ra ý nghĩa đó mà không hề cảm thấy bị tác giả dẫn dắt lèo lái. Vận dụng những thủ thuật vừa kể, tiểu thuyết mới phấn đấu tạo ra một thế giới tiểu thuyết hiện thực hơn, vì nó cố gắng tái hiện chính ngay tính phức tạp của cuộc sống, vì nó từ chối không chấp nhận mọi phê phán đạo đức hay thẩm mỹ tiên nghiệm; thay vào đó nó chỉ đơn thuần tường thuật, tường thuật một cách có vẻ khách quan các cảm giác và cảm nghĩ của nhân vật. Nathalie Sarraute (sinh năm 1902) viết những tác phẩm được Jean-Paul Sartre gọi là *phản tiểu thuyết* (anti-romans) đi ngược lại quan niệm cổ điển về tiểu thuyết: thay vì dựng nên những sự việc và nhân vật tưởng tượng hoặc có thể có thực hay tạo ra ảo tưởng trình bầy toàn bộ một câu chuyện, nhà văn nữ chỉ mô tả chi li những hiện tượng tâm lý xuất hiện rồi tiêu tan nhanh chóng, sử dụng hình ảnh văn học gợi ra những tư duy và tình cảm mập mờ, chưa lộ diện trong ý thức, kết quả là dẫn đến những hành động có vẻ như vô lý. Trong luận văn về tiểu thuyết *Thời đại nghi ngờ* (L'ère du soupcon), bà trình bầy ý kiến cá nhân liên quan đến thể loại tự sự. *Nhà hành tinh* (Le planétarium) quay về vận dụng một số biện pháp quen thuộc của tiểu thuyết và giới thiệu cùng độc giả những nhân vật phân hóa, bố cục tình tiết một mưu mô. *Chân dung một người lạ mặt* (Portrait d'un inconnu) phác họa sự nghi kỵ giữa bố và con gái. Samuel Beckett sinh năm 1906, giải thưởng Nobel văn chương năm 1969, vừa viết kịch vừa viết tiểu thuyết, vừa viết bằng tiếng Pháp vừa viết bằng tiếng Anh. Thoạt tiên nổi tiếng khắp thế giới vì hai vở kịch *Chờ đợi Gô-đô* (En attendant Godot) và *Tàn cuộc* (Fin de partie). Tiểu thuyết có *Mơ-phi* (Murphy, tiếng Anh rồi tiếng Pháp), *Mô-lôi* (Molloy), *Ma-lô-nơ chết* (Malone meurt), *Sao lại thế* (Comment c'est). Nhân vật chính hầu như vẫn là một nhưng mang tên khác nhau tùy tác phẩm. Đó là một con người hoàn toàn không có đặc trưng tâm lý, không có khu biệt thời gian và không gian sinh hoạt. Tản văn của Beckett không chấm câu, không xuống hàng, không có ký hiệu đối thoại; nó gạt bỏ mọi yếu tố cú pháp và văn phong, vì thế đọc rất cực nhọc; đó là một loại "tiểu thuyết" bất chấp bố cục cấu tạo. Alain Robbe-Grillet (sinh năm 1922) viết *Những cái tẩy* (Les gommes), *Kẻ nhìn trộm* (Le voyeur), *Ghen* (La jalousie) v.v... Tác giả có vẻ chỉ muốn đặt sát nhau những cách mô tả khách quan, để cho giới thường ngoạn tuần tự chiêm ngưỡng những

bức tranh luôn luôn hạn chế: căn buồng, ngôi nhà, hòn đảo, thành phố; tác phẩm đưa ra những khuôn mặt, những cử chỉ trung tính, bản thân chúng không mang ý kiến gì của tác giả. Bằng kỹ thuật đan những hình ảnh như vậy, Robbe-Grillet muốn gợi lên sự cô đơn siêu hình của nhân vật; các sự việc và các tính cách xuất hiện dần dà, tùy theo sự quan sát của độc giả hay chính nhân vật trong tác phẩm. *Năm ngoái ở Ma-rin-bát* (L'année dernière à Marienbad) và *Người bất tử* (L'immortelle) là phim ảnh do Robbe-Grillet dàn dựng; nhưng chúng không phải chỉ là tác phẩm chiếu bóng, chúng còn là những cuốn sách minh họa, những tiểu thuyết xinê (*ciné-romans*). Kỹ thuật điện ảnh được phiên chuyển thành từ ngữ văn học: lấy khung, tác hiệu bất động rồi chuyển động các nhân vật, xen kẽ bối cảnh gần và xa v.v... Trong tác phẩm *Thay đổi* (La modification) của Michel Butor (sinh năm 1926), nhân vật nói về mình với mình, nhân vật vừa là chủ thể quan sát vừa là đối tượng quan sát; tiểu thuyết trình bầy những suy nghĩ về những biến cố vô nghĩa xảy ra trong một toa xe lửa. Một người có vợ đi từ Paris qua Rome định tìm nhân tình cũ để cùng nàng làm lại cuộc đời ở Paris. Tư duy và tình cảm nhân vật pha trộn trong dĩ vãng, hiện tại và tương lai; cuối cùng có "thay đổi" quyết định. *Hành lang Mi-lăng* (Passage de Milan) khai thác cấu trúc thời gian quá khứ của một nhân vật cố gắng tìm hiểu mình, dĩ vãng và hiện tại luôn luôn đan quyện với nhau; cốt truyện mang dáng dấp một âm mưu trinh thám xảy ra trong một tòa nhà sáu tầng, từ bảy giờ chiều đến bảy giờ sáng. Kế tục trường phái *tiểu thuyết mới* có trường phái *tiểu thuyết mới mới* (nouveau nouveau roman) thành hình khoảng 1963-1964, qui tụ những tác giả có vốn liếng kiến thức rộng, có lề lối suy nghĩ sâu, có thiên hướng nhiệt tình lưu tâm đến các vấn đề thời đại. Những người cổ xúy chính yếu là Jean-Pierre Faye và Philippe Sollers; ngoài ra còn có Frantz André Burguet, Bernard Lambert, Daniel Oster v.v... Phillipe Sollers (sinh 1936) khởi đầu văn nghiệp với *Thách thức* (Le défi) đăng trên tạp chí *Viết* (Ecrire). Sau khi được giải Fénéon, cho chào đời hai cuốn tiểu thuyết *Một tình trạng cô đơn lạ lùng* (Une curieuse solitude) và *Công viên* (Le parc). Năm 1965, ấn hành *Bi kịch* (Drame), tiểu thuyết mang dáng dấp rất trí thức, có cấu trúc kỹ hà học, nuôi hoài bão trình bầy sáng tác mỹ học một cách hoành tráng dưới hai dạng sáng tạo (cảm hứng) và bị động (nhu cầu do các điều, chuyện được kể lại áp đặt). Sollers chủ biên tập san *Nguyên dạng* (Tel quel) qui tụ những cây bút trẻ say mê viết lách và làm thơ dưới tầm chi phối của các học thuyết ngôn ngữ học đại cương hiện đại.

(11) Les poètes veulent dompter la prophétie. (Diễn văn đọc ngày 26.11.1917 với tựa đề *Tư duy mới và thi sĩ* (L'esprit nouveau et les poètes). Apollinaire là một trong những nghệ sĩ vạch con đường mới cho nghệ thuật hiện đại Tây Âu. Tập thơ *Họa thi* (Calligrammes) có nhiều bài không dùng chấm phẩy, trình bầy các thi phẩm theo cách sắp xếp dựa vào hình vẽ vật nào đó, như một hình thức thơ vẽ hình, nên tôi tạm dịch là Họa thi. Tất nhiên khái niệm *họa thi* trong trường hợp này chẳng liên hệ gì đến trường phái *thi trung hữu họa* quây quần quanh Vương Duy.

Điểm tâm

TRẦN MỘNG TÚ

Buổi sáng
khi cả ngôi nhà
còn nằm ngủ
em thức dậy
điểm tâm
bằng câu thơ Thanh Tâm Tuyền
"Anh ôm em trong tay mà đã nhớ em ngày sắp tới"

Gió ở ngoài hồ
đang thổi vào gian bếp nhỏ
chúng mình không ôm nhau hôm nay
nên nỗi nhớ chồng lên
như Kim Tự Tháp
Ôi! Tình yêu hai ta đang
chao đảo ở tầng nào.

Anh yêu
Anh yêu

Bình minh đang trôi trên
những giọt cà phê
Đĩa trứng như một khoanh
mặt trời thái mỏng
cành hoa táo nở nụ cười hồng
ngày đang tới

Gió ở ngoài hồ vẫn thổi
vào gian bếp nhỏ
trong hồn em
run rẩy khóm lau gầy

Anh không ôm em buổi sáng
hôm nay
mà nỗi nhớ ngày mai đã
trùng trùng ập tới.

đặng phùng quân

Đặng Phùng Quân sinh ngày 23.1.1942 tại Nam Định, quê ở Thái Bình, miền Bắc Việt Nam. Dạy Đại học Văn khoa Sài gòn trước 1975. Vượt biên đường bộ sang Thái Lan, sau đó đến định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1981.

Tác phẩm đã xuất bản:

- *Hiện hữu Tha nhân với Gabriel Marcel* (1969)
- *Ca ngợi Triết học* (1970)
- *Triết học và Khoa học* (1972)
- *Triết học Aristote* (1972)
- *Về Tiểu thuyết của Khái Hưng* (1972)
- *Chân dung Triết gia* (1973)
- *Triết học và Văn chương* (1974)
- *Miền Thượng Uyển Xưa* (1983)
- *Văn chương và Lưu đày* (1985)
- *Một Dặm Tương Thân (1987)*

tự truyện

Ngăn kéo thứ nhất

Tôi thường có thói quen buổi sáng vào ngồi uống cà phê ở một quán trung tâm thành phố trước khi đến lớp dạy. Ngoài trời còn nhá nhem, những ô cửa kính mờ hơi sương, những ngọn đèn lục khuất ở các góc tường vẫn cháy sáng, một vài khuôn mặt quen thuộc trầm ngâm trước ly trà bốc khói.Trong sớm mai nỗi nhọc nhằn của một ngày mới bắt đầu.Tôi vẫn thường tự hỏi quanh ta những âm mưu thử thách nào sắp sửa bắt đầu.(1)

Barthes không quan niệm không có tác phẩm, nhưng ông nhận *định tác phẩm hiện đại không thể khả hữu*, khi nhà văn với văn tự của ông còn ở trong một mâu thuẫn không lối thoát:

Trong bất kỳ hình thức văn chương nào, cũng có sự chọn lựa tổng quát một thái độ, một thái độ đạo đức, chính vì những tương quan giữa suy tưởng của nhà văn về xử thế xã hội đối với hình thức và sự chọn lựa của mình, chọn lựa một luân lý về hình thức chọn lựa không khí xã hội mà

trong đó nhà văn quyết định xác nhận bản chất ngôn ngữ của mình.Tóm lại nhà văn định vị trên một thực tế hàm hồ: giao ngộ tương tác gia nhà văn và xã hội; từ cứu cánh tính xã hội này, đưa đẩy nhà văn tới những nguồn lực cần thiết trong sự sáng tạo của ông, bằng một thứ chuyển hoán bi đát.Chính vì không có tư tưởng nào không cần ngôn ngữ mà Hình thức là phán quyết đầu tiên và sau cùng của trách nhiệm văn chương, và chính vì xã hội không hòa giải mà ngôn ngữ, tất yếu và thiết yếu bị chỉ huy, đã tạo dựng cho nhà văn một thân phận xâu xé, xót xa. (2)

Trong văn chương chỉ có *những nhân vật thực (thực sự).*

Trong triết học chỉ có *những nhân vật phi thực (thực chất).*

*Cuộc hành trình của nàng gần ba mươi năm, qua gần nửa vòng trái đất mới gặp lại người yêu (cũ).*Cuộc tình tưởng chừng không bao giờ được thuật lại, ví như một câu thơ ngẫu hứng (dở dang) trên trang giấy trắng trơn

chim sẻ về mùa này trên những cành hoang trong

bỗng nhiên chàng hiểu đó không là ảo tưởng nhưng tập hồ sơ lý lịch thứ nhất trong đời người.

Ngăn kéo thứ hai

Người đàn bà ấy đã nhắc nhở lại nơi chàng cả một thời tuổi trẻ.Những cơn mưa trên phố xá Đà lạt.Chao ơi, lâu lắm rồi chàng mới xuôi về mối tình đầu thuở cũ.Con đường dốc quanh co lên đỉnh đồi dẫn đến ngôi nhà ở chênh vênh cạnh rừng thông bạt ngàn đó.Nhớ.Lúc kéo cao cổ áo, đốt một điếu thuốc, ngừng lại nghỉ một giây mệt mỏi rồi bước trên lối đi lát gạch, bâng khuâng đứng bên cửa nghe tiếng nàng hát nho nhỏ (dường như chỉ để nghe một mình) trong lúc làm bếp.Cô thiếu n mười lăm ấy, với khuôn mặt trăng rằm (chàng thường chế nhạo như thế, cộng với cái răng khểnh làm dáng) là một thế giới thứ nhất đã mất của chàng. (3)

thành phố của nàng nhìn ra Thái bình dương, nơi nhà thơ lưu vong Czeslaw Milosz đã viết những viễn tưởng *Widzenia nad Zatoka San Francisco* –nàng có biết điều đó?

thành phố của nàng mỗi sớm mai chuyến tàu điện chạy ngược từ lâm viên quốc gia về khu thị tứ, tiếng chuông bạt trong gió, nàng cũng đã ra khỏi nhà, đi ngang quảng trường ngăn con lộ chính của trục giao thông nam bắc với khuôn viên Đại học, con đường nhỏ và thảm cỏ được cắt tỉa thành hàng như đánh dấu lối đi vì ngày nào nàng cũng thức giấc đều đặn vào lúc năm giờ ngồi tĩnh tâm đợi ngoài trời sáng rõ (có những buổi sương mù giăng tỏa ngập không gian, nàng nhìn qua khung cửa sổ chờ

ngọn đèn trên nóc cao ốc xa tắt để đánh dấu ngày mới), như một công chức hành chính làm việc đúng giờ, nàng qua khỏi quảng trường để đón chuyến xe sớm nhất tới Dale, chuyến xe với những khuôn mặt quen thuộc theo một lịch trình nhất định, có nhắm mắt nàng cũng tưởng tượng được mỗi người khách đó ngồi ở hàng ghế nào (như) thể một định mệnh ràng buộc (nàng tự cười thầm về ý nghĩ vơ vẩn) trong khi những âu lo mỗi ngày sắp đặt trong đầu như một con toán đố thuở học trò (gọi cho người cán sự mới nhận việc - đo nhiệt độ - làm công việc vệ sinh buổi sáng - hâm nóng thức ăn sửa soạn từ tối hôm trước - đã đến ngày gội đầu - trước khi tắm - trải nệm giường mới - thay tã - mặc áo mới - chải tóc sau khi lau khô cẩn thận để tránh nhiễm cảm - đặt ngồi ở ghế bành với gối dựa êm, chắc - kể từ lúc bà cụ ngã bệnh, căn bệnh của tuổi tám mươi cầm cự theo ngày tháng) nàng thốt lên nho nhỏ trong miệng như vừa chợt khám phá ra một điều mới lạ, như thể sự khó chịu ấm ách trong lồng ngực vừa được cởi bỏ nghe nhẹ nhõm (nàng vừa nhận ra cơn đau ngang thắt lưng bấy lâu là vì chiếc giường bệnh kê cao quá so với tầm vóc của nàng, mỗi khi nàng đỡ mẹ từ chỗ nằm sang phòng tắm), lại một chuyện bận rộn chiếm khoảng trống trong trí mấy ngày (và nàng cảm thấy hạnh phúc với điều đó) những ngày tháng khi còn làm trợ giáo ở Min., nơi nàng tự đặt cho một cái tên là Xứ Tuyết, nghe như tên một tiểu thuyết Nhật bản, mùa hạ cũng nóng bốc lửa, công việc không ràng buộc như bây giờ nhưng sao nàng không cảm thấy chút tự do như giây phút ngồi trên một lộ trình hàng ngày nhất định lúc này.Nàng không thể kể lể cho người nào.

thành phố của nàng, nơi chàng đã đặt chân đến vào tháng mười mang theo câu thơ của Milosz

Bylo nas wielu, z Jass i Koloszwaru, Wilna i Bukaresztu, Sajgonu i Marakesz

Wstydliwie pamietajacych domowe zwyczaje (4)

lũ chúng ta đến từ Jassy và Koloshvar, Wilno và Bucharest, Saigon với Marrakesh nguợng ngùng nhớ lại những tập quán nơi quê nhà

tâm sự thường xảy đến với những người di dân đến chốn này, một thành phố đang thất lạc trong trí nhớ - *bạn có biết mỗi con đường chỉ những con số (lục lạo trong tiềm thức để hình dung cuộc hẹn)/năm sinh, giờ bay và điện thoại dự liệu nếu khi tới/sự biến đến với nàng - hình dung một Đà lạt của riêng nàng và chàng lúc này (tôi vẫn tưởng tượng nàng đứng ở dưới chân dốc, khép tà áo tung lên trong gió, trông theo cho đến lúc xe chạy khuất cuối đường vòng), tôi vẫn tưởng mang đi được cả hình ảnh tuổi mới lớn của nàng (song thất bại) dẫu chiếm đoạt tất tận những giấc mơ khi nàng xa rời trường học (sống với nhau trọn kiếp) - dường như*

thuở ấy chiến tranh còn ở tận góc chân trời nào, (chiến tranh, chia ly, đời sống chỉ là những khái niệm thật mơ hồ đối với nàng) -

đó là câu chuyện ba mươi năm về trước đối với chàng, ở một thành phố *khác* khi chàng khởi cuộc hành trình *này* - theo đuổi một *nhân vật* của chàng

người đàn bà ở một góc khác - không, tất cả chỉ là sự mơ hồ, bắt đầu cho cuộc sáng tạo, hay thật ra chỉ là cơn ái tình làm xong, kéo tới, bao vây lấy cơn buồn ngủ lúc này rủ rê, vỗ về ngã mình xuống tấm nệm để thiếp đi, quên hết trong khi thân hình nhớp nhúa, ý nghĩ thì bồng bềnh trên một khoảnh khắc vừa đoạn lìa với khí hậu của căn phòng 3x4 thước chỉ chứa đủ một cái giường sắt không treo mùng đặt song song với cái bàn xếp những tạp chí nhiều hình ảnh (những cái gáy nhiều màu sắc, dễ nhận ra) khung ảnh chữ nhật mặt nhựa trong suốt lồng chân dung một người đàn bà, nét mặt mờ ảo dưới ánh sáng, đang cười, cái phin cà phê để trên chiếc ly bằng sành nung. (5)

người đàn bà giờ này đã thật trưởng thành (thật sự ở vào lứa tuổi bốn mươi đã tự coi là già lắm rồi, không còn gì để mơ tưởng - như nàng thường nói) - bỗng dưng thời khắc xáo trộn vì chàng xuất hiện

tưởng anh không còn sau cuộc biến động/ý nghĩ của chàng cũng vậy/ *như một lần tự sát/*có thể nào mình gặp lại nhau - ngày xưa mình đã vô tình vì nghĩ sự gần gũi chẳng thể có gì chia cách/*bây giờ em sợ vô tình/* thành phố như một căn phòng ngủ khi hai thân xác kề bên nhau

giữa những thân xác khác, biến dời và nghiêng lệch tùy theo ý nghĩa, thấm nhuần xung quanh và vượt qua ý nghĩa thân xác, luôn luôn cầu khẩn và thu phục nội dung, tự biến đóng kín châu thân, trong nội tại cũng như qua các tri thức đắc thủ, những kinh nghiệm từng trải, những cảm tình nuôi dưỡng, đồng thời cũng khám phá cái trống vắng, sự xóa bỏ m_i nội dung, sự lược giảm hiện diện vào tha tính.(6)

Căn phòng đường Sloat

Ngay từ buổi đầu tiên khi gặp lại nhau, khí hậu tháng mười nơi thành phố nàng ở đã chớm lạnh, cái lạnh không ẩm thấp làm se da thịt, lúc bước chân vào căn phòng, chàng đỡ chiếc áo khoác ngoài của nàng vắt lên thành ghế, họ đã ôm chầm lấy nhau - nàng dụi mặt vào ngực chàng, nghe như thấm những giọt nước mắt tự nhiên ứa ra (và nàng nức nở không nguôi) - rồi một khoảnh khắc nào đó, họ đã nằm bên nhau, thân thể của nàng (người đàn bà chưa qua lần sinh đẻ nào) không một dấu ngấn, đầu vú tròn, đỏ nhỏ xinh xắn, làn da mịn dưới những cảm giác của bàn tay

chàng (và chàng nhận ra một nốt ruồi son ở phía bụng dưới của nàng), chàng thầm thì nói điều đó với nàng - hai người cùng thốt lên cười trong lúc thân xác đã kề bên nhau - *họ cùng chia xẻ một ý nghĩ trong ba mươi năm qua đi tìm kiếm thấy lại* một điều gì đó riêng tư của chính mình *trong xát-na này (ngày xưa, tại sao? em nhát lắm, có thể vì khung cảnh thời trung cổ Đà lạt, có thể để chờ đợi một ngày thực sự em sẽ là của anh, cái ngày ấy đã trở thành ngày dài nhất suốt cuộc hành trình đời người, nghe như tiếng than vãn của nàng/của chàng), cái riêng tư ấy đến thật muộn trên thành phố lạ mặt.*

Mười mấy năm sau khi chàng đặt chân đến xứ sở này, chuyến xe đón người tị nạn ở phi trường đã chạy ngang thành phố về hướng thung lũng, cho đến ngày hẹn đến thăm nàng, chàng mới có dịp trở lại, kể cho nàng nghe lúc lái xe trên con lộ mười chín, chàng đã lạc đường đến tận vùng đồi sát bờ biển (đứng ở trên mỏm đất cao nhìn ra trùng dương xa, chân trời mờ mịt trong sương chiều, hình dung nàng cũng nhạt nhòa) bây giờ hiển hiện trong từng cảm giác, chàng thú thực vẫn như ảo tưởng, "ôm chặt em đi" - nàng thầm thì khuyến khích, *từ lâu rồi...một nơi để trở về, căn phòng, nơi mà tôi (sẽ) phải đến bởi vì không thể là nơi nào khác - thế giới đã dành cho chúng ta một chỗ này* (7), chàng mơ hồ nhớ như đã đọc (viết) ở đâu đó, một chỗ ngồi với nhau ở thềm cát ngoài bãi biển, ngó mông về phía những đợt sóng trùng trùng lớp lớp dội vào bờ thấy một người đàn ông dáng vẻ Á đông đang thổi chiếc kèn đông, âm thanh dạt lại theo chiều gió, nàng tưởng tượng tiếng nhạc đó như nói với mình

Ngăn kéo thứ ba

Khởi đầu là tình yêu. Giống như Cựu Ước viết: Berechit/bara elohim et hachchamáim veet haárets.Derrida cũng khởi từ phần thứ ba trong Rechtsphilosophie *của Hegel để viết: Tôi bắt đầu với tình yêu.Con đường gai góc để nói đến Hegel, đến Genet, đến Freud.Có phải tất cả chỉ là phỉnh gạt? Hãy tin vào sự khởi đầu, vì tình yêu là một khoảnh khắc của Sittlichkeit.*

Hegel ghi nhận trong thiên mở đầu Gia đình:

Liebe heisst uberhaupt das Bewusstseyn meiner Einheit mit einem Anderen, so dass ich fur mich nicht isolirt bin, sondern mein Selbstbewusstseyn nur als Aufgebung meines Fursichseyns gewinne, und durch das mich Wissen, als der Einheit meiner mit dem Anderen, und des Anderen mit mir (8)

tình yêu nói chung mang ý nghĩa ý thức tính thống nhất của ta với tha

nhân, đến độ ta không còn bị cô lập trong ta na, nhưng ta có thể thắng cái tự thức như thể từ bỏ cái ta quy nội, và kể từ cái tự kiến này mà thống nhất được ta với tha nhân cũng như tha nhân với ta

tình yêu lại là *Empfindung* - die Liebe ist aber Empfindung - sự tìm kiếm cái thất lạc trong nhau, khi phút ban đầu của tình yêu là không muốn sống một mình/*dass ich keine selbststandige Person fur mich seyn will*/ta thấy ta trong tha nhân/*dass ich mich in einer anderen Person gewinne*

tình yêu là điều mâu thuẫn không ngờ - *die Liebe ist daher der ungeheuerste Widerspruch* Marx hẳn không thể hiểu quá trình biện chứng này

mâu thuẫn biện chứng của tình yêu với Hegel vượt lên khỏi nhận thức lý luận/den der Verstand nicht losen kann - những mặt đối lập (chung/riêng, khách/chủ, tổng thể/cá thể...); mâu thuẫn gắn bó với Aufhebung/Vereinigung, những vận động dàn trải khắp tư tưởng Hegel khi ông viết tình yêu không có tha thể vì bạn hãy yêu tha nhân như chính bạn - als einen der du ist, vì yêu chính mình là một tiếng không có ý nghĩa (ein Wort ohne Sinn)

tôi không đưa bạn vào con đường hu thần luận của Hegel (bạn có thể theo chân Derrida đọc lại Freud khi phân tích sinh thực khí trong cổ thoại hy lạp, kể rằng mỗi khi nhìn thần Medusa là biến thành tượng đá: khủng cụ của Medusa là niềm khủng cụ bị thiến hoạn gắn liền với cái nhìn, bởi vì đứng trước cái đầu bị cắt và miệng mở rộng chính là đứng trước âm hộ của người mẹ; trong nghệ phẩm biểu hiện tóc trên đầu Medusa bằng hình tượng những con rắn bắt nguồn từ mặc cảm thiến hoạn vì tuy chúng có vẻ dọa nạt nhưng lại làm giảm vẻ khủng khiếp, vì chúng thay thế dương vật mà nguyên ủy của khủng khiếp là do thiếu vắng dương vật (dessen Fehlen die Ursache des Grauens ist) - nhìn đầu Medusa làm bạn sợ cóng đến độ biến thành đá, cóng biểu hiện cương cứng có nghĩa là vẫn còn dương vật)

Hegel nói đến phân hóa thành hai là cội nguồn của nhu cầu triết học (Entzweiung ist der Quell des Bedurfnisses der Philosophie), mối quan tâm của lý trí nhằm chế giảm sự phân hóa này. Đó chẳng qua là một cách nói của quyền năng thống nhất (Macht der Vereinigung), cho nên cần đến triết học chưa hẳn là triết học.Triết học chỉ bắt đầu bằng chính nó.Từ triết học từ tự nhiên đến triết học về tinh thần diễn ra cái vòng biện chứng, khởi từ nhu cầu đến cảm thụ cái khuyết, cái khuyết của cá thể trong giống, cái chia cách của giống trong cá thể, như vận động hàn gắn vết cắt, làm đầy chỗ khuyết như hành động giao hợp của chủng loại (Begattung), làm tình giữa giống cái với giống đực (Geschlechtsverhaltnis).

tình yêu là mâu thuẫn nằm ngay trong phân hóa gia hai giống và chỉ trong giao hợp mới lấy đi sự phân hóa này.Cái cơ động của Aufhebung là quan hệ gia giao cấu và khu biệt đực cái, nhưng giống đực và cái không đối lập như hai từ mà khu biệt của bất phân và phân hoá, như mồng đóc giống với dương vật nhưng thụ động, cái hình thành tiểu âm thần giống như túi dịch hoàn và đường rãnh ngọc hành làm thành âm đạo nơi đàn bà - giao hoan là thụ cảm (das Empfangen) của đàn bà và cử hoạt (das Tatige) của đàn ông, một bên nhận và một bên mất đi

Cái vòng vo chạy đuổi theo nhau như cút bắt trong cuộc làm tình nơi đàn ông/đàn bà thăng hoá thành Aufhebung trong triết lý Hegel âm u đến thế nhà thơ như Francis Ponge vỡ lẽ tại sao khoái đọc ngụ ngôn La Fontaine hơn Schopenhauer hay Hegel vì bớt mệt, lại nhiều thú vị , sạch sẽ hơn và ít lợm (moins fatigant, plus plaisant; plus propre, moins degoutant)

Derrida khi đi tìm hiểu điều đó đã tự hỏi:

Hegel (le philosophe) n'est pas très propre, et il faut, après l'avoir lu, se laver, on dirait même s'en laver les mains... Pourquoi les philosophes seraient-ils, sans compter toutes leurs autres insuffisances, sales?(9)

Hegel (triết gia) không sạch lắm đến nỗi sau khi đọc ông, ta phải đi tắm nếu không muốn nói phải rửa tay na Tại sao các triết gia lại bẩn, chưa kể tới những khiếm khuyết khác?

trong muôn vàn lý do, cái tội nhất của mấy triết gia là cứ "huyên thuyên bất tận"/"volumenplusieurstomineux", không biết cắt ngắn đi và ký tên vì ông nào cũng chối bỏ đặc ng của cái tên mình mà chỉ nói những khái niệm và khái quát chẳng sạch sẽ/thích đáng/impropres

Hành trạng của viết

Tất cả là quyển sách - cuộc phiêu lưu của ch viết bắt đầu.Nhưng tại sao lại hành trạng? Có gì liên quan gia cuộc đời (bio) và chữ viết (graphie)? Quyển sách được khai sinh, những ch được viết ra, dường như tất cả từ hư vô đổ xô dồn lại; không phải vậy, chỉ có sự phân cách mỏng manh gia hai biên giới: bên trong và bên ngoài cuộc đời (10)

Quyển sách triết học đầu tiên chàng đọc là bản dịch của H.Albert từ tác phẩm Zur Genealogie der Moral sang tiếng Pháp, Mercure de France xuất bản mua lại từ quầy sách cũ, chủ nhân là một bà già (mù chữ chàng đoán mò thế vì mặt hàng của bà đầy sách báo ngoại ng tạp nhạp, kẹo và thuốc lá) đặt xế cửa quán cà phê Mai Hương (?) ở Saigon thuở ấy - nhiều năm sau này quầy sách cũ và bà cụ đã biến đi trong những biến động nhiễu nhương. Quyển sách cũng thất lạc, giờ đây chàng chỉ còn gi nguyên

bản copyright 1930 của Alfred Kroner Verlag ở Leipzig.

Nietzsche kể lể những kẻ thù của Schopenhauer như Hegel, đàn bà, thú nhục dục và toàn bộ ý chí để tồn tại, ngoan cố nên trên hết thảy là tình dục mà Schopenhauer coi như kẻ thù cá nhân (als personlichen Feind):

JedesTier, somit auch la bête philosophe, strebt instinktiv nach einem Optimum von gunstigen Bedingungen, unter denen es seine Kraft ganz herauslassen kann und sein Maximum im Machtgefuhl erreicht; jedesTier perhorresziert ebenso instinktiv und mit einer Feinheit der Witterung, die "hoher ist als alle Vernunft", alle Art Storenfriede und Hindernisse, die sich ihm uber diesen Weg zum Optimum legen oder legen konnten (es ist nicht sein Weg zum "Gluck", von dem ich rede, sondern sein Weg zur Macht, zur Tat, zum machtigsten Tun, und in den meisten Fallen tatsachlich sein Weg zum Ungluck).Dergestalt perhorresziert der Philosoph die Ehe samt dem, was zu ihr uberreden mochte,- die Ehe als Hindernis und Verhangnis auf seinem Wege zum Optimum.Welcher grosse Philosoph war bisher verheiratet? Heraklit, Plato, Descartes, Spinoza, Leibniz, Kant, Schopenhauer - sie waren es nicht; mehr noch, man kann sie nicht einmal denken als verheiratet. (11)

Mọi loài thú, kể cả loài thú triết gia, phấn đấu theo bản năng để đạt tới cái tối hảo từ những điều kiện thuận lợi, nhờ đó nó có thể khai triển sức lực và hoàn thành cảm năng quyền lực tối đa; cũng do bản năng và nhận thức tinh tế cái gì "ở trên hết thảy lý trí", mọi loại xâm nhập hay chướng ngại có thể cản đường tới cái tối hảo (tôi không nói con đường dẫn đến "hạnh phúc", mà là con đường tới quyền lực, hành động, hoạt động uy quyền nhất, và trong mọi trường hợp ý nghĩa nhất thực sự là con đường dẫn đến bất hạnh).Thế nên triết gia kinh hãi hôn nhân, cùng với những gì có thể thuyết phục được, - hôn nhân là chướng ngại và tai họa đối với con đường đến chỗ tối hảo.Có ai trong những triết gia lớn lấy vợ đâu? Như Heraklit, Plato, Descartes, Spinoza, Leibniz, Kant, Schopenhauer đều không lấy vợ; hơn na không ai có thể tưởng tượng họ lấy vợ

cũng Nietzsche cho Sokrates là trường hợp ngoại lệ, nằm trong nguyên lý *hài kịch* của ông thế những triết gia như Khổng Khưu, Thích Ca, Aristoteles, Hegel, Husserl, Heidegger...ở trong hàng ngũ nào? còn những Lão Đam, Jesus ở trong nguyên lý nào? Nietzsche viết tinh thần tự do chỉ có khi nói không với mọi sự nô dịch rồi đi vào *sa mạc (nein sagten zu aller Unfreiheit und in irgend eine Wuste gingen)*

há đó không phải là hình ảnh Lão Đam

triết gia không từ khước tồn tại mà xác quyết tồn tại của chính mình

(ở một chỗ nào đó, chàng viết (đọc): chấp nhận trần gian, tựa thị thẳng thắn trên mặt trái đất, con người là sự nghiệp của mình ở đời *pereat mundus, fiat philosophia, fiat philosophus, fiam* (12)

Maine de Biran trong Nhật ký ca ngợi triết lý là suy tưởng trong quay cuồng thế giới cũng như trong cô tịch thư phòng đạt tới đỉnh cao vòi vọi, trong khi những tinh thần nhỏ nhoi của thế nhân chỉ nghĩ trong hoàn cảnh và thời khắc nhất định khi đầu óc và bao tử ổn định - đến chín phần mười cuộc đời chẳng dành cho tư tưởng

Sau bao năm tháng trôi qua, tôi vẫn đi trên một lối mòn và không bao giờ quay trở lại Ecce enim breves anni transeunt, et semitam per quam non revertar, ambulo

Những căn phòng trọ, những thành phố không tọa độ, những hình ảnh người đàn bà trong đời, cuộc hành trình vô định như thể viết, mãi không ngừng nghỉ (nàng hỏi, chàng hay tôi phải ký tên).

Đặng Phùng Quân.

CHÚ THÍCH

1. Từ "Tôi thường có thói quen...sắp sửa bắt đầu" trích từ *Triết học và Văn chương* tr. 293
2. Từ "Trong bất kỳ...xót xa" trích từ *THVC* tr. 38-39.
3. Từ "Người đàn bà ấy...của chàng" trích từ *Miền Thượng Uyển Xưa* tr. 69.
4. Thơ Milosz: *Osobny Zeszyt* (Mijajac ulice Descartes)
5. Từ "Người đàn bà ở...sành nung" trích từ *Một Dặm Tương Thân* tr. 137
6. Từ "giữa những thân xác...tha tính" trích từ *Hiện Hữu Tha Nhân Với G. Marcel* tr. 10-11.
7. Đoạn in nghiêng: "từ lâu...chỗ này" trích từ *Một Dặm Tương Thân* tr.119
8. Trích từ *Grundlinien der Philosophie des Rechts Đ.158 Zusatz*
9. Trích từ *Signéponge*
10. Trích từ *Văn Chương và Lưu Đày* tr. 142-143.
11. Trích từ *Zur Genealogie der Moral, Dritte Abhandlung: Was bedeuten asketische Ideale? 7*
12. Hãy để thế giới tàn tạ, miễn còn triết lý, triết gia, tôi

hoàng lộc

Tiểu sử:
Sinh năm 1943 tại Hội An, Quảng Nam
Từng dạy học, đi lính, nằm tù, lang thang
Được giải thưởng thơ của Trung tâm Văn bút Việt Nam Sài gòn năm 1970.
Đăng thơ từ 1959 đến nay trên các báo:
Văn Nghệ Tiền Phong, Thời Nay, Ngàn Khơi, Nghệ Thuật, Khởi Hành, Văn Học, Văn, Bách Khoa (Sàigòn) và Năng Mới, Văn Học, Hợp Lưu (hải ngoại).
Đã in: *Thơ học trò* (1966), *Trái tim còn lại* (1971).

Trả lời phỏng vấn:
1. Làm thơ không phải lúc nào cũng...., nên thì giờ, đối với tôi, không quan trọng.
Thơ và xa xí phẩm phải khác. Rẻ mạt và đắt tiền.
Tôi làm thơ chính là vì chữ tình.
2. Thường, tôi viết về tình yêu, tình bạn. Tôi có một người-vợ-của thơ. Chính nàng là nơi nương tựa của thơ tôi vì tình yêu đã ra một thứ hạnh phúc buồn.
Tôi viết bằng đủ thể loại thơ và nghĩ thể loại chỉ là những chiếc bình đựng.
Trước tiên, tôi viết tặng người-vợ-của-thơ tôi - sau đó gửi bè bạn (có khi bằng thư, có khi đăng báo).

thơ tặng vợ nhà

trong thơ xưa ai gánh gạo đưa chồng
hay vẫn chỉ là em nỉ non tiếng khóc
hay vẫn chỉ là em bốn mùa khổ nhọc
hồn vọng phu đã lội mấy sông đời?

anh xưa kia vì chút mộng bên trời
mê bắt bóng khuây cái sầu tan hợp
giữa cõi phù vân đôi lần anh chết ngộp
mới hay chiều cố xứ có em trông.

người trong thơ xưa lặn lội bờ sông
hay chỉ chính là em cái cò tội nghiệp
anh lận đận trên đời do số kiếp
như em tin người tướng sĩ năm nào.

ai bảo tim hồng ý biếc ơn nhau
không, ơn của chỉ riêng em trong thời anh mạt vận
chiếc nhẫn cưới bán theo ngày túng quẩn
em thương chồng nên nợ với thi thơ

trong lòng anh em đứng với người xưa
em hơn hẳn cả người xưa - đã chắc
anh bình sinh chuộng những điều không thật
hạnh phúc thì rất thật giữa tay em.

của vợ công chồng nói mãi nghe quen
để lắm lúc anh vô cùng xấu hổ
những thua thiệt riêng em người vợ khổ
khi trăm dâu trút xuống một đầu tằm.

trong hiên tù quạnh quẽ từng ấy năm
thân một bóng ngó quê nhà xa lắc
câu thơ cổ làm anh rơi nước mắt
như lần đầu hiểu được tấm lòng em.
(1980)

với rượu chiều xuân

cũng chẳng còn ai trên cố xứ
cho ta sớt bớt nửa ly đầy
mấy năm bệnh hoạn cam chừa rượu
đã hiếm hoi dần những bữa say.

đầu năm quẩn trí không còn bạn
cái lạnh ùa theo gió lạc đường
buộc buổi chiều cùng ta đối ẩm
ngùi ngùi hơi rượu chảy trong xương.

vẫn chỉ là em trời phố cũ
năm năm trôi nổi tình không may
chẳng lẽ mời em ngồi lại nữa
để sớt chia cho cái lạnh này?

nên chỉ mình ta ôm hết gió
cúi đầu nói để cúi đầu nghe
mấy năm bệnh hoạn cam chừa rượu
mà cảnh đời nghiêng ngả thế kia

sương cứ mù lên hiên mái dột
lá bay đôi chiếc đụng vai người
quê nhà đây bỗng đau con mắt
mờ tỏ mùa xuân tới với ai?

(1.1993)

như chi

Tên thật là Lê thị Hiền. Sinh năm 1956 tại Sài gòn. Lớn lên ở Vũng Tàu. Qua Mỹ năm 1975. Làm cartographic technician. Hiện đang thất nghiệp.

Đã xuất bản: *Thơ Hiền*, Văn Nghệ, 1986.

Trả lời phỏng vấn:

1. Điều gì thúc đẩy anh, chị đi vào/tiếp tục đi vào lãnh vực văn chương?

Hoàn cảnh thuận lợi thường không phải là điều kiện chính để chúng ta có thể thực hiện điều mình muốn, mà là chúng ta có thực sự muốn, thực sự yêu thích văn chương để cố tạo hoàn cảnh thuận lợi cho việc sáng tác hay không.

Trường hợp của tôi, sở dĩ sáng tác chậm và ít đi vì không đủ đam mê để dấn thân vào nghiệp văn chương.

2. Viết về cái gì?

Đề tài không nhất định, nhưng cảm hứng tìm ở chính đời sống nội tâm của tôi.

3. Viết cho ai đọc?

Tôi viết cho nhu cầu bày tỏ và tìm kiếm cảm thông. Viết cho chính mình và cho người cùng tâm trạng.

Đường qua

Ai ngụ rừng sâu - đâu tịch lặng
Có gì vương mắc để suy tư
Mênh mang gió phướng khua tâm động
Ôm ấp triền miên những ẩn từ.

Chim cứ hót vang như thuở trước
Lá còn xào xạc ghẹo thu phong
Mà như thăm thẳm hư không hết
Có chuyện gì nương gửi cõi lòng?

Ai ngụ rừng sâu tìm tịch lặng
Vọng cầu - muôn thuở mãi xa xôi
Ai ở thế gian như giữa mộng
Làm mây bay mãi những phương trời.

Ai buộc ràng ai - đâu giải thoát
Lòng ai tự thắt mối oan khiên
Trời xanh một thuở tung cơn gió
Cuốn trọn vào không những nỗi phiền.

Ai ngụ rừng sâu mê tịch lặng
Sao nghe suối chảy cũng mơ màng
Một giấc chiêm bao bừng tỉnh dậy
Nào đâu đô thị với rừng hoang?

Quảy gánh vô ưu ngàn nẻo đạo
Chiều thu nắng trải vàng đường qua
Thời gian - cánh gió lay tay áo
Muôn phương đâu chẳng cõi quê nhà?

Tháng 10.1990.

Bài thơ gửi mẹ

Biển ở lại
Hai mươi năm còn đợi
Đợi từ khi hơi nước bay đi

Con vẫn hẹn
Vẫn ngày ngày còn hẹn
Thấy nỗi mong chờ trên những áng mây bay
Nghe nước mắt mẹ trên mi con đọng giọt
Nghe xót xa từ trái tim mình.

Con nhắm mắt tìm chút thời tâm định
Mong lòng mình hòa lòng Mẹ - nguôi ngoai
Chữ "giải thoát" hơn mười năm đuổi bắt
Thấy vô công trong những lúc suy tìm.

Năm tháng vô tình làm phai mái tóc
Thấy đời người sao chớp thoáng qua nhanh
Thấy mình trong gương
hệt như mẹ nhiều năm trước
Trong mắt buồn sao lệ cũng long lanh.

Con nhắm mắt - Đời mênh mông bóng tối
Trôi về đâu - Kim cổ trôi về đâu
Con nhắm mắt - Đường đi thăm thẳm tới
Tiếng than van từ vạn thuở u sầu.

Ta vẫn khổ như bao đời đã khổ
Đã sinh ra và đã chết bao lần
Mẹ có nhớ những đời mình thân thuộc
Nước mắt buồn đổ ngập biển vô minh.

Con nhắm mắt đi tìm đầu mối thắt
Những tơ tình vướng mắc giữa tâm tư
Ngày tháng trôi xuôi - đời đời qua mất
Nguyên nhân nào ta quanh quẩn theo nhau.

Con muốn nhớ - Mẹ ơi con muốn biết
Tự nơi nào con đã đến đây
Con muốn mở những mối dây ràng buộc
Đã làm ta đau khổ biết bao lâu.

Xin Mẹ hãy ngồi yên - yên lặng
Đưa bàn tay của Mẹ cho con
cho con mắm. Ôi bàn tay xinh đẹp
Bàn tay Mẹ hiền trong trí nhớ con.

Con đã thấy búp sen hồng hàm tiếu
Ao sen xưa bên những gốc bàng
Mặt nước lặng và những cây sậy yếu
Như mẹ già mỏi ngóng con xa.

Xin Mẹ hãy ngồi yên - yên lặng
Con mới vừa thắp một nén hương
Một chút khói bay sẽ sàng trong nắng
Rồi tan phai trong một nghĩa "vô thường".

Mẹ hãy nhắm mắt xóa hai mươi năm bất trắc
Phút gặp mình - phút vượt thoát khổ đau
Ôi bao nhiêu năm - từng đêm ngồi nhắm mắt
con chờ phút này cho ta lại gặp nhau.

3.3.1996

Lê thị Thấm Vân

Tên thật là Lê thị Hoàng Mai. Sinh năm 1961. Qua Mỹ năm 1975. Hiện đang sống với gia đình ở miền Bắc California.

Tác phẩm đã xuất bản:

Đôi bờ, tập truyện, 1993, *Từ khi trăng là nguyệt*, truyện dài, 1995.

Trả lời phỏng vấn:

Tôi đến với thế giới văn chương là do yêu thương ngôn ngữ Việt. Đọc được một tác phẩm hay, hoặc sáng tác được một tác phẩm hay, cảm giác thích thú trong tôi đều như nhau. Tôi quan niệm văn thơ chỉ có hay/dở chứ không có đúng/sai, vì thế người sáng tác có tự do sáng tạo. Viết văn cũng là (một cách) nỗ lực khám phá, tìm hiểu chính mình, và đời sống, con người bao bọc quanh mình.

Trong quá khứ, văn chương tình dục đa phần viết bởi ngòi bút đàn ông. Văn thơ kể, nói, chỉ, "dạy", diễn tả...những cảm xúc, "cách thức", rung động, thèm muốn, bày tỏ (thay cho) người đàn bà.

Hai bài thơ dưới đây được sáng tác do chính người đàn bà yêu quí văn chương sáng tạo.

Mặt đất và Em

Mặt đất
tắm đẫm
những trận mưa đổ xuống từ trời
mặt đất
đơm bông.

Em đã uống
những giọt nước
từ mắt anh
từ môi anh
từ sự sống anh
Thân thể em
đơm bông.

Bài học vỡ lòng

Năm mười ba tuổi
lần đầu nhìn xuống cơ thể mình
loang nhạt chút màu đỏ thẫm tươi
cảm giác chới với
lẫn hoan hỉ
chợt ào tới...
để rồi gần gũi với mình hơn.

Năm mười lăm tuổi
đứng ngắm nhìn trần truồng trong gương
đưa nhẹ hai tay
vuốt ve cổ vai bụng...
đầu vú bỗng nở bung
cảm giác thích thú chan hòa
như ngửa mặt hứng nước mưa tuôn trào từ máng xối
để rồi thương yêu chính mình hơn.

Năm mười bảy tuổi
trong đêm đen
lần đầu tiên khám phá ra thân thể kỳ lạ của người đàn ông
sau nụ cười - giọt nước mắt dâng hiến
là khoảng cách
hun hút dài
thăm thẳm dài
chập chùng dài
...ơi, em lạc mất em.là khoảng cách
hun hút dài
thăm thẳm dài
chập chùng dài
...ơi, em lạc mất em.

Đôi điều trao đổi với nhà văn Mai Kim Ngọc

Nguyễn văn Trung

Sau khi đọc bài của nhà văn Mai Kim Ngọc *"Văn hóa và Chính trị, nhân đọc bài 'Văn học hải ngoại' của Nguyễn văn Trung"* (Văn Học số 113, tháng 9.1995) tôi đã ngần ngại, bối rối, không biết phải đáp lễ nhà văn Mai Kim Ngọc với tư thế nào. Tôi không phải là người sáng tác, mà làm nghiên cứu biên khảo, trong khi nhà văn Mai Kim Ngọc viết tiểu thuyết và cho biết không muốn bàn về phân loại văn học, dòng này dòng kia, là việc của những người giảng dạy hay nghiên cứu chuyên môn. Khổ nỗi xác định dòng văn học, tính chất mỗi dòng lại là nội dung cuộc tranh luận, và tôi nói về cuộc tranh luận trao đổi này, làm sao tránh né không bàn? Và bàn tới, tôi cũng chỉ nói như Nguyễn Mộng Giác, Võ Phiến, đặc biệt về mối quan hệ văn hóa quốc nội, hải ngoại, và tương lai văn học hải ngoại. Do đó, tôi ngạc nhiên thắc mắc, chả nhẽ nhà văn Mai Kim Ngọc với tư cách một người trong ban Biên tập lại không đọc những bài của Võ Phiến, Nguyễn mộng Giác, vì thế mới trách tôi xúc phạm đến văn học hải ngoại, và coi nó tùy tình hình quốc nội, một điều mà Nguyễn Mộng Giác, Võ Phiến đã nói và tôi có trích dẫn ngay trong phần giới thiệu.

Sau nữa, tôi cũng chậm đáp lễ nhà văn Mai Kim Ngọc vì đợi xem còn phản ứng nào khác, cho đến nay tháng 2/96 không thấy, hoặc có thể có mà Văn học không đăng chăng?

Một điều khác nhà văn Mai Kim Ngọc trách tôi, điều này nghiêm trọng hơn, "có khả năng xúc phạm gây thương tổn rất cao cho rất nhiều người" là cách tôi "xử lý không cẩn trọng những vấn đề thiêng liêng và tế nhị như thống nhất Nam Bắc, như lương giáo đoàn kết, bản lĩnh văn hóa dân tộc". Nhưng có chỗ nhà văn Mai Kim Ngọc thận trọng viết: "Tôi hy vọng tôi đã hiểu lầm những gì ông viết". Đúng là có hiểu lầm, nhưng lỗi tại tôi thôi.

Đáng lẽ tôi không nên nói những vấn đề lớn, đã và vẫn còn gây tranh luận bằng một vài dòng, vài trang cho một giới độc giả chưa được thông tin gì về những công trình nghiên cứu của mình trong gần 20 năm qua liên quan đến các vấn đề kể trên. Những công trình này tập trung vào một

điểm chính tạm gọi là khám phá, hay khám phá lại miền Nam VN về phương diện địa lý chính trị và chính trị xã hội.

a/ Về phương diện địa lý chính trị:

Miền Nam hiểu như vùng đất mới so với vùng đất cũ là miền Bắc, tương tự Bắc Mỹ so với Âu châu. Có những qui luật chi phối nếp sống, tâm tình, lối nhìn của hai miền khác nhau. Những qui luật địa lý chính trị này không phải chỉ áp dụng cho người VN mà cả người ngoại quốc như người Pháp sống lâu năm ở miền Bắc hay miền Nam cũng có lối nhìn khác nhau về miền Nam và VN. Vì không nhìn nhận sự khác biệt, mà chỉ thấy người miền Nam không giống mình về tâm tình, người Bắc đã đánh giá sai hẳn (coi thường, khinh miệt) người miền Nam. Do đó, chính người Bắc vì tự cao, tự tôn mà kỳ thị Nam Bắc, nhưng khi người Nam phản ứng, lại bị tố cáo là kỳ thị và do đó chỉ biết im lặng, không thể tự biện minh. Khi bắt tay vào công trình này, tôi có mời vài người biên khảo gốc miền Nam như ông Bằng Giang, và nhờ một cơ quan bảo trợ, rút cục chỗ nào cũng ngần ngại rút lui vì sợ bị hiểu lầm là kỳ thị Nam Bắc.

Sau khi đạt được những kết quả bước đầu, tôi mang ra trình bày ở các Đại học, Viện Nghiên cứu của Trung ương, hầu hết là gốc Bắc. Nói chung chưa gặp một phản biện nào nghiêm trọng vì hầu hết đều nói:"Chưa thể phát biểu gì được vì những tác giả, tác phẩm nêu ra, lần đầu tiên mới được nghe nói". Công trình này độ 1000 trang, phải rút gọn độ 700 trang, tạm gác lại những giới thiệu tác phẩm mà tôi đã nhờ nhà văn Thế Uyên làm; đã có nhiều người đọc, đã duyệt, đang chờ in ở Sàigòn. Ở bên nhà, chuyện Nam Bắc nặng nề lắm trong Tôn giáo, trong Đảng. Nếu tôi viết về đề tài này mà gây thêm chia rẽ, thì chắc chắn không thể để cho nói và in.

Công trình này thuần túy nghiên cứu văn hóa, nhưng cũng có tác dụng tốt về chính trị, đóng góp vào việc giải tỏa những mặc cảm tự tôn, tự ti, tạo thông cảm giữa người miền Bắc và người miền Nam. Khi tôi làm công trình nghiên cứu kể trên, tôi cũng khám phá ra một mảng văn học Thiên Chúa giáo. Tôi là một trong những người đầu tiên sau năm 1955 phê phán sự liên kết của Công giáo với thực dân và tính cách mất gốc của người Công giáo. Nhưng sau 1975 tôi thấy sự thực không đơn giản như vậy và những tài liệu tôi có chứng tỏ người Công giáo sống đạo của họ không hề xa lạ với văn hóa dân tộc. Tôi đưa những tài liệu đó cho những người ngoài Công giáo (Phật giáo, Mác xít) để chính họ thẩm định và xác nhận. Một vài bản thảo đã được viết ra về vấn đề này khoảng 500 trang, đã phổ biến ít nhiều ở trong nước. Tôi tin rằng việc phổ biến rộng rãi công trình nghiên cứu này cùng với một công trình khác của nhóm Thanh Lãng, Nguyễn Hưng, sẽ hy vọng giải toả những thiên kiến lâu đời, dai

dằng đối với người Công giáo; vậy phải chăng là làm mất đoàn kết lương giáo?

Tôi cũng muốn một số bản thảo về công trình này được xuất bản ở nước ngoài, nhưng tôi chưa có điều kiện. Tôi ước mong xuất bản tập biên khảo *về "Truyện thày Lazarô Phiền"* của Nguyễn trọng Quản (1887) khoảng 50 trang, in một hai trăm bản để dư luận ngoài nước hiểu biết, từ nay không có thể tiếp tục coi *"Tố Tâm"* của Hoàng ngọc Phách (1924) là tiểu thuyết đầu tiên viết theo lối Tây phương.

b/ Về phương diện chính trị, xã hội:

Nhiều người miền Nam trước 1975, trong đó có tôi, và cả người nước ngoài, chỉ nhìn miền Nam qua chính quyền Sàigòn có một số viên chức, tướng tá thiếu tài đức, ít lưu tâm đến thể chế chính trị gọi là Việt Nam Cộng Hòa và nhất là chế độ xã hội miền Nam. Thể chế chính trị VNCH và chế độ xã hội miền Nam có nhiều điều tích cực, vẫn giữ được nhiều giá trị tinh thần, đạo lý. Những ai ra nước ngoài trước hay hồi 1975 chỉ *bỏ lại* những điều tích cực, những giá trị tinh thần, đạo lý đó mà không cảm nhận chúng đã *mất*. Những người ở lại mới cảm thấy sự mất mát, và đôi khi chính người miền Bắc, kể cả cán bộ, đảng viên trung, cao cấp gợi ý nhắc nhở, tỏ vẻ luyến tiếc, vì thực ra những điều tích cực, những giá trị của miền Nam trước 1975 cũng là của miền Bắc trước 1955 và nói chung của các chế độ cũ như nước Nga trước 1917.

Khi có đường lối đổi mới, tôi được hỏi về một số vấn đề liên quan đến đường lối đổi mới. Trong 2 năm rồi, tôi có viết một số bài nhận định về chế độ gọi là "Xã hội chủ nghĩa thực tế" và trong đó có 3 bài về "Đổi mới phải chăng là trở lại những cái cũ đã bị phủ nhận?"

Trong những bài này tôi nói về Văn học miền Nam (1955-1975), phân chia mấy dòng Văn học Chính trị, Phi Chính trị và Trên Chính trị. Nhà văn Mai Kim Ngọc đã nhận xét đúng về thái độ của tôi đối với văn học và chế độ miền Nam trước 1975. Nhưng ông cũng hiểu sai ý tôi khi tôi nhắc đến Lữ Phương và chính sách khủng bố văn hóa hồi 1975. Đây không phải chuyện Nam Bắc mà là ở đường lối Đảng ở khắp các nước Đảng cầm quyền. Ở VN đảng Cộng sản đã áp dụng sau 1955 ở miền Bắc và sau 1975 ở miền Nam.

Trong bài *"Văn học hải ngoại"*, tôi thử đưa ra một vài giả thuyết giải thích và theo đó, sự vắng bóng dòng Văn học Trên chính trị trong văn học hải ngoại phải chăng do hậu quả của chính sách khủng bố trí thức, văn nghệ mang tính chất nhà nước (terrorisme d'état) được thi hành 1975 ở miền Nam. Đây là vấn đề tôi thực sự băn khoăn, quan tâm, vì nó liên hệ đến nếp sống văn hóa chính trị của cộng đồng người Việt ở nước ngoài, và

sau khi tình hình thay đổi ở VN, đến nếp sống văn hóa chính trị ở quốc nội. Rất tiếc nhà văn Mai Kim Ngọc chưa cho biết tôn ý, hoặc tôn ý của các bạn đọc khác. Vì tôi coi là vấn đề hệ trọng, tôi đã về Sàigòn tìm thêm tài liệu và viết bài "Trường hợp Lữ Phương". Sau đây xin lược tóm vắn tắt diễn tiến các sự việc.

Hồi 1966 nhóm Nguyễn ngọc Lương, Vũ Hạnh, Lữ Phương, nằm vùng cho ra tờ *Tin Văn* nhằm chống văn hóa đồi trụy, (đặc biệt văn chương của Lê Xuyên, Thế Uyên, Chu Tử) và thành lập *Lực lượng Bảo vệ Văn hóa Dân tộc*. Vũ Hạnh, Lữ Phương sử dụng một thứ lý luận Mácxít, Stalinít theo kiểu Hànội gán ghép thô bạo mọi biểu lộ văn học với những ý đồ mục tiêu chính trị:"Ra đời vào đúng lúc các chế độ ấy (chế độ nhà Ngô) sắp suy tàn với thứ nội dung đề cao trụy lạc như trên, tác phẩm của Chu Tử dù muốn dù không cũng giúp đỡ bọn bạo tàn trong những giây phút cuối cùng của chúng." hoặc "coi những người đã đem thân xác hiến cho đạo pháp cùng tự do dân chủ là hạng người dâm ô, đồi trụy như cái dụng ý bênh vực cho bọn cường quyền của ông Chu Tử bây giờ thật đã sáng tỏ như ban ngày" (Lữ Phương trong bài *Chu Tử và Tác phẩm*. Tin Văn số 10 , 30-12-96) Những bài viết của Vũ Hạnh, Lữ Phương gây phản ứng. Nguyễn văn Thể (KBC 43) viết cho "Chu Tử, Lê Xuyên, Thế Uyên" tố cáo Vũ Hạnh là Cộng sản nằm vùng dựa vào những tiết lộ của Hư Trúc Nguyên Sa (đăng trong báo *Sống* của Chu Tử) và Trần viết Thanh, 308 chợ Côn Đà nẵng, cùng quê với Dũng, tên thật của Vũ Hạnh.

Về phản ứng bênh vực Vũ Hạnh, hầu hết của nhóm học sinh đệ II trường Hùng Vương Mỹ Tho, đề cao Vũ Hạnh như một chiến sĩ trong đoàn quân dân tộc đứng lên đuổi bọn thực dân, ủng hộ Lữ Phương triệt hạ tiểu thuyết Lê Xuyên dâm ô đồi trụy. Sau đó có Trương Hồng, thuộc Lực lượng Thám báo đặc biệt, địa chỉ 87B Quốc lộ số 7 Biên Hòa, lấy tư cách người lính đang canh chừng cái chết có thể bất ngờ xảy ra để đả kích ông Trần viết Thanh cho rằng cuốn *"Mùa xuân trên đỉnh non cao"* của Vũ Hạnh là đời sống của mấy thằng Cộng sản. Nhưng phản ứng mãnh liệt nhất bênh vực Vũ Hạnh là của Khánh Băng, chiến sĩ mũ đỏ, Định Tường, ở số 3 Nguyễn Huệ Mỹ Tho, "Viết cho Chu Tử và đồng bọn" bị coi là bồi bút tố cáo vu vơ, chụp mũ Cộng sản lên nhà văn có chân tài thiện chí Vũ Hạnh:

"Chúng cho Vũ Hạnh là Cộng sản vì Vũ Hạnh là Tổng thơ ký của LLBVVHDT, một lực lượng mà hầu hết con cháu của giòng giống Tiên Rồng đều hưởng ứng chân thành, ngoại trừ bọn ngoại lai Chu Tử." Cuối bức thư, Khánh Băng dọa đến thăm Chu Tử và đồng bọn, để biết bọn chúng mặt tròn mặt méo thế nào, và chúng tôi tin chắc khi chúng tôi đến

viếng thì bọn Chu Tử sẽ không còn cái tính bướng bỉnh hợm mình như bấy nay".

Được một số dư luận học sinh và quân đội ủng hộ, nhóm Vũ Hạnh, Lữ Phương tổ chức hội thảo về phê bình văn nghệ . Trong số các vị đến dự có Hiếu Chân, Nhật Tiến, Thế Nguyên, Vân Trang, Vũ Hạnh, Vũ Duy, Khải Triều, Lê Vũ, Bùi hữu Sủng, Lê ngọc Diệp, Thiên Giang, Lê xuân Khoa, Lm Nguyễn ngọc Lan, Đặng văn Nhâm, các ký giả Hoàng Lan, Thái Bạch, Hoài Trinh, họa sĩ Tú Duyên. Hai thuyết trình viên là Nhật Tiến và Nguyễn ngọc Lương, chủ nhiệm Tin Văn. Chu Tử được mời nhưng không đến dự. Sau hội thảo có lời tuyên bố của trên 250 nhân sĩ, trí thức, ký giả, văn nghệ sĩ, sinh viên, học sinh chống văn hóa đồi trụy do chủ tọa đồng ý ký gồm Bùi hữu Sủng, Hiếu Chân, Đặng văn Nhâm, Bùi chánh Thời, Thế Nguyên, (Sàigòn 15-1-67)

Sau đó Chu Tử bị ám sát hụt, ghi lại những cảm nghĩ trong cuốn *"Không hận thù"*:

"Thực ra tôi phải cám ơn kẻ sát nhân, không phải một lần mà là ba lần vì kẻ sát nhân đã giúp tôi bao điều vô giá, dù có núi tiền núi bạc cũng không mua nổi.

Điều biết ơn thứ nhất là kẻ sát nhân đã bắn tới 4 viên đạn mà tôi vẫn còn sống. Đúng ra Trời Phật cho tôi được sống 2 lần trong một đời người, sống 2 lần chết 2 lần, nên được biết toàn quốc phản ứng phẫn nộ, xót thương ra sao.

Điều biết ơn thứ hai là 4 viên đạn đã tạo cơ hội để bao nhiêu thù ghét mà ngòi bút oan nghiệt của tôi đã tích lũy từ bao năm nay, vụt tiêu tan thành lòng tha thứ. Tất cả bao nhiêu đau đớn về hình hài do 4 viên đạn gây ra có thấm thía gì so với niềm sung sướng của tôi khi được biết tất cả đều tha thứ cho tôi.

Điều biết ơn thứ ba là "kẻ sáng tác văn nghệ vẫn ao ước thực sự tâm trạng con người khi tử thần xuất hiện. Nhờ 4 viên đạn tôi được sống thực sự tâm trạng của kẻ đang chơi vơi giữa cái sống và cái chết."

Kinh nghiệm của Chu Tử lúc hấp hối thấy cái chết không có gì là khủng khiếp mà còn "yêu đời". Chu Tử tả cảm giác lúc băng ca khiêng lên lầu để giải phẫu, ngó lên cầu thang thấy một nữ điều dưỡng mặc jupe, Chu Tử phải ngắm bộ giò thiếu nữ để nếu có chết cũng đỡ thương tiếc đời. . . trong khi bạn bè chung quanh như Tô Văn khóc rưng rức. Chu Tử không nghi cho Cộng sản hay đàn em Thượng tọa Thiện Minh. Dư luận lúc đó, nói chung, cũng chỉ nghi cho Thượng tọa Thiện Minh.

Sau đó Vũ Hạnh bị bắt, Thanh Lãng lo vận động chính quyền, cảnh sát, còn tôi viết lời kêu gọi "Anh Vũ Hạnh bị bắt giữ đã hơn hai tháng nay,

gia đình anh lâm vào cảnh túng thiếu, tôi trộm nghĩ những người quen biết anh, nhất là trong giới cầm bút, nhà giáo, không thể không trạnh lòng trước tình cảnh của chị Vũ Hạnh chỉ là một người nội trợ, biết làm sao xoay sở nuôi nổi 6, 7 cháu nhỏ. . Tôi cũng nghĩ rằng để có thể thực hiện được kết quả mục đích thuần túy nhân đạo trên, chúng ta sẽ làm cử chỉ giúp đỡ một cách kín đáo, tránh tất cả những biểu lộ bề ngoài có tính cách chính trị. Trong những ý nghĩ đó, tôi dứng lên mời các bạn quen biết Vũ Hạnh, kể cả những người không đồng ý với quan điểm phê bình của Vũ Hạnh hay không ưa thích Vũ Hạnh, có như thế cử chỉ giúp đỡ mới thật cao quý, cùng nhau tìm cách giúp đỡ chị Vũ Hạnh có việc làm để nuôi con thay anh Vũ Hạnh. Trong khi chờ đợi chị cũng cần được giúp đỡ ngay. Tôi xin đề nghị mỗi người giúp một chút tiền, chẳng hạn những tiền nhuận bút một số báo nếu là tạp chí cơ quan Vũ Hạnh đã cộng tác. Mong các bạn chân thành hưởng ứng" (Sàigòn 1-8-1967)

Trước Mậu Thân, Lữ Phương ra khu đi Hà nội đã thất vọng về chủ nghĩa xã hội, trốn vào khu bất mãn về vai trò "làm kiểng". Năm 1975 về Sài gòn, với tư cách Thứ trưởng Văn hóa, Lữ Phương đứng đầu việc duyệt xét sách, tác giả để thực hiện chính sách khủng bố trí thức văn hóa. Năm 1981 Lữ Phương xuất bản cuốn *Cuộc xâm lăng về Văn hóa và Tư tưởng của Đế quốc Mỹ tại miền Nam VN* (Nhà xuất bản Văn hóa Hànội), tố cáo tất cả những người làm văn hóa, văn học là tay sai, bồi bút, biệt kích Mỹ; kể cả tôi là người đồng hành, cộng tác với *Tin Văn* và có tên trong chủ tịch đoàn Lực lượng Bảo vệ Văn hóa Dân tộc. Nhân kỷ niệm 10 năm giải phóng Thành phố, Thành đoàn TNCS thành phố Hồ chí Minh xuất bản "Trui rèn trong lửa đỏ" (nhà xuất bản Văn nghệ Thành phố), trong chương IX *Từ Tòa án Văn hóa đến hát cho đồng bào tôi nghe* Vũ Hạnh viết:

"Ngày đầu Xuân 1968, Đảng ủy Văn hóa khu Sài gòn Gia định làm việc "đơn tuyến" với tôi tại ngôi nhà gần bến đò Cây Me bên bờ sông Sài gòn. Anh Hoàng Hà truyền đạt tinh thần nghị quyết của Đảng là Cách mạng tiếp tục giữ vững và phát triển thế tấn công, kiên quyết đánh bại chiến tranh cục bộ của địch. Chỉ thị của Thường vụ Khu ủy:" Mở một mặt trận văn hóa, tấn công địch trong vùng đô thị bị tạm chiếm... Thực chất là một cuộc tấn công chính trị trên trận địa văn hóa. Vì vậy phải có những quả đấm văn hóa đánh vào những mục tiêu chọn lựa mới gây động thành phong trào rộng mạnh. Một trong những quả đấm văn hóa ấy là sự ra đời một mặt trận tập hợp lực lượng đông đảo dưới ngọn cờ bảo vệ văn hóa dân tộc với khẩu hiệu, hành động chống văn hóa đồi trụy, ngoại lai...Anh nói:"Vũ Hạnh à, anh sẽ là Tổng thư ký Mặt trận đó. Có ta, có bạn, mà có thể có cả những người chống Cộng xung quanh anh. Nhưng tuyệt đối

không ai được chống Cộng...

Ngày 7-8-1966 dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy Văn hóa, những cán bộ nòng cốt của Cách mạng hoạt động bí mật hoặc công khai đã tổ chức một đại hội thật rộng lớn, ngay giữa Thủ đô của Ngụy quyền. Lấy tòa Đô chính làm địa điểm của hội nghị, anh Hoàng Hà đón đầu đường Nguyễn Thông trao cho tôi bản tuyên ngôn và dự kiến danh sách ban Chấp hành Trung ương do ông Lê văn Giáp làm Chủ tịch và tôi làm Tổng thư ký Mặt trận mà anh đã phổ biến. LLBVVHDT ra đời là một cú đấm kết hợp với các cú đấm khác như tuần báo Tin văn với các bài phê bình vạch mặt những tên xung kích chống phá Cách mạng qua các tác phẩm đồi trụy."

Sau đó Vũ Hạnh kể lại buổi hội thảo về phê bình văn nghệ mà Vũ Hạnh gọi là "Toà án Văn hóa" xử Chu Tử.

Chương kết, do Hoàng Hà, bí thư Đảng ủy Văn hóa xác nhận:

"Cùng với những cuộc biểu tình của học sinh, sinh viên, Phật tử...là những tiếng nổ quân biệt động đánh vào Tổng Tham mưu Ngụy, diệt Mỹ ở khách sạn Victory, trừng trị tên bồi bút xung kích cổ xúy đồi trụy chống Cộng Chu Tử." (trang 355)

Tôi lược thuật vắn tắt *theo tài liệu* những sự việc kể trên, không phải để khơi dậy lòng căm thù, bất mãn, nhất là nơi những người trực tiếp liên hệ, tham gia mà bây giờ thấy mình bị dối gạt. Như Hoàng Hà đã nói với Vũ Hạnh: Trong Phong trào Bảo vệ Văn hóa Dân tộc, có ta có bạn mà có thể có cả người chống Cộng xung quanh ông, nhưng *tuyệt đối không ai được chống Cộng*. Nói cách khác, vận động những người chống Cộng, kể cả quân đội, đứng trong hàng ngũ Cách mạng để chống chống Cộng. Còn những người được coi là bạn đồng hành, thực ra cũng chỉ theo sách lược liên minh giai đoạn.

Trong bài *"Tuổi trẻ thành phố làm báo"* của Xuân Trang (*Trui rèn trong lửa đỏ* trang 134) tác giả thuật lại một "kiểu cách liên hiệp" trong việc qui tụ người đứng trong ban biên tập *Hồn trẻ*.

"Danh sách bộ Biên tập và cộng tác được in thường xuyên ở trang bìa 2 gồm có: Thiên Giang, Bùi Chánh Thời, Nguyễn văn Trung, Võ quang Yến, Trụ Vũ, Tô Nguyệt Đình, Thiếu Sơn, Lương Phương, Vân Trang, Hồng Cúc, Sông Thương, Ái Lan, Thảo Lam, Thường Khánh, Thu Quyên, Cao ngọc Phương, Phong Sơn, Chinh Ba, Hữu Hoàng, Nguyễn văn Phụng, Tường Linh, Phan hữu Trưng, Trần cảnh Thu, Trần triệu Luật, Nguyên Hoa, Lê uyên Nguyên, Tuyết Hữu, Cao hoài Hà, Thích Quang Khanh, Anh Vũ, Đinh khắc Giu, Lê việt Nhân v. v. . . Trong một thành phần đủ rõ cơ cấu về khuynh hướng chính trị của bộ Biên tập, những lúc tâm sự chúng tôi thường nói đùa với nhau:"Đây là dạng một chính phủ liên hiệp" mà.

Bởi vì trong đó, có cả những cây bút của Hồn trẻ cũ, còn lại thuộc thành phần tiến bộ. Những người như luật sư Bùi chánh Thời, Võ quang Yến, chúng tôi coi như "lá chắn" cho tờ báo để đối phó với địch. Một số nhân vật khác như Nguyễn văn Trung, Cao ngọc Phượng, Cao hoài Hà, không thuộc phe ta, mời họ đứng tên để đánh lạc hướng chú ý của địch. Nòng cốt của tờ báo có Lê uyên Nguyên, Nguyên Hạo từ Tổng hội Sinh viên chi viện sang. Riêng tờ tạp chí văn học ***của ta*** *(*tôi viết chữ đậm, NVT*)* Tin Văn *cũng giúp cho mượn tên như Lữ Phương, Hồng Cúc, Nguyễn hữu Ba, Vũ Hạnh"* (trang 137, 138).

Tôi thường bị ám ảnh, suy nghĩ trầm tư về bạo lực Cách mạng, sách lược liên minh giai đoạn theo Lênin, Stalin mà tôi đã viết ra ít nhiều trong những bài thuộc tập "Cách mạng và Hư vô","Góp ý về Đảng với Đảng"; tôi thực sự phục đảng Cộng sản, nhất là đảng Cộng sản Việt Nam mà tôi coi như bậc thày về sách lược này trong phong trào Cộng sản thế giới vì chỉ có đảng Cộng sản theo học thuyết Lênin mới đề ra được sách lược tranh đấu chính trị hiệu nghiệm; không phải chỉ dối gạt được những người chống Cộng mà cả người đồng hành và sau cùng đồng chí.

Tôi biết Vũ Hạnh, Lữ Phương nằm vùng, Lực lượng Bảo vệ Văn hóa Dân tộc, Tin Văn do Mặt trận dựng lên và mặc dầu bị Vũ Hạnh, Lữ Phương không bao giờ bỏ qua không phê phán những sách, bài báo tôi viết theo thứ lý luận Mácxít hạng bét mà tôi không chấp, thậm chí không thèm đọc, nhưng vẫn chấp nhận tham gia, cũng như nhiều người khác. Tôi còn giữ danh sách các vị trong LLBVVHDT và *Ủy ban Vận động Cải thiện Chế độ Lao tù miền Nam Việt Nam* có cả gần 100 vị trong Vố vấn đoàn, Chủ tịch đoàn, chỉ kể mấy vị nổi tiếng như Luật sư Trần văn Tuyên, nguyên Phó Thủ tướng, Bác sĩ Trần ngọc Ninh, nguyên Bộ trưởng Giáo dục, dân biểu Hồ hữu Tường, giáo sư Lê hữu Mục, luật sư Bùi chánh Thời, bác sĩ Nguyễn đan Quế, giáo sư Lê doãn Kim, giáo sư Đặng phùng Quân, các Linh mục, Thượng tọa như Thích đức Nhuận, chánh thư ký viện Tăng Thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, TT. Thích Mãn Giác, Tổng vụ Trưởng Tổng vụ Thanh niên Phật tử, TT. Thích Pháp Lan Chánh Đại diện Tỉnh Giáo hội Phật giáo Gia định...Linh mục Chân Tín khi làm Chủ nhiệm báo *Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp* chống Cộng rõ rệt, nhưng khi làm tạp chí *Đối Diện* thay đổi l ờng, chuyển sang chống chống Cộng và được mời tham gia Ủy ban kể trên với tư cách Phó Chủ tịch. Bây giờ Linh mục lại chống Cộng và đã viết như sau trong "Tin Nhà"(Paris):"Trong thành phố Sài gòn mà nay gọi là thành phố Hồ chí Minh chỉ có những linh mục, giáo dân chống chiến tranh, chứ không có tổ chức chính trị nào. UBVĐCTCĐLT MNVN mà tôi đã lãnh đạo cũng chỉ là một phong trào

nhân dân tự động đấu tranh cho một chế độ lao tù nhân đạo hơn, chứ không phải là một đoàn thể chính trị được Nhà nước hay Đảng dựng lên".

Tôi gặp anh Trần văn Long, sinh viên Ban Đại diện Văn khoa từ Côn đảo về hỏi:"Này, ông Chân Tín ăn nói như vậy có nghe được không?" Anh Long chỉ cười rồi thuật lại cho tôi nguồn gốc, mục đích, diễn tiến việc thành lập Ủy ban này như Vũ Hạnh kể lại về LLBVVHDT.

Thực ra trong các phong trào tranh đấu ở đô thị, có thể phân biệt những phong trào do Đảng đề ra, chỉ đạo, tổ chức vận động không phải chỉ nhằm lật đổ chính quyền Sàigòn mà còn nhằm xóa bỏ luôn chính thể VNCH và chế độ xã hội miền Nam, và những phong trào Đảng không chủ động, mà chỉ xen vào yểm trợ như phong trào nhân dân chống tham nhũng, chỉ nhằm lật đổ chính quyền ông Diệm, ông Thiệu nhân danh thể chế VNCH và chế độ xã hội miền Nam. Sở dĩ những phong trào kể trên *đã có thể có* vì xã hội miền Nam là một *xã hội mở* không phải *xã hội đóng*, khép kín như xã hội miền Bắc; và mặc dầu thể chế chính trị là độc tài nhưng không phải toàn trị (totalitaire) nghĩa là vẫn ít nhiều tôn trọng tự do dân chủ, những thể chế xã hội mà bây giờ gọi là "xã hội dân sự" (société civile) tôn trọng những giá trị tinh thần, đạo lý của truyền thống dân tộc, nhân loại, nên mới cho phép Cộng sản xâm nhập, gài người, lũng đoạn, khuynh đảo. Sách lược Lêninít, Stalinit chủ trương phân biệt bạn thù dứt khoát, quyết tâm tiêu diệt kẻ thù, biến cả học sinh, sinh viên thành những người cuồng tín, đặc biệt trong những đội quyết tử ám sát ký giả (Từ Chung, Chu Tử), thày học của mình (giáo sư Trần Anh, giáo sư Nguyễn văn Bông) và ngay cả bạn học (Lê khắc Sinh Nhật, Bùi hồng Sĩ). Tôi vẫn còn giữ một danh sách của đội quyết tử cảnh cáo một số sinh viên thuộc các phân khoa như Ngô thế Vinh (Y khoa). Trước một quyết tâm như vậy, phe Quốc gia không phân biệt bạn thù dứt khoát, mơ hồ, vô tình hay cố ý tham gia những hành động tự diệt, như tòa án Văn hóa kết án Chu Tử, hoặc có tác phong rất văn nghệ tếu như Chu Tử và nhất là tỏ thái độ nhân đạo, đặt tình người, đạo lý lên trên những lựa chọn chính trị.

Về văn nghệ không phải chỉ Trịnh công Sơn hay Mười bài Tâm ca của Phạm Duy không phân biệt bạn thù, nhìn cao hơn để nói lên khía cạnh bi thảm của chiến tranh, khía cạnh phi lý của chém giết, khát vọng hòa bình nhân ái mà hàng trăm văn nghệ sĩ khác, kể cả trong quân đội cũng có thái độ tương tự được bày tỏ qua báo chí của các binh chủng như tờ *Cánh Thép* của Sư đoàn Không quân (số 15, 11/72) có bài bút ký của Trịnh đức Trị, Trung tá, nhan đề "Quê hương không hận thù" hay bài thơ "Xin được làm mây trắng" của Trần hải Sơn Phi đoàn 819. Đọc cáo phó đăng trên *Sóng Thần* chúng ta thấy thái độ rất văn nghệ, trên chính trị mà những bạn bè

còn sống bày tỏ với đồng đội đã nằm xuống. Thay vì phân ưu theo thông lệ như "Vô cùng thương tiếc cố đại úy....đã anh dũng hi sinh vì Tổ quốc" hay "đền nợ nước", họ đã viết:

"Vô cùng xúc động hay tin Phạm Ngọc Quân đã khổ sở ra đi; chúng tao đã nói với mày lý tưởng gì trong xã hội đầy kẻ bất lương này, để bây giờ thân xác mày phải vùi sâu dưới đất lạnh.

Vũ Ngọc Long, Đinh V. Minh, Dương Hoàng Long, toàn thể bạn bè khóa 2 Báo chí Vạn Hạnh"

(*Sóng Thần*, ngày thứ Tư, 17.4.69)

Ngoài ra biết bao người, kể cả Tướng, Tá trong quân đội, viên chức, biết rõ (không phải tình nghi, chụp mũ) người nọ người kia là Việt cộng nằm vùng mà không tố cáo vì đặt tình người, tình bạn trên những lựa chọn chính trị. Tôi xin kể một trường hợp: Trong một buổi họp mặt ăn uống ở nhà Hồ thành Đức-Bé Ký, một sinh viên tranh đấu đang giữ vai trò lãnh đạo hội Trí thức Yêu nước hỏi tôi: Thầy có nhớ mấy anh bạn học cũ hiện ở đâu không? Trước 1975 em hoạt động nội thành thỉnh thoảng gặp bạn học đang canh gác khu vực em công tác, tụi này nói chuyện, rồi họ nói:"Thôi mày đi nơi khác, ra khỏi khu vực của tao phụ trách", mà không tố cáo bắt em. Tôi hỏi lại:"Nếu bây giờ mấy anh ấy hoạt động chống Cộng trong khu vực của anh phụ trách, anh có bắt không? Bắt chứ !"

Do đó, xét về phương diện đạo lý, miền Nam thua vì đã tôn trọng những giá trị tinh thần, đạo lý mà người Cộng sản không tôn trọng. Nhưng miền Bắc thắng về quân sự, chính trị mà phủ nhận đạo lý, rút cục lại thua, *thua chính mình* vì không thể sống được hay xây dựng gì được nếu không có đạo lý.

Cho nên đổi mới bắt buộc trở lại những giá trị tinh thần, đạo lý, nếp sống, quan hệ xã hội công tư, dựa trên những giá trị kể trên đã bị phủ nhận. Như vậy mới hiểu tại sao một bệnh viện ở Sài gòn đề ra tiêu chuẩn đạt tới trình độ quản lý của Sài gòn trước 1975, Đại học mong trở lại quy chế tự trị, và Hành chánh bỏ chế độ cán bộ, trở lại quy chế công chức.

Cũng không phải tình cờ nhà xuất bản *Tuổi Trẻ* tái bản những cuốn *Quốc văn giáo khoa thư* nếu không có áp lực, khuyến cáo của những đảng viên lão thành muốn phục hồi những giá trị đạo lý đã mất. Xin kể một trường hợp cụ thể: Tôi gặp một bác sĩ Sài gòn cũ vào một buổi chiều ngày lễ nghỉ, dáng điệu mệt mỏi, hỏi ra được biết ông vừa thực hiện một cas mổ xuất huyết bao tử cho một vị lãnh đạo trong UBND Thành phố. Vị ấy đòi Giám đốc sở Y tế tìm một số bác sĩ Sài gòn cũ mổ cho mình, không chịu vào bệnh viện Thống Nhất để Ban bảo vệ sức khỏe của Đảng lo cho. Bác sĩ Sài gòn được tín nhiệm không phải chỉ vì đảm bảo về chuyên môn

mà cả về chính trị, vì dù những bác sĩ này có chống Cộng, thù ghét Cộng sản đến đâu đi nữa, họ vẫn tận tâm chữa bệnh, không phản lại cái "Déontologie" của họ. Họ chỉ nhìn người có bệnh, không gắn liền bệnh nhân với giai cấp, lập trường chính trị của họ.

Do đó người thuộc chế độ cũ ở lại làm chứng cho những giá trị tinh thần, đạo lý, quan niệm sống mà bây giờ người Cộng sản thấy cần thiết, không còn mặc cảm của kẻ bị thua. Mang mặc cảm bây giờ lại chính là kẻ thắng về chính trị, quân sự. Nhưng người chế độ cũ ở lại chỉ làm chứng một cách thầm lặng riêng tư. Trái lại người chế độ cũ ra nước ngoài làm chứng một cách công khai tập thể. Như vậy phải chăng có nên bỏ mặc *cảm thua chạy, bỏ trốn và hãnh diện về vai trò sứ mệnh "làm chứng tá"* của mình trước dư luận thế giới?

Tìm hiểu xa hơn nữa để xóa bỏ hay giảm bớt căm thù những kẻ gây tội ác, chúng ta sẽ thấy kẻ phạm tội, xét về một mặt, cũng là nạn nhân của những chính sách gây tội ác mà họ thực hiện, vì họ cũng bị dối gạt hay biết là sai trái mà vẫn phải làm điều sai trái. Lữ Phương khi tố cáo văn hóa đồi trụy biết rất rõ đó chỉ là thủ đoạn chính trị lừa gạt, nhưng khi ở trong rừng ngồi chơi xơi nước, chính Lữ Phương đã từng tức giận vì bị dối gạt. Khi Hànội diện vào đường lối để thảo luận quyết định thì sau đó lại công bố trên Đài đường lối đã quyết định rồi. Chính sách tiêu diệt văn hóa chế độ cũ được thi hành hồi 1955 ở miền Bắc đã gây nhiều ta thán, phản ứng, chống đối. Nhiều người lãnh đạo biết là sai trái, nhưng sau 1975 vẫn đem thi hành chính sách sai trái ấy ở miền Nam.

Lại xin kể một ví dụ: Một vị phụ trách Tuyên huấn Trung ương vào Sài gòn tiếp thu văn hóa chế độ cũ hỏi tôi đã đọc *Loan Mắt Nhung* của Nguyễn Thụy Long chưa? Tôi nói có nghe tiếng nhưng chưa đọc vì Sài gòn nhiều sinh hoạt văn hóa đa dạng, không biết hết, đọc hết được. Vị đó khuyên tôi phải đọc rồi kể lại: Lúc trở ra Hà nội báo cáo công tác với Tố Hữu, ông đưa truyện *Loan Mắt Nhung* cho Tố Hữu và đề nghị đọc, sau một tuần gặp lại cho biết cảm tưởng. Tố Hữu nói:"Ngoài Bắc không ai viết như vậy được."

Đánh giá tác phẩm cao thế, nhưng vẫn tiến hành chính sách tiêu diệt tác phẩm, trừng trị tác giả. Chính sách khủng bố mang tinh chất nhà nước (terrorisme d'état) làm cho người ta sợ Cộng sản, nhưng rồi chính người Cộng sản, kể cả cao cấp, cũng sợ Cộng sản. Vì sao? Vì quyền hành chuyên chính không phải của những cá nhân áp bức đa số tập thể mà là của tập thể vô ngã áp bức cá nhân. Cho nên một đảng viên, dù cao cấp, với tư cách cá nhân, vẫn có thể một ngày nào đó bị đàn áp tiêu diệt bởi quyền hành tập thể vô ngã của Đảng, nhân dân, nghĩa là của quần chúng được kêu gọi

ủng hộ những biện pháp trừng trị, một quần chúng trở thành kẻ áp bức cá nhân đảng viên lãnh đạo. Như vậy không dứt khoát có kẻ thống trị, người bị trị, vì kẻ bị trị có lúc trở thành thống trị. Đây không phải là nhận xét của tôi mà là của V. Havel, đọc được trong các báo Pháp ở Sài gòn: "Không ai có thể tự cho mình là một nạn nhân vì mỗi người trong chúng ta đều đóng góp vào việc thiết lập và duy trì hệ thống toàn trị. Mỗi người vừa là nạn nhân vừa là người ủng hộ, bảo vệ hệ thống." Nói cách khác, những ai sống trong chế độ Cộng sản đều ít nhiều là Cộng sản và vì chế độ chủ yếu là công an trị nên như Havel nói:"Mọi người đều bị nhiễm. Trong một xã hội công an trị, trong đầu óc mỗi người đều có một "công an".

Trước 1975, không biết ai là Cộng sản nên không tố cáo, nhưng ngay cả biết cũng không tố cáo, vì không coi đó là việc của mình, cảnh sát có hỏi cũng không khai báo, và nhất là đặt tình bạn, tình gia đình, tình họ hàng, xóm giềng lên trên lựa chọn chính trị. Nhưng sau 1975, họp tổ dân phố, cán bộ, chi bộ, mọi người đều được kêu gọi tự kiểm và kiểm thảo người khác để xây dựng cho nhau. Ngay cả không vì thù ghét cá nhân, cũng không thể không nói, nhất là khi được hỏi vì sợ không nói bị qui là đồng lõa. Con nít ở trường đều được phân công báo cáo bạn học trong lớp, một việc đáng lẽ của giám thị.

Thực ra có một cơ quan, một người đã có thể đối phó hiệu nghiệm chính sách khủng bố mang tính chất nhà nước của Đảng, đó là: Đoàn công tác đặc biệt miền Trung của ông Ngô đình Cẩn. Chính những đảng viên cựu tù nhân của mật vụ miền Trung đã thú nhận như vậy và ca tụng "Thành tích chống Cộng của Cẩn là tuyệt vời"(1). Vì ông Cẩn đã đưa ra một chính sách khủng bố phản Cách mạng, cũng bất chấp pháp luật, Tòa án của chính thể Cộng hòa hay những giá trị đạo lý về tình người, như bộ đội tập kết để vợ lại, bị buộc phải tái giá để không được sử dụng như một cơ sở trú ẩn an toàn của Cách mạng. Nhưng ông Cẩn đã bị phe quốc gia giết.

Gần đây xem một vài vở kịch trên đài truyền hình Hà nội, đọc một số truyện của những tác giả trẻ miền Bắc không có kinh nghiệm gì về chiến tranh, tôi thấy họ không còn phân biệt bạn thù dứt khoát hay vạch rõ chiến tuyến địch ta, mà chỉ thấy khía cạnh bi thảm của chém giết, nghĩa là bắt đầu có một dòng Văn học Trên Chính trị. Tôi nghĩ rằng những nhà văn trẻ ở hải ngoại cũng sẽ sáng tạo theo tinh thần như các bạn họ trong nước. Một vài ghi nhận phân tích kể trên, xin các thế hệ lớn tuổi đón nhận như những gợi ý để mau chóng vượt qua quá khứ đau thương, uất hận, oán thù. ❐

Đi trong sương mù Cựu Kim Sơn

NGUYỄN XUÂN THIỆP

Lũng xanh xao
mù sương bay như biển
hồn ta đâu trong túi áo co ro
những bến tàu ơi. hẹn nhau. mùi rượu
nồng trái cây ủ chín

Ta đi trong sương mù Cựu Kim Sơn
Lòng không quên vạt nắng
từng cháy trên bờ đại dương
màu vàng rực

Này. Những thị trấn thơ
những mái nhà. Góc phố
chiều nay
ta mang tặng ngươi hồn viễn xứ
nắng Việt Nam từ bờ xa

Ta đi
mang theo màu nắng quê nhà
để không quên

một góc bến tàu. vỉa hè xưa
mùa này rụng đầy những bông sứ máu
và hồn ta. ôi hồn ta
đã gửi hương lưu vàng phố đi qua.

Hỡi những người dân trăm xứ
tình phơi trên ngọn buồm chao
tiếng hải âu
thảng thốt dưới trời thu hạ
ôi người dân Mễ Tây Cơ. tóc mun. da màu trăng
nhiệt đới. bán những chiếc áo hoa bên thềm cầu
người rao gì kêu gì
qua bao biên thùy và gió mùa. như ta
lạc hồn lạc xứ
tiếng hải âu xé nát trời chiều.

Mù sương. phố. mù sương
thế kỷ đang tàn
ta đứng trên cầu mù sương
đi trong sương mù Cựu Kim Sơn
nhìn sang bờ xa thấy ngọn đèn màu đỏ
gọi ta về
gọi ta về
về lại bến xưa.

Phòng triển lãm

Thơ Thơ

Tôi luôn tự nhủ thầm, phải bước thật nhẹ nhàng, bởi vì mọi thứ đang yên nghỉ. Dù không thấy ai, nhưng biết đâu mình đang bị quan sát. Một đôi mắt lấp ló sau cánh cửa, hoặc một tia nhìn trầm ngâm từ những bức tranh, đều có thể làm tôi hoang mang giữa thực tại, tưởng tượng, và xúc động. Những bức tranh đều phủ vải kín, làm tôi nhớ lại hình ảnh người đàn bà Trung Đông sau lớp mạng che mặt, chỉ để lộ hai con mắt huyền bí. Đôi khi, sự lặng lẽ có tiếng nói riêng, nếu chịu khó lắng nghe. Một món đồ cũ kỹ cũng có thể nhắc nhớ lại vô vàn kỷ niệm.

Chắc đã lâu bố không lên đây nữa, ông không còn đủ sức một mình lần theo hai tầng thang hẹp để giam mình trong một bóng tối mờ mờ những hạt bụi li ti đang bị khuấy động bởi hơi thở của tôi. Có vẻ như cái chìa khóa cửa đã rỉ sét nhiều hơn. Mỗi lần về thăm lại căn phòng, tôi đều tự nhủ phải làm cái khóa mới ngay; và khi rời nhà lại quên khuấy đi.

Đồ đạc hiện hình rõ dần dưới những tia sáng mỏng tanh đâm qua khe cửa. Hôm nay trời không nắng, tôi chợt nghiệm ra rằng những lần về thăm nhà đều đúng vào lúc trời thật ảm đạm, càng làm cho không khí thêm lẩn quất. Đây sẽ là dịp để chị có hứng vẽ một bức tranh mới, mặc dầu chị vẫn than vãn: "Không có nắng thì còn vẽ vời gì được nữa!" Những gì âm u, buồn bã đều có thể gợi hứng cho chị; chẳng hạn như một công viên đìu hiu đầy gió với những pho tượng cổ, hoặc một nghĩa trang tĩnh lặng dưới những hàng cây đổ bóng âm thầm. Trong một khung cảnh như vậy, chị có thể làm việc hàng giờ không biết mệt; và nếu tình cờ tôi nắm tay chị, bao giờ bàn tay ấy cũng ướt đẫm mồ hôi và lạnh ngắt.

Công việc đầu tiên của tôi mỗi lần về thăm nhà là dọn dẹp căn phòng này, rũ bụi bám trên những lớp vải, hoặc thay áo khoác mới cho những bức tranh. Nhưng thật ra là để ngắm lại những tác phẩm tôi ưa thích, mỗi

lần nhìn lại tôi đều có thể tìm ra vài điều mới. Một trong những bức tôi hay coi lại là "Busy Street", một khu phố cũ với những mảng tường lem luốc lẫn vào bóng đêm. Những ánh đèn đỏ trên tường gây cho tôi cảm giác ấm cúng, những vệt vàng úa hắt ra một ánh sáng mệt mỏi. Đã nhiều bận tôi thử đếm những người trong đó, nhưng không lần nào có được một con số trùng nhau. Lâu lâu tôi lại khám phá ra có người nào đó mới xuất hiện ở balcony, hoặc họ âm thầm đi ra từ một khúc rẽ tối. Cũng có khi bóng họ khuất vào một hành lang thăm thẳm, thỉnh thoảng lại có một người dừng chân dưới cột đèn, chăm chú ngắm bóng mình đổ dài trên mặt đất.

Chị vẽ cho tôi một bức chân dung, lúc tôi mới học lớp năm. Trong hình là một đứa bé mắt một mí, để tóc kiểu búp bê Nhật, tóc trên trán cắt hơi cao nên trông giống một cái mái tranh. Tôi không nhớ nổi là lúc ngồi làm mẫu tôi có bậm môi lại không, nhưng đó đúng là thói quen ngày tôi còn bé; và người lớn vẫn nhắc phải chừa cái tật đó đi. Bố cũng có một bức chân dung sơn dầu. Sáng sớm ngày Father's Day lúc ở phòng ngủ ra ông nhận được món quà bất ngờ ấy. Sau này, trong một cơn giận dữ ông đã rạch hai vạch chéo tàn bạo lên đó thay cho một cái tát vào mặt chị. Tôi tìm cách chữa bằng băng keo trong dán đằng sau lưng, rồi lấy màu của chị tô điểm lại. Không ngờ hai vết sẹo lại trở thành điểm hút của bức tranh, khiến gương mặt người đàn ông thêm sống động, và trông càng giống bố hơn. Tôi hí hửng khoe chị, rồi hai đứa ôm bụng cười nắc nẻ đến gần nghẹt thở.

Nhưng chị không thành công với chân dung của chính mình. Đó là những bức không bao giờ hoàn tất và chị luôn luôn chừa đôi mắt lại. Trong phòng chỉ có một bức chân dung duy nhất của chị, nhưng do một người khác vẽ. Lúc đó tôi khoảng mười hai tuổi, nhưng khuôn mặt ông ta đến giờ tôi vẫn còn nhớ rõ, đôi mắt sáng quắc với tia nhìn nhanh như cắt trên gương mặt xương xương. Thoạt trông, có lẽ vì gầy gò nên nhìn ông ta trẻ hơn bố tôi. Nhưng khi lại gần, những sợi tóc bạc lổn nhổn khiến tôi nghĩ ông đã nói dối tuổi để quen với chị. Chuyện quen biết giữa hai người xảy ra như trong phim. Tối hôm ấy, lúc chúng tôi rời Evergreen Shadow thả bộ về nhà, băng qua đường ở một stop sign thì ông ta từ sau tiến lên làm quen và xin phép vẽ tặng chị một bức chân dung. Tôi biết chắc, nếu vào một lúc khác, hẳn chị sẽ từ chối vì bố rất khó khăn trong việc chấp nhận những quan hệ ngoài đường. Nhưng cuốn phim mới xem đã làm mọi chuyện đều có thể xảy ra thật tự nhiên.

Những lần đầu mọi việc đều ổn thỏa. Họa sĩ và người mẫu làm việc trong phòng học, rất tiện cho bố thỉnh thoảng từ phòng khách đi ngang

qua, hoặc ở family room ghé vào tìm kiếm thứ gì đó. Tôi cũng có thể vừa đọc sách vừa tò mò theo dõi tiến trình của các phác thảo. Sự có mặt của tôi ở đó làm bố hài lòng, khiến chị thêm tự nhiên, còn ông họa sĩ thì hầu như chẳng thèm để ý gì đến tôi cả. Chuyện giữa hai người chẳng bao giờ đi xa hơn những gì tôi chứng kiến, cùng lắm là đi dạo quanh hồ, hoặc gặp gỡ ở một quán cà phê nào đó. Thường sau khi ăn hết phần bánh ngọt tôi mới bắt đầu để ý tới nội dung câu chuyện. Ông ta chủ động nói thao thao bất tuyệt về những trường phái, những thời kỳ, những danh họa như K., như P., như C... để rồi cuối cùng kết luận rằng hội họa cần đổi mới, những tác phẩm của ông là minh chứng, và một ngày kia thế giới sẽ phải biết đến tên ông... Còn chị tuyệt nhiên không nói gì về những tác phẩm của mình cả, chị vốn ít nói, nhất là nói về chính mình.

Khi việc phác họa chấm dứt, ông ta chỉ tới chơi và ngồi khá lâu - tôi nghĩ ông bắt đầu tỏ vẻ thích chị - thì bố cũng bắt đầu tỏ thái độ. Một hôm, khi đích thân bố ra mở cổng, ông ta cúi đầu rất lễ độ: "Chào Bác." Lần này bố trút hết giận dữ lên đầu chị: "Nó tưởng nó còn trẻ lắm hay sao mà nó gọi tao bằng bác. Đồ già không nên nết! Lần sau thì đừng hòng. Tao cấm cửa!"

Bố không có dịp cấm cửa ông ta. Chị bảo ông ta đừng đến nữa, và từ đó hai người chỉ hẹn gặp ở ngoài. Cho tới ngày bức chân dung hoàn tất. Đó là thời gian căng thẳng nhất trong liên hệ giữa bố và chị, bố thường tỏ vẻ lạnh nhạt một cách cố tình cho chị hiểu, khi không còn kềm chế nổi ông sẽ lên cơn nóng giận vô cớ, và tuôn ra những lời hơi quá tàn nhẫn đối với chị. Bố là vậy, tôi nghĩ ông có thể thành một phê bình gia xuất sắc; nhận xét của ông về mọi người mọi thứ luôn luôn xác đáng, nhiều lúc quá sắc nhọn đến mức độc ác. Trước nay, bố là thần tượng của chị; những gì bố thích chị cũng thích, và ngược lại. Trong các đứa con, chị là người được thương yêu nhất; và bố vẫn coi chị như là một "role model" cho chúng tôi, một tiêu chuẩn của thông minh, tài hoa và ngoan ngoãn. Tôi nghĩ, nếu ở vào địa vị chị, tôi sẽ hết sức khó thở. Nhưng chị có lẽ đã quen để cho những tình cảm ấy giam cầm mình, vượt qua là phạm tội. Như chị đã phạm tội khi làm bố thất vọng.

Phương thức phản kháng duy nhất là im lặng. Lần đầu tiên, tôi chợt nhận ra chị quá kín đáo và cô độc trong thế giới riêng, trong pháo đài do chính chị dựng lên. Lẽ ra chị có thể chia sẻ với tôi, vì tôi không hề ràng buộc chị bằng tình thương của mình. Nhưng thói quen và một ấn tượng nào đó đã khiến chị luôn giữ lại, hoặc sẽ trình bày nó dưới một hình thức khác nhẹ nhàng hơn, khó đoán hơn. Tỏ ra bất cần có thể là dấu hiệu của sự rất cần, đàng sau thái độ hờ hững và châm biếm có thể ẩn náu một nỗi đau

thật sâu. Có lẽ chị quý tình cảm của chính mình hơn người nhận được tình cảm ấy, và quyết định giữ nó lại cho riêng mình.

Cũng tương tự như vậy, chị có coi ông ta là đối tượng hay không tôi không bao giờ biết được. Còn ông ta đối với chị thế nào, điều đó kể cũng khá rõ ràng. Lúc báo tin bức chân dung đã hoàn tất, vẻ xúc động của ông làm tôi ngạc nhiên. Khác với mọi khi, giọng ông run rẩy và chỉ nói được những câu ngắn, tựa như dòng tư tưởng bị đứt đoạn và phân tán. Còn ánh mắt lại tràn ngập một niềm hứng khởi bất an, khó hiểu. Ông ta không mong đợi những phản ứng của chị sau đó. Rất lịch sự, chị khen bức tranh đẹp, màu sắc, đường nét, hình khối, ánh sáng, bố cục... tất cả đều hài hòa. Một cái nhìn hết sức dịu dàng, trìu mến, âu yếm của người vẽ; tôi thầm nghĩ, dành cho riêng người mẫu.

"Đẹp đấy! Nhưng anh vẽ ai vậy?"

Ông ta nhìn sững chị, có lẽ ông không tin vào câu hỏi vừa rồi. "V. nói gì? *Tôi vẽ V. chứ còn ai nữa!*"

"Anh đâu có vẽ V. Không giống!"

Ông ta biện bạch "Ban đầu tôi không định vẽ lập thể, chân dung thường thì dễ nhìn hơn. Nhưng tôi chợt nghĩ ra một cách thể hiện mới, và không thể vẽ trái với cảm hứng được."

Không thấy chị trả lời, ông ta giải thích thêm, "Vả lại Cubism thì ăn về mảng màu. Màu sắc, hình khối mới là chính."

"Nhưng Cubism không có nghĩa là vẽ ra một người khác" chị vừa nói vừa lắc đầu. Tôi nghĩ đó giống như một tiếng thở dài.

"Nhưng bức tranh là cái nhìn của họa sĩ về người mẫu" giọng ông ta mỗi lúc một lớn dần, gần mạnh hơn. "Đó là một cách nhìn, chứ không phải cái kiểu sao y bản chính. Nếu muốn vậy thì đi chụp ảnh có hơn không?"

Ngay lúc đó, nắng chợt tắt hẳn khiến đôi mắt chị càng sâu đậm hơn, đôi mắt mà tia nhìn như đọc hết được người ý nghĩ của người đối diện. Hình như chị bao giờ cũng để những lời nói của người khác lắng xuống một lúc - khi chị mở to mắt, yên lặng - rồi mới trả lời. "Có một khoảng cách giữa "giống như" và "chính là". Anh biết điều đó rõ hơn ai hết mà. Có khi chúng là một, có khi không phải. Nhưng tất cả đều không đúng cho trường hợp này."

Người thiếu nữ trong tranh có mái tóc thật dày khiến khuôn mặt lúc nào cũng đổ nghiêng về một phía, có những ngón tay dài mảnh khảnh, có tất cả những gì của chị... trừ đôi mắt. Càng nhìn tôi càng có cảm tưởng người ta đã đem một đôi mắt khác lắp và khuôn mặt chị.

"Cuối cùng, bao giờ anh cũng chỉ vẽ thành khuôn mặt ấy..." Câu nói

bỏ lưng lơ, nhưng ông ta dường như hiểu và bị chạm tự ái. "Những điều V. đang nghĩ làm tổn thương tôi lắm. Tôi có khả năng thấu hiểu tư tưởng người khác nên dễ đau khổ vô cùng."

"Khi nói ra những điều ấy, chính tôi mới là người bị tổn thương. Anh giữ bức tranh đi. Không giận anh đâu. Nhưng V. không thể nghĩ rằng cô gái đó là mình được. Không có vấn đề gán ghép của lòng kiêu ngạo."

Chúng tôi bỏ về mặc ông ta ngồi lại chơ vơ với bức tranh. Buổi chiều tàn làm dáng ông trở nên mơ hồ như hình bóng rất mờ nhạt ở một nơi xa lắm. Tôi linh cảm rằng chị đang rất buồn. Trong vẻ im lìm ấy toát ra một điều gì đó còn nặng nề và lớn lao hơn cả nỗi đau. Có thể là tuyệt vọng. Hai chữ này khiến tôi rùng mình, nhưng nó gần với sự thực nhất. Tôi cố tìm lời an ủi "Chị ơi, chị đừng buồn. Em sẽ tìm người khác vẽ đẹp hơn cho chị." Tôi không tin vào điều mình vừa nói, nhưng bất cứ lời nào, dù ngu ngơ, cũng còn hơn im lặng. Tự dưng tôi nghĩ tới bố, mệnh lệnh của ông, và khuôn mặt nhăn nhúm bởi hai vết sẹo bỏng hiển hiện không thể nào bôi xóa được. Mãi mãi nó ở đó. Giữa bố và chị.

Tôi nắm tay chị, bàn tay lạnh toát như đang đi dưới trời mưa. Ánh mắt hoang dại và mệt mỏi, thờ ơ và vô vọng "Chị không buồn, không buồn đâu. Không thể trách ông ta được. Chỉ có điều chị đã cố gắng hết sức rồi."

Vâng, không thể trách ông ta được nếu như đôi mắt không giống. Bởi đôi mắt ấy đẹp đến độ mới thoáng nhìn lòng đã muốn chùng xuống, chỉ vừa chạm tia nhìn thì những ý tưởng cũng đã tan biến không nói nên lời. Đôi mắt chứa đựng quá nhiều điều cùng lúc không sao nắm bắt và ghi nhận kịp. Cũng có lúc, ánh mắt ấy phản chiếu một tâm hồn khép kín như một khu rừng mịt mùng không lối, cái nhìn thăm thẳm của một vực sâu hút tất cả vào lòng không âm hưởng nào vọng lại.

Tấm mạng che mặt hạ xuống, tôi đăm đăm nhìn người thiếu nữ mang khuôn mặt chị; vẫn là cảm giác quạnh quẽ, u ẩn từ những ngày đã xa. Tôi không nhớ bằng cách nào, ai đã mang bức chân dung ấy lại nhà. Cũng từ đó, chị tránh không gặp ông ta nữa. Sự có mặt của bức tranh ngoài mặt như một dấu chấm hết, nhưng cùng lúc vẫn nhắc nhở âm thầm những điều đáng lẽ nên quên.

Các tấm vải phủ hoặc đã phai màu, hoặc vàng ố vì ẩm ướt; bụi phủ dày đến mức mỗi lần gỡ ra tôi phải vừa nín thở vừa lùi ra sau vài bước. Nếu một mai bố không còn nữa, và tôi phải đi thật xa, những bức tranh có lẽ sẽ mãi mãi nằm đây như trong một nhà mồ. Ý nghĩ chợt đến làm tôi rờn rợn, buông vội miếng vải như nó đã trở thành khăn liệm.

Chỉ còn một bức tranh cuối cùng. Bao giờ tôi cũng đợi đến cuối cùng

khi phải đối mặt với nó. Có lẽ tôi nên mở cửa sổ ra trước thì hơn. Trời vẫn không nắng, màu nước hồ xanh thẫm như rêu, có lẽ vì do bóng lá cây ven rừng đổ xuống. Tôi tưởng như tim mình vừa ngưng lại - rất nhẹ - lúc ngón tay kéo tấm vải xuống. Khi mở mắt ra, trước mắt tôi giờ là hai khung cửa thật giống nhau, và căn phòng chợt bừng lên dưới những luồng sáng trong dìu dịu - thứ ánh sáng chỉ có trong hồi tưởng, lẫn lộn giữa mơ và thực, làm hồn tôi bâng khuâng mỗi lần nhớ lại. Khung cửa thứ hai cũng mở ra một khoảng trời thênh thang không nắng làm cảnh hồ thêm u tịch, một cánh rừng hoang mà trong tưởng tượng của tôi chằng chịt những rễ cây quấn quít lấy nhau. Chỉ có điều màu sắc bức tranh trông buồn thảm hơn khung cửa thật. Tôi liếc nhìn đồng hồ, như một phản xạ - khoảng chừng vài tiếng nữa thôi, sương sẽ bốc lên từ mặt hồi dưới kia. Và lúc đó, dù tôi có đóng cửa sổ lại hay không, sương cũng sẽ bay ra từ khung cửa thứ hai này, lãng đãng trong căn phòng này, không cách nào đảo ngược.

Chưa bao giờ sương mù lại nhiều và triền miên như mùa đông năm ấy. Hầu như sáng, chiều không khí lúc nào cũng nặng chĩu hơi nước. Trong nhiều ngày chúng tôi không nhìn thấy mặt trời, chỉ có mây xám đầy sà xuống từng mảng trôi chầm chậm, nặng nề, bất tận. Rất hiếm hoi là những giờ gần trưa, khi sương mỏng bớt, cảnh vật hiện ra lờ mờ, tôi có thể nhìn thấy những lá cỏ đang ngời lên sắc nước. Còn lại là những thời khắc lê thê buồn khi gió lạnh lùa những làn hơi trắng ngăn mọi nẻo đường và phủ một lớp màn bịt mắt chúng tôi. Vẻ ảm đạm bắt đầu nhiễm vào những bức tranh. Mặt người, phố xá ẩn hiện nhạt nhòa sũng nước. Hình ảnh chúng trong ký ức luôn luôn ngả màu tái, úa vàng, hoặc xỉn trên nền rêu loang lổ của những bậc thang mòn, những con đường len lỏi đìu hiu. Chị trở nên nhạy cảm hơn bao giờ, thời tiết u ám đã ảnh hưởng tới những cơn hứng phấn bất ngờ và dai dẳng. Đó là lúc chị khởi sự vẽ cảnh rừng và hồ nhìn qua khung cửa sổ duy nhất trong phòng. "Sương dày quá đi mất", chị than thở, mỗi lần buông cọ thẫn thờ hướng ra màn sương đục bên ngoài, "không có nắng, trời ơi, khó vẽ quá!"

"Sao chị không vẽ thứ khác, chân dung, tĩnh vật chẳng hạn," tôi đề nghị, "Đợi lúc khác hãy vẽ cảnh."

Chị khẽ lắc đầu, mấp máy môi như định trả lời, nhưng bỗng đi một lúc lâu tôi không nghe gì hết. Có lẽ chị đã đắm vào những suy nghĩ miên man riêng tư khi mê mải nhìn qua lớp kính đang tan giá, nước chảy ròng ròng, những giọt ngắn dài xiêu vẹo. Khung cảnh ngoài kia đầy những cám dỗ bất ngờ và thách thức. Khi tôi đã quên khuấy câu chuyện vừa rồi thì chị như chợt tỉnh lại: "Hôi nãy em nói cái gì đó?"

"Chị nhìn thấy gì đâu mà vẽ. Toàn là sương không à. Sao chị không vẽ thứ khác?"

"Chị muốn vẽ trước khi không nhìn thấy gì nữa. Nhưng bây giờ chị vẫn còn nhìn thấy mà" Ngưng một chút để pha màu lại cho vừa ý, chị vừa khẽ cắn môi phết thử một vệt màu vừa nói "Phải vẽ trước khi tất cả biến mất, biết đâu ngày mai sẽ chẳng còn gì nữa."

Tôi bật cười "Ngày mai có thể sương sẽ tan, nắng sẽ lên, chị sẽ thấy rõ hơn và sẽ tha hồ vẽ."

Chị lắc đầu quầy quậy khiến mái tóc kẹp cao chợt sổ tung "Vậy thì sẽ chẳng bao giờ vẽ xong. Chị không muốn. Chị muốn cứ như lúc này, ngay bây giờ..."

Tôi bắt đầu cảm thấy mình đang lạc đề, hoặc vào nhịp sai một bản nhạc. Khi câu chuyện giữa chúng tôi không còn ăn khớp nữa, kinh nghiệm cho thấy tôi nên im lặng, càng nói tôi càng đi chệch hướng, và chị sẽ càng khép kín hơn, khó hiểu hơn. Chị luôn luôn như vậy, mỗi khi bị một đam mê nào đó lôi cuốn; lặng lẽ, miệt mài và bí ẩn.

Chiều xuống rất mau. Thoạt đầu, sương còn như lớp lụa mỏng ôm ngang mái nhà và những chạc cây. Mỗi trận gió ào tới lại rũ bớt những mảng tơ trắng bám vào vòm lá rơi lả tả trong không. Khói bốc lên từ mặt hồ dưới kia những làn hơi nghi ngút. Khi bóng tối lên thì sương mù đã đan kết dày đặc thành từng mảng, và khu rừng biến mất thật đột ngột như bị sương nuốt chửng. Chị vẫn tiếp tục vẽ, chốc chốc lại nhìn ra cửa sổ với vẻ bồn chồn. Chị nhìn thấy gì, tìm kiếm điều gì ngoài kia... tôi không hiểu; tôi không còn thấy gì nữa. Trừ cành thông đen sẫm còn lờ mờ sát mái nhà, trước mắt tôi giờ là khoảng không mù mịt vô cùng, những mái nhà khác chung quanh đã lún mất hút vào tầng tầng lớp lớp những tảng hơi đùn lên sừng sững. Tôi áp mặt sát vào lớp kính lạnh ngắt như đá, nhìn xuống dưới sâu, bất động, tê cóng trước một vực thẳm vời vợi đen ngòm.

Chị trở nên bứt rứt khác thường, có lẽ vì cấu trúc không gian đã đảo lộn, và giờ chúng tôi đang lạc lõng vô định trong một thế giới xa lạ. Tôi nhìn lên đồng hồ để xác định lại cho mình một điểm thời gian. Nhưng nó đã ngưng chạy. Việc nó chết ngay lúc này càng xác nhận điều tôi nghĩ là đúng. Chị mở tung cửa cho sương tràn vào phòng. Bức tranh đã xong, và tôi đoán chị đang hoàn tất nghi thức sau cùng khi kéo bức tranh ra sát cửa, hướng về màn sương đẫm nước bên ngoài.

Bức tranh quả thực đã làm tôi xúc động. Đó là hình ảnh tái tạo phong cảnh thân yêu và quen thuộc của tôi nhìn qua khung kính loang loáng nước; nhưng đồng thời chính mặt kính ấy lại tỏa ra một luồng sáng ấm cúng, phản chiếu từ cây đèn chụp góc phòng. Một mảng tranh là nơi hai

vùng không gian trong ngoài gặp nhau, khi một hình ghế vách tường nhập nhòa vào bóng một đỉnh cây, trên ngọn lung linh chùm đèn hình nến. Tôi lẳng lặng ngắm bức tranh như tìm một thực thể ẩn náu đàng sau lớp sương mù bưng bít, và hư ảo.

Chị pha một bình cà phê rồi đốt lò sưởi. Tôi biết đêm nay, cho tới khi tôi đã ngủ thật say, chị vẫn còn thao thức, ngồi đó mắt nhìn mông ra ngoài vô định. Thỉnh thoảng chị lại dõi mắt từ khung cửa sương liếm loang lổ vào bức tranh, những thanh củi cháy đỏ hắt lên đôi mắt ánh lửa nóng bỏng, đam mê, và bất chấp. Hình ảnh cuối trước khi tôi thiếp đi là chị đứng sát khung kính, thật lâu, bất động, như bị đóng đinh vào đó hoặc đã cóng đi vì lạnh.

Tôi mơ thấy mình nắm tay chị đi men theo hồ. Chị đứng sát bờ, thả một mảnh lụa trắng toát xuống hồ nước mờ đục. "Chị làm gì đó?" Tiếng chị trả lời lẫn trong tiếng gió ào ào "Chờ một chút đi cho nước thấm vào khăn." "Chi vậy chị?"

"À, chị sẽ vẽ một bức tranh màu nước hồ, màu này không ai pha được, phải lấy từ chính nước hồ này." Mảnh lụa trắng bập bềnh giữa một dòng lá khô hình dáng như những con mắt mòn mỏi. Chị nghiêng mình, nghiêng nữa, cánh tay xoãi ra, mái tóc dài rũ rượi trên nước thành những cọng rong đen nhánh nổi lềnh bềnh. Mảnh lụa trôi ra giữa hồ, tôi hét lên "Chị, coi chừng, coi chừng!", tiếng tôi bị gió át đi ngay. Tôi chạy những bước hụt hẫng vào khoảng không đè nặng trước mặt. Tôi gào lên, gió lạnh sắc quất vào mặt làm tôi tức thở, một bàn tay chặn ngang họng khiến những âm thanh nghẹn lại không thành tiếng...

"Dậy! Dậy! Làm gì mà la dữ vậy?" Một bàn tay tì mạnh lên vai tôi. Tuy chưa hoàn hồn tôi cũng nhận ra giọng chị rất gần. Tôi muốn nhấc mình lên, nhưng chân tay nặng chịch như đang lún sình. "Em bị bóng đè. Ghê quá!"

Chị đứng đầu giường, đèn trong phòng đã tắt, không khí trong phòng lạnh buốt. Không hiểu chị đã mở cửa sổ từ lúc nào, màn cửa bay phần phật, tôi nhận ra đó chính là tiếng gió tôi nghe trong mơ. "Đi xuống hồ chơi không?", tôi dụi mắt, cố tìm khuôn mặt chị trong bóng tối, nhủ thầm đây là thực, không phải mơ, "Xuống hồ? Làm cái gì dưới đó?" "Đi coi sương mù buổi tối", "Thấy gì mà coi, chị điên rồi!" Chị nắm chặt cánh tay tôi, tay chị lạnh như nước đá và đẫm mồ hôi. "Dậy ra coi bức tranh của chị đi!" "Em coi rồi, mới coi hồi nãy mà." Giọng chị tha thiết "Bây giờ khác rồi. Kỳ lắm! Bị sương che hết rồi. Không còn thấy gì nữa." Cơn sợ lại ập đến, chị lấy tay bịt miệng trước khi tôi kịp la lên, rồi chị thì thầm "Đừng sợ, đừng sợ. Trên bức tranh giờ chỉ có một con đường thôi." "Đường nào?

Em không nhớ?" "Chị cũng không nhớ. Nhưng có thể mình đã thấy nó rồi." Trong ký ức mù mờ của tôi, chung quanh hồ không có một con đường nào cả, chỉ toàn là cỏ gai cao quá đầu gối lẫn vào cây cối bìa rừng "Nhưng mà chị có vẽ vào tranh chưa?" "Chị cũng không chắc", chị nói giọng ngập ngừng, "Em nhớ lại coi. Làm sao tự nhiên nó hiện ra được?"

Tôi rùng mình, kéo chăn tận cổ. Gió càng lúc càng dữ, hơi nước ùa vào từng khối ngập phòng, tôi chỉ còn thấy màu áo trắng nhờ nhờ của chị di động như trong một giấc mơ lạ "Chị định đi đâu đó?"

"Xuống hồ một lát. Chị sẽ về ngay. Ngủ đi!" Giọng chị xa dần, hình như có tiếng chân khua trên những bậc thang gỗ. Tôi vùng dậy, quờ quạng trong bóng tối dày đặc, nhìn quanh quất cố tìm ra màu áo trắng của chị. Hình như chị đang đứng cạnh giá vẽ. Tôi vội vàng chộp lấy tay chị. Nhưng không có bàn tay nào cả. Chỉ là cái áo khoác chị vẫn mặc khi làm việc, mắc hờ lên giá, cánh tay áo đu đưa trong gió. Bóng đêm đen đúa làm tôi ngộp thở, càng ngoi ngóp lại càng lún sâu hơn nữa...

Khi tôi tỉnh dậy có lẽ đã quá nửa đêm. Tôi hoảng hốt đập cửa phòng bố. Cho đến giờ, tôi cũng không hiểu tại sao mình lại có đủ sức ra tận hồ, đi hết một vòng, qua cả phía rừng bên kia. Gió rít từng hồi quạt những vết cỏ sắc như gai vào chân, sương dày đặc như những tảng băng vĩnh cửu, tôi tưởng như mình bước hổng trên không, và chỉ khi nước lạnh bắt đầu thấm qua đôi giày vải tôi mới chắc rằng mình đang đi trên đất. Cái đèn flash yếu ớt chỉ rọi được nửa cánh tay, tôi nắm chặt lấy bố, vì chỉ rời ra một chút là bố cũng sẽ chìm lỉm và mất hút. Ánh đèn yếu dần, mờ ảo như lân tinh chấp chới. "Về đi bố, con sợ." Giọng bố bị rừng cây vật vã bạt đi "Cố một chút nữa đi. Có thể chị còn đang ở trên đường." Tôi càng hoảng hơn "Đường nào? Đường nào bố?" Bố không trả lời. Tôi chợt ngửi mùi bùn tanh tanh bốc lên quyện lấy hơi nước hồ "Chắc chị đã về đến nhà rồi. Bố ơi, con lạnh quá!"

Lên tới phòng ngủ, tôi gần như kiệt sức. Tôi để đèn sáng suốt đêm. Cửa sổ đã đóng kín, nhưng từ những bức tranh vẫn tỏa ra một làn hơi lạnh trắng.

Tôi chợt có ý nghĩ chính sương đã từ đây bay qua cửa sổ, và giăng kín bầu trời đêm nay.

Suốt một khoảng đời dài, bức tranh đã trở thành khung cửa thứ hai của căn phòng. Chỉ cần nhìn vào đó, tôi cũng biết trời ngoài kia thật sự ra sao - nắng gió, hanh khô, hay mây mù, giông bão... Khung cửa này vừa được thay một tấm màn che mới... Đó là ý muốn của bố, ông sợ bụi mốc và thời gian sẽ làm hư những bức tranh. Nhưng cũng có thể hiểu theo

Mưa. Vẫn mưa, ngày cũ.

LUÂN HOÁN

buổi sáng ra đi mù mưa bụi
buổi chiều trở lại phất phơ mưa
tóc bay bám gót chân hờ hững
vấp tiếng ai cười hiên gió xưa

ồ, vẫn là em, em đó sao?
bàn tay thao thức ngón chiêm bao
thấm bao nhiêu lượng đời chua ngọt
sầu mãi ươm xanh những tế bào

ồ, vẫn là em, em đó thôi
bàn tay phá phách mở bên trời
bao nhiêu thương nhớ từ mê đắm
rụng ướt tim người, chẳng ngộ tôi?

ô, vẫn là em, em của thơ
làn môi muôn thuở vẫn bơ vơ
tôi bay theo hạt mưa ngày cũ
tay với lòng em có bao giờ?

nghĩa khác - như để ngăn cách chúng với hiện tại, hoặc để bảo vệ hiện tại.

Tôi không bao giờ muốn tìm hiểu thêm về những ám ảnh của ký ức. Không ai tìm thấy dấu vết cuối cùng vào, và những người đi lạc trong sương rồi sẽ tìm ra lối về. Điều này, chính những cảnh sát địa phương vẫn thường xác nhận. Đã bao năm rồi, tôi chờ đợi một con đường nhỏ bên kia hồ. Cho đến bây giờ, tất cả vẫn chỉ là giấc mơ và ảo giác của mùa đông...

tào khê nước chảy

hoàng nga

–Làm gì mà nhìn người ta dữ vậy?

–Ủa, tưởng xứ tự do, nhìn không bị cấm.

–Không cấm, nhưng cái nhìn kỳ cục.

–Vậy thì xin lỗi, tại không nghĩ mình bị...lé!

Tôi phì cười. Vậy là quen với Nghiễm. Tôi chỉ cho Xuân thấy mặt chàng. Xuân thông báo với hai cô nhỏ học cùng lớp, trêu tôi:

–Chị Hạc quen với một ông sắp... qua đời.

Tâm chưa gặp Nghiễm nhưng cũng về hùa với Xuân:

–Kỳ này cho chị Hạc lên làm giám đốc công ty mai táng!

Xuân cười:

–Vậy thì hơi quá. Cỡ...khảo cổ gia là vừa đủ.

Ba cô nhỏ vượt biên theo với cha mẹ từ nhỏ, nhưng nói tiếng Việt rành không chịu được. Hân la bạn:

–Hai con... Võ Hậu! Ăn nói tạp nhạp, bậy bạ mà không sợ chị Hạc buồn.

Hân đòi xem mặt Nghiễm. Tôi dẫn Hân xuống căn tin của trường. Chàng đang ngồi với một đám bạn "international", xí la xí lô đủ chuyện. Tôi gọi. Nghiễm hơi ngượng khi thấy có Hân. Chàng nói:

–Tụi anh thực tập động từ "to quơ". Nghiễm đang theo học lớp Anh văn dành cho người ngoại quốc. Chàng bảo với tôi chàng muốn đi học trở lại sau nhiều năm cặm cụi kéo cày trả nợ sinh thành. Cha mẹ chàng còn kẹt lại ở bên kia. Nghiễm than chàng nói tiếng Anh cứng như có người kẹp cổ chàng bằng đủ thứ sắt thép kim loại. Tôi an ủi chàng:

–Chỉ cần nói chậm rãi, nói đúng văn phạm và phát âm tương đối là được rồi.

Tôi đề nghị giúp chàng nhưng chàng không chịu. Xuân cười hí hí:

–Đúng là một trang anh hùng...hở hán có ***g*** !

Tôi nói với Nghiễm:

–Cái ranh giới giữa tình yêu và tình bạn, chỉ có bước qua chứ không

có bước về. Chỉ có tiến chứ không có thoái.

Chàng cười:

–Tráng sĩ một đi không bao giờ hẹn có ngày trở lại!

Và chàng hát vọng cổ cho tôi nghe:

–Tuấn mã ơi, hãy phi nhanh về báo hung tin cho quân ta được rõ, rằng Võ Đông Sơ đã vùi thây giữa cát bụi...quan hà.

Tôi phì cười. Nghĩ thầm trong bụng chắc trên đời này, chẳng có ai tỏ tình như chàng. Nghiễm hát tiếp:

–Bạn lòng ơi, đừng hoài công mòn mỏi đợi chờ. Hãy gọi tên anh trong những chiều sương lạnh, khi cánh nhạn bay về cuối nẻo trời xa...

Tôi nhìn đồng hồ, bảo Nghiễm tính tiền để kịp giờ về lớp. Nghiễm mua cho Xuân, Hân và Tâm ba miếng bánh ngọt. Tôi đi với chàng vượt qua khoảng sân có những tàn cườm thảo xôn xao rơi lá. Đầu mùa đông ở cái thành phố ven biển này vẫn còn sót chút ấm áp bởi cái nắng vàng ngọt ngào như một ly nước cam óng ả trên môi. Tôi xòe bàn tay đón nắng. Nghiễm nói bàn tay năm ngón em vẫn kiêu sa. Tôi cười lắc đầu vẫy tay chào chàng. Chúng tôi chia tay ở mé thềm râm bóng mát dưới dãy lầu cao dẫn về lớp học tôi. Nghiễm bảo tôi đứng lại nói chuyện dăm phút với chàng. Tôi từ chối:

–Tư bản luận của đồng chí Karl Marx theo em từ Việt Nam sang tới bên này. Phải vào xem qua sách vở chứ không thì hai giờ kinh tế chẳng biết ông thầy lảm nhảm cái gì.

Nghiễm rùn vai, tỏ ý thất vọng. Tôi nói "see ya later", rồi quay lưng bước lên bục tam cấp. Tự dưng tôi cảm thấy buồn vô hạn. Cái hành lang mát lạnh như một ngăn tủ nước đá làm đầu óc tôi mệt nhọc nghĩ ngợi. Phía này bóng râm. Ngoài kia nắng mượt. Phía này tôi lao xao ngậm ngùi. Ngoài kia Nghiễm vai gầy dáng đỏ. Cái ranh giới giữa bóng mát và nắng mượt long lanh cũng không thể bước qua bước lại vì đã hết giờ ra chơi. Tôi quay lại ngó Nghiễm vung chân trên bãi cỏ một giây. Nghiễm thường đọc thơ Nguyên Sa cho tôi nghe. *Sao người không là một con đường. Sao tôi không là một ga nhỏ. Mà cũng có những giờ gặp gỡ. Cũng có những giờ chia tan.* Tôi thở dài. Trăm năm không duyên nợ, có hẹn hò cuống quít, có thăm hỏi ân cần cũng chỉ là hư không Nghiễm ơi. Tôi đưa mấy miếng bánh cho ba cô nhỏ. Tâm cười:

–Coi cũng "được" đó chứ.

Xuân nói:

–Trước có ở Ga lăng ngày nào không mà ga lăng cùng mình dzậy ta!

Hân phản đối:

–Các đồng chí hớn hở trên xương máu của nhân dân nhiều quá!

Xuân chồm sang định lấy miếng bánh của Hân:

–Nếu nhà ngươi cắn rứt lương tâm thì đưa đây cho trẫm...an dạ.

Tôi ngăn lại:

–Không được. Mỗi đứa phải gặm nhấm phụ với chị chút hối hận. Phải chia với chị nỗi bứt rứt này.

Tâm lắc đầu:

–Ăn lấy thảo lấy thơm. Ăn lấy ngọt lấy bùi. Để may ra gặp duyên như chị.

Ba miếng *angel food, honey* và *chocolate* chui vào bụng ba cô nhỏ. Nỗi bứt rứt và hối hận của tôi đọng lại trên cổ họng. Nghẹn ứ. Xuân khen:

–Chị Hạc "làm ăn" coi bộ được quá. Có nghiêm có nghỉ đàng hoàng.

Tôi rùn vai:

–Anh Hoàng biết là chết.

Xuân lắc đầu:

–Anh Hoàng một tháng về nhà có mấy bận, biết sao được!

Tâm cười:

–Chỉ trừ khi nào chị "vượt biên", đi quá... không phận và hải phận quốc tế, chạy ra khỏi sự kiểm soát của ba đứa tụi em thì đành chịu.

Xuân thêm:

–Sử dụng "vũ khí tầm ngắn" thôi chị Hạc. "Sealed with a kiss" thôi chị Hạc.

Tôi thở ra:

–Ờ, mới chỉ buồn vui văn nghệ vậy thôi.

Tâm la lên:

–Vậy có gì mà sợ!

Xuân tiếp:

–Kệ, "quậy" lên một chút cho cuộc đời tươi trẻ ra. Nếu có bị "địch" phát giác, thì chị cứ bảo là... bồ của em.

Tôi cũng đã nghĩ, nhỡ mà Hoàng biết được quan hệ giữa tôi với Nghiễm, chắc phải cầu cứu mấy quân sư quạt máy này. Hân hỏi:

–Anh ấy có biết chị "engaged" với anh Hoàng không?

Tôi gật đầu. Nghiễm bảo tôi:

–Chừng nào em lên xe hoa thật sự, anh sẽ trả em lại cho người ta. Anh chỉ "mượn" bàn tay và một chút thanh xuân tươi trẻ của tâm hồn em. Nghiễm làm thơ. Chàng đưa cho tôi coi những tờ tạp chí có đăng thơ chàng. Chưa có bài nào đề tặng tôi. Tôi hỏi chàng:

–"Em nhỏ" ở đây là ai vậy?

Nghiễm trả lời:

–Cô bạn gái học chung trường ngày xưa. Chàng viết: *Em nhỏ ạ, buồn*

ta thở dài. Môi sầu trên những đóa phôi phai. Tôi hỏi:

–Bộ tình buồn lắm sao mà thơ buồn vậy?

Nghiễm cười xao xác:

–Người con gái đầu tiên trong cuộc đời anh đi lấy chồng trước khi anh có sự nghiệp.

Và chàng nhìn tôi:

–Còn người con gái sau cùng thì đến lúc sự nghiệp anh đã tan tành.

Tôi thêm:

–Và đã hứa hôn.

Chàng gật đầu:

–Đúng vậy.

Hân thở dài khi nghe tôi kể lại:

–Trời ơi, quen chi với ông nhà thơ. Ảm đạm quá chị Hạc ạ.

Tôi cũng thấy ảm đạm nhưng đã lỡ quen với chàng thì làm sao bây giờ! Đã không còn có thể làm mặt lạnh, có thể dửng dưng đi qua mặt chàng mà không thả một cái nhìn vấn vương ở lại. Nghiễm bảo suốt đời chàng cứ phải hì hục chiến đấu với cơm áo, với công danh sự nghiệp và với cả tình yêu. Chàng nói cơm áo là bóng ma ám ảnh, là mưa sa bão táp lưng trời, còn công danh là một con đò đã sang bờ và chàng là phiến đá u buồn trên bến vắng. Chàng cười nửa miệng:

–Nhưng tình yêu mới thực là những món hàng xa xỉ. Suốt đời anh, có lẽ sẽ không bao giờ đủ sức để "tậu" được cho mình một người yêu!

Nghiễm than buồn. Tôi đề nghị với chàng:

–Hay là em không gặp anh nữa vậy.

Nghiễm hỏi lại tôi:

–Sao em không để nghị lạc quan yêu đời hơn một chút là em sẽ gặp anh, sẽ ở bên anh cho đến ngày mòn hơi thở?

Tôi thở dài:

–Em có nói vậy, với một người.

Tôi không biết đặt Nghiễm ở vị trí nào trong trái tim mình. Xuân hay hát. Yêu anh không biết để đâu. Để trong lỗ mũi, lâu lâu em... xúc dầu! Tình cảm dành cho Nghiễm cay nồng. Cay hơn dầu xanh Thái Lan. Cay hơn món xúc xích phết mù tạt chàng thích ăn buổi sáng. Mỗi lần Hoàng về, tôi xót dạ ân hận. Tôi hứa với lòng sẽ chấm dứt ngay cái quan hệ có vẻ không bình thường này với Nghiễm. Tôi nói với chàng:

–Anh rải đá lên con đường đời của em. Anh làm bước em chông chênh.

Chàng cầm tay tôi:

–Anh xin lỗi.

Tâm chặc lưỡi bảo tôi:

–Hay là đem lên bàn cân so tài đọ sức đi chị Hạc.

Xuân phản đối:

–Anh ấy đâu có đòi hỏi gì, vô cớ bắt chị Hạc phải chọn lựa.

Mà chọn lựa gì nữa. Tôi đã từng chọn Hoàng. Tay trái tôi có chiếc nhẫn hứa hôn. Tôi có thể trả lại cho Hoàng. Nhưng có nên nói là bước vào thế kỷ này, công chúa sẽ lấy ông chủ hầm mỏ, chứ không lấy thằng bán than chăng? Và con người ở thời đại máy tính, vũ khí hạt nhân thì không nên hát *tình yêu như trái phá con tim mù lòa*! Tôi hay thở dài lúc ngồi với Nghiễm trong quán cà phê. Có nhiều lúc tôi chỉ ước ao có một thằng khủng bố nào đó đặt mìn nhằm chỗ chúng tôi ngồi. Nghiễm bảo tôi:

–Anh không có quyền bắt em phải khổ theo anh. Lấy em, cái thằng tứ cố vô thân nhưng lòng lúc nào cũng đầy ắm ấp những thứ ước mơ, hoài bão ở trên trời là thằng anh, sẽ đày đọa em cho đến ngày tàn hơi. Người đàng hoàng sẽ nói, vậy thì phải chấm dứt, phải ca *anh đường anh tôi đường tôi* để không làm khổ nhau. Người đàng hoàng nói đúng. Nhưng thường thường người đàng hoàng là những người ở ngoài cuộc. Người ngoài cuộc mắt sáng như gương. Lòng sạch như được hút bụi. Nên người ngoài cuộc thấy chuyện gì cũng dễ. Chuyện gì cũng có thể thực hiện được. Chuyện gì cũng có thể kết thúc với lý, không với tình. Nhưng tôi thì nằm trong bát quái trận đồ. Tôi tối tăm mặt mũi, tôi rối rắm ruột gan. Tôi quờ quạng bằng đôi mắt của người mù, đôi chân của người chống nạng. Tôi không có đủ can đảm để thú thật với Hoàng, là tôi đang chơi cái trò bắt cá hai tay, tôi đang có một người tình thế chỗ chàng những ngày chàng đi làm xa. Cũng như tôi không có đủ can đảm bỏ ngang năm học cuối cùng này, rời khỏi cái trường này sớm hơn dự định để không còn có dịp gặp gỡ Nghiễm. Tôi đau khổ nói với ba quân sư:

–Chị trông cho mau hết cái niên khóa. Trông cho có người nào đó nhảy vô quen với anh Nghiễm cho rồi.

Xuân vuốt má tôi, trêu:

–Anh ấy vừa già vừa là thi sĩ, em không đủ can đảm nhảy vô cứu chị, chị Hạc ơi.

Hân cười:

–Thi sĩ có thể yêu nhiều người, nhưng kiếm ra một người yêu thi sĩ thì hơi khó đấy. Không ai muốn rước "của nợ" giùm tôi. Nhưng hình như nói vậy, chứ tôi cũng không muốn ai dây dưa với Nghiễm. Tôi lại nhà chàng với ba cô nhỏ. Đàn hát. Chàng đi pha cà phê đá. Xuân tò mò lôi từ trong tập nhạc của chàng ra một lá thư đề tên con gái, địa chỉ ở một cái đảo nào đó bên Phi. Tôi giành coi. Thư viết mong sớm được gặp gỡ sum

họp với chàng. Và ở đoạn cuối có mấy chữ, "nhớ Monsieur nhiều". Tôi đỏ mặt. Tâm dằn lại cái thư bỏ vào trong tập nhạc, la Xuân:

–Mày vô duyên!

Nhưng có lẽ phải nói người vô duyên là tôi mới đúng. Tôi có Hoàng sờ sờ ra đó, vậy mà tôi giận Nghiễm vì lá thư. Tôi nói mát chàng:

–Monsieur thừa sức "tậu" được người yêu mà làm bộ nói toàn chuyện thảm thương. Nghiễm hiểu ngay. Chàng nhăn mặt:

–Người ta đi lấy chồng từ đời nào. Cái thư cũ mèm, xưa rích.

Tôi gặng chàng:

–Nhưng chắc còn tha thiết dữ lắm mới cất trong tập nhạc tình chứ bộ.

Nghiễm kêu trời. Chàng lắc đầu:

–Tha thiết với một người sắp lấy chồng là đủ chết lên chết xuống, tha thiết thêm với một kẻ đã sang ngang chắc không còn hơi để thở!

Nghiễm bảo tôi dạo này chàng phải đi làm thêm ca tối, và sáng phải dậy sớm luyện võ, tập chạy, jogging, quanh nơi chàng ở. Tôi hỏi tại sao. Chàng cười rầu rĩ:

–Không đi làm, tối nằm nhà suy nghĩ vẩn vơ lại buồn. Sáng không dậy tập thể dục, lấy đâu ra sức mà đi học.

Nghiễm đánh đông đỡ tây. Với chàng. Với trái tim mềm như chè thạch của chàng. Và với cái lương tâm đầy răng lợi của chàng. Tôi cũng đánh đông đỡ tây. Giáo gươm, mặt nạ, mâu, thuẫn, áo giáp đầy đủ bộ lệ. Nhưng tôi đánh nhau với Hoàng, đánh nhau với Nghiễm. Và nhiều khi tôi đánh nhau với chính tôi. Phe ta đánh phe mình. Túi bụi trời đất. Cả Nghiễm lẫn tôi đều trọng thương. Đều đuối sức trong cuộc chiến đấu tàn hơi ấy. Tôi đã dụ dự lên văn phòng xin thôi học nhiều lần. Và dụ dự thú thật với Hoàng nhiều lần. Nhưng lần đi nào của tôi cũng cõng theo cái gan Lê Chiêu Thống. Tôi hèn nhát đầu hàng ở ngay ngưỡng cửa văn phòng nhà trường. Tôi hèn nhát câm như hến trước Hoàng. Tôi không dám chết vinh. Tôi tham lam nên tôi sống nhục. Tôi vừa sợ mất Nghiễm. Vừa sợ mất Hoàng. Tôi làm tấm lụa đào phất phơ trước gió. Tôi khóc tơi bời vì tôi không dám để mình biến thành nhân vật tiểu thuyết, không dám sẵn sàng đi theo tiếng gọi của con tim! Cái con tim vật chất của tôi, có hai ngăn, tâm thất trái và tâm thất phải rõ rệt, đựng máu đen và máu đỏ như bài vạn vật năm lớp đệ tứ. Cái con tim có hệ thống tuần hoàn lành lặn, biết làm máu đen biến thành đỏ khi luân lưu. Nhưng bên cạnh nó còn có đi kèm theo một con tim khác, không thuộc về vật chất, mà cũng hết sức bày đặt bằng cách luân lưu một lúc hai người, hai bóng hình. Nghiễm hỏi tôi:

–Sao em không để tóc dài hả Hạc?

Tôi cười, lòng chát chua:

–Để tóc ngắn, nhỡ tóc có rụng trên vai người lạ, sẽ không ai biết mình ngoại tình.

Nghiễm thở dài:

–Em nói ngoại tình, nghe buồn.

–Chứ không ngoại tình thì là gì?

–Ừ, thì ngoại tình. Nhưng nghe xót dạ làm sao. Biết làm sao cho không xót dạ!

Tâm đùa cho tôi bớt nặng lòng:

–Đi coi bói, chị Hạc à. Xem thử bà thầy bói nói đời chị sướng hay khổ. Nếu sướng, thì lấy anh Hoàng. Nếu khổ, bắt anh Nghiễm làm đám cưới.

Tôi nói lại với Nghiễm. Chàng bảo không cần đi coi bói nhưng cũng thừa sức biết bà thầy bói sẽ nói tôi có số đào hoa, còn tình duyên của chàng thì lận đận, trắc trở. Tôi về nằm vắt tay lên trán buồn muốn khóc. Tôi nghĩ Nghiễm không muốn tôi từ hôn. Tôi gọi điện thoại cho chàng:

–Oánh tù tì mày ra cái gì tao ra cái này. Anh muốn cưới em không Nghiễm?

Tiếng Nghiễm trong điện thoại buồn bã:

–Em hỏi vớ vẩn.

–Tại sao vớ vẩn! Anh ừ là em bỏ hết.

Nghiễm im một giây:

–Bây giờ là mấy giờ rồi?

–Một giờ sáng. Anh hỏi chi vậy?

–Anh mới đi làm về. Mệt. Còn em thì ngủ không được, phải không?

Tôi hỏi lại:

–Có dính dáng gì tới chuyện cưới hỏi?

–Ngủ không được, em không tỉnh táo. Đi uống một ly sữa nóng, hay ngâm mình trong bath một chút, rồi đi ngủ đi Hạc. Nếu tới sáng mai em vẫn chưa đổi ý, anh sẽ trả lời em là anh có muốn cưới em hay không.

Tôi im. Nghiễm nói trúng phong phóc cái dạ rối rắm của tôi. Chàng lái xe vận tải chạy tứ tán khắp hang cùng ngõ hẻm lòng tôi. Chàng biết như năm với năm là mười rằng nhiều lần trước đi ngủ tôi đã nghĩ đến chàng, nhất quyết sẽ lấy chàng, đói no thiếp chịu với chàng, nhưng rồi sáng hôm sau, khi thức giấc, nhìn thấy nụ cười của Hoàng trong tấm hình trước bàn học, nghĩ tới cái tương lai có vẻ sáng lạn, rạng rỡ khi về làm vợ Hoàng, tôi bèn co rúm người, vội vã rút lại cái ý nghĩ điên rồ đêm qua... *

Hoàng hoàn toàn không biết những gì xảy ra sau lưng chàng. Tôi hóa trang khá kỹ lưỡng mỗi bận chàng về. Những lúc thấy tôi có vẻ ưu tư, Hoàng thắc mắc, tôi hay bảo tại tôi lo không đậu kỳ này là phải lại cái

thành phố này thêm một vài semester. Tôi dối chàng nhiều điều nhưng điều này thì tôi nói thật. Tôi vẫn lo nơm nớp ngày đêm nếu phải ở lại nơi này, chắc chắn là cuộc đời tôi sẽ có nhiều đổi thay. Hân nói với tôi:

–Liệu anh Nghiễm có tin chị sau này? Tôi không biết nghĩ như thế nào cho đúng. Gia phả tôi không có ghi chúng tôi là hậu duệ của Tào Tháo, và dĩ nhiên Nghiễm cũng chẳng phải họ Tào. Nhưng câu nói của Hân khiến tôi giật mình. Không cần phải cất công suy nghĩ cho nhiều cũng thấy trong mối quan hệ tay ba này, chính tôi đã phơi bày cho Nghiễm thấy cái lòng dạ không chung thủy của tôi. Liệu anh Nghiễm có tin chị sau này? Liệu mai mốt rồi có tránh được câu chì chiết, tiếng cay đắng? Tôi âu sầu quyết định triệt thoái. Như Bảo Đại bị buộc triệt thoái khỏi ngôi báu. Như tướng tá, binh lính bị buộc phải triệt thoái khỏi cao nguyên hồi bảy lăm. Tôi bảo Nghiễm đã sắp đến ngày thành hôn của tôi. Chúng tôi đồng ý chấm dứt không gặp nhau. Mỗi sáng đi ngang qua cái gốc cườm thảo nơi chàng thường ngồi với đám bạn, tôi nhói xót ruột gan. Nghiễm chẳng còn ngồi ở đó, cầm một nhánh lá cườm thảo trong tay, vẫy vẫy, để chào tôi. Chàng cũng bỏ luôn cái thói quen ăn trưa ở căn tin. Xuân vô tư:

–Chị "nghỉ chơi" với anh Nghiễm, tụi em hết được ăn bánh.

Tôi cười buồn:

–Mai mốt cho Xuân ăn một cái bánh thật lớn. Anh Hoàng bảo đã đặt một cái bánh năm tầng bảy tầng gì đó. Hoàng bảo ở tầng bánh cuối cùng có hình đôi loan phượng. Loan phượng hòa minh, sắc cầm hảo hiệp.

Chàng tin tôi và chàng luôn luôn hòa minh, hảo hiệp. Chàng có quyền tin như vậy. Hay đúng ra chàng phải tin như vậy. Nên tin như vậy. Vì chàng sắp cưới tôi. Ai nỡ nghĩ vợ sắp cưới của mình không đàng hoàng. Ai nỡ nghĩ trong lòng vị hôn thê của mình có lẩn quẩn một gương mặt đàn ông lạ. Lần cuối đi uống cà phê với Nghiễm, chàng tặng tôi đôi hài, chàng nói:

–Để em đi một hơi bảy dặm xa khỏi chốn này.

Đôi hài khít khao chân tôi như đôi hài của cô Tấm chỉ vừa vặn chân cô. Nhưng tôi nghĩ tôi sẽ không bao giờ mang đôi hài ấy. Tôi cất kỹ chúng trong hành trang ngày rời thành phố có Nghiễm. Tôi đâu cần phải đi một hơi đến bảy dặm. Vài chục cây số đường chim bay là cũng đủ xa chàng vĩnh viễn rồi. Tôi làm đám cưới rình rang với Hoàng. Ba cô bạn nhỏ đi dự lễ cưới. Một ông khá lớn tuổi bên họ đàng trai chúc mừng chúng tôi bằng hai câu: *Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn. Tào khê nước chảy vẫn còn trơ trơ...* Hân bảo với tôi anh Nghiễm đã bỏ học, trở lại làm ở lò bánh mì mỗi ngày mười hai tiếng.❐

Chiếc hồn già trên ruộng lạc đỏ phù sa.

TRẦN HỒNG CHÂU

Ta từ hốc đá tiền sử
Râu tóc mọc dầy cỏ dại
Rũ sạch năm thước vai dài
Năm tháng u mê
Bụi đời dối trá
Đen đủi cùng mình tuyết Trường Sơn

Ta ngồi đây
Đốt cháy từng xâu nguỵ thuyết
Từng chuỗi cuồng tín
Lửa hồng tha ma
Chập chờn quỉ khóc
Nơi nơi chỉ thấy hàng hàng nấm mồ vô chủ
Còng lưng cổ khâu
Rập rình đau biển sóng
Còng lưng, còng lưng,
Đàn cừu vô danh, vô tội
Thêm một lần vào lò lửa sát sinh
Của ý thức hệ xám chết!
Điếm gở
Đom đóm mắt
Nẩy lửa khắp chín tầng địa ngục
Trời oan khiên đỏ vòng tiết đọng
Quay quay mãi
Không níu giữ, không xót thương

Ta gục đầu
Từng giọt đắng
Chan hòa thịt da đất mẹ
Ngàn kim châm
Bàng hoàng
Ôm ấp mãi chiếc hồn cũ kỹ
Lênh đênh
Cầu xin vô vọng một cứu rỗi

Từ Đại thể vô tình
Vẫn ngàn thu mắt đui mù!
Có ai đưa ta về Phong Châu nước cũ
Chân dẫm lên ruộng Lạc đỏ phù sa
Lông ngỗng trần gian
Mộng du trắng
Đường về nguyện ước xưa
Ta vốc nước
Chân chất người tình đáy giếng
Uống từng giọt tinh anh lịch sử
Cúi nghe hồn đất chuyển mình đau.

Cầu xin một nụ cười của những Mỵ nương cổ đại
Cổ thi, cổ thơ
Rực sáng lời tiên tri
Từng giải mã định mệnh
Trên muôn trận đồ chênh vênh
Từng khai thông đường nghẽn
Yểm chú bùa đen đau đứt ruột!

Cầu xin những ánh mắt
Nặng nhiều thiên niên kỷ
Thiện tâm
Hồn thiêng viễn tổ
Vượt lớn *từ ngày*
Đèo hoa Ngũ lĩnh
Hãy xây cho bộ lạc ta
Tắm mình trong lệ đỏ
Còng lưng vác quá khứ
Rát bỏng ngàn năm
Những Thái sơn khổ hận
Hãy xây cho con cháu đọa đầy
Từ nguồn nước cũ
Trở về
Một hành tinh trang trọng
Một hải đảo thanh bình
Trăng vĩnh cửu...

Mẹ

Nguyễn Quí Đức

Mấy tháng trở lại đây, mẹ tôi nảy ra một thói quen mới. Một thói quen thường làm tôi thật khó chịu. Mẹ tôi cúp ngang điện thoại giữa lúc tôi đang nói chuyện với bà.

Ai khác mà cúp ngang điện thoại giữa lúc tôi đang nói chuyện thì tôi giận lắm. ít khi nào mà tôi tha thứ được cho ai làm chuyện ấy đối với tôi. Tôi cho rằng điều đó bất lịch sự vô cùng. Nhưng đây là mẹ tôi. Không phải là mẹ tôi không còn giữ được một sự lịch sự tối thiểu nữa. Nhưng chắc là mẹ tôi không muốn nghe những điều tôi muốn nói với bà.

Thành thử bà cứ gác máy giữa khi tôi đang nói năng này nọ.

Bà gác máy một cách chậm chạp, nhẹ nhàng. Tôi chỉ nghe thấy sự im lặng, làm cho tôi thắc mắc. A-lô, a-lô, mợ à, mợ có còn đấy không? Mợ có nghe con nói gì không? Mợ ơi...

Tôi nói xong ngần ấy chữ thì nghe thấy tiếng cúp máy. Rụp. Rồi là tiếng ò ò của tổng đài.

Mỗi lần như vậy, tôi không thể gọi lại mà than trách gì với mẹ tôi.

Làm thế bà lại chỉ gác máy một lần nữa. Sau này, mỗi lần tôi gọi đến nói chuyện với mẹ, tôi lựa lời kỹ lưỡng hơn. Tôi nói bâng quơ đôi chút, rồi nhập đề nhẹ nhàng. Tôi chỉ cốt nói được với bà những gì bắt buộc tôi phải nói.

Tôi nhắc mẹ tôi rằng bà cần phải mang kính lão. Mợ đã quá bảy mươi tuổi rồi. Mắt mợ đã mờ. Mợ đi lên, đi xuống lầu, không trông thấy mấy bậc thang gác. Mợ té như lần trước... mợ lại gãy xương đầu gối. Lại phải vào bịnh viện.

Mẹ tôi gác máy đúng vào lúc đó. Hay là lúc tôi nhắc bà nhớ thoa dầu cho khỏi nhức khớp xương. Có khi bà gác máy lúc tôi nhắc bà nên thể thao đôi chút, đi dạo bộ quanh khu chung cư. Những người già ở đấy cũng thường đi dạo bộ như vậy. Tôi nhắc mẹ tôi nhớ xin hẹn gặp bác sĩ, nhờ họ coi lại bàn chân, đo lại áp huyết, nhịp tim.

Mẹ tôi lại gác máy. Nhẹ nhàng, tưởng chừng bà thả ống nghe rơi xuống đất. Như là bà chán nản lắm, không thiết gì nữa.

Khi khác, tôi lại nhắc bà rằng nằm lì suốt đêm đến sáng mà xem phim kiếm hiệp từ ngày này qua ngày khác thì mất ngủ, chẳng hay ho gì. Nói chưa được mấy câu, bà lại gác máy.

Mẹ tôi thở dài lúc tôi nói bà quá mập. Mẹ lại bỏ ống nghe. Im lặng. Và cúp máy. Rụp. ò ò ò.

Đôi khi mẹ than rằng mẹ buồn.

Mẹ tôi buồn vì tôi sang Mỹ bao nhiêu lâu chả ra gì. Mười lăm, hai mươi năm, không làm gì nên thân. Tôi là đứa con không mang cho bà niềm hãnh diện, như những cậu tú, những cô gái sang Mỹ hai mươi năm trở thành kỹ sư, bác sĩ. Nhà cửa đồ sộ, có chó Bẹc Giê chạy tung tăng ngoài vườn. Có hồ tắm nước phun xào xạc. Có xe đời mới, ghế da, máy nhạc nhiều nút bấm lung tung. Tôi là đứa không gắng sức cho có nghề ngỗng hẳn hoi. Tôi là con bất hiếu, vài ba hôm gọi điện thoại đến thăm bố mẹ cho có vẻ. Tôi là đứa con chỉ làm dáng hiếu thảo.

Một hôm, bà nhắc rằng tôi chưa để dành tiền mua cho bà một lô đất, làm nơi an nghỉ lúc đã qua đời. Bà nhắc rất khéo. Mỗi câu nói ngắn gọn, chỉ cốt gợi ý. Rồi thì mẹ thở dài. Mẹ thở dài nhiều hơn mẹ cất tiếng nói về chuyện chôn cất, cúng lạy, ma chay.

Bà lo rằng tôi không có tiền, không làm thế nào lo cho bà được một đám tang cho chu đáo.

Nhưng mợ à, tôi nói, mợ lo gì chuyện ấy. Con chỉ muốn lo cho mợ đầy đủ ngay trong lúc này, và trong những năm tới. Mà mợ cũng không nên ăn các thứ đồ béo, đồ mỡ. Báo chí Mỹ, báo chí ta vẫn nhắc nhở như vậy. Trên đài truyền hình, người ta loan tin về chuyện này thường xuyên như chuyện đánh giết nhau ở Trung Đông, ở Ái Nhĩ Lan, hay ở nước Yugoslavia. Mợ mà cứ ăn các thứ bơ, sữa, thịt heo chấm mắm nêm, thịt kho nước dừa thì có mà đau tim mà chết. Tôi cứ lo, mẹ ăn uống như thế thì dễ bị lên cơn đau tim. Hay là bị nghẽn mạch máu như bao nhiêu người khác ở xứ Mỹ này. Đang đi đi, đứng đứng, đùng một cái lên cơn đau tim, bị nghẽn mạch máu ở đầu, vào nhà thương nằm bất tỉnh. Mất trí nhớ. Tay chân bại liệt.

Mẹ tôi thở dài. Ôi, mợ chẳng có lo chuyện đó làm chi. Đến lúc ấy thì mợ đã chết mất rồi. Mẹ nói thêm, mợ không sống lâu đến lúc bị lên cơn như thế đâu. Mày không phải lo.

Nói xong ngần ấy chữ, mẹ tôi lại thở ra một lần nữa. Rồi lẳng lặng gác máy. Tôi chỉ nghe thấy sự im lặng trong một vài giây đồng hồ. Và tôi nghe tiếng mẹ cúp máy.

Mấy hôm sau, tôi lại gọi điện đến hỏi thăm mẹ. A-lô, mợ ấy à, mợ đang làm gì đấy?

Mợ không làm gì hết. Con ở đâu đấy. Ở sở hay ở nhà. Có đến ăn cơm không. Có thịt luộc mắm tôm này. Hay là mày lại đi ăn bậy ngoài đường.

Đại khái, mẹ với tôi chỉ nói chuyện trên trời dưới đất, không đâu vào đâu. Rồi mẹ lại nhắc đến nỗi lo của mẹ. Tức là nói đến chuyện an táng, nghĩa trang. Mày không bao giờ nói gì đến chuyện chôn cất, cúng tế.

Tôi chưa kịp trả lời, mẹ lại gác máy.

Tôi với mẹ cứ dằng co như vậy, tháng này qua tháng nọ. Bây giờ cũng đã mấy tháng rồi, từ khi mẹ bắt đầu gác máy giữa lúc tôi đang ú a ú ớ chuyện không đâu, hay là khi tôi nhắc đến chuyện mẹ tôi thức khuya, thức hôm.

Đầu đề các câu chuyện hàng tuần mỗi khi tôi gọi đến cho mẹ vẫn không thay đổi gì nhiều, và có lúc, tôi vẫn biết mình không nên khó chịu vì cái lối mẹ tôi cắt ngang câu chuyện bằng cách gác máy điện thoại, dành cho tôi cái thinh không vắng lặng, làm cho tôi ngẩn ngơ. Mợ ơi, a-lô, mợ có nghe con nói không? Mợ lại cúp máy rồi à?

Nhưng rốt cuộc thì tôi biết. Tôi biết tôi không nên khó chịu với mẹ. Tôi biết bà đang nhẫn nại. Mẹ chờ đợi trong sự im lặng của mẹ. Chờ cho đến lúc nào tôi sẵn sàng nói chuyện với mẹ. Chờ cho đến khi tôi nói được qua đường giây điện thoại rằng mợ ơi, con chuẩn bị tinh thần đầy đủ rồi.

Nhưng tôi biết, chẳng bao giờ mình sẵn sàng. Chẳng bao giờ nói được với mẹ một câu như thế cả.

Chẳng bao giờ tôi đủ sức đối đầu với trường hợp mẹ không còn ở đầu bên kia đường giây nữa.

Thành thử ra bây giờ, mỗi lúc gọi đến nói chuyện với bà, chúng tôi chỉ trao đổi với nhau những chuyện đâu đâu. Những chuyện không ăn nhập gì tới ai. Mợ xem truyền hình à. Mợ xơi cơm chưa.

ừ. Mợ xem tin tức đài Việt Nam, có cả cô Ái Vân hát bài gì hay lắm cơ. Mày có đến ăn cơm không. Hôm nay có bún bò Huế đấy.

Tôi bảo không, ăn bún bò giò heo mập ú ra. Tôi nói chuyện loanh quanh một hồi với mẹ, lại dặn bà nhớ đi ngủ sớm. Rồi tôi lại đi quá trớn, lại nói, mợ nhớ, đừng quên đi dạo bộ đấy nhé. Không ăn gì mặn lắm nhé. Đừng ăn mì xào dòn nhiều dầu mỡ.

Mẹ lại gác máy. Và tôi lại ngớ ngẩn, ú a, ú ớ.

Mợ ơi, mợ này. Con nói, mợ có nghe gì không? Mợ có còn đấy không? A-lô, mợ ơi, mợ...❐

San Francisco, tháng 5, 1996

Tự tình khúc

HOÀI ZIANG DUY

Có bao giờ anh muốn
Sự bất hạnh làm cổ phần em
Khắc tên lên những phiến đá xanh
Ngàn đời chưa lắm nhạt
Không có chát chua nào rời khỏi trái tim
Chia đều phần dịu ngọt
Không có giọt nước mắt nóng nào lăn đi
Chờ bù trừ kiếp tới
Bởi hố thẳm đã đào sâu muôn thuở
Cười rất ngây thơ mà nghèo khó xoay quanh
Lưỡi dao cùn đã cận kề bóng loáng
Lời khen trên dạ thấy thâm thù
Ta hỏi lòng ta có còn tình yêu dấu
Mắt có còn mở thức suốt quanh năm
Kẻ núp bóng theo từng bước chân
Lời kinh rao đã vô tình
đâm thủng
Là xa cách dặm ngàn sông biển
Người đi về soi lấy bóng hình xưa
Sao bứng đi cổ thụ già đã luống
Trồng ngõ ra
Dẫn lối thấy quê nhà.
Khi nói ra nhận mình người nước Việt
Chỗ trú chân vẫn lạc địa chỉ buồn
Cảm ơn đời chỗ dung thân lớn
Nhưng nhỏ nhoi tội lấy cội nguồn
Ta bán rao nầy
Tim mất nước
Bóng thời gian đổ kiếp luân hồi
Em có nhớ
Buồn quên câu nghiệp chướng
Cười lở chi sông núi đắp bồi
Ta giữ lại nếu trời không đổi chác
Lẻ loi xưa
Đâu thể hết mặn nồng
Nửa phần ta - nửa phận đời cố quốc
Mưa bẽ bàng
Nắng vẫn đậu
Ven sông.

Bố về ăn sau

Kinh Dương Vương

"Bố ơi! Sao trưa rồi mà bố chưa nhóm bếp?"

Đứa con lên 3 của Lâm, giọng nèo nẹo. "Bên nhà bà tổ trưởng nấu gì mùi bay thơm làm con đói bụng."

Đang nằm thiu thiu trên chiếc ghế bố nhà binh, nghe tiếng con, Lâm choàng dậy dụi mắt.

"Bố ơi! Con đói bụng."

"Bố biết rồi. Con coi còn cơm nguội lấy ăn đi."

"Cơm còn mấy hột con vét hết rồi. Còn chừng 10 hột thôi."

"ừ, để bố nấu cơm con ăn."

Nhưng gạo hết từ hôm qua. Vay tạm hàng xóm ba bơ chưa trả, chẳng lẽ bây giờ lại vay nữa. Nhưng không vay thì lấy gì nấu cơm. Mà tiền thì không có. Sách vở đã bán hết, áo quần coi được mất cũng đã bán, cọ, màu, dao cũng đã bán. Lâm dòm quanh quất, chẳng còn gì đáng giá để người ta có thể mua nữa.

"Thưa bố con đi học về." Đứa con trai đầu 8 tuổi thưa. "Bố nấu cơm chưa? Sao bố chưa nhóm bếp?"

Nó xuống nhà dở nắp nồi cơm.

"Hết sạch rồi. Bố mua gạo về con nấu cơm cho. Sao mẹ hôm nay về trễ thế?"

"ừ! Mẹ về trễ. Con chờ mẹ, bố đi mua gạo về nấu cơm."

"Bố nhớ mua bó rau muống, nước mắm nhé."

Người đàn ông trải tấm ny lông ra ở vệ đường nhiều người qua lại. trên tấm ny lông đặt một con dao, một cây cân. Một tấm bảng nhỏ viết "Hàng thịt tươi sống". Người đàn ông trần trường đứng nhìn kẻ qua người lại. Vài người ghé, nhìn qua rồi bỏ đi. "ốm quá", người đàn ông nghe buồn bã. Nắng giữa trưa nóng chảy mỡ. Mồ hôi rịn ra khắp người. Một ông trạc tuổi năm mươi dừng lại, ngắm nghía.

"Chú trông không được mập lắm. Nhưng cũng tàm tạm. Trưa rồi tôi cũng ngại đi. Cắt cho tôi một ký thịt bắp đùi. Nạc nạc một chút. Người đàn ông cắt, cân và giao hàng.

Kể ra hàng cũng không đến nỗi ế. Khách ghé mua mỗi lúc một đông. "Cân cho tôi cái cẳng chân. Sao teo tóp vầy nè!"

Cắt, cân và giao hàng.

"Cân cho tôi cánh tay. Trời! Chẳng có thịt thà gì hết."

Cắt, cân và giao hàng.

"Cân cho tôi lá gan. Ăn gan cũng chẳng gan lên được. Mà càng gàn càng nên vạ."

Cắt, cân và giao hàng.

"Cân cho tôi bộ óc đi! Óc nhỏ quá. ừ, mà lớn làm chi, chẳng dùng được vào việc gì. Có người suy nghĩ giúp rồi. Chỉ tội tôi lại thích ăn óc."

"Cân cho tôi..."

Thịt tươi khan hiếm nên chẳng mấy chốc sắp hết hàng.

"Cân cho tôi... Còn ít thế này à." Một người đàn bà ca cẩm.

"Thưa bà, phiền bà lấy con dao và cắt chỗ nào bà thích. Hai tay tôi đã có người mua rồi không giúp bà được."

"Ai lại làm thế. Người bán phải phục vụ người mua chứ? Bán gì thì bán phải chừa lại cánh tay để phục vụ chứ!"

"Vâng. Xin bà cảm phiền."

"Lần này thôi đấy. Chú phải rút kinh nghiệm."

Người đàn bà cắt cái thủ, cân và trả tiền.

Đến xế chiều thì hàng thịt chỉ còn lại đống xương và một trái tim nhảy thoi thóp. Người đàn ông nghĩ rằng đã đến lúc phải về mua gạo nấu cơm. Chắc hai con ở nhà đã đói lắm. Nhưng anh không còn chân để đi. Bây giờ sự sống đọng lại nơi trái tim, nhưng trái tim không có chân.

Chợt có người đến hỏi mua tim. Anh ngần ngừ, đòi giá cao. Người mua đồng ý.

"Nhưng tôi chỉ bán một lạng thôi."

"Được."

Rồi một người nữa đến.

"Trái tim này bán bao nhiêu? Ai mua mất 1 góc rồi?"

"Thưa ông... tôi không bán."

"Hàng trưa rồi, bán đi còn về. Neo giá làm gì."

"Thưa ông không. Bán nó là tôi chết!

"ối giào! Chết thế nào được. Khối người bán mà có chết đâu. Thôi tôi chỉ mua 2 lạng về nấu cháo. Bao nhiêu cũng trả."

"Ông trả bao nhiêu? Đô hay cây?"

"Muốn đô có đô, muốn cây có cây."

"Vâng, chìu ông."

Lại một người đến. Cuộc trả giá ngày càng cao. Nhưng không ai từ chối cả. Thịt tim vốn ngon, luộc hay nấu cháo đều ngọt. Ăn thịt tim sống lâu.

Cuối cùng chỉ còn một mảnh nhỏ, người đàn ông nhất định không bán:

"Đây là đời tôi. Đây là linh hồn tôi, sự sống của tôi. Tôi đã bán tất cả rồi. Kể cả tim. Tôi chỉ còn giữ nó lại một chút này để làm người." Anh ta nói với người khách hàng cuối cùng.

Nghe tiếng bố gọi đứa con trai lớn vội chạy ra, "Bố về! Có gạo rồi!" nhưng nó không thấy bố đâu.

"Bố đây này." Tiếng nói từ dưới đất vọng lên. Đứa nhỏ ngơ ngác.

"Bố ơi! Bố ở đâu vậy?"

"Đây này. Con ngồi xuống đi. Con thấy chưa, miếng thịt sống nằm cạnh ngạch cửa."

Đứa bé cúi xuống nhìn. Nó thấy một miếng thịt lấm lem bụi đất.

"Bố đấy con. Con gọi mẹ ra nói bố về. Có tiền mua gạo rồi."

"Ma! Ma! Mẹ ơi! Ma bố! Ma bố!"

Người vợ chạy ra.

"Cái gì? Bố đâu? Ma gì? Ma bố nào?"

Đứa bé chỉ xuống ngạch cửa, ú ớ như người câm.

"Bố... bố... về... ma..."

"Cái gì? Nói cho mẹ nghe. Bố về bao giờ?"

"Miếng thịt... nói... Bố... nói..."

"Vớ vẩn quá! Thôi vào ăn, mẹ luộc khoai rồi. Bố về muộn quá. Ăn trước phần khoai bố về ăn sau."

Miếng thịt trái tim đã quá mệt, lịm đi không còn lên tiếng được nữa.

Khi người vợ khép cửa, chị thấy con mèo nhà hàng xóm tha cái gì từ ngạch cửa chạy trốn.

Nửa đêm người vợ nghe tiếng mèo kêu dưới bếp. Chị thức dậy đuổi nó không đi. Chị nghe tiếng nói chồng phát ra từ bụng mèo:

"Em ra đống rác chỗ góc đường thấy cái túi vải màu đen lấy đem về."

Người vợ sợ hãi. Chị ra đống rác quả nhiên thấy túi vải. Mở ra thì thấy tiền trộn với máu.

Chị biết chồng đã chết. ❐

Đêm lưu vong

VẠN GIẢ

Đêm rơi xuống góc phố buồn
Hồn từ lưu lạc vẫn nguồn cội xưa
Bóng đời hiu quạnh đêm mưa
Mộng trăm năm thoáng như vừa tàn phai
Cô đơn đầy ắp đêm dài
Chút thân thiết cũng đã ngoài tầm tay
Rồi mai từ cõi lưu đày
Có còn thấy được một ngày nắng vui.

Vĩnh quyết

HUỲNH LIỄU NGẠN

đêm trở giấc nhớ màu trăng của Thúy
bến biên đình tôi đứng dựa tiền thân
khoảng cách đó đã trời cao đất rộng
mà thiên thu như lá cội cây ngần

năm của Thúy là năm tôi bỏ lại
một chút đời tươi trẻ của thanh xuân
ai gọi nhắc một hoang đường đi biệt
mà kim hoài đợi bóng giữa tà huân

gần một đoạn cho tái hồi ở cuối
đường gặp nhìn cho vườn Thúy xanh cao
còn ở đó tôi còn như trẻ lại
dù cao xanh Thúy vĩnh quyết nghiêng chào.

Vọng ngôn II

Nguyễn Trung Hối

Gửi Nguyễn Xuân Hoàng

Yến

Ngô Vi Xương, người tỉnh Nam Định, lên Đông Kinh trọ học. Vốn dòng danh gia cự tộc, gia đình mua cho một căn nhà rộng ven hồ Trúc Bạch để làm chốn thư phòng. Ngô cho thợ dựng thêm một mái nhà thủy tạ phía tây trên hồ, thường cùng với các bạn đồng môn ngồi uống rượu, ngâm thơ. Tiếng hào sảng, phong lưu đồn đãi khắp ba mươi sáu phố phường. Các cô gái Hàng Đào, Hàng Ngang đôi khi cũng phải bỏ công việc buôn bán ở khu chợ Đồng Xuân, thẩn thơ như vô tình lạc bước vào Cổ Ngư, Yên Phụ, hy vọng một may mắn nào đó, được lọt vào mắt xanh của Ngô.

Ngô, dẫu là một chàng trai rất mực hào hoa, phong nhã, nhưng tịnh chưa hề biết qua mùi tình tứ, gái trai một lần nào. Cũng chính nhờ thế mà Ngô càng treo cao giá ngọc. Một nghìn lẻ một cô con gái con nhà khuê các đất nghìn năm văn vật, cô nào cũng ước mơ trong đời của mình được một lần ôm cầm ở thuyền chàng.

Trong số các bạn đồng môn thường đến xướng hoa với Ngô ở Tây Sương thủy tạ, có công tử họ Yến ở Thái Hà ấp là người có tài thơ văn xuất thần, quán chúng. Ngô rất mực thương yêu, quý trọng. Yến có khuôn mặt như ngọc, đẹp còn hơn con gái. Điều nầy lại càng khiến cho Ngô thêm biệt đãi đối với Yến.

Mùa xuân năm Giáp Ngọ, quân Tây Dương thua trên khắp các mặt trận, hy vọng gỡ gạc ở cứ điểm cuối cùng là thành Điện Biên, nhưng tình thế cũng vô cùng bấp bênh. Gia đình Ngô quyết định thiên di về phương Nam. Ngày hạ nêu năm đó, Ngô sai gia nhân mở tiệc rượu tiễn ở Mái Tây, để cùng bạn bè yến ẩm một lần cuối cho thỏa thích. Trong số khách mời,

lẽ dĩ nhiên Yến công tử là người được Ngô biên thiếp mời trước nhất.

Và Yến cũng là người khách đến trước nhất. Mắt thâm quầng như chàng đã nhiều đêm không ngủ, chỉ buồn rầu nhìn Ngô mà không nói. Tiệc tuy đông người nhưng không có cái ồn ào vui nhộn như mọi khi. Ai ai cũng có vẻ buồn vì bùi ngùi nhớ tiếc Ngô. Yến là người uống rượu nhiều nhất và chàng cũng đã nhiều lần rót rượu cùng Ngô cụng ly. Nhiều người đã ứng khẩu đọc thơ tặng Ngô làm kỷ niệm. Yến cũng có bốn bài tứ tuyệt được tất cả các bạn văn trầm trồ.

Tiệc rượu tàn. Khách ra về hết, duy chỉ còn một mình Yến ở lại với Ngô. Yến đuổi hết gia nhân, tự mình dìu bạn vào giường ngủ, rủ chăn, buông màn cho Ngô. Trong cơn nửa tỉnh, nửa say, Ngô thấy mình được ôm ấp trong tay một tấm thân ngà ngọc tuyệt vời. Lần đầu tiên trong đời, chàng trai tân được leo lên đỉnh Vu Sơn, nên sung sướng đến ngất người. Khi tỉnh dậy, trời đã sáng, Yến không còn ở bên cạnh mà giai nhân cũng không. Duy chỉ có một cánh én rập rình bay lượn lâu không. Khung cảnh thật cô liêu buồn.

Ngô bỗng giật mình thấy trên cánh màn, ai đã phóng bút hai câu thơ cổ của Ôn Đình Quân, vẫn còn phảng phất hương thơm mùi mực mới:

"Điếu chử biệt lai ưng cánh hảo,
Xuân phong hoàn vị khởi vi ba."
(Một bến riêng câu lòng thỏa thích,
Vì ai gợn sóng, gió xuân qua).

Cho đến ngày Ngô di cư vào Nam và sau nầy di tản ra nước ngoài, không một lần nào chàng gặp lại Yến. Trong những ngày cuối ở Trúc Bạch, chỉ có một cánh én đơn chiếc vẫn rập rình bên mình, cho đến ngày chàng rời Mái Tây. Ngô không tin là đời nay còn có truyện Liêu Trai.

Những năm tháng lang bạt ở hải ngoại, mỗi lần mùa xuân đến, hễ nhìn thấy những cánh én đưa thoi trên trời, Ngô lại nhớ đến Yến.

Hôm nay, cũng một buổi sáng mùa xuân, ngồi nhâm nhi tách "café crème" ở lề đường một quán nước quen thuộc khu Saint Germain des Prés, Ngô nhìn những cánh én bay lượn trên bầu trời trong xanh, lòng lại chạnh nhớ đến người bạn cũ. Không rõ Yến là con trai hay con gái? Và nếu là gái, có phải nàng là tinh én không?

Đang thả hồn về cố hương và cố nhân thì một chiếc limousine từ hướng chợ Bucci quẹo tới, xịch đỗ ngay trước mặt chàng. Người tài xế già, đầu đội kết, đi vòng quanh xe để mở cửa cho một người phụ nữ sang trọng bước xuống. Nàng mặc một chiếc robe mùa xuân kiểu mới nhất của nhà Y.S.L. và đội một cái nón vải có cài chiếc lông ngỗng. Nàng có dáng dấp của một người mẫu thời trang. Tuy không còn trẻ, nhưng đẹp não

nùng. Chờ cho tài xế lái xe đi khỏi, nàng mới lững thững bước lại phía chàng. Tóc nàng đen, mũi nàng cao, còn đôi mắt vì ẩn sau đôi kính râm nên Ngô không nhìn thấy. Nhưng đôi chân, đôi chân của nàng thì không bút mực nào tả được. Nó đáng giá nghìn vàng, thế thôi.

Trỏ chiếc ghế trống bên cạnh chàng, nàng nói, giọng đúng dân Paris một trăm phần trăm:

"Tôi có thể ngồi chiếc ghế nầy không, thưa ông?"

Ngô ngồi sững như bị thôi miên, quên cả phép lịch sự tối thiểu của một người đàn ông Âu châu là đứng dậy kéo ghế mời nàng ngồi. Chàng chỉ biết lúng túng gật đầu. Nàng nhẹ nhàng trách:

"Ông bao giờ vẫn thế. Lúc nào cũng lạnh lùng với người khác phái."

Ngô nhìn nàng. Có một nét gì rất quen ở nàng mà không nhìn ra. Nàng là ai? Tại sao nàng lại biết rõ chàng như thế?

Nàng gỡ đôi kính trên mặt xuống và nhìn sâu vào mắt chàng. Bấy giờ Ngô mới nhìn thấy đôi mắt đen, hun hút sâu và kín đáo buồn của nàng. Và, vẫn bằng thứ tiếng Pháp của giới thượng lưu Paris, nàng nói với chàng:

"Ông có tin là ông có một người con trai đang làm đại sứ ở Paris nầy không?"

Con trai của chàng? Làm đại sứ? Mà đại sứ nước nào mới được chứ? Tin Khải Hoàn Môn đổ hay bom đặt ở Louvre cũng không bất ngờ bằng!

"Xin lỗi bà. Bà không nhầm tôi với một người nào khác chứ?" Chàng cười, rất khoan dung.

Không trả lời chàng. Nàng vẫy tay gọi người bồi bàn đến gần. Khi anh ta đến, nàng lấy cuốn sổ tay và cây bút trên tay anh ta, nghí ngoáy viết nhanh hai câu thơ chữ Hán:

"Điếu chử biệt lai ưng cánh hảo,
Xuân phong hoàn vị khởi vi ba."

Hồng

Lưu Đình Thắng, người Thuận An, Thừa Thiên. Một ngày đi biển, gặp tàu vượt biên, thấy nhiều người chết vì đói khát, đã cho nước uống và mẻ cá tươi vừa đánh được. Chủ tàu cảm động vì lòng tốt của Lưu, đã thuyết phục anh em Lưu bỏ ghe, cùng ra đi để tìm cuộc sống mới. Sau đó, nhờ sự bảo trợ của chủ tàu, anh em Lưu ban đầu được về định cư ở Sacramento, thủ đô của tiểu ban California, Hoa Kỳ.

Rồi được sự khuyến khích và giúp vốn của ông Tám, người chủ tàu, anh em Lưu lại sống với nghề cũ. Chẳng mấy chốc, Lưu đã có tiền mua tàu riêng, trang bị cả máy radar tầm ngư cực tối tân. Cơ ngơi làm ăn của ba

anh em Lưu ngày càng phát đạt. Lưu còn có cả xưởng chế tạo nước mắm nổi tiếng, dùng toàn qui trình hóa học kết hợp với phương pháp bí truyền của gia đình, đánh giạt bao nhiêu loại nước mắm của người Thái Lan vốn sản xuất dưới nhãn hiệu Phú Quốc.

Tuy đã là một ông chủ lớn, đi đâu cũng kéo theo một đám đàn em hộ vệ và ba bốn kỹ sư hóa học Hoa Kỳ, song Lưu vẫn sống phòng không chiếc bóng. Hai đứa em của Lưu đã cùng anh ra đi thuở ấy thì ngày nay, vợ con đùm đề cả rồi.

Cả ba đều có nhà gần biển, nhưng Lưu vẫn mua một biệt thự đồ sộ trên ba triệu Mỹ kim ở Sacramento cho cha mẹ sang theo diện đoàn tụ ở. Và để Lưu có dịp về lại Sacramento thăm ông Tám. Thật tình là thăm Phượng, cô con gái rượu của ông, người mà Lưu đã thầm yêu trộm nhớ.

Phượng đang học ở Berkeley. Chẳng bao giờ nàng để ý đến mối tình của Lưu. Có nói đến anh, nếu nàng không gọi Lưu là anh chàng Vọi, thì cũng là Trương Chi, thế thôi. Nhưng Lưu vẫn không hề nản chí. Đấy là bản tính vốn giúp Lưu thành công trên đường đời. Lưu vẫn âm thầm săn sóc Phượng, xem nàng như một người em gái, và không quên quà cáp thật hậu hỹ những dịp Giáng Sinh, Tết nhất hay sinh nhật của nàng. Là người rất tinh đời, ông Tám biết rõ mối tình của Lưu. Tuy rất thương yêu Lưu và thâm tâm ông cũng không mong gì hơn có một người rể như thế, nhưng ông vẫn tôn trọng tự do cá nhân của con gái, không hề tỏ ý kiến gì trong việc nầy.

Đêm nay, Lưu về lại Sacramento thăm cha mẹ. Định bụng sáng ngày mai sẽ đến thăm ông Tám trước khi trở về biển.

Căn phòng ngủ rộng lớn của Lưu đóng kín cả một tháng nay, thế mà vẫn sạch sẽ, ngăn nắp, thơm tho như hằng ngày có người dọn dẹp vậy. Song Lưu không hiểu sao mãi trằn trọc không ngủ được, và người cứ bứt rứt như có chuyện gì sắp xảy ra? Lưu trở dậy, uống một ly rượu mạnh vì bác sĩ bảo trong rượu bao giờ cũng có chất an thần. Thế rồi Lưu vẫn tỉnh táo như không.

Lưu lại trở dậy, chồng hai chiếc gối lên cho cao hơn thì tìm thấy dưới gối một chiếc áo mỏng của phụ nữ. Đây là một chiếc áo cánh bình thường, bằng lụa, màu hồng nhạt, như kiểu áo thun ba lỗ vậy. Lưu biết rằng chiếc áo nầy khó mà tìm được trên khắp cả nước Mỹ nầy, dẫu cho mất công lùng sục khắp một triệu gian hàng bán áo quần phụ nữ đi nữa! Vì nó không có gì đặc biệt, đáng giá. Không viền ren, cũng không thêu, lại còn tiêm bằng tay nữa. Không lẽ là của mẹ? Định mai sẽ hỏi mẹ thì vừa lúc ấy, mẹ Lưu thấy anh mở đèn, lại lục đục không ngủ nên đã đến gõ cửa phòng Lưu để hỏi thăm.

Lưu giấu chiếc áo dưới gối, thử ướm hỏi mẹ:

"Có ai ngủ ở phòng con phải không mạ?"

Bà cụ hỏi lại:

"Răng con biết? Hôm trước có cô con gái ông Tám về đây học thi. Ông Tám gửi cô sang đây cho yên tĩnh. Cô có ngủ trong phòng con mấy đêm. Mạ đã cho người dọn dẹp sạch sẽ rồi mà."

"Thì ra là Phượng." Lưu có ý mừng rỡ.

"Răng con chưa ngủ? Mần chi mà thức khuya dữ rứa?" Bà cụ lại hỏi.

"Con ngủ liền đây." Lưu nói cho mẹ an tâm.

Bà cụ đi rồi, Lưu sung sướng nằm đắp chiếc áo mỏng lên mặt. Anh nghe có mùi gió biển của quê nhà. Thứ mùi thân thương quen thuộc của những bãi biển đầy rong rêu, rác rưởi và vỏ sò, vỏ hến... cùng mọi thứ hằm bà lằng khác ở Thuận An. Một thứ mùi mà hơn mười năm nay Lưu không bao giờ ngửi thấy. Những bãi biển của Mỹ thì sạch sẽ quá đáng. Còn những con tàu đánh cá của anh em Lưu thì khỏi phải nói... Không lẽ Phượng, người thiếu nữ kiêu sa, đài các ấy lại mặc một cái áo cánh tầm thường và có được cái mùi "quê hương" nầy, trong khi ở đây có hàng triệu loại mỹ phẩm với đủ loại hương thơm quí phái tha hồ cho các bà, các cô chọn lựa?

Nhưng Lưu bỗng rùng mình. Anh vội liệng chiếc áo cánh ra xa.

Lưu đã có ít nhất hai kinh nghiệm để thấy những chiếc áo như thế thường mang đến sự xui xẻo. Những ngày nằm ở trại tỵ nạn trên đảo Palawan, Lưu đã mượn được cuốn tiểu thuyết "Bướm Trắng" của Nhất Linh của một người con gái, và anh đã đọc nghiền ngẫm. Cảnh anh chàng Trương ấp chiếc áo cánh của Thu lên mặt mình đã làm Lưu rung động. Nhất Linh tả chi tiết ấy thật hay. Nhưng rồi tình yêu của Trương cũng chỉ là... bướm trắng! Gần đây, lênh đênh trên Thái Bình Dương, Lưu tình cờ xem được trên TV cuốn phim *"Eye of the Stalker"*, cũng có cảnh tương tự. Anh chàng giáo sư lẻn vào phòng ngủ cô sinh viên mà anh ta đeo đuổi, cũng ấp lên mặt chiếc áo ngủ của người anh ta yêu. Nhưng cảnh ấy không làm Lưu xúc động cho bằng khi anh đọc "Bướm Trắng". Rồi anh chàng quấy rối ấy cuối cùng cũng vào tù, ôm theo mối tình điên cuồng của anh ta.

Lưu không muốn mình cũng giống như những anh chàng ấy. Lưu vẫn hy vọng cuộc tình duyên của anh với Phượng sẽ thành tựu...

Vừa lúc ấy thì cửa phòng mở ra và Phượng bước vào. Lưu tưởng mình nằm mơ, vội đưa tay lên giụi mắt. Nhưng Phượng đã nhẹ nhàng trách khi cúi mình xuống nhặt chiếc áo cánh lên:

"Sao anh quăng áo em đi?"

Rõ ràng nàng đứng đó, đôi mắt nồng nàn và đắm đuối nhìn anh. Nàng mặc một chiếc áo ngủ mầu hồng, mỏng manh, nhìn thấy cả những đường cong tuyệt mỹ của thân hình một người con gái. Lưu hốt hoảng:

"Phượng! Sao Phượng lại ở đây?"

Nàng đưa một ngón tay lên môi:

"Anh nói khẽ chứ! Anh nằm trong đi, để em nằm ngoài, nghe!"

Lưu lắc đầu:

"Không được! Ai lại làm thế? Chúng ta chưa..."

"Anh cù lần thấy ghét! Đã ở Mỹ rồi mà còn quê một cục. Người ta chán vạn kẻ đã sống với nhau có con rồi mới cưới hỏi thì có sao đâu? Hay anh vẫn muốn mãi mãi là Trương Chi hay anh chàng Vọi?"

Lưu đành nhắm mắt làm theo. Chứ biết làm sao? Nàng gần như hoàn toàn chủ động trong việc ân ái. Lưu cảm thấy trong lòng mình hình như có một chút nào giảm bớt tình yêu quí đối với nàng. Nhưng thôi. Hội nhập với đời sống Mỹ, Lưu phải biết học bài học chấp nhận vậy.

Gần sáng, nàng trở dậy đòi về. Lưu bảo anh sẽ sang thăm cha nàng, thì nàng ngăn cản:

"Anh đừng sang thăm. Nếu không, ba biết có anh ở đây thì không cho em đến nữa, nghe!"

Có lý lắm. Nàng lại nói tiếp, giọng nũng nịu:

"Anh ở nhà với em ba bữa nữa, nghe!"

"Anh sẽ ở nhà suốt đời!" Lưu sung sướng nói.

Nàng dí ngón tay vào trán Lưu, nhẹ trách:

"Nghèo mà ham lắm! Thôi em về, nghe!"

Bao giờ chấm dứt câu nói cũng có tiếng "nghe" kèm theo, vừa ân cần, vừa nũng nịu, dễ thương chi lạ! Lưu ngây ngất với hạnh phúc đến thật bất ngờ.

Sáng hôm sau, Lưu đuổi hết đám tùy tùng về biển, chỉ giữ lại hai tên bộ hạ thân tín. Phượng lại đến với Lưu đúng ba đêm nữa. Lạ một điều, là khi nàng đến, cũng như lúc nàng đi, hai tên bộ hạ của Lưu, vốn là cựu nhân viên cảnh sát, cũng không hề phát hiện ra lần nào...

Trên đường về biển, Lưu ghé thăm ông Tám, mục đích là từ biệt Phượng và trả lại cho nàng chiếc áo cánh nàng vẫn còn để quên ở phòng anh.

Nhưng khi Lưu hỏi thăm Phượng thì ông Tám cho biết nàng đang trong kỳ thi, vừa điện thoại về nói đã qua được hai môn. Lưu sửng sốt, lại tưởng như mình nghe nhầm. Anh hỏi lại:

"Thế mấy hôm nay Phượng có về đây không?"

"Không. Em nó đang thi mà. Tuần trước nó về đây học thi, tôi đã xin

Thu sau...
HOÀNG BÍCH DÀO

Rừng xưa đổ lá ươm vàng
Đếm hoài chẳng biết mấy ngàn thu qua
Mây nào về cõi hư vô
Như còn vương vấn đợi chờ thu sau
Heo may từ chốn u sầu
Về đây vương áng thơ màu thời gian
Cố nhân, gọi cố nhân hoài!
Đón vần thơ giữa đôi tay rã rời
Cố nhân, gọi cố nhân ơi!
Tặng nhau riêng một khung trời vắng nhau
Lẻ loi chấp mối tình sầu
Cánh chim viễn phố nhuộm màu tà huy
Ngâm câu hồ diệp liên chi
Lạc vào mê lộ, tìm về cố nhân!

với hai bác cho nó sang ở bên nhà cho yên tĩnh. Ở đây, nó cứ bị bạn bè quấy quả hoài."

Thấy sự khác lạ trong mắt Lưu, ông Tám hỏi:

"Anh có gặp nó à? Nó mặc áo hồng và tóc dài lắm, phải không?"

Đúng rồi. Phượng bao giờ cũng cắt tóc ngắn như con trai, và không bao giờ thích mầu hồng. Nhưng Phượng đến với anh mấy đêm nay thì luôn mặc áo hồng và tóc lại bồng bềnh như mây trời.

Thấy Lưu im lặng như tự thú nhận, ông Tám thở dài:

"Đó là cháu Hồng, chị sinh đôi với Phượng, đã không may chết trước khi chúng tôi gặp ghe đánh cá của anh. Bao nhiêu năm nay, để quên đi sự đau buồn đó, chúng tôi không hề thổ lộ với ai. Mấy đêm nay tôi cứ nằm mơ thấy em nó về, xin thay gia đình để đền ơn anh đã cứu sống bốn chục người ở tàu chúng tôi, trước khi siêu thoát... Vậy là anh đã thấy em nó?"

Lưu không trả lời được. Người anh lạnh tê như ngồi trên băng giá. Chiếc áo cánh gói trong bao giấy trên tay anh như nặng mãi lên...❐

Hà Nội Phố

Trần Ngọc Tuấn

Chẳng thơm cũng thể hoa nhài
Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An
(ca dao)

Hà Nội vào tháng này ít mưa, nếu có cũng chỉ là những cơn mưa cò con, vừa đủ để hôi quần áo.

Tối hôm qua mất ngủ, ầm ĩ cả phố vì một việc rất xoàng. Thằng Du, trói mẹ nó lại, tháo giầy chuyền, cậy miệng lấy răng vàng mang đi đánh bạc. Chẳng ai dám can, đụng vào không ra Văn Điển thì cũng thành phế nhân. Chị Thanh, giáo viên dậy môn Mỹ học, lẩm bẩm: Cái đẹp đã và đang bị hành quyết trắng trợn. Mẹ tôi hỏi: Ở môn cô dậy, không có định hướng phần này? Chị bảo: Thưa bà. Nó dính tới nhiều môn khoa học khác, cả tôn giáo và chính trị.

Hà Nội vào tháng này ít mưa, nếu có cũng chỉ là những cơn mưa vớ vẩn.

Tôi tới rủ An đi chơi, ra Hồ Tây hóng gió, ăn bánh tôm. An mặc váy hồng, áo phông Thái, đi giầy Ý. Tôi mặc bộ đồ bộ đội của bố, rộng thùng thình. An cười: Anh ít chú ý đến hình thức. Tôi nói: Tốt gỗ hơn tốt nước sơn. An bĩu môi: AQ! Anh là loại gỗ mục. Đang trên đường, gặp Long, tôi dừng xe hỏi: Mày đi đâu? Nó trả lời: Không biết! Và nhìn An (cái nhìn của kẻ sống bằng nghề buôn bán quần áo cũ). Rồi lơ lửng một câu: Ở Hà Nội bây giờ có mốt, lũ con gái mặc váy ngắn dắt chó Nhật đi ỉa. Đó là dấu hiệu phồn thịnh của thủ đô ta. Tôi giới thiệu An, rủ nó đi cùng, nó hỏi: Đi đâu? Ra Hồ Tây ăn bánh tôm, sau đó đi đâu cũng được. Đèo nó và An, tôi mắt trước mắt sau như kẻ cắp chợ Đồng Xuân, chỉ sợ gặp công an thì toi.

Hà Nội vào tháng này ít mưa, nếu có chỉ đủ làm nhạt bát nước chấm ở cửa hàng bánh tôm.

Long nói: Uống bia, và ăn bánh tôm, cách đây mấy năm là đặc quyền

của kẻ lắm tiền, bây giờ trở thành đại chúng, đó là một cuộc cách mạng ẩm thực vĩ đại và giai cấp vô sản đã lấy lại vị trí của mình. Tôi lùng bùng (vì đang nhai): Chẳng mấy chốc mà khá! Long nhìn An, rồi hỏi: Cái váy em đang mặc là tự may hay mua? Đẹp, hợp thời trang, nhưng là vải Trung Quốc. An cười: Em may, đúng là vải Trung Quốc, giặt mau phai mầu và chóng rách. Long khuyên: Giặt ít thôi, cũ vất, mua cái khác, rẻ thối. An bảo: Em cũng nghĩ như anh. - Không nên nghĩ như anh, mẹ anh buôn vải nên cứ quen miệng để dễ tiêu thụ hàng hóa. Em phải thận trọng khi nghe những lời quảng cáo, tiền mất tật mang. Tôi hỏi Long: Thế thì nghe cái gì? - Không nghe gì cả, mà phải hiểu ngược lại, tốt là xấu. An lắc đầu: Phức tạp!

Trời trở gió, bụi mù, hình như có cát bay vào bát nước chấm tôi nhai thấy sạn trong miệng. Mấy đứa trẻ ở tổ bán báo "Tình Thương" bâu đến: Mua đi, hai anh và chị, báo "An Ninh Thủ Đô" đăng tin sốt dẻo vừa bắt được thủ phạm giết người băm ra cho vào nồi cám lợn, chặt đầu nạn nhân vất xuống ao bèo. Còn nữa, tòa án thành phố tuyên bố tử hình Đại úy công an bắn chết người vô tội trên cầu Chương Dương, mua ngay kẻo hết. An co người lí nhí: Khiếp! Đọc bị ám ảnh. Long nói: Em đa cảm, tính cách ấy chỉ dành cho nghệ sĩ, biết ghê tởm cái xấu là dấu hiệu phục sinh nhân cách của người Tràng An. Lũ trẻ bán báo vây lại, tíu tít mời dai như đỉa. Long quát lên: Thôi đi mấy ông tướng, khỏi cần đọc, những việc tương tự như vậy thấy thường xuyên, có gì lạ. Lũ trẻ giãn ra, lấm lét.

Long về. Tôi và An lững thững đi ra ven hồ ngồi cạnh mấy gốc cây Bằng Lăng. Buổi chiều, mặt Hồ Tây sẫm, mùi thum thủm bốc lên, mấy con bọ chó nhẩy tanh tách bấu vào tay, và mặt rất khó chịu. An nói: Bạn anh có bản lĩnh, và từng trải, nom có "chất bụi", nhưng dễ mến. Tôi bảo: Nó lận đận về tình duyên, và yêu Hà Nội cuồng tín. Học xong, nó không chịu đi xa và nói thẳng - Thà uống nước cống của Hà Nội chứ không uống bất cứ nước ở một địa phương nào. - Thế còn anh, anh yêu Hà Nội không? - Có, nhưng vừa phải, cái gì thái quá cũng không nên, dễ làm cho con người bội thực, mà bội thực về tình cảm thì hết thuốc chữa. - Có cách chữa, An nói - Cách nào? Tôi hỏi. An trả lời: Cạo mùn thớt uống vào, sẽ nôn ra hết. Tôi nói nịnh một câu nhạt vô cùng: Em đùa rất có duyên.

- Anh Long học cùng với anh?

- Đúng, nó nổi tiếng không những ở trường mà ngay cả Bộ Đại Học cũng lấy nó làm ví dụ điển hình.

- Chắc anh ấy học giỏi?

- Nó nổi tiếng không phải vì học giỏi, mà vì ăn hết một bãi cứt gà. Thách đố nhau ấy mà, thằng nào dám ăn sẽ được khao một chầu bánh rán

mệt nghỉ. Nó đã chiến thắng vì có đủ đởm lược, vụ ấy tới tai nhà trường, kẻ thách đố bị kỷ luật đuổi học, ghi lý lịch... "Không đủ tư cách làm người trí thức Xã Hội Chủ Nghĩa...". Còn nó bị cải tạo lao động một năm, và bị ghi vào lý lịch... "Tự hạ thấp và sỉ nhục nhân cách người sinh viên mới. Thiếu bản lĩnh, lòng tự trọng, nên bị sa ngã bởi sự quyến rũ của những giá trị vật chất dung tục..."

An bảo: Khí phách, có chất đàn ông, bây giờ thì em hiểu vì sao anh ấy nói... Thà uống nước cống Hà Nội, chứ không uống nước bất cứ một địa phương nào. Đất Thăng Long tự hào vì có một tín đồ trung liệt.

Hà Nội vào tháng này rất ít mưa, nếu có chỉ là những cơn mưa ốm yếu, dặt dẹo.

Nóng, khó ngủ, muỗi nhiều. Tôi ra đầu phố xem ông Tràng đánh cờ thế. Đồ nghề kiếm sống của ông, vốn đầu tư có lẽ ít nhất trong lĩnh vực kinh doanh. Một mảnh bìa làm bàn, bộ cờ gỗ, tà tà mỗi ngày ông kiếm 5, 6 chục nghìn ngon ơ! Một đám đông chầu rìa xung quanh. (Dân cờ Hà Nội gọi ông Tràng là Đế Thích. Liên Đoàn Cờ Tướng Việt Nam mời ông tham gia, nhưng ông từ chối). Ông ngồi xổm, tay thò vào trong quần gãi dái sồn sột, thỉnh thoảng bỏ tay ra vê thuốc lào kéo một khói. Đối thủ của ông, một gã trai mới lớn, một bên mắt bị hỏng, đục xanh, cảm tưởng như vừa bị ai khạc vào tròng mắt một bãi đờm. Tay gã đeo đầy vàng, trẻ nơi khóe mép điếu thuốc Marlboro. Cộp! Ông Tràng đập quân cờ: Tướng mất sĩ, như đĩ mất váy, tôi chiếu nước nữa là cậu thua - Giọng ông đắc thắng... Gã trai móc túi xỉa ra tờ 50 nghìn, chắp tay lại xá ông, nói giọng đểu: Quái chiêu! Con chịu bố, bố là quỷ cờ, chỉ bằng nghề này nếu muốn bố thừa tiền mua cả đất Thăng Long. Ông Tràng bảo: Tại hạ không dám nhận lời khen của các hạ, chỉ cần đủ sống. Gã trai phủi đít quần đứng dậy lầm bầm: Có lẽ vì hôm qua chơi một em nhà quê, bướm không có lông, cổ nhân nói chẳng sai "Âm hộ vô mao bần chí tử."

- Câm mồm ngay con đĩ (nhà ông Thăng lại có nội chiến)

- Thằng già mất lết, ngày bà ngồi xổm bán hàng luôi cả nhà, tối lầm ngửa cho mày thỏa máu dê. Ăn nhiều rửng mỡ, mày cặp bồ, cặp bịch, nấy tiền của bà bao gái, thế mà khi trước cũng nà Trưởng Phòng Tổ Chức, ông nhà lước nằm khi cho mày nàm cán bộ.

- Mày có để cho hàng xóm ngủ không? Chu lên như chó tao kéo đầu mày lên phường bây giờ.

- Tao thách thằng lào, con lào đụng vào người tao, bà trát nồn vào mặt.

Giọng đứa con gái lớn: Con xin bố mẹ, hổ mặt con lắm, học sinh của con nghe được nó cười chết.

- Mày bênh thằng bố mày à! Nại còn nôi học sinh ra dọa tao, nũ chúng ló có nần đã tụt quần mày ngay giữa nớp, chứ tử tế mẹ gì, mà cười với chẳng khóc, sĩ diện.

Hà Nội vào tháng này rất ít mưa, nếu có chỉ là những cơn mưa như người đái giắt.

Làm gì cho hết bây giờ? Gặp thằng Nội, nó đang xách chiếc cặp lồng Liên Xô to tổ bố, chắc là đi mua phở mang về cho chó ăn đêm. Nó phàn nàn: 10 nghìn tiền phở loại đặc biệt, thêm vào 2 quả trứng, 2 lạng giò nạc mà con chó nhà tao vẫn cứ gầy. Tôi bảo: Có thể ban ngày, mày cho nó ăn ít!

- Nửa cân thịt bò, 3 cân xương, cà rốt, khoai tây, bắp cải, gạo tám thơm nấu xúp, chưa kể sữa, và bơ, còn ít nỗi gì.

- Tao nghĩ là do khí hậu, nước mình ở vùng nhiệt đới gió mùa, độ ẩm cao.

- Mai tao bảo ông Bô mang nó đi khám xem thế nào, tội nghiệp! Về nhà tao, xong hai đứa mình đi lượn, nó rủ tôi.

Bố thằng Nội đỗ Tiến sĩ toán bên Nga, từ thời "Xét Lại". Mẹ nó học Đại Học Thể Dục Thể Thao bên Trung Quốc, tốt nghiệp vào giai đoạn "Cách Mạng Văn Hóa Vô Sản", hiện đang dậy "Thái Cực Quyền" và "Phương Pháp Dưỡng Sinh" ở "Câu Lạc Bộ Ba Đình". Một gia đình có "Chữ", nói theo kiểu hàng phố, êm ấm, nhẹ nhàng, coi trọng những giá trị tinh thần các bậc tiền nhân. Nhìn vào, đó là gia đình kiểu mẫu, điển hình văn hiến chốn Thăng Long. Bố và mẹ nó đang ngồi nghe nhạc nơi phòng khách, bản "Ouveture miniature Dansescaractérisques" của Peter Tschaikowsky.

Mẹ nó tươi cười nhìn tôi: Cháu ngồi chơi, uống gì nào?

- Cám ơn bác, cho cháu xin cốc nước đá.

- Anh ơi! Nghe hết bản nhạc này, anh thay đĩa cho em nghe Kinh Dịch, "Chiếc Đèn Đỏ". Lúc trước, khi còn học ở Bắc Kinh, em mê giai điệu của nó lắm, bi, hùng mà tha thiết.

Bố thằng Nội, ừ hử, rồi nói: Nội, ngày mai con rút giây chuông ra, ăn xin ăn mày bây giờ nhiều quá, suốt ngày bấm chuông, bố đang nghiên cứu đề tài cấp nhà nước, bị chi phối thế này không tập trung tư tưởng.

Mẹ thằng Nội bảo: Toàn người khỏe mạnh đi ăn xin.

Bố nó nói: Đó là sự khủng hoảng sức lao động có tính quy luật của "Tiền Kinh Tế Tư Bản", em khỏi lo, sau cơn sốt vỡ da, mọi việc sẽ ổn.

Mẹ nó nói: Thời gian để lành là bao lâu?

- Nó còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố: Cung - Cầu, tái sản xuất, hạ tầng, thượng tầng... Đều là giá trị âm. Tất cả sẽ ngoi lên, dân tộc ngạo nghễ, đạt được điều đó phải chấp nhận một luật chơi "Rừng Rú". Đau, nhục, bỉ, ổi, đểu cáng, nhân cách không đủ mua cho con chó Kỳ nhà mình một... quả trứng.

- Khủng khiếp! Thế thì còn nhiều điếm nhục - Mẹ thằng Nội nói. - Sau sự tàn bạo để tồn tại, và cũng làm cho dân tộc bay lên, đôi khi phải chấp nhận một sự thật: Nhẫn tâm, tàn bạo, vô nhân, lừa đảo,... một chu trình vận động, từ người thành thú, ta quay lại, từ thú thành người, khi tất cả đã giầu, hoặc chí ít là không khốn cùng như trước, những giá trị văn nhân tái hiện, những kẻ ác sẽ làm điều thiện, sẽ năng đi chùa, nhà thờ và cầu nguyện cho chúng sinh. Nước Mỹ từ thủa lập quốc có một thời man rợ, họ tàn sát người da đỏ để chiếm đất. Và cũng để văn minh, động cơ hơi nước ra đời, bao nhiêu thợ thủ công bên Anh thất nghiệp, khốn cùng, chết đói, nhưng ngày nay ai dám bảo nước Anh là một quốc gia nghèo nàn.

Thằng Nội đưa mắt nhìn tôi ra hiệu, nên "biến" để lượn, ngồi nghe một mớ chuyện "dao to búa lớn", cả tôi và nó sẽ vỡ đầu.

Hà Nội vào tháng này rất ít mưa, nếu có thì chỉ là những cơn mưa lèm nhèm, mưa giả vờ, mưa như trêu tức người ta.

- Anh đi "Tàu nhanh hay tàu chậm"? Nhanh 20 chục nghìn, chậm 50 chục nghìn.

- Con "Phò" biến ngay, thằng Nội quát tướng.

Tôi và thằng Nội ngồi ở quán bên hồ Thuyền Quang, uống sen dừa. Nó nói: Uống mất ngon, "Phò Phạch" bây giờ nhiều quá, không hiểu từ đâu ra?

Tôi bảo: Nói như bố mày từ lúc nãy, đó là cơn sốt vỡ da.

Cả hai đứa thấy cốc nước mình đang uống đắng ngắt. Chúng tôi lên xe ra về, đường Nguyễn Du hắc mùi hoa sữa, xe máy, xe đạp, và từng đôi, từng đôi đi trên vỉa hè dưới ánh đèn vàng, tàn cây, tán lá loang lổ như da rắn. Có tiếng ai thất thanh: Nó giật mất túi của tôi, bà con ơi! Cái thằng đi xe Cub mầu đỏ kia kìa! Hình như chẳng có ai quan tâm, tiếng kêu của người mất của như rơi tõm vào một vực thẳm tối đen không có đáy.

Tôi về đến nhà. Bố, mẹ đã ngủ, vô tuyến chưa tắt đang phát bản tin dự báo thời tiết cuối cùng trong ngày.

"Khu vực Hà Nội ngày mai, ít mây, trời nắng, có mưa, lượng mưa không đáng kể." ❐

Thanh Xuân Thuở Nọ

NGUYỄN HÀN THƯ

Cũng cuối cùng lòng mềm chân mỏi
Như anh đã định một ước mơ mình
Những tháng những năm, những ngày những tối
Anh tìm về đây bóng cũ hồn xanh

Anh tìm lại đây thành phố thuở nọ
Nghe gió lộng ngày xưa thênh thang
Nghe mưa chuyển núi đồi trùng điệp
Nghe nắng nhuộm lại tóc anh xanh.

Anh tìm lại đây đám thông khờ dại
Nghe phấn hương chuyên chở mùa sang
Bầy dơi chập choạng bay đo bóng tối
Nghe tín hiệu mình gõ cửa thinh không
Bước chân ai, bước chân ai dẫm nhẹ
Bật xốc tim anh mở cửa hoang mang.

Anh tìm lại đây sân trường mê ngủ
Nghe ngoài kia phượng nở tưng bừng
Đỏ chi nữa máu một khi đã thắm
Thì tàn phai là mỗi khắc thời gian.

Hồn ai bàng hoàng góc sân vườn ấy
Nghe con ong bầu thủ thỉ chuyện xưa
Nghe con chuồn chuồn đo ngày mưa tới
Cành hoa rào mỏng trông trời đong đưa.

Đời quên dần trôi bước chân rất nhẹ
Bước mộng du hồn dế gọi ấu thơ
Rón rén mãi bàn chân chưa trốn ngủ
Thành dấu nhớ thương xiêu dạt nẻo bến bờ.

Con thuyền nhỏ đẩy gió mù khơi
Anh tuổi nhỏ ngỡ mình giông bão
Chết vụng về vũng nước tù ao
Con sóng đời mặc tình vần vũ.

Đâu ai còn mãi bên ngày quá vãng
Mà nói hoài chuyện sông xanh, núi xanh
Mà giữ được mãi hoài lòng lửa ấm
Bởi khắc nghiệt mỗi đời người một tang thương.

Tất cả rồi cũng buồn theo chiều xuống
Dưới chân vô tình vuột bước thanh xuân
Chỗ đến sau cùng sẽ lòng huyệt lạnh
Anh như ngọn cỏ gà còn nuối trời xanh...

Trời xanh, trời xanh! sao lòng anh đã nhạt
Theo hết một mùa hạ tàn vào hư không.

Rèn Luyện

Lập Phương

Năm năm với chín kỳ thi
Một kỳ đồ án còn gì là xuân

Chẳng cổng chào, chẳng mời mọc, chẳng thanh lịch, chỉ có câu ca dao đó chào đón học sinh mới nhập trường tại khu C, trường Đại học Xây dựng. Những khuôn mặt ngây ngô, những ánh nhìn khờ dại, được các anh, các chị khóa trên phong-trần-hóa thẳng tay.

–Biết hút thuốc không?

–Không à, mày có đi tu không đấy? Không biết hút thuốc thì làm sao tán được gái trường Sư phạm Xuân hòa.

–Không có tiền à. Đi ăn chịu quán bà Côi, chủ nhật về Hà nội xin tiền ông già trả sau. Ở đây ai cũng làm vậy mà, sợ gì.

–Có mì mà không có củi đun ư? Dễ thôi. Trèo lên giường tầng, với tay lên mái nhà, cứ ba cây kèo thì dỡ một. Đun cả tấn mì cũng không hết. Mì chín nhớ gọi tao.

–Mày ngu quá đi. Cứ bắt mẹ nó vòi ra ngoài trước cửa mà đái, đêm tối thế này, tội chó gì đi ra ngoài đồng. À mà đi quá ra đầu nhà chứ đừng đứng trước cửa, khai lắm, không ngủ được.

–Ngày xưa kháng chiến, không có súng dùng gươm, dao, cuốc, thuổng. Bây giờ không có đũa dùng que, bàn chải, bút chì mà ăn. Miễn lùa cơm vào được miệng là xong, đừng e ấp vẽ chuyện.

–Không biết con gái nom nó ra sao à? Hôm nào sáng trăng theo tao ra nấp ở sau nhà bếp tập thể. Bọn con gái hay ra giếng nhà bếp tắm lắm. Chúng nó chúa thích ngồi trong chảo rửa rau kỳ cọ. Nhớ đừng thở to, chúng nó biết, lần sau mất nhờ.

–Gạt ruồi ra mà múc canh. Không có ruồi sao đủ chất đạm, hở giời.

...

Một hôm lớp xây dựng đang chăm chú... ngủ gật, bỗng có tiếng quát

từ phía dãy nhà đối diện. Cả lớp giật mình ngơ ngác. Mấy chục cặp mắt hướng ra ngoài cửa sổ lớp học. Một thằng trẻ con cởi trường đang chăn vịt ngoài sân. Một ông khóa mới vừa nhảy tâng tâng vừa cầm cây thước nhựa xỉa xói:

–Thằng chăn vịt kia, mày khôn hồn thì giấu ngay đi, không thì bọn con gái lớp xây dựng nhìn thấy, chúng nó "tích phân" lên thành của chúng ông bây giờ.

Một bữa khác, thằng Tiến bị mất cuốn Sức Bền Vật Liệu. Nó sợ lắm. Sách giáo khoa ở khu C quí như vàng. Mỗi nhóm bốn người chỉ được nhà trường cho mượn một cuốn, rồi chia nhau ra mà đọc. Thằng Tiến chạy ngược, chạy xuôi tìm kiếm. Thằng Liên từ đâu chạy đến gọi nó:

–Mày làm gì mà tao không thấy đến lớp cả ngày hôm nay.

–Tao đánh mất quyển Sức Bền rồi, tìm mãi không thấy.

–Thấy làm sao được. Tiền mất ở trường này còn có cơ tìm thấy chứ sách ấy à. Đừng có hòng. Nói rồi, nó rủ thằng Tiến ra quán bà Côi tán láo. Thằng Tiến chịu.

Ngồi vào quán nước rồi mà thằng Tiến vẫn thừ mặt ra, suy ngẫm. Thằng Liên mở lấp lọ kẹo lạc, bốc ra liền một lúc sáu cái để lên đĩa. Nó gọi hai chén nước trà, thêm hai điếu thuốc Sông cầu.

–" Sao hôm nay thằng này rộng rãi gớm. Có lẽ nó thấy mình mất cuốn sách nên an ủi mình đây. Có thằng bạn như nó, mất cuốn sách cũng không đáng tiếc ".

Thế rồi hai đứa tận hưởng vinh hoa cho tới chín giờ đêm. Thằng Liên hỏi có ăn kẹo nữa không. Thằng Tiến lắc đầu. Thằng Liên gọi bà Côi.

–Thế là sáu chiếc kẹo, hai điếu thuốc, bốn chén nước. Còn lại bốn chiếc kẹo lạc, hai điếu thuốc nữa, bà đưa nốt cho tôi.

Bà Côi tươi tắn mở lọ kẹo lạc lấy ra bốn chiếc, rồi lẹ tay xé tờ giấy trong cuốn sách dày cộp, đánh xoạt.

–Ối trời ơi. Quyển Sức Bền Vật Liệu của cháu.

Thằng Tiến nhoài người qua bàn nước, giằng lấy cuốn sách từ tay bà Côi. Cuốn sách đã bị xé mất mấy chục trang. Bà Côi bất bình cự lại. Thằng Tiến mở cái bìa cứng, phía mặt trong còn chữ ký của nó. Bà bảo bà không biết chữ, cuốn sách này của thằng Liên đổi cho bà tối hôm qua. Thằng Liên rũ ra, nhăn nhở:

–Thôi thế này, cuốn sách với cái âu đựng canh của mày đáng giá mười chiếc kẹo lạc, năm chén nước, năm điếu thuốc. Tối qua tao đã tạm ứng một điếu thuốc, một chén nước. Còn lại phần mày, mày đã đồng ý.

–Vậy là mày lấy cả cái âu đựng canh của tao đi đổi?

–Còn sai vào đâu được nữa.

–Cái âu đựng canh thì tao có thể tha cho mày được nhưng còn cuốn sách thì tao phải báo lên giáo vụ khoa.

–Mày dám?

–Sao không dám.

–Mày đã chẳng ăn sạch ba chiếc kẹo, hai chén nước, hai điếu thuốc phần mày đó sao?

–Nhưng mày lừa tao.

–Ai làm chứng tao lừa mày.

–Bà Côi.

–Mày thử hỏi bà Côi xem. Nếu bà Côi nhận là có cầm cuốn sách của mày thì trường sẽ bắt bà Côi trả lại. Bà làm gì còn mà trả. Nếu không trả, trường sẽ không cho bà bán hàng trong trường nữa và còn phạt bà năm mươi đồng tiền sách.

Thằng Liên giở tờ bìa cuối sách cho bà Côi coi. Con số năm mươi đồng không hiểu có làm cho bà Côi thức tỉnh hay không mà bà van vỉ:

–Thôi. Tôi đền cho các cậu thêm năm chiếc kẹo nữa. Đừng làm to chuyện, tôi mất ăn.

–Bà không phải lo.

–Thằng Liên lên giây cót.

–Nếu nó không nhận thêm năm chiếc nữa thì bà cứ cho quyển sách vào bếp củi, đốt quách đi là xong. Ai hỏi cứ bảo không biết. Hòa cả làng. Thằng Tiến nghe chừng kém lực, chịu ngồi xuống ghế.

–Tao không hiểu tại sao mày lại ăn cắp sách.

–Ăn cắp sách không phải là ăn cắp. Mày không nghe văn hào Lỗ Tấn nói vậy sao?

–Nhưng ăn cắp sách để đọc khác, ăn cắp sách để đổi kẹo lạc khác.

–Mày biết một mà không biết hai. Thày Khổng tử dạy rằng: " Có thực mới vực được đạo ". Không có mấy cái kẹo lạc, tao đố thằng nào ngủ được, chứ đừng nói đến học. Mẹ kiếp, kiếp sau xin mẹ nó làm kiếp chó, sướng hơn. Kiếp người, cả năm không được bữa cơm no.

Bà Côi gói cả chín cái kẹo lạc trong tờ giấy in Ti pô của cuốn Sức Bền đưa cho thằng Liên. Thằng Liên nhận lấy, rồi rủ thằng Tiến về phòng nghe anh Võ Hùng kể chuyện kiếm hiệp. Vừa về đến phòng đã nghe anh Võ Hùng sang sảng gọi nước.

–Dũng con, đưa cho anh chén nước. Nhấp một ngụm nước, hít một hơi thuốc thật sâu, anh lại tiếp tục tường thuật trận huyết chiến giữa Trương Phi và Hắc toàn phong Lý Quì.

–Làm gì có chuyện Trương Phi đánh nhau với Hắc toàn phong Lý Quì.

Thằng Liên chặn lời anh Hùng.

–Tại sao không?

–Trương Phi trong Tam quốc còn Lý Quì trong Thủy hử, làm sao đánh nhau được.

–Theo thày thì theo cho chót. Đã không biết thì gióng tai lên mà nghe. Chuyện dân quân Thanh hóa dùng cù lèo để giật máy bay Mỹ còn có, chứ chuyện Trương Phi với Lý Quì thì ăn thua gì. Hai thằng ấy nó nóng như lửa, vừa ngó thấy mặt nhau là xông vào tẩn nhau rồi, kể gì ở đâu, thời đại nào. Có mang thuốc với kẹo về cho anh không?

–Có đây anh. Hôm nay là phần của thằng Tiến.

À ra vậy. Từ trước đến nay, mỗi lần nghe thấy thằng Liên gióng lên: " Hôm nay là phần thằng Kỳ, hôm nay là phần thằng Tại..." là những lần thằng Liên mang đồ của chúng nó đi đổi kẹo thuốc về cho anh Võ Hùng kể chuyện. Mất đồ mà thằng nào cũng im thin thít. Thật tuyệt diệu. Mà nếu không có tiết mục kể chuyện đêm khuya của anh Võ Hùng thì, khốn nạn, quãng đời sinh viên khu C của nó chỉ còn là một cơn đói dài, rỗng tuếch.

Thằng Tiến leo lên giường trùm chăn, lắng nghe anh Hùng trích sử. Lời anh kể bay bướm, từ anh dùng kỳ lạ, càng nghe càng thấy thú. Nó không còn nghĩ đến âu canh và cuốn sách nữa.❐

Tìm mua ngay tại các hiệu sách
ba tác phẩm mới của nhà xuất bản Thanh Văn

Tạng Thư Sống Chết
củaThiền sư Tây Tạng Sogyal Rinpoche
bản dịch của Thích nữ Trí Hải
dày 436 trang giá 18 Mỹ kim

Sóng Trôi
tập truyện ngắn đầu tay của Ngự Thuyết
dày 240 trang giá 12 Mỹ kim

Marie Sến
truyện dài xuất bản lần đầu của Phạm thị Hoài
dày 160 trang, giá 10 Mỹ kim

Liên lạc: Nhà Phát hành Văn Nghệ
P.O. Box 2301 Westminster CA 92683
Phone: (714) 527-5761

Suối Trong Rừng

Phùng Nguyễn

Gởi L., cho lần hạnh ngộ

Người đàn ông rón rén bước đến cửa phòng, xoay nhẹ nắm cửa. Cánh cửa hé ra không một tiếng động. Chàng thò đầu nhìn vào. Mờ tóc đen dài và một phần lưng là tất cả những gì của nàng mà chàng có thể nhìn thấy trong vùng sáng mù mờ của căn phòng. Nhẹ nhàng khép lại cánh cửa, chàng cúi xuống nhấc chiếc vali dọ dẫm đi xuống cầu thang.

Chai rượu vang cạn quá nửa và mấy lon bia rỗng nằm lỏng chỏng trên chiếc bàn cà phê bừa bộn những sách báo. Chai rượu thuộc về phần nàng và mấy lon bia là của chàng. "Them guys vs. us guys," chàng nhớ mình đã cười cợt bảo nàng. Chàng cúi nhìn đồng hồ tay. Sáu giờ năm phút. Máy bay sẽ cất cánh vào lúc tám giờ sáng, và phi trường thì cách nơi chàng đang ở khoảng nửa tiếng đồng hồ lái xe. Còn đủ thì giờ để làm một điều gì đó - cho nàng.

Mắt chàng lang thang trên mớ đồ đạc trong phòng khách, trên căn bếp nhỏ xíu, trên bức vách nơi có treo những bức tranh nhỏ, trên chiếc cầu thang dẫn đến cánh cửa phòng vừa mới được mở ra và khép lại mấy phút trước đó. Chàng muốn ghi nhận vùng không gian chưa quen thuộc mà đã sắp lạ lùng này một lần nữa trước khi ra đi. Chiếc vali và cái túi xách nhỏ đã được đưa vào trong chiếc xe màu xanh đậm, và bây giờ thì chỉ còn có chàng và cánh cửa ra vào mà khi đóng lại chàng sẽ không còn mở ra được nữa. Trừ phi chàng bấm vào cái nút chuông nhỏ ở cạnh cửa để đánh thức nàng, điều mà chàng sẽ không làm. Rồi cánh cửa cũng được đóng lại, ngại ngần.

Ngôi nhà nằm chênh vênh trên con dốc nhỏ ở bìa rừng. Con đường nhỏ tráng xi măng ngoằn ngoèo chạy ngang qua nhà nàng, dẫn đến bãi cỏ tiếp giáp với khu rừng và dừng lại ở đó. Chàng dẫm lên đám cỏ còn ướt sương đêm, bước vào khu rừng vắng đang sáng dần lên cùng với bình

minh. Chàng nhìn quanh tìm con suối, mà theo lời nàng, nằm quanh quất đâu đó. Nàng đã không thực hiện lời hứa dẫn chàng đi thăm dòng suối nhỏ và những cây hoa dại mọc lẩn lút trong khu rừng. Bây giờ thì chàng đã hiểu vì sao. Rồi chàng cũng nhìn thấy con suối, giòng nước trong chảy êm đềm giữa đôi bờ phủ đầy cỏ xanh và những bụi cây nhỏ trong cái "góc rừng" mà nàng đã kể cho chàng nghe trong một bức thư, và đã giận chàng đến mấy ngày khi chàng bảo nàng có khiếu viết tiểu thuyết diễm tình!

"Cánh rừng nằm khuất sau một con đường nhỏ chạy vòng từ ngoài lộ. Con đường dẫn vào bắt qua một con suối nhỏ len lỏi giữa cánh rừng. Vào đầu mùa mưa, nước đầy lòng suối, chảy qua những kẽ đá sỏi lởm chởm và nhiều rong rêu hai bên bờ. Suối trầm tư lờ lững vào mùa cạn và róc rách vui tươi vào những tháng mưa Có những mùa mưa nước đổ về quá nhiều, từ trong nhà nghe như có tiếng thác đổ, nước cuồn cuộn ào ạt chảy xiết như muốn trôi luôn cả bờ. Đó là những mùa mưa dữ có điềm báo sẽ có trận lụt từ các dòng sông tràn ứ đổ vào đồng bằng. Con suối vào những năm đó cũng hung bạo dữ dội như các dòng sông lớn, nước không êm ả hiền lành bình thản mà nước hung dữ gầm gừ như muốn cuốn trôi tất cả. Mùa cạn, nước suối ri rỉ, nước suối rưng rưng... Mùa mưa, nước suối sôi nổi và bộc lộ nhiều cá tính của thiên nhiên. Đầu mùa xuân, rừng khô nảy lộc xanh bừng sáng chỉ sau trận mưa qua đêm, như các mạch sống đã chuẩn bị sẵn sàng chỉ chực chờ cơ hội xuất hiện. Cánh rừng bừng sáng màu xanh ngọc thạch, nõn nà. Đi dọc theo con suối, những thân cây dương và maple khô khốc mùa đông tỉnh dậy, hoa dại lấm tấm màu vàng trên cỏ, ẩn thoáng trong bụi cây những cánh iris màu tím e ấp nở, hoa dại lan man dò dẫm ra tận mé rừng."

"Ở đây ít tiếng động, chỉ có tiếng thiên nhiên, tiếng gió, tiếng chim, tiếng không gian thở. Khoảng chiều, trang trại cạnh nhà hực lên một màu nắng kỳ lạ, nhất là vào mùa thu. Nắng xiên khoai hiu hắt và não nùng. Đàn bò ngựa thả rông nhẩn nha tư lự ngẩm trời chiều, kêu những tiếng ậm ừ gọi nhau Vào giữa khuya, thỉnh thoảng rúc lên tiếng còi tầu xe lửa của một chuyến tầu chở hàng đêm xuyên bang. Con đường hoả xa không biết nằm ở đâu, chỉ nghe tiếng những con tầu lặng lẽ mở cuộc hành trình thâu đêm."

Khi chàng trở về lại trước nhà nàng, những giọt sương trên nhánh cây nhỏ chàng hái từ khu rừng đã rơi rụng gần hết. Chàng cẩn thận gắn nhánh cây vào khe hở giữa khung và cánh cửa, lùi lại ngắm nghía. Tia

nắng đầu tiên của ngày làm lấp lánh giọt sương duy nhất còn đọng lại trên chiếc lá màu lục nõn. Chàng ngước nhìn lên, khung cửa sổ phòng nàng vẫn đóng im ỉm. Chàng bước vào xe, lái đi. Căn nhà nhỏ trên con dốc bìa rừng lùi dần và khuất đi sau một khúc quanh. Và giọt sương từ ly cũng hết lấp lánh, nó đã rơi xuống.

Chàng đến thành phố này vài hôm trước. Mỗi năm chàng vẫn tham dự những khóa tu nghiệp ngắn hạn như vậy. Chàng đã có thể ghi danh cho lớp học ở một thành phố miền Đông Bắc, nơi có vài người bạn quen biết mà chàng muốn ghé thăm, nếu chàng không nhận được cú điện thoại của nàng vài tuần trước đó. Đã lâu lắm nàng không gọi đến. Lần cuối cùng cách đây hơn một năm, và câu chuyện xoay quanh một nhân vật thứ ba tên Quân, người chàng chưa gặp bao giờ nhưng có khả năng biến chàng thành một kẻ thừa thãi trong quan hệ tình cảm nàng. Trong lần điện đàm mới đây, khi được hỏi về Quân, nàng buồn rầu cho biết Quân đã qua đời trong một tai nạn. Nàng không nói rõ về cái biến cố đó. Cùng với nỗi ngỡ ngàng, một chút hy vọng dấy lên trong lòng chàng. Lúc gác điện thoại, chàng nghe mình đang tự rủa thầm, "Thằng đểu cáng!"

Căn nhà nhỏ hai phòng nằm trong một vùng ngoại ô yên tĩnh cạnh khu rừng ở phía Đông Bắc của thành phố. Mặc dù đã được chỉ dẫn khá kỹ lưỡng, chàng cũng hai lần lạc lối trước khi đến được nơi đây. Chàng vẫn có cái cảm giác bất an lái xe trên những tuyến đường không quen thuộc. Khung cảnh lạ và sự không biết chắc con đường trước mặt sẽ đưa mình đến đâu! Nàng xuất hiện ở phía sau khung cửa mở một nửa, nụ cười dịu dàng và u buồn, đúng như tình thế cho phép. Cánh cửa khép lại nhanh chóng và họ ngồi đối diện nhau ở phòng khách. Cuộc đối thoại bắt đầu, nhỏ nhẹ, nhát gừng, và ngoài kia, hoàng hôn đang xuống dần trên cánh rừng phía sau nhà.

Đã có một lúc giữa buổi nói chuyện chàng cảm thấy mình đang ở vào một tình thế tuyệt vọng. Những câu hỏi, những câu trả lời nhạt thếch, mòn nhẵn. Lan khỏe không. Dạ khỏe. Anh đi đường xa chắc mệt lắm hở. Vẫn đi làm đều. ờ, anh cũng vậy... Chàng trệu trạo nuốt xuống câu hỏi về cái chết của Quân cứ chực trào lên trên đầu lưỡi, nóng bỏng, vùng vẫy như con chó điên. Lúc này mặt trời đã xuống hẳn, kéo theo những chùm nắng cuối ngày ra khỏi tàng lá xanh của khu rừng. Tại sao mình không hỏi nàng về khu rừng và con suối chạy qua đó nhỉ? Chàng tự hỏi.

"Kể cho anh nghe về cái góc rừng của Lan."

"Lan đã kể cho anh nghe hoài hồi đó rồi mà," nàng trả lời.

"Nhưng đó là ngày xưa. Góc rừng của Lan giờ chắc đã không còn

như xưa..."

Nàng ngước lên nhìn chàng, vẻ dò hỏi. Hôi đó chàng thỉnh thoảng vẫn trêu ghẹo nàng với lối nói chuyện đầy ẩn ý như vậy.

"Khu rừng vẫn vậy, chỉ có vắng hơn ngày xưa mà thôi."

Nàng ngập ngừng một chút, rồi tiếp lời:

"Anh Quân gặp tai nạn trong chính khu rừng này. "

Vào khoảng thời gian này năm ngoái, Quân lang thang vào trong rừng một mình để làm gì đó không biết. Vào mùa nước lũ, con suối không còn giữ bộ mặt hiền hòa như thường lệ. Con suối trương phình lên, tràn lên đôi bờ, nước chảy ào ạt, cuồn cuộn như con thác nhỏ. Không ai biết rõ cái tai nạn xảy ra như thế nào. Người ta tìm thấy xác Quân khoảng một dặm về miệt hạ lưu, ba tuần lễ sau khi nàng và Quân chính thức đính hôn!

Nàng ngưng kể, xoay mình lại phía cửa sổ. Chàng đọc thấy vẻ cam chịu trên nửa khuôn mặt nàng, lúc này rõ nét hơn trên phần hậu cảnh của khu rừng đang chìm dần vào bóng đêm.

"Những tai nạn bi thảm như vậy vẫn thường xảy ra. Anh rất tiếc là nó đã xảy ra cho Lan. Nếu anh biết sớm hơn..."

Chàng không có dịp nói hết câu. Nàng cắt lời,

"Anh biết sớm hơn thì anh làm gì? Gọi điện thoại an ủi Lan chăng?"

Đó có lẽ là điều trước tiên mình sẽ làm, chàng nghĩ thầm. Sau đó có lẽ mình sẽ bay qua đây thăm nàng, chàng nghĩ tiếp. Nhưng mà tại sao nàng lại có vẻ như trách cứ mình nhỉ? Tại sao nàng không báo cho mình biết lúc đó? Chàng tự hỏi thầm một cách bối rối.

"Mà anh thì có bao giờ biết được điều gì sớm sủa đâu? Ngay cả nơi anh ở, đồng hồ cũng chạy trễ đến mấy tiếng!" Nàng tiếp, giọng cay đắng.

Chàng có biết gì đâu? Mà nàng nói cũng phải thôi. Hình như lúc nào chàng cũng trễ tràng trong mọi trường hợp. Trễ tràng và chậm chạp. Như trước đây, lúc hai người còn liên lạc với nhau thường xuyên, chàng đã chẳng có phản ứng gì ra hồn khi nàng mang một nhân vật thứ ba vào câu chuyện. Chàng bối rối, ù lì một cách bất lực nhìn "hắn ta" mỗi ngày một to lớn thêm, bành trướng lên gấp bội sau mỗi cuộc điện đàm, dồn chàng vào một góc tối tăm, làm chàng gần chết ngộp, và cuối cùng đẩy chàng văng ra khỏi mối quan hệ với nàng. Mà đã như vậy thì làm sao chàng còn biết được điều gì!

Cuối cùng chàng cất tiếng trả lời, giọng buồn rầu:

"Anh có bao giờ bắt kịp Lan đâu!"

❧

Quán ăn đông nghẹt những người! Cả ngôi quán, chỉ có khu nhà bếp là rộng hơn hết. Thực khách đứng thành hàng trước quầy, chờ đến phiên

mình đặt thức ăn. Một đám khách khác đứng chen chúc dọc theo mấy bức vách bao lấy khu quầy chúi mũi vào mấy chiếc mâm tròn đựng đầy hải sản ăn uống nhồm nhoàm. Chàng đưa tay đón lấy chiếc mâm kim loại đựng đầy những con crawfish đỏ au từ cô nhân viên bán hàng, len lỏi qua hàng rào người bước ra phía ngoài. Nàng đứng tựa người vào bức vách gần chỗ để mấy hũ ketchup, mustard, và tiêu muối lỉnh kỉnh, cặp mắt giận dữ nhìn trừng trừng vào chiếc bàn gỗ thấp ngay phía trước. Chàng bước đến cạnh nàng, tựa lưng vào vách, hai tay khệ nệ ôm chiếc mâm thức ăn bốc khói ngào ngạt, bắt chước nàng đưa cặp mắt giận dữ nhìn hai người thực khách đang chiếm ngụ chiếc bàn ăn quý giá. Cặp vợ chồng người bản xứ đứng tuổi đang ngồi đối diện nhau ở chiếc bàn , loay hoay ăn uống. Thỉnh thoảng ông chồng lại len lén nhìn lên phía hai người, vẻ áy náy như đang làm chuyện phi pháp. Cuối cùng họ cũng ăn xong. Người chồng đứng lên, đưa tay chỉ vào chiếc bàn làm một cử chỉ mời mọc. Nàng nhoẻn miệng cười rất tươi, mở lời cám ơn một cách lịch thiệp làm như cách đây mấy phút ai đó chứ không phải nàng đã cố tình "ám" họ.

Bữa ăn diễn ra vui vẻ. Lúc hai người đứng dậy, chàng lịch sự đưa tay chỉ vào chiếc bàn trống mời mọc cặp tình nhân trẻ tự nãy giờ đứng tựa vách tường kề tai nhau thì thầm những điều mà chàng cho rằng không gì khác hơn là những rủa xả chàng và nàng. Nàng quay lại nhìn chàng cười lém lỉnh khi cô gái nhoẻn miệng cười thật tươi nói cám ơn. Nàng đã lấy lại vẻ liến thoắng, tinh nghịch như lúc hai người mới quen biết nhau mấy năm về trước. Ngày hôm qua, nàng đã gọi đến khách sạn nơi chàng đang ở trọ, bảo rằng chàng có thể dọn đến ở nhà nàng trước ngày ra về. "Nhà Lan còn một phòng trống, anh có thể đến ở một đêm, nếu anh không chê." Tất nhiên là chàng không chê. Chàng chẳng bao giờ dám chê bai nàng điều gì!

Trên đường về, chàng ghé vào một tiệm *liquor* để mua vài thứ thức uống. Lúc khệ nệ ôm mấy túi giấy dựng thức uống ra xe, chàng cằn nhằn:

"Xứ gì mà kỳ cục, mới chín giờ tối mà *liquor* đóng cửa hết trơn. Đi mãi mới mua được vài món."

"Anh không biết sao? Mấy chỗ lúc nãy anh đi qua là *dry zone*, tiệm bán rượu đóng cửa sớm."

Chàng giả vờ ngạc nhiên, kêu lên:

"*Dry zone!*' Vùng khô ráo hở? Trời mưa tầm tã suốt buổi chiều hôm nay ở khu anh đi học cơ mà!"

"Lan biết mà. Mưa lớn như vậy thế nào con suối cạnh nhà cũng đầy nước cho mà xem..."

Giọng nàng chìm đi trong tiếng máy xe ầm ì.

Mớ sách báo bừa bộn trên chiếc bàn cà phê nhỏ được dẹp qua một bên, lấy chỗ cho mấy lon bia và chai rượu vang. Lúc nãy, nàng tò mò hỏi khi thấy chàng lôi ra từ mấy cái túi giấy xâu bia và chai rượu vang đỏ.

"Tại sao anh mua tùm lum chi vậy?"

"Rượu vang cho Lan, bia cho anh. Lan vẫn còn thích loại vang này chứ?"

"Anh cũng nhớ dai đấy nhỉ! Anh không uống với Lan sao?"

"Ô không! *Us guys* uống rượu vang, đọc tạp chí. *Them guys* uống bia và đọc nhật trình," chàng cười cợt trả lời.

"Chứ không phải anh muốn Lan uống hết chai rượu một mình cho chóng say hay sao?"

Chàng không biết phải trả lời làm sao. Nếu mà chàng có thể làm cho nàng say được!

Bây giờ chai rượu vang đã cạn một nửa và xâu bia cũng sắp hết mà chàng vẫn chưa nói được điều gì cho ra hồn. Chàng bối rối nhìn nàng ngồi dựa thoải mái ở một góc của chiếc "sofa," những móng tay nhọn gõ lách cách vào thành ly thủy tinh, chờ đợi một cách kiên nhẫn. Cuối cùng rồi chàng cũng lên tiếng, chẳng ăn nhập vào đâu:

"Lan nói đúng đấy..."

Nàng hơi cựa quậy một chút, đổi tay cầm ly, ậm ừ:

"Vậy sao?"

"Anh thì lúc nào cũng trễ tràng. Nơi anh ở trễ hơn nơi đây những hai múi giờ. Lúc Lan chào đón bình minh, nơi anh vẫn còn là đêm tối. Anh e rằng mình chẳng bao giờ có cơ hội bắt kịp Lan."

Chàng thở phào. Nói ra xong rồi thì mới thấy cũng không khó khăn gì mấy!

Nàng đặt chiếc ly nhỏ xuống bàn, trả lời dịu dàng:

"Anh đi về hướng mặt trời mọc, đi mãi thì sẽ có lúc gặp Lan thôi."

Chàng lẩm nhẩm tính toán, hướng mặt trời mọc là hướng Đông. Thành phố này cách hai ngàn dặm về phía Đông nơi chàng cư trú. Nhưng mà chẳng phải chàng đang ở đây, phía mặt trời mọc hay sao?

"Chẳng phải anh đang ở phía mặt trời mọc hay sao?" Chàng lập lại ý nghĩ của mình thành tiếng.

"Nhưng anh sẽ ra đi về phía mặt trời lặn ngày mai, anh quên rồi sao?"

Phải rồi, ngày mai chàng sẽ trở về nơi chàng đã ra đi. Ở đó có những điều buộc chàng phải trở về. Có những hệ lụy chàng phải đương đầu. Có những thúc bách của đời sống chàng phải giải quyết. Chàng đứng dậy, bước đến cạnh nàng, cúi xuống hỏi nhỏ:

"Có khi nào em nghĩ em sẽ đi cùng với mặt trời ,về nơi nó sẽ lặn xuống, ở đó có anh chờ em trong hoàng hôn?"

Tự dưng chàng cảm thấy mình can đảm vô cùng. Chàng đã gọi nàng bằng em, đã hỏi nàng điều chàng chưa bao giờ dám hỏi. Nhưng có lẽ cũng chẳng đi đến đâu, cái can đảm muộn màng của chàng. Bởi vì nàng vừa lắc đầu! Nàng lắc đầu, đưa hai tay ôm mặt. Lúc nàng buông tay ra, những giọt lệ lóng lánh ứa ra từ đôi hàng mi khép. Chàng bối rối vô cùng. Tại sao nàng khóc? Tại sao nàng lắc đầu từ chối lời mời mọc của chàng rồi lại rơi lệ? Những giọt nước mắt lóng lánh lại tiếp tục lăn dài trên khuôn mặt nàng! Và cái hộp khăn giấy quái quỉ nằm ở đâu chàng tìm mãi không thấy! Chàng cuống quýt cúi xuống uống những giọt nước mắt quý giá ấy. Chàng uống, uống mãi. Tự dưng chàng khát nước quá đỗi! Những

giọt nước mắt không những không làm dịu cơn khát mà còn làm cho môi miệng chàng khô queo, nóng bỏng. Rồi chàng thấy cặp môi ngon màu táo chín của nàng ở gần đó. Chàng biết nước mắt không ứa ra từ đó, nhưng đã nói chàng đang khát nước quá đỗi nên đã không dừng lại được. Khó có ai dừng lại được! Chàng hôn lên môi nàng, ngấu nghiến.

Trong khoảnh khắc, chàng thấy mình như cánh buồm căng gió trên con thuyền nàng, và mặt thảm mịn màng của căn phòng khách đang dậy sóng. Những con sóng ngây ngất, dồn dập tràn tới không ngừng, mỗi lúc một cao mãi lên, rộng mãi ra, gào réo, xô đẩy nhau, vây bủa chung quanh hai người làm chàng muốn nghẹt thở. Và từ xa, lừng lững kéo đến ngọn sóng thần đen mướt như nhung và hung bạo như lốc xoáy. Ngọn sóng thần kéo đến ào ào, mãnh liệt không có gì ngăn cản nổi! Chàng nhắm nghiền mắt lại, người căng thẳng như cánh cung, chờ đợi ngọn sóng tràn đến, cuốn lấy cả hai ném vào vùng giông bão sâu hun hút, cao thăm thẳm, và xa tít tắp. Ngọn sóng thần hung bạo, đen mướt, và êm như nhung đã không đến! Nó đã dừng lại ở cái nơi không thể dừng lại được, im sững, rồi tan biến đi như một giấc mơ! Chàng ngơ ngác, bối rối, vô cùng bối rối. Chàng không biết mình đã làm điều gì không đúng. Chàng cảm thấy hổ thẹn và buồn bã, chỉ muốn chết đi cho rồi!

Bỗng dưng chàng nghe tiếng nàng hỏi, âm hưởng lạ lùng:

"Anh có nghe gì không?"

Chàng có nghe thấy gì đâu ngoài tiếng thở dồn dập của ngọn sóng thần đang kéo đến rồi bỗng dưng tan biến đi không dấu vết.

"Anh nghe đi, nghe cho kỹ," nàng lại lên tiếng thúc dục.

Chàng nghiêng đầu lắng nghe. Quả thực có tiếng động ở ngoài kia, ầm ì, róc rách, sôi réo. Tiếng của con suối nhỏ trong rừng đang thức dậy! Nhất định là cơn mưa giông tầm tã buổi chiều đã tràn ngập thượng nguồn

của con suối, và giòng nước lũ đã biến giòng suối hiền lành trở nên một giòng thác sôi động, hiểm nghèo, và tàn ác! Bởi vì chính nó đã làm khựng lại ngọn sóng thần của nhục cảm, đã đánh dạt đi cái hy vọng mở ra cánh cửa lòng bí hiểm của người chàng yêu! Chàng cáu nhàu bực bội:

"Thì chỉ là tiếng réo của con suối ngu xuẩn chứ có gì lạ lùng đâu?"

"Anh đừng có nguyền rủa con suối. Nó vô tội. Có phải nó giết Quân đâu!"

Thì ra không phải chỉ con suối thô lỗ mà còn cả bóng ma của người tình vẫn số. Chàng sắp điên lên, cố giữ giọng nhỏ nhẹ nhưng vẫn không giấu được vẻ giận dữ:

"Không phải con suối thì còn ai vào đây?"

"Em!" Có tiếng nàng vọng ra như từ một chiều không gian nào khác.

"Em điên rồi!" Chàng kêu lên, đau đớn, sợ hãi, tuyệt vọng.

Quân yêu nàng, điều này không còn nghi ngờ gì nữa. Mỗi lần đến thăm, Quân thường ghé vào khu rừng cạnh nhà nàng hái mang vào một cành holly, thánh hoa, có những chùm trái li ti màu đỏ. Những đóa hoa tim tí hon, Quân bảo nàng như vậy. Cành holly trở nên biểu tượng của mối tình mà Quân dành cho nàng. Thánh hoa cho nàng khi nàng buồn. Thánh hoa cho nàng khi nàng vui. Thánh hoa cho nàng khi nàng giận. Nhưng mà điều này có liên quan gì đến nàng và cái chết của Quân? Chàng hỏi nàng.

"Ba tuần sau ngày hứa hôn, em bảo Quân một điều làm Quân rất buồn."

"..."

"Em bảo là em đã lầm. Em không yêu Quân! Quân ngồi lặng người một lúc rồi đứng dậy đi về phía khu rừng. Quân bảo sẽ tìm cho em một cành thánh hoa thật đẹp, đẹp hơn bất cứ cành thánh hoa nào trên thế gian này... Trước đó, những cơn mưa giông rất lớn đã đổ xuống vùng này."

Và Quân không bao giờ trở lại, điều này thì chàng đã biết rồi. Chàng ôm nàng vào lòng vỗ về. Nàng run rẩy, sướt mướt như con chim nhỏ yếu đuối và đầy mặc cảm tội lỗi. Chàng mang nàng vào giường, đắp tấm chăn mỏng lên người nàng, vặn thấp xuống ngọn đèn ngủ, ngần ngừ một chút, rồi đi về phòng mình. Chàng biết mình đã đánh mất cơ hội hỏi nàng về cái người đã làm cho nàng từ chối mối tình tha thiết của Quân. Cũng tại chàng yêu nàng quá đỗi nên không nỡ chất vấn nàng đó thôi! Chàng thao thức cho đến gần sáng, và chỉ thiếp đi được một chút khi tiếng còi xe lửa của con tàu xuyên bang vọng lên trong đêm khuya, não nùng

Lúc thức giấc, người đàn bà biết rằng chàng đã rời đi. Nàng khoác

Quê hương
NGUYỄN ĐỨC THANH

Mây về lạnh buốt trời đông
Tình theo cơn gió chạy vòng quanh ta
Mộng đã qua. Người cũng xa.
Buồn khoanh chỗ đứng. Riêng ta chỗ ngồi
Cây ung thư. Trái chín bồi
Dội trong tâm cảnh. Đất ngùi ngụi hương
Sông oằn chở nặng nhớ thương
Đò xuôi sao mãi còn vương vấn bờ.

lên người chiếc áo khoác mỏng, bước xuống cầu thang. Chồng sách báo nằm ngay ngắn trên chiếc bàn cà phê, những vỏ bia ngổn ngang và chai rượu vang uống dỡ đã biến mất. AÔnh nắng mai len lỏi qua khe hở của tấm sáo trên khung cửa sổ, vẻ những vệt nắng vàng tươi trên tấm thảm mịn. Nàng mở tung cánh cửa ra vào. Nắng ùa tới làm nàng lóa mắt. Cùng với nắng mai, một cành thánh hoa nhỏ rơi xuống cạnh chân nàng. Đã lâu lắm rồi không có ai mang về cho nàng những nụ hoa tim đỏ li ti như thế này.

Nàng ngồi trên đám cỏ xanh cạnh bờ suối. Thánh hoa mọc đầy dẫy chung quanh chỗ nàng. Tren tay nàng cũng có một nhánh nhỏ, nàng mang theo từ nhà. Nàng ngắt một chiếc lá xanh, thả vào dòng suối bây giờ đã trở lại dáng vẻ hiền hòa quen thuộc của nó. Cánh lá bập bềnh trôi đi. Rồi một cánh lá nữa. Rồi những chùm hoa nhỏ li ti màu đỏ cũng bập bềnh trôi theo giòng nước. Mọi thứ trong khu rừng này đều trôi đi cùng với tháng ngày. Những cành cây thay lá từng mùa, những nụ hoa mới nở không phải là những nụ hoa năm xưa. Và nay cả con suối, giòng nước đang chảy qua không phải là giòng nước đã có lần cuốn đi thân xác của Quân! Mọi thứ đều thay đổi, đều ra đi về một nơi chốn nào đó. Chỉ có nàng bất động, trơ trọi với nỗi muộn phiền đã bao lâu nay!

Ném cành thánh hoa trơ trụi xuống giòng suối, nàng đứng dậy đi ra khỏi khu rừng. Mặt trời đã lên khá cao, và con dường xi măng ngoằn ngoèo tràn ngập nắng mới. Nàng bỗng nghĩ đến một chuyến đi xa. Nàng chưa biết mình sẽ đi đâu. Có thể nàng sẽ đi theo ánh mặt trời, đến tận nơi mà nó sẽ lặn xuống ở cuối ngày. Chàng sẽ chờ nàng ở đó, chàng đã nói như vậy.❐

Câu chuyện văn chương

Arthur Schopenhauer nói về bút pháp

Nguyễn Huy Thạch

*Arthur Schopenhauer (1788-1860), nổi tiếng là một triết gia. Tác phẩm lớn nhất của ông có tên là Thế Giới Như Ý Chí Và Ý Tượng. Ông chủ trương ý chí là nền tảng của vũ trụ và tự căn bản ý chí là tội lỗi. Và ông suy ra cứu cánh của đời người là tiêu diệt ý chí ấy. Schopenhauer hy vọng tác phẩm này của ông sẽ được tiếp nhận như một cuộc cách mạng trong triết học. Thế nhưng, trái với lòng mong mỏi của ông, người ta bỏ quên tác phẩm này. Người đọc thường cho Schopenhauer có tư tưởng bi quan, và ghê sợ xa lánh ông vì tính cách tàn bạo của tư tưởng ông. Khi Nietzsche, một môn đệ của Schopenhauer, tìm cách "triết lý với một cây búa", người ta hiểu rằng chính Schopenhauer đã cho Nietzsche mượn "cái búa" ấy. Tuy nhiên, dù thích hay không thích triết lý của ông, người đọc không thể không công nhận Schopenhauer là một nhà văn tài ba. Trong một bài viết bàn về bút pháp, cách đây hơn 100 năm, ông đã cho thấy những suy nghĩ về mặt bút pháp của ông. Những suy nghĩ đó cho đến nay vẫn còn giá trị, rất giá trị, rất hiện đại. Nietzsche nhận xét: "Bút pháp của Schopenhauer đôi khi khiến tôi nhớ tới bút pháp của Goethe, nhưng không nghĩ tới một mẫu mực nào khác ở Đức. Vì ông biết nói một cách đơn giản những điều thật sâu xa..."**

1.

Từ lâu, rất lâu cho mãi đến hôm nay, trong sinh hoạt văn học nghệ thuật của chúng ta có khá nhiều, nếu không muốn nói là quá nhiều bài viết, sách vở, sáng tác...loại nhiều lời, ít ý; quá nhiều những lối viết khoa trương, rỗng tuếch; quá nhiều ngòi bút "chuyên dùng loạn đao, chửi bới lung tung, đập phá lung tung, ca ngợi lung tung, tâng bốc lung tung...như

một cách tiến thân" trên đường văn chương". Lý do nào văn chương loại này vẫn tiếp tục tồn tại? Cớ gì người cầm bút vẫn theo đuổi một cách viết nghèo nàn như thế? Những người làm báo viết văn "đao to búa lớn", những nhà văn viết những câu văn dài lê thê, lết thết, rườm rà, đi vòng tròn, loanh quanh, lẩn quẩn,...là đối tượng của Schopenhauer.

Đúng, chính Schopenhauer là người lên án những lối viết khoa trương rỗng tuếch. Chính ông là người chỉ trích nặng nề những kẻ dùng đao to búa lớn. Ông cũng lột mặt nạ một cách tàn nhẫn những kẻ bịp bợm chuyên dùng kiếm khí giả. Ông cho rằng những người cầm bút này thay vì diễn tả điều mình muốn nói, thì lại che giấu điều đó đi, bởi vì họ biết rằng những điều mà họ muốn nói đó quá tầm thường, không hấp dẫn nổi ai. Cho nên họ phải nói những điều tầm thường ấy bằng một thứ ngôn ngữ "kỳ dị khủng khiếp" hi vọng che giấu được sự nghèo nàn của tư tưởng họ. Schopenhauer cũng không tha thứ những ngòi bút "chuyên dùng loạn đao, chửi bới lung tung, tăng bốc lung tung ...như một cách để tiến thân."

Schopenhauer cho rằng bút pháp là diện mạo của tâm hồn và bảo đảm hơn cả nét mặt. Bút pháp là dấu chỉ của tính tình.

Theo ông, bắt chước bút pháp của người khác chẳng khác nào đeo mặt nạ, không những nó chả làm cho mặt mũi mình đẹp đẽ gì hơn mà nó còn tạo ra sự kinh tởm gớm ghiếc. Thà là một khuôn mặt xấu xí còn hơn là một khuôn mặt mang mặt nạ.

Ông cho rằng tất cả những ngòi bút tầm thường đều cố gắng che đậy bút pháp tự nhiên của mình, bởi vì trong thâm tâm họ biết rằng họ không thể viết đúng như họ nghĩ. Họ cố gắng làm cho độc giả tin rằng tư tưởng của họ còn đi xa hơn thế rất nhiều. Họ nói bằng những câu dài lê thê lết thết, quanh co ngoắt nghéo, thiếu tự nhiên. Họ đặt ra những chữ mới và viết những câu văn rườm rà đi vòng quanh, lẩn quẩn trong một hình thức trá hình, giả dối.

Vẫn theo lời Schopenhauer, không có gì dễ bằng viết để cho không ai hiểu gì cả. Và ngược lại, cũng không có gì khó bằng viết để diễn tả những điều sâu xa bằng một ngòi bút đơn giản, để ai cũng có thể hiểu được.

Không gì khiến cho một nhà văn sơ hở hơn là khi ông ta cố gắng trưng bày một cách lộ liễu thứ trí thức mà ông ta không có. Bởi vì bao giờ cũng vậy, nếu một người làm bộ **có** bất cứ điều gì thì y như rằng hắn ta khiếm **khuyết** điều đó.

Schopenhauer nói đây là lý do tại sao chúng ta ca ngợi một nhà văn khi nói rằng ông ta **ngây thơ**. Bảo rằng ông ta ngây thơ, bởi vì ông ta không cần trốn tránh việc tự biểu lộ con người chân thật của mình. Trong khi một ngòi bút **thiếu tự nhiên** bao giờ cũng bị người đọc loại bỏ, thì một

nhà văn **ngây thơ** đồng nghĩa với **quyến rũ.**

Trên thực tế bất cứ một nhà văn lớn nào cũng đều cố gắng trình bày tư tưởng của mình một cách gọn gàng và minh bạch.

Sự đơn giản bao giờ cũng được coi như là dấu hiệu của sự thật. Nó còn là dấu hiệu của tài năng. Bởi vì bút pháp không là cái gì hết ngoài cái bóng của tư tưởng. Và một bút pháp tối tăm hay tồi tệ có nghĩa là một đầu óc trì độn hay rối loạn. Và vẫn theo Schopenhauer qui luật thứ nhất cho một bút pháp hay đó là tác giả **có điều gì để nói.**

Ông vẫn thường nhắc đi nhắc lại rằng nhiều nhà văn muốn tỏ ra có điều gì để nói, nhưng thực ra họ chẳng có gì để nói cả. Lối viết lách kiểu này đẻ ra thứ văn chương chải chuốt và mơ hồ, đẻ ra lối diễn tả lê thê và bừa bãi, đẻ ra lối văn phí phạm vô ích, tuôn ra "một trận lụt lội" đầy những tĩnh từ. Nó cũng đẻ ra sự dối trá che đậy sự nghèo nàn ý tưởng dưới hình thức một bài viết lết thết không bao giờ dứt.

2.

Một nhà văn thực sự là người có điều gì muốn nói, để nói và diễn tả điều đó một cách đơn giản nhất, thẳng thắn nhất. Ông ta hiểu rõ ý nghĩa những chữ mà ông sử dụng.

Một tác phẩm tẻ ngắt khi tác giả của nó không có ý tưởng nào minh bạch để truyền đạt. Tuy nhiên cần phải lưu ý điều này: sự buồn tẻ chỉ có tính cách tương đối.

Thật vậy, một độc giả có thể nói "tác phẩm này tẻ ngắt" bởi vì ông ta không thấy thích thú vấn đề được đề cập trong tác phẩm đó. Điều này có nghĩa là tri thức người đọc ấy bị giới hạn. Do đó, một kiệt tác có thể tẻ ngắt một cách chủ quan cho một cá nhân này hay một cá nhân khác, và ngược lại, một tác phẩm tệ nhất cũng có thể lôi cuốn một cách chủ quan một cá nhân nọ hay một cá nhân kia.

Nếu một người có thể suy nghĩ về bất cứ điều gì thì bao giờ hắn cũng có thể diễn tả nó bằng những từ ngữ trong sáng, dễ hiểu và khúc triết. Những ngòi bút nào tạo ra những câu văn khó hiểu, tối tăm, rắc rối và mơ hồ, chắc chắn họ không hiểu rõ điều họ muốn nói là điều gì. Họ muốn tỏ ra hiểu biết điều mà họ không biết, tỏ ra có suy nghĩ điều mà họ không suy nghĩ.

3.

Vì sự phóng đại thường tạo ra hiệu quả trái ngược với điều mà người ta nhắm tới, cho nên một chữ thừa luôn luôn làm hỏng mục tiêu của người viết. Đó là điều Voltaire muốn nói khi ông phát biểu rằng: **Tĩnh từ là kẻ**

tử thù của danh từ.

Thế nhưng, như chúng ta vẫn thường thấy, đa số người viết cố gắng che đậy sự nghèo nàn của ý tưởng dưới những câu văn dài lê thê, tràng giang đại hải. Schopenhauer nhắc người viết cần ghi nhớ: **Điều gì vô nghĩa, điều đó không đáng đọc.**

Một nhà văn phải biết tiết kiệm thì giờ, lòng kiên nhẫn, và sự chú ý của người đọc. Lược bỏ một vài điểm hay ho nào đó bao giờ cũng tốt hơn là thêm thắt điều không đáng nói. Bởi vì bí quyết để làm cho những bài viết trở nên tẻ ngắt là nói tất cả. Do đó, nếu có thể, chỉ nên nói cái cốt yếu thôi.

Dùng nhiều lời để truyền đạt ít ý là dấu hiệu của một ngòi bút tầm thường. Thâu tóm nhiều ý trong ít lời là dấu hiệu của một tài năng.

Tất cả những chữ, những câu có thể bớt đi thì nên bớt đi, bởi vì nếu giữ lại, thì chính những chữ, những câu đó sẽ gây tổn hại cho tác phẩm.

Kẻ nào viết cẩu thả, kẻ đó đã vô tình thú nhận ngay từ đầu rằng hắn chẳng chú trọng bao nhiêu tới chính tư tưởng của hắn. Cũng như sự ăn mặc cẩu thả tố cáo sự khiếm nhã đối với người bạn ta gặp, một bút pháp khinh suất cho thấy một thái độ thiếu tôn trọng người đọc.

4.

Theo Schopenhauer người viết văn phải tuân theo qui luật là trong một lúc, một người chỉ có thể suy nghĩ sáng suốt về một điều mà thôi. Do đó, người ta không nên mong đợi ông ta suy nghĩ về hai điều hoặc nhiều điều trong cùng một lúc. Về điểm này, Schopenhauer thú nhận rằng đồng bào ông, người Đức, mắc phải nhiều nhất. Ông viết:" Đức ngữ thích hợp với lối viết này, nhưng không thể biện minh cho nó." Và theo ông, không có văn xuôi nào dễ đọc hơn hoặc thú vị hơn Pháp văn. Vì như một quy luật, Pháp văn thoát khỏi lỗi lầm trên. Người Pháp hết sức bó kết ý tưởng của họ lại với nhau, theo một trật tự hợp luận lý và tự nhiên nhất, đặt chúng trước mắt độc giả thuận tiện cho sự xét đoán, khiến cho mỗi một ý tưởng có thể nhận được sự chú ý không phân hoá.

Người Đức, ngược lại, đan bện chúng lại với nhau trong câu văn, mà hắn vặn vẹo và bắt tréo, bắt tréo và vặn vẹo nữa. Bởi hắn muốn nói mươi mười ý tưởng thay vì tuần tự từng ý tưởng này kế tiếp ý tưởng kia.

Tiếng Việt chúng ta có cơ may gần với tiếng Pháp và xa hơn tiếng Đức. Sự giản dị và trong sáng trong tiếng Việt chúng ta thừa sức để cho những người cầm bút có trong tay thứ dụng cụ chữ nghĩa đa dụng đa năng này.

Chúng ta đã có Truyện Kiều của Nguyễn Du, đã có thơ Cao Bá Quát,

đã có Đi Chùa Hương của Nguyễn Nhược Pháp, Ông Đồ của Vũ Đình Liên... Chúng ta cũng đã có thơ Xuân Diệu, Huy Cận tiền chiến, thơ Nguyên Sa hiện đại, truyện Thạch Lam, Khái Hưng, truyện Võ Phiến, Nguyễn Đình Toàn, đã có nhiều cây bút tránh khỏi được lối chỉ trích tàn nhẫn không thương xót của Schopenhauer. Nhưng chúng ta cũng biết rằng trong chúng ta không thiếu những người cầm bút kiểu "ít ý, nhiều lời", kiểu lấy lối vòng quanh lẩn thẩn che giấu sự nghèo nàn của ý tưởng,...Đọc lại những gì Schopenhauer viết sau hơn một trăm năm, người ta vẫn nhận ra được giá trị của những suy nghĩ của ông. Bao lâu còn có những ngòi bút "lấy chửi bới lung tung, ca ngợi lung tung" làm con đường tiến thân trong văn chương, những suy nghĩ của Schopenhauer vẫn còn nguyên vẹn giá trị của nó.

*Bài này sử dụng tài liệu từ bản dịch của Nguyễn Hữu Hiệu trong Con Đường Sáng Tạo, nhà xuất bản H.T. Kelton/548 Bryan Sunnyvale, CA 94086/Không ghi năm xuất bản.

báo cũ

Trên mười một năm hiện diện trên diễn đàn văn chương hải ngoại, Văn Học đã trở thành một tài liệu quí giá để tìm hiểu tâm tình của tập thể người Việt sống lưu vong ở nước ngoài. Vì thế càng ngày càng có nhiều bạn đọc hoặc các thư viện, viện nghiên cứu viết thư về Tòa soạn tìm mua những số báo cũ để có Văn Học Toàn Bộ.
Văn Học xin trả lời chung những lá thư đó như sau:
Hiện Tòa soạn Văn Học còn lưu trữ những số báo cũ sau đây:
* **Giá 3 Mỹ kim**: Các số Văn Học Nghệ Thuật 6 và 7.
Các số Văn Học: 15, 19, 20, 27, 29, 31, 32, 33, 38, 39, 42, 44, 53, 54, 59, 60.
* **Giá 3.50 Mỹ kim**: các số Văn Học 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70 & 71, 72 & 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80 & 81, 82, 83. 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107.
* **Giá 4 Mỹ kim**: Các số Văn Học 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117 & 118, 119, 120, 121, 122,123
Tòa soạn sẽ chịu bưu phí gửi báo theo hạng bookrate và surface.

Đời ta cũng rất tầm thường

LÂM CHƯƠNG

Ta ở nhà thuê. Nghèo. Thất nghiệp
ít bạn bè lui tới làm thân
lấy trà rượu một mình khuây khỏa
dù không vui cũng tiếng cười khan.

Ta ốm yếu thường hay bệnh vặt
mưa nắng nhiều sổ mũi ho hen
trời trở gió đau xương thấp khớp
sức trói gà nên ngại bon chen.

Đêm ngủ muộn. Nhà un khói thuốc
mắt nhập nhoè chữ nghĩa. Đèn soi
bài thơ viết nửa chừng, cạn ý
vợ buồng trong ngái ngủ. Khuya rồi.

Mai thức dậy thấy mình vẫn thế
vẫn rong rêu râu tóc bờm xờm
thân cũ quá dường như đóng bụi
trong cái vòng lẩn quẩn áo cơm.

Ta biết ta bất tài vô tướng
lại chây lười, quen thói rong chơi
tri thiên mệnh đâu cần năm chục
thuở đầu xanh ta đã biết rồi.

Cũng có lúc buồn tình ngẫm nghĩ
muốn vô chùa cạo trọc, đi tu
nhưng còn tiếc cái mùi tục lụy
dứt không đành nên khó làm sư.

Người xưa lánh đời lên núi ẩn
ta lánh đời chẳng biết đi đâu
thôi, đóng cửa ngồi nhà uống rượu
túy ngọa trên giường...quắt cần câu.

Chẳng lý chuyện yêu đời hay chán
sống tàng tàng nhưng cứ sống chơi
có kẻ chê rằng vô tích sự
lời thị phi ta bỏ ngoài tai.

Người quân tử ăn chẳng cầu no
ta phàm phu quen thói hàm hồ
lấy dĩ thực vi tiên *làm trọng*
và giữ lòng thanh thản nhàn cư.

Ai chí lớn bao đồng thiên hạ
ta trí cùn lo việc tu thân
không làm thiện cũng không làm ác
chỉ làm người đi đứng hai chân.

Bùi Vĩnh Phúc
Sự Nghiêm túc Cần thiết cho Văn chương

Quỳnh Giao

Sau khi phác thảo ra bài nói chuyện nhân buổi ra mắt tác phẩm của Bùi Vĩnh Phúc, tôi đã ngẫm nghĩ lại từ đầu và đặt một cái tựa cho phần góp ý của mình, là sự Nghiêm túc của Bùi Vĩnh Phúc. Lý do không vì chữ đó nó... vần với tên tác giả, mà vì nghiêm túc là cái nét và cái nết mà ta cùng thấy ở tác giả.

Có một nhà văn nào đó, chắc là thuộc trường phái mà người Mỹ gọi là "da mỏng" tức là rất dễ ngứa ngáy nổi mề đay khi văn mình được đem ra bình luận, đã chua ngoa phát biểu rằng nếu không cầm bút sáng tác được, thì ta đi làm phê bình văn học.

Suy từ điều này, mình cảm thấy hơi... hãi, vì đi từ câu nói nặng nề trên, chẳng lẽ mình phải kết luận là "nếu ta không sáng tác mà cũng chẳng phê bình được, thì đành đi làm việc... phê bình một nhà phê bình". An toàn nhất là đi phê bình một nhà phê bình đứng đắn và nghiêm túc. Thực ra, tôi cũng không dám phê bình, mà chỉ có vài cảm nghĩ chân thành về Bùi Vĩnh Phúc và tác phẩm đồ sộ của anh do nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành.

Tôi xin nói trước về cái thú và cái phép đọc sách của Bùi Vĩnh Phúc. Trong xã hội chúng ta đang sống, hình như ta ít đọc hơn xưa, dù là so với ngày xưa chúng ta có quá nhiều sách ở tầm tay, kể cả -và nhất là- sách ngoại quốc. Có lẽ chỉ vì ngoài sách báo, cuộc sống ở bên ngoài mở ra nhiều chân trời thường ngoạn khác, cho nên ta xem và nghe nhiều hơn, ta đi cũng nhiều hơn, và có khi... nói cũng nhiều hơn. Nhưng đọc thì hình như ít hơn xưa, hoặc ít hơn là xem và nghe. Trong xã hội đó, người như Bùi Vĩnh Phúc là người hiếm có vì anh đọc rất nhiều. Và may mắn cho chúng ta, chẳng những anh thích đọc, mà còn nghiêm túc nhớ rất nhiều sau khi đọc. Nhờ vậy mình biết thêm về những điều được viết mà mình

chưa đọc. Trong sự xô bồ chung của cuộc sống, đây là một điều đáng trân quý.

Điểm tiếp theo là cách Bùi Vĩnh Phúc dẫn dụ chúng ta vào tác phẩm anh ưa thích. Nhờ đọc nhiều, Bùi Vĩnh Phúc biết nhiều lối dẫn ta vào một tác phẩm hay một tác giả, một con người. Những ai nôn nóng muốn biết ngay Bùi Vĩnh Phúc nghĩ gì và viết thế nào về một tác phẩm thì có thể sốt ruột khi thấy anh quanh co qua nhiều ngõ ngách của nhiều tác giả khác nhau, trước khi chỉ cho ta thấy cái tinh túy của tác phẩm hay phong cách của một tác giả mà anh muốn phê bình. Thí dụ như muốn gặp Hoàng Khởi Phong trong *Ngày N+*, người đọc sẽ mất hai trang tìm hiểu về thể hồi ký, theo cái nhìn của Bùi Vĩnh Phúc, rồi phải liên tưởng tới Pasternak, Remarque hay Anne Frank mới thấy hết phong cách nửa lãng mạn nửa võ biền của Hoàng Khởi Phong. Hoặc muốn thấy Bùi Vĩnh Phúc cảm thơ Tô Thùy Yên ra sao, độc giả phải có vài ý niệm nào đó về thời gian của Salvador Dali, Giorgio de Chiroco hay của René Magritte, là những nghệ sĩ mà có thể là mình chưa có hân hạnh biết tới.

Văn học nghệ thuật, theo thiển ý, không phải là một món ăn liền, dù là khi ta ở trên đất Mỹ. Một buổi tối nhàn hạ, ta hãy tự chiều lòng mà dành cho mình một vài tiếng đọc sách, và không thiên kiến không nóng ruột, hãy nhẩn nha theo Bùi Vĩnh Phúc trong cách thưởng ngoạn một tác phẩm. Anh thường có phép lung khởi của một nhà nho khi chậm rãi pha trà trong từng động tác nhỏ, để lân la mào đầu vào chuyện. Anh dẫn ta theo lối vườn quanh co trước khi mở ra những khám phá ở một góc thật bất ngờ. Hãy đi tới cuối câu chuyện đi, ta sẽ tìm ra nhiều điều mình chưa từng thấy ở một tác phẩm hay tác giả mà mình tưởng như đã quen thuộc. Điều đó dẫn người viết tới việc phân tích mối liên hệ giữa tác giả và độc giả.

Là một người trong thành phần nghệ sĩ có niềm hạnh phúc trình bày một tác phẩm nghệ thuật của một nghệ sĩ khác, tức là trình bày một ca khúc, tôi nhớ tới lời phát biểu của một nhạc sĩ đã không còn với chúng ta, là Vũ Thành. Ông cho rằng người trình bày ca khúc phải nắm được ý tác giả và không những phải hát cho đúng nhạc đúng lời, mà còn phải diễn tả được cảm xúc của người sáng tác, chứ không phải cái tài hoa "hát hỏng" của mình. Tôi thú thật là đã nghĩ tới quan điểm của Vũ Thành khi đọc Bùi Vĩnh Phúc. Anh không hẳn là người diễn tả và trình bày, nhưng khi anh công phu tìm hiểu mọi kích thước của tác phẩm và những cảm xúc của tác giả để giúp chúng ta thưởng thức tác phẩm văn chương trọn vẹn hơn, anh đã làm một việc của một nhạc sĩ soạn hoà âm cho một ca khúc của một nhạc sĩ khác, một việc thật đẹp và thật cần thiết cho nghệ thuật.

Qua những chuẩn bị đó của Bùi Vĩnh Phúc, bản thân tôi rất tâm đắc

với anh khi cùng anh gặp lại Phạm Duy, Tô Thùy Yên, Mai Thảo hay Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác. Tâm đắc ở những cảm nhận quảng bác của anh về một Phạm Duy thi sĩ trong âm nhạc, một Tô Thùy Yên trí tuệ u hiển, một Mai Thảo với dấu ấn "Sáng Tạo" và càng chói lọi trong thơ, một Nguyễn Xuân Hoàng bóng bẩy văn chương trong nỗi hoài niệm khôn nguôi, hay một Nguyễn Mộng Giác tỏa sáng tình lân ái và lòng tha thiết với văn chương như một quê hương thứ hai. Tâm sự mà Bùi Vĩnh Phúc trải trên giấy làm mình càng yêu thích các tác giả trên. Người viết cũng tìm bắt được sự sâu sắc ẩn kín trong văn Vũ Quỳnh Hương, nét dịu dàng trong sáng của Bùi Bích Hà hay chân thật và thông minh của Phan Thị Trọng Tuyến....

Vẫn biết rằng đồng ý hay không là ở người đọc, nhưng, nếu có người chỉ cho ta những tinh hoa ẩn hiện bên dưới mặt chữ, thì sự cảm nhận của mình càng thêm tế vi, sắc bén. Theo thiển ý, đó là điều cần thiết cho cả người sáng tác lẫn người thưởng ngoạn. Nhất là khi chính Bùi Vĩnh Phúc, trong niềm hoan lạc của người vừa đọc vừa bình văn, đã có những lúc không cầm được sự hứng khởi, mà lại hát theo lời thơ hoặc đắm đuối trút vào tác phẩm những cảm xúc dạt dào của chính mình. Cũng trong sự say mê đó, Bùi Vĩnh Phúc đã có lúc thẳng thắn góp ý với tác giả và nêu ra những khuyết điểm trong tác phẩm. Thật ra, đa số các tác giả và Bùi Vĩnh Phúc đều ở trong vòng bằng hữu và có sự tương kính, nhưng không có lời phê bình chân thực thì những ngợi khen cũng mất một phần giá trị của chúng. Sự công bằng và mực thước của anh một vun xới cần thiết cho ngôi vườn văn nghệ của chúng ta.

Một đặc điểm khác, và có lẽ khác với lối nhìn của một Nguyễn Hưng Quốc, cũng là một cây bút phê bình cứng cỏi mà tôi rất yêu thích, là hành trang rất Tây phương của Bùi Vĩnh Phúc trong cách thẩm định tác phẩm. Nói theo một chữ rất bạo, nhưng vẫn thường được dùng, đó là anh đã "làm mới văn chương" trong mỗi lần đọc. Anh mở ra nhiều kích thước khác lạ, với những dẫn giải, những lý giải và cả những đào xới về những hàm nghĩa trong câu văn, lời thơ. Phần lớn hệ thống đối chiếu của anh là từ văn học nghệ thuật Tây phương, nên những phát giác của anh có thể là mới lạ với chính cả người viết. Trong địa hạt sáng tác, việc soi lại tác phẩm của ta dưới lăng kính Tây phương cũng là điều hữu ích, vì mình có thể thấy rằng nhiều điều mới thực ra đã được thấy ở một chốn khác, dưới một góc độ khác.

Điều đó không có nghĩa là anh quay lưng về Đông phương và cả cổ thi Trung Hoa lẫn nhiều ngôn từ Hán Việt. Anh còn giúp cho người đọc dễ bắt được những tín hiệu và chiều sâu của tác phẩm qua việc hệ thống

hóa một số quy ước về thẩm định và thưởng ngoạn có khi nằm ngoài dự tính của người sáng tác. Xuyên qua tác phẩm của anh, một trong những điều bất ngờ mà tôi đang cảm được, dù còn mơ hồ, là anh đóng góp cho ngôn ngữ Việt Nam khá nhiều chữ mới, kể cả khi anh chưa chuyển dịch được cho thoát và hồn nhiên dẫn độc giả cùng tìm kiếm với anh như trong một đối thoại.

Chúng ta sẽ yêu quý tập *Lý luận và Phê bình* của Bùi Vĩnh Phúc vì nó đánh dấu một cách trang trọng hai mươi năm văn học của người Việt mình ở nước ngoài. Nhưng chúng ta sẽ còn yêu quý tác phẩm hơn nữa, mỗi khi đọc lại, ở công phu tìm ra các dấu mốc và ngôn ngữ giúp mình diễn đạt tinh tế hơn những cảm xúc và tư duy trong một giai đoạn tràn đầy triển vọng của văn chương Việt Nam. Dấu hiệu của triển vọng đó, theo người viết bài, là sự kiện chúng ta thấy gò bó và thiếu thốn trong ngôn ngữ diễn tả và phong cách sáng tác. Chỉ khi nào thấy tù túng ngột ngạt thì ta mới có nỗ lực khai phá tìm kiếm. Trong sự tìm kiếm đó, Bùi Vĩnh Phúc là một người dẫn đường đáng yêu và đáng tin cậy với kiến thức sâu rộng và trái tim nồng nàn tha thiết anh dành cho bằng hữu và văn chương.

Quỳnh Giao
Tháng Năm 1996
Trong buổi ra mắt tác phẩm của Bùi Vĩnh Phúc tại quận Cam, CA

Đọc và cổ động tạp chí Văn Học

Xin bạn đọc yểm trợ tạp chí Văn Học bằng cách:

- Ghi danh mua báo dài hạn (phiếu mua báo ở trang cuối)
- Mua báo năm tặng cho các bạn thân yêu văn chương
- Giới thiệu tạp chí Văn Học với thân nhân, bạn bè.
- Đóng góp bài vở, ý kiến để nội dung tạp chí càng ngày càng phong phú và trang nhã hơn

Riêng bạn đọc đã là độc giả dài hạn, xin tái hạn mua báo kịp thời để bộ sưu tập Văn Học được đầy đủ. Trên nhãn gửi báo ngoài phong bì, hàng số đầu tiên sau tên độc giả là thời hạn hết hạn báo. Ví dụ: **12/1/96** có nghĩa là phiếu mua báo của quí vị sẽ hết hạn vào **ngày 1 tháng 12 năm 1996.**

Ghi Chép

Nguyễn Huy Thạch

●Carlos Fuentes đạo văn?

Trong *Văn Học* số tháng Bảy, 1996, ở mục Ghi Chép, chúng tôi đã tường thuật vụ thi sĩ Anh Stephen Spender kiện nhà văn Mỹ David Leavitt tội ăn cắp ý và ăn cắp toàn bộ chi tiết trong tự truyện *World Within World*.

Stephen Spender là một thi sĩ nổi danh người Anh, 84 tuổi, còn David Leavitt, 32 tuổi, nhà văn Mỹ.

Giờ đây một vụ tương tự thứ hai diễn ra trong một chiều hướng ngược lại: một tác giả vô danh tố cáo nhà văn nổi tiếng người Mexico đã đạo văn của anh ta.

Victor Manuel Celorio là nhà văn người Mexico mà khát vọng sáng tác không đủ để giúp anh thành công. Tập truyện ngắn *The Obsidian Mirror* của anh xuất bản năm 1984 bán rất chậm. *The Blue Unicorn*, cuốn tiểu thuyết ra đời hai năm sau đó, cũng chẳng thoát khỏi số phận của cuốn trước. Năm 1989, Celorio xuất bản ấn bản đặc biệt của cuốn sách trên nhưng chỉ in 200 cuốn dành cho gia đình và bạn bè. Năm 1994, cuốn sách được in lại 1,000 bản. Dù sao cũng vẫn là một con số quá khiêm tốn.

The Blue Unicorn là chuyện tình giữa một nhà văn người Mexico và một phụ nữ Mỹ - được dùng như một ẩn dụ cho mối quan hệ tan vỡ giữa Mexico và Mỹ. Kỳ lạ thay đây cũng là chủ đề của *"Diana"* tiểu thuyết mới nhất của nhà văn Mexico lừng danh thế giới, Carlos Fuentes, 66 tuổi.

Sau khi đọc *"Diana"*, xuất bản ở Tây Ban Nha năm 1994, Celorio lên tiếng tố cáo Fuentes đã đạo văn của anh ta. "Đây không phải là sự trùng hợp vì tôi tìm thấy 110 chi tiết trong cuốn Diana rất giống với các sự kiện và lối dẫn truyện trong *"The Blue Unicorn"*." Ví dụ, ở cả hai quyển sách, quan hệ giữa đôi nhân tình trên bắt đầu ở Việt Nam lúc đang còn chiến tranh chống Mỹ. Chiến tranh Việt Nam là một trong những bối cảnh của sự hội ngộ giữa hai người.

Celorio, 38 tuổi, đã đệ đơn kiện Fuentes, tác giả của *"The Death of Artemio Cruz"* và *"The*

Old Gringo". Từ tháng 10-1994, anh đã nêu vấn đề đạo văn với cơ quan bảo vệ tác quyền, nhưng không ai giải quyết. "Họ chẳng tin tôi mà còn kết án tôi là kẻ dối trá", Celorio nói.

Trong vụ kiện tụng này, Celorio vừa buộc Fuentes phải thú nhận tội đạo văn, vừa đòi được chia tiền nhuận bút và các khoản huê hồng khác. Năm tới, tòa án sẽ đưa ra phán quyết về vấn đề tế nhị này. Nhưng ít ai tin là Celorio sẽ chiến thắng được cây cổ thụ văn chương Fuentes, dù ở một chừng mực nào đó, anh ta đã giáng cho nhà văn một cú để đời.

Trong khi những người ủng hộ Fuentes một mực cho rằng thần tượng của họ chỉ là nạn nhân của một kẻ vu khống trắng trợn thì những người chống đối ông lại xem vụ kiện là bằng chứng mới nhất cho thấy văn hào Mexico vay mượn thoải mái các ý tưởng của người khác.

Sealtiel Alatriste, giám đốc Alfaguara, nhà xuất bản của Fuentes ở Mexico, thì cho rằng cả Fuentes lẫn nhà xuất bản đều không biết Celorio là ai trước khi xảy ra vụ kiện tụng.

Carlos Fuentes đang ở Luân Đôn và chưa đưa ra lời bình luận nào nhưng vợ ông cho biết ông xem lời cáo buộc của Celorio là không có cơ sở và không quan tâm đến "câu chuyện đần độn" đó. Bạn bè của nhà văn Fuentes cũng tìm cách biện hộ cho ông. Nhà văn Mexico, Fernando Benitez, xác nhận "Diana" được xây dựng trên những kinh nghiệm của Fuentes.

"Tôi là người chứng kiến chuyện tình của Carlos và tôi có thể nêu tên các nhân chứng khác" - Benitez viết trong lá thư ngỏ gởi cho tờ La Jornada. Còn nhà văn Mexico, Carlos Monsivais, thì khẳng định "Carlos Fuentes không có khả năng và thời gian để đạo văn. Lời cáo buộc chỉ làm trò cười cho thiên hạ."

Trên thực tế, việc đạo văn rất khó xác minh nhưng trước đây Fuentes đã gặp các lời phàn nàn tương tự từ một số nhà văn khác. Tiểu thuyết gia sinh ở Cuba, Guillermo Cabrera Infante, nói: "Tôi không ngạc nhiên trước xì căng đan này vì đây không phải là xì căng đan duy nhất."

Theo Cabrera thì Fuentes đã xây dựng cuốn tiểu thuyết *"Birthday"* (Ngày sinh nhật) dựa vào một kịch bản phim của ông. Nhà phê bình văn học Sergio Gonzales Rodriguez viết trong tờ nhật báo Reforma ở Mexico City: "Từ những năm 1950, người ta đã đặt câu hỏi về sự giống nhau giữa nội dung các tác phẩm của Fuentes và chủ đề cũng như cách dẫn truyện, trong tác phẩm của những nhà văn khác."

Elena Garro, nhà văn và vợ cũ của Octavio Paz, nhà văn đoạt giải Nobel, thì nhẹ nhàng hơn: "Tôi

không nghĩ là Fuentes đánh cắp hoàn toàn ý tưởng của người khác mà chỉ thể hiện lại những ý tưởng đó một cách... thiếu suy nghĩ!"

Các lời cáo buộc trước đây đều bị Fuentes phản bác. Ông đặt câu hỏi: "Làm gì có một quyển sách mồ côi trên đời này. Nó phải là hậu duệ của các quyển sách khác." Fuentes nói đúng nhưng người ta vẫn có quyền tự hỏi tại sao hai nhà văn một già một trẻ lại cùng lấy chủ đề một nhà văn Mexico yêu say đắm một cô gái Mỹ, và cùng cho nhân vật này ấp ủ dự định viết về mối tình giữa nhà chinh phục Tây Ban Nha, Hernan Cortes, và cô gái da đỏ bản xứ, Malinche!

● Gabriel Garcia Marquez và tác phẩm mới

Nhà văn Colombia Gabriel Garcia Marquez, giải Nobel 1982, vừa cho xuất bản tác phẩm tiểu thuyết phóng sự mới nhất của ông "News of One Kidnapping" (Tin Tức Về Một Vụ Bắt Cóc). Sách dày 700 trang và phát hành cùng lúc tại 15 nước ở Châu Mỹ và Châu Âu.

Mặc dù là một tiểu thuyết phóng sự, Gabriel G. Marquez khẳng định "News of One Kidnapping" vẫn nằm trong dòng văn học "hiện thực huyền ảo" quen thuộc của ông.

Để viết tác phẩm này, Marquez cho biết, ông đã phải mất 3 năm thu thập tài liệu thực hiện 100 cuộc phỏng vấn, nghe và phân tích 120 cuộn băng cassettes về các vụ bắt cóc nhà báo, đọc hàng nghìn bản tin và phóng sự trên báo.

Đây là câu chuyện kể về chín nhà báo Colombia bị bắt cóc hồi năm 1990. Hồi ấy trùm ma túy Colombia Pablo Escobar bị nhà cầm quyền săn đuổi và bị buộc phải ra đầu thú. Y liền bắt cóc chín nhà báo lớn của Colombia, trong đó có chủ bút của tờ El Tiempo! Escobar ra điều kiện là nếu y đầu hàng thì chính phủ Colombia không được dẫn độ y qua Mỹ và phải bảo đảm cho vợ con y sẽ được vào sống trong nhà tù với y một cách đàng hoàng.

Chính phủ Colombia đồng ý tất cả điều kiện của Escobar, và y trả tự do cho chín nhà báo. Tuy nhiên không may là trong trận giao tranh cuối cùng khi cảnh sát tiến vào bắt Escobar, một nhà báo đã bị thiệt mạng.

Marquez đã kể lại từng ngày trong khoảng thời gian chín nhà báo bị Escobar bắt cóc. Ông nói: Tôi viết lại chuyện năm ấy. Tương tự cuộc sống từng ngày của các con tin, nỗi khổ tâm của gia đình họ và mọi người. Cũng nhìn các tác phẩm trước đây, tôi viết lại những điều thật khó tin nhưng lại có thật."

Hiện nay Gabriel Garcia Marquez sống ở Mexico City - ông rời Colombia từ năm 1981 - cùng với vợ là bà Mercedes. Bà là người

quản lý tài chánh, cùng in ấn và xuất bản tác phẩm của ông.

Mỗi ngày ông dậy từ lúc 5 giờ sáng, đọc sách suốt 3 tiếng đồng hồ. Sau khi ăn sáng, ông viết cho đến 2 hoặc 3 giờ chiều. Sau đó là giờ gặp gỡ bạn bè hỏi ý kiến bạn về những gì ông vừa viết.

Điều đặc biệt là ông không viết thư cho bất cứ ai. Bởi vì, Marquez cho biết, mới đây, một người bạn cũ của ông đã công bố những lá thư mà Marquez đã viết cho ông ta trước đây, khiến ông bị rắc rối vì nội dung riêng tư của các bức thư ấy.

Vì vậy, sau khi in xong một tác phẩm, ông hủy bỏ tất cả bản thảo. Ông sợ về sau chính những bản thảo này sẽ gây phiền hà cho thân nhân ông khi ông qua đời.

●Joe Klein thú nhận là tác giả *Primary Colors*

Mùa bầu cử năm 1996 sôi nổi, không phải do những tranh đua sít sao giữa ứng cử viên của hai đảng Dân Chủ và Cộng Hoà, mà do một cuốn sách gây ra. Đó là cuốn *Primary Colors* do nhà Random House xuất bản vào đầu năm nay, là một sản phẩm của *óc tưởng tượng*, của tác giả *Vô Danh*. Cuốn sách thuật chuyện một cách khá châm chọc một vị thống đốc người miền Nam nước Mỹ nhiều tham vọng vận động tranh cử tổng thống với sự trợ giúp đắc lực của một người vợ luật sư mang nhiều tham vọng. Nhân vật trong cuốn *Primary Colors* mang nhiều dáng dấp của những con người bằng xương bằng thịt ngoài đời. Người ta có thể kể tên thật ngoài đời cho những nhân vật trong truyện, cho nên khi cuốn sách xuất bản, không ai chấp nhận giấu tên thật của tác giả bằng hai chữ *vô danh*.

Mọi rắc rối đều bắt đầu từ đó. Nhiều người đổ xô đi tìm cho ra tác giả thật của cuốn sách bằng nhiều phương tiện khác nhau, kể cả việc sử dụng siêu lộ thông tin Internet. Thế nhưng việc truy tầm vẫn dậm chân tại chỗ, mặc dù có nhiều người đã có thể xác định được tác giả của cuốn sách này là ai. Trong một buổi phỏng vấn trong chương trình Evenings News của CBS cách đây vài tháng, tác giả của cuốn sách đã chối không nhận mình là tác giả mặc dù một giáo sư văn chương đã dùng máy điện toán để truy ra chính ông ta là tác giả.

Cuốn sách mang tác giả vô danh này đã trở thành cuốn sách bán chạy nhất trong suốt nhiều tháng với số bán hơn một triệu cuốn, thu về cho tác giả hơn 6 triệu Mỹ kim tiền bản quyền và một số lợi nhuận kếch sù cho nhà xuất bản. Tiền vào đầy túi, nhưng tác giả có lẽ cũng đã cảm thấy không yên tâm xài tiền khi không thể giải thích số tiền này ở đâu ra chăng, nên hôm 17 tháng 7 vừa qua, Joe Klein, nhà

bình bút chính trị của tạp chí Newsweek và là bình luận gia của hệ thống truyền hình CBS quyết định vén màn bí mật. Nhưng thật ra, việc công bố tên tuổi tác giả lại do nhà xuất bản Random House quyết định, sau khi nhật báo Washington Post tìm ra một bản thảo trên đó có chữ viết tay, và so sánh tự dạng để xác định tác giả.

Trong buổi họp báo ở Manhattan, Joe Klein lúc thú nhận mình là tác giả, giải thích lý do giấu tên của mình như sau: "Có những lúc tôi cần phải nói dối để bảo vệ nguồn tin, và tôi liệt cuốn sách vào loại đó." Thế nhưng câu chuyện không kết thúc giản dị. Người ta đặt nhiều vấn đề với Jeo Klein, trong đó quan trọng nhất là vấn đề "đạo đức nghề nghiệp" vì trước đây ông ta đã nói dối trước ống kính truyền hình trong những buổi phỏng vấn.

CBS, nơi Joe Klein đang là một bình luận gia, chỉ quan tâm đến việc có nên sa thải ông ta hay không về việc ông nói dối trước ống kính truyền hình. Nhưng phản ứng của bạn đồng nghiệp và các cấp chỉ huy ở tạp chí Newsweek thì lại dữ dội hơn nhiều. Hơn nữa, tạp chí này lại thêm bối rối khi ông tiết lộ là đã báo cho Maynard Parker, một chủ biên của tạp chí, rằng chính ông là tác giả của cuốn sách. Thế mà Parker vẫn cho đăng những bài viết liên quan đến bí ẩn về tác giả của cuốn sách. Một phóng viên báo chí chuyên tường thuật các sinh hoạt chính trị trên toàn nước Mỹ, và cũng là một người bạn thân của Joe Klein còn cho biết thêm là nhân kỳ tường thuật bầu cử sơ bộ của đảng cộng hoà ở Iowa, Joe Klein đột nhiên lên tiếng trước nhiều ký giả và phóng viên khác, lớn lối than phiền là chính anh ta đã bị mô tả một cách thảm hại ở trong cuốn sách. Ông còn phàn nàn thêm là tác giả đã bất công đối với ông. Phóng viên này còn nói thêm, "Nhìn lại thì đây là một đòn đánh phủ đầu."

Trong buổi phỏng vấn của CBS của nhiều tháng trước, Joe Klein thẳng thừng khi được cho biết là một giáo sư văn chương dùng máy điện toán đã điểm chỉ ông. Trả lời câu hỏi của Martha Teichner, Joe Klein nói: "Bây giờ thì tôi hiểu mục 'hương vị trong tuần' ra sao rồi. Không phải là tôi. Tôi không viết cuốn sách đó."

Trong chương trình phỏng vấn của đài CNN sau khi công nhận mình là tác giả, Joe Klein đổ lỗi là chính nhà Random House buộc ông phải giữ bí mật. Nhưng trong buổi họp báo thì nhà xuất bản lại nói rõ là chính Joe Klein yêu cầu giữ bí mật tên tác giả.

Tất cả những dư luận sôi nổi quanh vụ việc này có lẽ cũng chỉ làm cho tác giả cũng như nhà xuất bản càng có cơ hội thu nhập nhiều hơn. Tuy đã bị gạt ra khỏi danh sách những sách bán chạy nhất,

nhà xuất bản vẫn xúc tiến việc phát hành ấn bản bìa mỏng vào tháng chín tới đây. Trong khi đó, đạo diễn Mike Nichols đã bỏ 1.5 triệu tiền túi để mua bản quyền làm phim. Cuốn phim sẽ bắt đầu quay vào tháng giêng năm tới, với truyện phim do Elaine May viết.

Qua những vấn đề vây quanh vụ việc này, bạn đọc Văn Học sẽ thấy rõ hơn những gì Salman Rushdie nói đến trong bài viết của ông ở trang 11.

● Lại chuyện sách và bầu cử

Sau khi John F. Kennedy đánh bại Nixon trong kỳ bầu cử năm 1960, cuốn sách *The Making of the President* của Theodore White đã cho người đọc một cái nhìn xuyên suốt vào "công nghệ chính trị" của Mỹ.

Ba mươi sáu năm sau, việc bán sách liên hệ đến chức vụ cũng như việc bầu cử tổng thống lại càng liên hệ mật thiết hơn với việc bầu cử, mật thiết đến nỗi người ta không còn phân biệt được việc giải thích, vận động chấm dứt ở đâu và việc khai thác thương mại bắt đầu từ lúc nào.

Nếu năm 1992 là năm các ứng viên tổng thống chọn các chương trình truyền hình của Oprah và Larry King để kiếm phiếu, thì mùa bầu cử năm nay người ta tỏ ra ưa chuộng sách hơn.

Vì thế khi Bob Dole công kích thứ "truyền thông phóng túng" (liberal media) tuần trước thì chính ông ta lại dùng ngay thứ "truyền thông phóng túng" đó để quảng cáo cho cuốn hồi ký *Unlimited Partners* do chính ông và vợ đồng tác giả. Trong khi đó, vợ chồng Clinton lại lo đương đầu với những chuyện liên quan đến họ trong một cuốn sách của cựu nhân viên FBI Gary Aldrich và một cuốn khác của Bob Woodward, phóng viên của *Washington Post*.

Chuyện sách và chính trị thường hay pha lẫn nhau cũng chẳng có gì mới. Không phải là ngay đầu năm nay, Collins Powell đã khởi đầu mùa vận động bằng một chuyến du hành khắp nước Mỹ để quảng bá cuốn sách của ông sao? Kennedy sau khi được tặng giải Pulitzer cho cuốn *Profiles in Courage*, ông đã có nhiều lợi điểm hơn trong cuộc chạy đua vào Bạch ốc, trong khi đó Barry Goldwater lại đi chôn vùi tên tuổi của mình đối với phe hữu khi ông ta xuất bản cuốn *Conscience of a Conservative*. Năm 1992, cả Clinton lẫn Ross Perot đều dùng sách để quảng bá chủ trương của mình, và chừng nào vẫn còn có những ứng viên cầu may, người ta vẫn còn có thể cung cấp cho họ những cuốn tự truyện viết vội để giúp họ kiếm phiếu.

Năm nay đặc biệt lại còn có thêm *Primary Colors*, một cuốn tiểu thuyết châm biếm về việc tranh cử của Clinton năm 1992.

Cả ứng viên lẫn tác giả, nhà xuất bản đều khôn khéo chọn lựa giờ giấc cho sách trình làng, sao cho cuốn sách trở thành một dụng cụ hữu hiệu trong việc tranh cử, và việc bán sách đạt được hiệu qủa tối đa. Như Collins Powell trong chuyến du hành khắp nước Mỹ hồi đầu năm, ông giữ kín cho đến đoạn cuối của của chuyến bán sách mới tuyên bố là mình không ra tranh cử, sau khi đã bán một số lượng sách vì dân chúng tò mò muốn biết vị ứng cử viên này là người như thế nào. Ông được nhà Random House trả 6.5 triệu mỹ kim tiền bản quyền cho cuốn sách.

Chủ tịch hạ viện Newt Ginrich ký hợp đồng với nhà HarperCollins trả cho ông 4.5 triệu mỹ kim tác quyền cuốn sách *To Renew America*, nhưng vì bị công luận chỉ trích nên ông chỉ nhận 1 mỹ kim cộng thêm một bách phân nào đó tiền tác quyền. Nhưng ông cũng đã dùng cuốn sách đó để thăm dò dư luận, giúp ông quyết định không ra tranh cử tổng thống năm nay.

Hillary Clinton, sau khi thất bại ê chề với chiến dịch cải thiện việc bảo hiểm sức khoẻ đã xuất bản *It takes a Village* hầu lấy lại sức. Nhưng rủi thay cho đệ nhất phu nhân là khi cuốn sách được đem ra trình làng, bà lại vướng vào vụ điều tra Whitewater, lại thêm thiên phóng sự điều tra "Blood Sport" của James B. Stewart nên không đạt được như ý.

Về phiá các nhà xuất bản sách liên quan đến các ứng cử viên, họ đã sử dụng việc phát hành các cuốn sách đó như một "tin tức," và tìm cách bán những tin đó cho các cơ quan truyền thông, các chương trình truyền thanh truyền hình tường thuật các cuộc vận động bầu cử.

Những chuyên gia về truyền thông và quảng cáo khuyên là nếu muốn quảng bá một tác giả/ứng viên nào, trước hết nhà xuất bản bán bản quyền trích đăng cho tạp chí *Times* hay *Newsweek* trước đã, để cho các tờ báo đó "tung tin." Sau đó mới tìm cách đưa tác giả lên các chương trình truyền hình như "60 Minutes" của CBS hay các chương trình talk show trên truyền hình và đài phát thanh.

Dùng sách để vận động tranh cử là dấu hiệu thiếu sót những đề tài khác để tranh luận, để bàn thảo, và đây là "dấu hiệu không tốt cho cả chính trị lẫn văn học," như William Kristol, chủ biên tạp chí bảo thủ *Weekly Standard* đã nói.

●Nhà thơ tranh cử Tổng thống Mỹ

Nhà thơ Sparrow, một ngôi sao trong vòm trời thi ca "Liên Hiệp Thi Ca Hoa Kỳ" hôm 24 tháng 6 loan báo rằng ông sẽ chính thức ghi danh để tranh được đảng Cộng Hoà đề cử làm ứng viên tổng thống Mỹ vào hôm 27 tháng 6,

ngay dưới chân tượng Atlas, trước Toà nhà Quốc Tế trên Đại Lộ thứ Năm ở Nữu Ước.

Lời loan báo của ông sẽ được viết thành thơ, rồi được ghi âm, sẽ xuất hiện làm ba phần trong suốt ba tuần liên tiếp, kể từ thứ năm 27 tháng 6. Những lời thơ này sẽ nằm trên hệ thống *Internet World Wide Web*, ở địa chỉ *http://www.mercuryrecords.com/poets*.

Trích dẫn Percy Bysshe Shelley cho rằng "nhà thơ là những nhà lập pháp không được thế giới chú ý," Sparrow quyết định chọn đảng Cộng hoà để tranh cử vì lòng ái mộ của ông đối với tổng thống Abraham Lincoln. "Lincoln là một đảng viên Cộng hoà biết yêu thương giai cấp công nhân," Sparrow ghi nhận. Ông trích dẫn một đoạn diễn văn của Lincoln khi ông này được bầu vào quốc hội năm 1847: "Chừng nào mà sản phẩm tốt còn do sức lao động sản xuất ra, thì mọi thứ quyền lợi đều phải thuộc vào những người đã bỏ công sản xuất ra chúng. Nhưng thật sự là trên thế giới, ở vào bất cứ thời kỳ nào, có những người đã lao động, có những người chẳng lao động mà lại thụ hưởng một phần lớn thành quả của lao động. Đây là một điều sai trái và không nên tiếp diễn. Trả lại cho người lao động sản phẩm của họ là một mục tiêu xứng đáng của một guồng máy hành chánh tốt."

Đối đầu với Bob Dole, người chắc chắn được đảng Cộng hoà đề cử tranh ghế tổng thống, nhà thơ Sparrow nói. "Ai giống với Lincoln hơn, tôi hay Bob Dole? Ai là người có thân hình thon gọn, râu ria, có óc hài hước, khôn ngoan, ngoan đạo, văn vẻ, tự học, và ai là kẻ mạo danh một cách bon chen từ Kansas?"

Vì là nhà thơ duy nhất trong cuộc tranh cử nên Sparrow đòi hỏi được cung cấp giờ giấc trên đài truyền hình ngang bằng với số giờ dành cho các ứng viên khác. "Tất cả các nhà thơ khác họ đều dùng văn xuôi mà nói, lối nói dài dòng, thiếu mạch lạc." Ông thêm "chỉ có tôi mới ăn nói có vần điệu, trôi chảy, trơn tru bằng thơ mà thôi."

Sparrow hiện diện trong "Liên Hiệp Thi Ca Hoa Kỳ" với bài thơ Testimonial. Liên Hiệp Thi Ca Hoa Kỳ là phần ghi âm đi kèm với chương trình truyền hình của đài PBS, và được hãng đĩa Mercury phát hành

Sparrow đã gây xôn xao khi ông đứng tẩy chay tạp chí The New Yorker hồi năm ngoái,

tay cầm tấm bảng ghi "Thơ tôi cũng chỉ dở như thơ ông mà thôi." Sau đó, tạp chí này đã đăng thơ ông trong một số tháng tám năm ngoái.

●Huckleberry Finn vẫn còn nhiều phiêu lưu

Một buổi tham luận nhân dịp phát hành ấn bản mới cuốn *The*

Adventures of Huckleberry Finn của Mark Twain tại nhà sách Barnes & Noble ở Union Square tại Nữu Ước, tham dự viên đã bàn thảo sôi nổi về vấn đề chủng tộc trong cuốn sách nổi tiếng của Mark Twain. Ấn bản mới này dựa vào một phần bản thảo tìm thấy cách đây 6 năm trong một căn gác lửng trong một căn nhà ở Los Angles. Căn nhà này do con cháu của một luật sư bạn thân của Mark Twain làm chủ.

Trong suốt hơn một tiếng rưỡi đồng hồ, tham dự viên không quan tâm mấy đến việc so sánh sự khác biệt giữa hai văn bản cũ [xuất bản lần đầu tiên năm 1885] và mới, mà chú tâm vào vấn đề chủng tộc giữa người da đen và da trắng trong thời đại của Mark Twain và ngày nay, và vấn đề nên đặt cuốn sách này trong bối cảnh nào cho hợp lý.

Tiểu thuyết gia William Styron nêu câu hỏi: "Trong mấy năm qua có ai đặt vấn đề khi Mark Twain dùng chữ "nigger' đến 231 lần trong tác phẩm của ông không?" Riêng chính Styron cũng đã dùng từ "nigger" 188 lần trong cuốn *The Confessions of Nat Turner* mà chẳng hề nghe ai phản đối. Ông nói tiếp: "Tôi đã từng bị chỉ trích nào là kỳ thị chủng tộc, nào là kỳ thị phái tính, nào là hẹp hòi, nhưng tuyệt nhiên không hề nghe ai chỉ trích là đã dùng từ "nigger". Ngoài Styron, buổi tham luận còn có sự hiện diện của cây bút nghị luận Roy Blount Jr., sử gia và tiểu thuyết gia Shelby Foote, tất cả đều có gốc gác ở miền Nam, cùng với Kaplan, một chuyên gia về Mark Twain [tên thật là Samuel Clemens], tác giả cuốn *Mr. Clemens and Mark Twain*. Cuốn này đã mang về cho Kaplan giải Pulitzer và giải National Book Award. Buổi tham luận mở đầu bằng một buổi đọc văn trích từ cuốn sách do tài tử Bill Murray thực hiện, và ông đã yêu cầu là "mọi người khoan vỗ tay, hãy chờ cho đến khi chúng ta quyết định là ông ấy có đáng được vỗ tay hay không đã."

Nhưng đối với Foote và Kaplan, họ chẳng cần phải chờ đợi làm gì. Foote nói "Hemingway cho rằng nền văn học Hoa Kỳ thoát thai từ 'Huckleberry,' và tiếp "Tôi nghĩ là ông ấy đã nói đúng."

Nghe những lời tham luận, người ta tự hỏi tại sao câu chuyện kể hai đứa bé trai bỏ nhà ra đi lại được xem là một câu chuyện phiêu lưu dành cho trẻ con. Ngoài ra, có người còn bàn đến vấn đề có nên hay không nên tẩy bỏ những gì hàm chứa ý kỳ thị màu da. Blout đồng ý là nhân vật Jim [thằng bé da đen trong truyện] được mô tả như một tên hát dạo, trung thành với chủ là thằng Huck đã khiến cho người đọc thấy khó chịu. Blout nói," Nếu Mark Twain là người da đen, có lẽ ông ta sẽ xây dựng một nhân vật tròn trịa hơn, phức tạp

hơn."

Chắc bạn đọc *Văn Học* còn nhớ vụ xử O.J. Simpson hồi năm ngoái ở Los Angeles về tội nghi can giết Nicole Brown và Goldman. Có thể nói là chỉ riêng một từ "nigger" đã thay đổi toàn diện kết quả của vụ xử. Khi luật sư Bailey của bị can hỏi cảnh sát viên Furhman rằng trong mười năm qua, anh có bao giờ dùng từ "nigger" để chỉ người da đen hay không thì Fuhrman đã nói là không. Nhưng sau đó, luật sư phát giác ra là trong một cuộc phỏng vấn có ghi âm, cảnh sát viên Furhman đã nhiều lần dùng đến từ đó. Thế là cuộc diện của vụ xử thay đổi, đưa đến kết quả là O. J. Simpson được trắng án. Xem ra thi chỉ một chữ ngắn gọn thôi cũng có sức giết người hay cứu mạng!

●Cải thiện Đức ngữ

Những người sử dụng tiếng Đức trên toàn thế giới từ nay lại có thêm một cách đánh vần mới, trong đó có nhiều từ không còn chữ H như lối viết hiện nay. Chính phủ Đức loan báo một hiệp ước ký kết tại Vienna ngày 1 tháng 7, theo đó không dùng chữ H trong 185 từ Đức. Đại diện cuả chính phủ Đức ký tên trên hiệp ước là ông Karl-Heinz Reck nói là vì luật mới chỉ ảnh hưởng đến 185 từ cho nên đây không phải là một sự cải đổi sâu xa. Bắt đầu từ năm 1998, tất cả các trường học cũng như công sở đều phải theo cách đánh vần mới. Riêng dân chúng và các nhà xuất bản–nại lý do tốn kém hàng triệu mỹ kim khi sửa đổi lại dụng cụ in ấn–vẫn được dùng cách đánh vần cũ cho đến năm 2005.

Phản ứng trước luật mới này, Mathias Wermke, tổng biên tập của cuốn tự điển có từ 116 năm nay là cuốnTự Điển Chính Tả Duden phát biểu: "Đây là một cách tháo gỡ có hệ thống những cách viết bất thường trong Đức ngữ." Cũng nên nhắc lại Korad Duden là người đã hệ thống hoá Phổ ngữ đầu tiên năm 1880.

Khi luật mới trở thành hiệu lực vào trong vòng 9 năm nữa, người ta sẽ không còn thấy chữ viết cong cong trông như chữ B hoa (') mà thực ra là hai chữ S. Chính chữ đó đã tạo cho Đức ngữ có một diện mạo khá đặc biệt.

Ngay từ những năm của thập niên 1950, người ta dã có khuynh hướng cải thiện Đức ngữ và cũng nhiều cuộc tranh luận sôi nổi đã xảy ra ở Đức, Thụy Sĩ, Áo và Lichtenstein, bốn quốc gia chính ký tên trên hiệp ước. Và vì thế, phản ứng cũng sôi nổi không kém. Helmut Zilk, cựu thị trưởng Vienna, chống đối mãnh liệt trước những thay đổi cách đánh vần tiếng Đức quan trọng kể từ năm 1901 . Ông nói, "Những cải thiện này hoàn toàn không xứng với ngôn ngữ của Goethe và Schiller." Ông

còn chỉ trích là những thay đổi này vẫn còn thiếu sót, vì còn chưa đổi việc viết hoa chữ đầu của danh từ. Nhật báo Frankfurter Allgemeine Zeitung thì lại cho những cải đổi đó chỉ làm cho người ta thêm nhầm lẫn hơn.

Thay đổi cách đánh vần còn có lý do riêng của nó. Trong các cuộc thử nghiệm ở trường học, khi bỏ một vài chữ H và chữ ' đi thì lỗi chínhtả của các em cũng giảm bớt 40 phần trăm.

Nhưng có một điều đã không ai nghĩ tới, là không có biện pháp trừng phạt nếu người ta không thi hành. Đối với công chức thì đã có biện pháp chế tài theo quy chế công chức, nhưng thường dân thì làm sao đây?❐

Tuyển tập văn học nghệ thuật trên Internet

Hân hạnh giới thiệu tuyển tập Văn Học Nghệ Thuật phát hành trên liên mạng do nhóm trẻ trên Internet thực hiện.

Tuyển tập là chọn lọc tất cả bài vở đã chọn đăng từ trên 200 số báo Văn Học Nghệ Thuật (VHNT) phát hành trên liên mạng.

Đây là một tập san văn chương giới thiệu với độc giả trong và ngoài hệ thống thông tin Internet về sinh hoạt văn học của giới trẻ Việt Nam trên toàn thế giới, đã kết hợp và đến với nhau qua diễn đàn văn học và nghệ thuật (vhnt@saomai.org), một diễn đàn mới mẻ, đầy sinh khí và thân mật qua phương tiện truyền thông tiện dụng của Internet.

Nội dung tuyển tập biểu lộ một sắc thái riêng của giới trẻ, một cái nhìn đối với văn chương, sáng tác, và nhận định văn học của giới trẻ sáng tác trên liên mạng. Đây là một nỗ lực đầy nhiệt tình của các thân hữu và nhóm chủ trương báo mạng Văn Học Nghệ Thuật, rất mong được sự ủng hộ và phổ biến rộng rãi đến mọi giới văn nghệ.

Tuyển tập dày hơn 300 trang, bìa mầu với nhiều phụ bản, có phần tiểu sử và quan niệm sáng tác của những cây bút trẻ trên liên mạng Internet đóng góp.

Giá tượng trưng cho ấn phí là 7 Mỹ kim.
Xin liên lạc: Tập san Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng
P.O. Box 452512 Garland, TX 75045-2512 USA.
Phone: (214) 308-1382.
Chi phiếu xin đề Lan Pham

TÒA SOẠN VỚI BẠN ĐỌC

●Thư từ nhận liên quan việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Đỗ Lệ Chi Plano TX, Hoàng Trọng Sơn Westminster CA, Trung Việt Bookstore Montreal Canada, Hải Dương Calgary Canada, Phan Minh Nga Anaheim CA, Mrs Nguyễn Ngọc Bích Westminster CA, Nguyễn Lê Quang N. Hollywood CA, Nguyễn Chính St. Clara CA, Trần Ngọc Cư Yukon OK, Nguyễn Ngọc Anh North Hills CA, Trần Đức Hoan Westminster CA, Nguyễn Thanh Quan Netherland, Nguyen H. Lan Seattle WA, Nguyên D. Diem MD Seattle WA, Lâm Nhung Sarasora FL, Lư Thành Đạt Australia, Nguyễn Tường Giang MD Falls Church VA, Hoàng Nga Irvine Ca, Ngô Kim Hoàng Silver Springs MD, Hume Moonee Valley, Lib Co. Australia (Đổi địa chỉ), Library of Congress W. D.C., Bao Nguyen Cherry Hill, NJ (mua báo cũ)

●Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng:

Gió mùa thu, mẹ ru..., Chàng về bứt phứt sợi lông gửi từ Paris France, Một trái tim cho Huế, Điên điển, Hoa khế, Mận gửi từ Somerset NJ, Mây, Ngày tháng gửi từ Santa Ana CA, Đi trong sương mù Cựu Kim Sơn gửi từ San Diego CA, Thơ tặng vợ nhà gửi từ Memphis TN, Có buồn chi, Chiều dọc sông Nam Ô giặc quấy phá, Bên dòng sông Nam Ô gửi từ Santa Ana CA., Mùa hạ ở biển Daytona gửi từ Middleburg FL,

Văn Học cũng đã nhận được các câu trả lời phỏng vấn và thơ văn của một số văn hữu.

Tùy theo thứ tự thời gian nhận được hoặc tùy theo chủ đề ,Văn Học sẽ lần lượt đăng tải ý kiến và văn thơ tiêu biểu của quí vị, từ nay đến cuối năm. Trong thời gian đó, Văn Học **tiếp tục phỏng vấn** và nhận những ý kiến của các văn hữu khác, và mục ***Tác giả và Tác phẩm*** **sẽ kéo dài đến tháng 12.1996.** Hy vọng sau cuộc phỏng vấn rộng rãi này, nhà xuất bản Văn Học sẽ tổng kết và xuất bản được một bộ sách đồ sộ về toàn cảnh của Văn học Việt Nam Hải ngoại.

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn. Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại. Xin cảm tạ quí văn hữu đã kèm theo diskette để tránh lỗi chính tả ngoài ý muốn của tác giả.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

📖 ***Tạng thư Sống Chết,*** của Sogyal Rinpoche, bản dịch của Trí Hải, bìa của họa sĩ Nguyễn Đông, Thanh Văn xuất bản, sách dày 436 trang, giá 18 Mỹ kim. Cuốn sách Phật học gối đầu giường của Phật tử khắp thế giới, do một thiền sư Tây Tạng nổi tiếng viết, với bản dịch xuất sắc của Thích nữ Trí Hải. "*Tạng Thư Sống Chết* không những là một tuyệt tác về tâm linh mà còn là một sách dẫn, một cẩm nang, sách tham khảo, và một nguồn cảm hứng thiêng liêng. Trong một thời đại cực kỳ nguy hiểm như ngày nay, khi nhiều người trong chúng ta tìm kiếm sự hướng đạo minh triết và những giải pháp soi sáng cho ta về cách sống cuộc đời mình và cách đối mặt với cái chết, thì tác phẩm này cống hiến một sự hướng đạo như thế, một giải pháp như thế. Sách được viết ra để gợi cảm hứng cho người đọc khởi sự cuộc hành trình tiến về giác ngộ, để thành những "sứ giả hòa bình" theo như tác giả gọi, những người làm vuệc với trí tuệ và tình yêu thương, để trực tiếp góp phần vào sự cứu vãn tương lai nhân loại". (giới thiệu của nhà xuất bản)

Sách do nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành.

Địa chỉ liên lạc: P O Box 2301 Westminster CA 92683
Phone: 714-527-5761

📖 ***Viết lên trời xanh***, truyện dài của Hoàng Khởi Phong, tranh bìa của Thanh Thủy, bìa của Khánh Trường, Văn Khoa xuất bản, sách dày 294 trang, giá 15 Mỹ kim.

Truyện dài được xây dựng từ một hình ảnh có thật: cái chết của một phi công phụ không quân VNCH khi máy bay của anh bị trúng đạn phòng không và rơi xuống khu rừng già. Từ sự thực đó, Hoàng Khởi Phong dựng lên "Viết lên trời xanh", với ước mơ mà anh viết trong bài tựa: "Cuốn sách này chính là những ước mơ của một người lính, ý thức được hậu quả của chiến tranh triền miên suốt thế kỷ 20 ròng rã. Tác giả ao ước thấy ngay từ lúc khởi đầu của thế kỷ mới, chiến tranh sẽ không còn ngự trị trên dải đất thân yêu. Để có thể thường có được hòa bình, con người phải thôi cổ võ chiến tranh. Đó là lý do chính cho cuốnsách này góp mặt."

Sách hiện có bán tại các hiệu sách. Địa chỉ nhà xuất bản:

Văn Khoa, 9200 Bolsa Ave., Suite 123, Westminster, CA 92683. Phone & Fax: (714) 892-0801.

📖 ***Thơ, V.V. và V.V....,*** tiểu luận về thi ca của Nguyễn Hưng Quốc, Văn Nghệ xuất bản, bìa của Khánh Trường, sách dày 294 trang,

giá 16 Mỹ kim. Nguyễn Hưng Quốc, từ những bài viết đầu tiên đăng trên Văn Học, đã chứng tỏ là một nhà phê bình văn chương uyên bác và sâu sắc. Mai Thảo từng viết: "Bình luận về thơ ở ngoài nước hiện giờ chúng ta có tài viết thông minh và xuất sắc: đó là Nguyễn Hưng Quốc". Võ Phiến thì cho rằng: "Người xứ An Nam ta chưa có nhà lý luận văn học nào mà viết đẹp như Nguyễn Hưng Quốc". Sách gồm ba phần: Phần 1: Huyền thoại về một nước thơ; Phần 2: Thơ và...; Phần 3: Thơ giữa những huyền thoại.

Đây là cuốn sách thứ hai viết về thơ của nhà xuất bản Văn Nghệ vừa in trong năm nay (cuốn vừa ra tháng trước là *Cấu Trúc Thơ* của Thụy Khuê). Bạn đọc yêu thơ không hề bỏ qua cơ hội tìm mua hai cuốn này.

🕮 ***Tử tù xử lý nội bộ***, hồi ký của Trần Thư, một trong số nạn nhân của "vụ án xét lại chống đảng" hồi đầu thập niên 60, với những nhân vật hiện đang gióng lên tiếng nói phản kháng đòi tự do dân chủ tại quốc nội như Hoàng Minh Chính, Nguyễn Kiến Giang... Tác giả bị bệnh nặng sắp từ giã cõi trần nên vội viết lại đời mình với tất cả tấm lòng chân thành, tác phẩm vì thế như tiếng hót của chim thiên nga trước khi chết. Nhiều đoạn trong hồi ký rất cảm động như tâm trạng của tác giả lúc bị tra vấn trong tù, tình cảnh vợ con bị truy bức không còn cơ hội để tiến thân. Nhà xuất bản Văn Nghệ đã sưu tầm thêm một số tài liệu liên quan đến "vụ án xét lại" in kèm với hồi ký, nên bạn đọc có một nhận thức toàn diện hơn về tâm tình tác giả.

Sách do Văn Nghệ xuất bản và phát hành, dày 340 trang, giá 15 Mỹ kim.

🕮 ***Lịch sử Thế giới***, của Nguyễn Hiến Lê, Văn Nghệ xuất bản, sách dày 780 trang, giá 25 Mỹ kim. Bộ sách nguyên là một tài liệu giáo khoa cho học sinh trung học ở Việt Nam thời trước 1975 đáp ứng chương trình lịch sử thế giới, in lần đầu năm 1955, sau đó nhà Khai Trí tái bản nhiều lần. Do mục đích biên soạn như thế nên bộ sách có phần sơ lược. Tuy nhiên, với các bạn đọc cần có một kiến thức tổng quát về lịch sử thế giới thì bộ sách này cũng rất hữu ích.

Bộ sách soạn cho bốn lớp trung học nên chia làm bốn cuốn: cuốn 1 là Thời thượng cổ, cuốn 2 Thời trung cổ, cuốn 3 Thời cận đại và cuốn 4 Thời hiện đại. Vì sách soạn đã lâu nên Thời hiện đại chấm dứt vào thế chiến thứ nhì 1939-1945.

Sách do Văn Nghệ xuất bản và phát hành.

🕮 ***Về vùng chiến tuyến***, hồi ký của Lê Xuân Nhuận, Văn Nghệ

xuất bản, sách dày 340 trang, giá 15 Mỹ kim. Đây là hồi ký của nguyên giám đốc ngành Cảnh sát Đặc biệt Vùng I, kể lại hoạt động của mình trong thời gian hai năm rưỡi cuối cùng của VNCH (9.1973-3.1975). Do chức vụ tác giả giữ ở vùng giới tuyến vào những năm đầy biến cố trước khi VNCH sụp đổ, tập hồi ký cung cấp thêm tài liệu để bạn đọc hiểu nội tình chính trị miền Nam thời bấy giờ, đặc biệt là những gì liên quan tới các nhân vật cao cấp của chính quyền Miền Nam. Vấn đề trung thực khả tín của hồi ký, dĩ nhiên là còn phải chờ dư luận và ý kiến của những người trong cuộc. Có hai điều làm bạn đọc ngỡ ngàng khi đọc tập hồi ký này. Thứ nhất là cách dùng chữ khác thường của tác giả. Nhiều chữ thông dụng tác giả lại cố ý dùng khác đi, như củ mật (chủ nhật), cảnh lực (cảnh sát), cảnh nhân (cảnh sát viên), huấn gia (giáo chức)..Thứ hai là tác giả nói về những người từng làm việc với mình với tên thật không viết tắt, đặt họ vào cái thế rất khó xử, nhất là những người từng tham gia vào các công tác mật vụ tình báo, một việc rất dễ gây ân oán.

🕮 ***Nắng qua phố cũ***, truyện dài của Nguyễn Ngọc Ngạn, Văn Khoa xuất bản, tranh bìa của Nguyễn thị Hợp, trình bày bìa Nguyễn Đồng & Nguyễn thị Hợp, sách dày 460 trang, giá 20 Mỹ kim. Tác phẩm mới nhất của Nguyễn Ngọc Ngạn, viết từ tháng 3.1995 đến tháng 4.1996. Truyện dài lấy khung cảnh là trại tị nạn Palawan Phi luật tân và đời sống trong giới ca nhạc Việt tại hải ngoại, xoay quanh câu chuyện hai chị em gái muốn đi Mỹ làm giấy tờ hôn thú giả mạo với một thanh niên con lai, và trở thành nạn nhân của người con lai này. Như trong hầu hết những truyện khác, lúc nào Nguyễn Ngọc Ngạn cũng bám sát vào những đề tài thời sự, nhờ thế truyện của anh có sức hấp dẫn người đọc mạnh mẽ. Tuy nhiên trong tác phẩm mới nhất này, Nguyễn Ngọc Ngạn không có lối viết châm biếm, khôi hài phúng thế bạn đọc từng thấy ở các truyện khác.

Sách đã có bày bán tại các hiệu sách. Địa chỉ liên lạc của nhà xuất bản Văn Khoa:

9200 Bolsa Ave, Suite 123, Westminster, CA 92683, USA

Phone & Fax: (714) 892-0801

🕮 ***Tiếng lòng***, thơ, tuyển tập 1 của Ngô Minh Hằng, tác giả tự xuất bản, ảnh bìa của nhiếp ảnh gia Phạm Bá Vinh, trình bày bìa Họa sĩ Phạm Cơ, sách dày 160 trang, giá 12 Mỹ kim. Thi tập gồm 4 phần: Tiếng lòng, Nỗi niềm, Tiếng lòng II, Cô gái Bắc Kỳ. Tác giả là một nhà thơ nữ ở Miền Đông Hoa Kỳ, từng có sáng tác đăng báo trước và sau 1975. Bằng một lối thơ đơn giản, không cầu kỳ, tác giả ghi lại

những cảm xúc của mình trong nhiều giai đoạn đời khác nhau.

Địa chỉ : Ngô Minh Hằng
186 Fairview Ave
Paramus, NJ 07652
Phone: (201) 261-4766.

📖 ***Người Chị***, tập truyện ngắn của Trần Long Hồ, Minh Văn xuất bản, tranh bìa Nguyễn Quốc Tuấn, phụ bản của Đinh Cường, sách dày 184 trang, giá 11 Mỹ kim. Tập truyện ngắn thứ tư được xuất bản của Trần Long Hồ, tác giả bộ trường thiên tiểu thuyết "Dung Thân" (dự định gồm bảy tập, đã xuất bản được ba tập: Cõi sa mù, Cửa địa ngục, Bóng thiên đường1). Có lẽ trong những người cầm bút hải ngoại hiện nay, không có ai có sức viết mạnh như Trần Long Hồ. Trong vòng sáu năm, anh đã hoàn tất và xuất bản được tám tác phẩm, và cuốn nào cũng có sức hấp dẫn người đọc. Truyện ngắn của Trần Long Hồ thường có nhiều tình tiết, bố cục chặt chẽ, tạo nên sự lôi cuốn là đặc điểm của văn phong Trần Long Hồ.
Địa chỉ liên lạc: Minh Văn
2808 Graham Rd, Falls Church VA 22042
Phone: (703) 698-8490 / 698-8491
Fax: (703) 204-9239.

📖 ***Những kinh nghiệm sống để lại***, sưu tập của Trần văn Điền, Quyên Di trình bày, Thời Điểm xuất bản, sách dày 144 trang, giá 9 Mỹ kim. Giáo sư Trần văn Điền sưu tập các danh ngôn kim cổ liên quan tới kinh nghiệm sống của thế hệ lớn tuổi muốn trao lại cho thế hệ trẻ. Nhà văn Quyên Di trình bày các danh ngôn trên theo một hình thức trang nhã. Cả người sưu tập lẫn người trình bày đều là những nhà giáo đầy lương tâm chức nghiệp.

Địa chỉ liên lạc: Trần văn Điền
21222 Hillsdale Ln.
Huntington Beach, CA 92646.

📖 ***Hành trình vào đời***, tập 1, của Linh mục Trần Quý Thiện, Thời Luận xuất bản, bìa của Đinh Cường, Giới thiệu của Đỗ Tiến Đức và Ngô Vương Toại, sách dày 380 trang, giá 18 Mỹ kim. Linh mục Trần Quý Thiện là Trưởng khối Giáo vụ Nha Tuyên úy Công giáo QLVNCH kiêm Chủ bút Bán nguyệt san Tinh Thần, đặc trách Tiếng nói Tuyên úy Công giáo trên Đài Phát thanh Quân đội trước 1975. Sau khi đi cải tạo 13 năm trong ngục tù cộng sản, ra hải ngoại linh mục viết trở lại cho một số báo đạo tại hải ngoại, đặc biệt là những bài viết thường xuyên trên Thời Luận (Los Angeles) và Diễn đàn Tự Do (Virginia). Đúng như nhận xét của nhà báo Ngô Vương Toại, những bài viết của tác giả trong "Hành trình vào đời" hết sức lôi cuốn vì "không phải là bài giảng của một nhà truyền giáo về vấn đề Đức Tin, mà vượt lên trên vấn đề

Đức Tin, vượt ra ngoài biên giới của một tôn giáo để đến với tất cả mọi người. Còn những vấn đề được nói tới lại không đi quá xa khỏi những gì mỗi người chúng ta động chạm hằng ngày hoặc kinh qua trong cuộc hành trình của mình". Nhà văn Đỗ Tiến Đức thì cho biết rằng "Một độc giả Thời Luận so sánh bài viết của Linh mục Trần Quý Thiện như chiếc địa bàn để giúp cho thuyền nhân không lạc hành trình".

Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản Thời Luận, PO Box 65705
Los Angeles, CA 90065
Phone: (213) 225-4561
Fax: (213) 225-1343

🕮 ***Triết***, tập san Triết học và Tư tưởng, số 2, tháng 6.1996, tạp chí khổ lớn 8.5x11 dày 260 trang, giá 10 Mỹ kim. Triết số 2 có bài của Cao Xuân Hạo, Đặng Phùng Quân, Hoàng Triệu Khang, Karl Jaspers, Lê Diên, Lý Khôi Việt, Nguyễn Hữu Liêm, Nguyễn văn Trung, Nguyễn Vĩnh Để, Như Hạnh, Phạm trọng Luật, Phan Tấn Hùng, Phan Tấn Lộc, Qui Renzong, Thân Trọng Mẫn, Trần Đạo, Unabomber, Vũ Tiến Thủy.

Cả nội dung các bài viết lẫn lối trình bày đều cẩn trọng, tốn nhiều công phu, chỉ trừ bài của Giáo sư Nguyễn văn Trung, có lẽ do chữ viết tay của bản thảo khó đọc nên khi in lên báo có những sai lầm trầm trọng (chẳng hạn *đoản thiên trên* đánh máy thành một danh từ riêng *Đoàn Thiên Tiên*...)

Hiện tạp chí có bày bán tại các hiệu sách. Bạn đọc ở xa muốn đặt mua báo hoặc gửi bài cho tạp chí Triết, xin liên lạc về:
P.O. Box 730363, San Jose, CA 95173-0363
Phone: (408) 223-8490

🕮 ***Sóng Văn số 2***, tháng 5 & 6. 1996, tập san văn học nghệ thuật xuất bản ở Miền Đông Hoa Kỳ, phát hành hai tháng một lần, do Nguyễn Sao Mai và Hoàng thị Bích Ti chủ trương, tổng thư ký là Thanh Tâm, tranh bìa của Nguyên Khai. Số 2 có bài của Kinh Dương Vương, Nguyễn thị Thanh Bình, Hoàng thị Bích Ti, Xuân Ý, Triều Hoa Đại, N.P., Cỏ Đồng, Vũ Thái Minh, Lạc Phố, Kim Bảng cùng các mục thường xuyên của Nguyễn Nhân Thuật, Vĩnh THăng, Châu Vũ Bảo Uyên, Thụy Vũ, Châu Vũ Bảo Khanh.
Báo dày 126 trang, giá 5 Mỹ kim.

Muốn mua báo dài hạn hoặc gửi bài cộng tác về tạp chí văn chương mới xuất bản này, xin liên lạc địa chỉ:
Sóng Văn
PO Box 832464
Miami, Florida 33283 USA
hoặc Sóng Văn
13448 Jefferson Davis Hwy
Woodbridge, VA 22191 USA

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

TẠNG THƯ SỐNG CHẾT

SOGYAL RINPOCHE
TRÍ HẢI dịch

Tạng Thư Sống-Chết không những là một tuyệt tác về tâm linh mà còn là một sách dẫn, một cẩm nang, sách tham khảo, và một nguồn cảm hứng thiêng liêng. "Trong một thời đại cực kỳ nguy hiểm như ngày nay, khi nhiều người trong chúng ta đang tìm kiếm sự hướng đạo minh triết và những giải đáp soi sáng cho ta về cách sống cuộc đời mình và cách đối mặt với cái chết, thì tác phẩm này đang cống hiến một sự hướng đạo như thế, một vài giải đáp như thế. Nó đã được viết ra để gợi cảm hứng cho người đọc khởi sự cuộc hành trình tiến về giác ngộ, để thành những "sứ giả hòa bình" theo như tác giả gọi, những người làm việc với trí tuệ và tình yêu thương, để trực tiếp góp phần vào sự cứu vãn tương lai nhân loại.

Sách có bán tại các tiệm sách, hoặc liên lạc:
VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301, Westminster, CA 92683
Tel.: (714) 527-5761

Giá:$4.00